

# Thập Can tinh túy

*Tác giả: Thái Tích Quỳnh*

## 1. Phần Giáp mộc

Đệ nhất giảng: Sinh khí Tham Lang mộc, Đại thụ bất vi bằng

Đệ nhị giảng: Không căn không lá, có phân biệt Thể Tượng

Đệ tam giảng: Sinh khí sợ tổn căn, Khí thể phải phân rõ

Đệ tứ giảng: Giáp mộc du tứ quý, Khí số định hỉ kỵ

Đệ ngũ giảng: Hóa tượng nan bất nan, Giáp Kỷ thích nghi đoàn

Đệ lục giảng: Thập nhị Cung Trường sinh, Ngũ khí biện hành tung

Đệ thất giảng: Thiên can phối Địa chi, Lục Giáp tối vi huyền

Đệ bát giảng: Giáp mộc nghìn đầu mối, Quyết thị bí trung bí.

Nếu vô thì là tử mộc, lúc này sẽ xem tượng của Giáp.

Là sinh mộc thì sợ tổn hại tới căn, nhất định phải coi rõ khí thể của căn có bị tổn thương không, tức là xem căn có bị hại, phá không.

Giáp Kỷ có thể háo thổ thì gặp tứ quý đều đoàn viên, tức là có thể trung hòa với nhau.

## 2. Phần Ất mộc

Đệ nhất giảng: Thiên nguyên vạn pháp tông, âm dương biện thần

công

Đệ nhất giảng: Đổng lương không liền căn, Tử Hoạt phải phân minh

Đệ tam giảng: Một cái chân Đại Phật, vượt qua Thiên tôn Phật

Đệ tứ giảng: Ất mộc du tứ quý, Khí số định hỉ kỵ

Đệ ngũ giảng: Hợp trung hữu tình duyên, Ất Canh tối áo huyên

Đệ lục giảng: Lục Ất xu Thử quý, Âm Dương lưỡng tương phối

Đệ thất giảng: Ất mộc thiên đầu tỵ trắng, thị bí trung bí

### 3. Phần Bính hỏa

Đệ nhất giảng: Bính hỏa là Dương tinh, có mới có thần

Đệ nhị giảng: Ninh vi phù mộc tử, bất tố thấp nê nương

Đệ tam giảng: Bính hỏa thuần bất thuần, Tam hợp thuyết phân minh

Đệ tứ giảng: Nhật chiếu giảng hồ mỹ, Bính hỏa ngộ Nhâm thủy

Đệ ngũ giảng: Bính Tân thoại thê lương, duy hữu lệ thành hành

Đệ lục giảng: Lục Bính xu can Quý, Hợp trung hữu Nhâm thủy

Đệ thất giảng: Bính hỏa luận hoa như, Giáp thị bí trung bí

### 4. Phần Đinh hỏa

Đệ nhất giảng: Can âm là Chất, can dương là Khí

Đệ nhị giảng: Nói thể tượng và tôn xưng là lò lửa hoặc là ngọn đèn

Đệ tam giảng: Đinh hỏa nhược thông minh, Bính dã bất khi Đinh

Đệ tứ giảng: Đinh hỏa du tứ quý, Khí Số định hỉ kỵ

Đệ ngũ giảng: Âm hỏa ngộ dương Nhâm, hỉ Giáp lâm Thiên Xứng

Đệ lục giảng: Lục Đinh xu thái phượng, Ngọc Nữ tọa Kim Đồng

Đệ thất giảng: Mộc Hỏa yếu thông minh, thấp mộc hợp thương Đinh

### 5. Phần Mậu thổ

Đệ nhất giảng: Bình thực hiển tinh thần, Khôn nguyên hợp đức Mậu

Đệ nhị giảng: Mậu thổ cường dữ nhược, Thể Tượng ca lai thuyết

Đệ tam giảng: Tọa Cấn phạm phùng trùng, Tòng cường thận ngôn quý

Đệ tứ giảng: Mậu thổ du tứ quý, Khí số định hỉ kỵ

Đệ ngũ giảng: Hợp hữu lưỡng bàn thoại, Mậu Quý lão thiếu phối

Đệ lục giảng: Lục Mậu phú hoặc quý, Can chi lai lý hội

Đệ thất giảng: Mậu thổ lưỡng Trường sinh, hoa như tồn diệu luận

## 6. Phần Kỷ thổ

Đệ nhất giảng: Nhược vô tần nhất thống, thiên địa hựu hà tồn

Đệ nhị giảng: Hình xung nghi bất nghi, Thể tượng thuyết phân minh

Đệ tam giảng: Can không sợ thối nhược, chi chỉ sợ thổ thấp

Đệ tứ giảng: Kỷ thổ du tứ quý, Khí số định hỉ kỵ

Đệ ngũ giảng: Phùng Tân năng quý hiển, ngộ Canh khước gia bản

Đệ lục giảng: Giang hồ có cao thủ, Kỷ tông trên Khôn tấu

Đệ thất giảng: Nại bách bản biến hóa, duyên Kỷ thổ thị vân

## 7. Phần Canh kim

Đệ nhất giảng: Trên trời có Thái Bạch, trên đất có Canh kim

Đệ nhị giảng: Canh kim quý điều đình, Thể Tượng thuyết phân minh

Đệ tam giảng: Canh Sát hung bất hung, Tạo hóa hiển thần công

Đệ tứ giảng: Canh kim du tứ quý, Khí số định hỉ kỵ

Đệ ngũ giảng: Nhược yếu chất di kiên, Tiệm tông cường Ất hóa

Đệ lục giảng: Canh Thân Hồ giao trì, Vũ Lộ Mộc chu y

Đệ thất giảng: Canh là điều tiết khí, Tiến thoái biết đầu mối

## 8. Phần Tân kim

Đệ nhất giảng: Tân là chất Canh, Kim ngọc bất vi bằng

Đệ nhị giảng: Tân kim hỉ dương hòa, còn muốn sa thủy thanh

Đệ tam giảng: Cường có thể phù xã tắc, Nhược có thể cứu sinh linh

Đệ tứ giảng: Tân kim du tứ quý, Khí số định hỉ kỵ

Đệ ngũ giảng: Chân Hóa là tài hoa, Giả hóa bị giày vò

Đệ lục giảng: Lục Tân xu Hồ Mã, Can chi truyền giai thoại

Đệ thất giảng: Trong Tân có hoa như, thông linh có điểm thông

Lục Tân: Tân Sửu, Tân Mão, Tân Tỵ, Tân Mùi, Tân Dậu, Tân Hợi.

Hổ là Dần, Mã là Ngọ.

Sinh ngày Tân có thần sát là Hoa cái thì chủ tinh thông tâm linh, có mối giao hòa với huyền học.

## 9. Phần Nhâm thủy

Đệ nhất giảng: Là thủy lại không phải thủy, Lưu động là căn bản

Đệ nhị giảng: Uông dương hợp bách xuyên, Mạn lưu tổng vô biên

Đệ tam giảng: Khí số và Khí thế, Từ đây nói mở ra

Đệ tứ giảng: Nhâm thủy du tứ quý, Khí số định hỉ kỵ

Đệ ngũ giảng: Đinh Nhâm hợp hóa mộc, Canh Sát không thể phùng

Đệ lục giảng: Lục Nhâm đều xu Tốn, Không thủy không hướng Đông

Đệ thất giảng: Trời quang hộ Ngọc Lan, Lưng Rồng chớ xem thường

( lục nhâm bao gồm: Nhâm Tý, Nhâm Dần, Nhâm Thìn, Nhâm Ngọ, Nhâm Thân, Nhâm Tuất).

Nếu Đinh Nhâm hóa mộc thì không thể gặp thêm Canh Tân.

## 10. Phần Quý thủy

Đệ nhất giảng: Ở trời là mưa xuân, ở đất là nước suối

Đệ nhị giảng: Thể tượng luận biến hóa, Hoặc là mưa cũng có thể tạnh

Đệ tam thiên: Hoặc Kim bạch thủy thanh, Hoặc Hóa Tượng tư chân

Đệ tứ giảng: Cùng Thông là Bảo giám, Khí số định hỉ kỵ

Đệ ngũ thiên: Hợp Mậu nên kiến hỏa, Hóa khí là chân tung

Đệ lục giảng: Hoặc phúc cũng hoặc quý, Can chi Lục Quý phối

Đệ thất giảng: Quý có bao nhiêu chuyện, ở hết trong hoa như

## Lời nói đầu

Đã rất lâu, tâm huyết cả đời là tôi luôn cố gắng nỗ lực hoàn thành một quyển sách do tôi sáng tác, đó là ---- 《 **Bát Quái thần triệu** 》 , lúc đó bên cạnh chỗ ý nghĩ nội dung ở trong sách là kinh doanh luận đàn —— Mạng thuật số Hưu Nhân. Nhớ lại đó là mùa xuân cuối năm Quý Mùi, vốn là định một quãng thời gian nghỉ ngơi lâu dài, lại tiếp tục xem xét vấn đề xuất bản 《 **Huyền Quan nhất khiểu** 》 . Quãng thời gian đó, lúc không có việc gì làm đang nói chuyện tán dóc với các bạn trên mạng. Vào buổi tối một ngày, có một bạn trẻ đang có chuyện nhà phiền não, tâm sự với tôi trên mạng, nói thẳng là xem không ít sách mệnh, nhưng mà vẫn không được nhập môn, huống chi trong nhà đang có chuyện phiền lòng, mở rộng tâm lòng hi vọng tôi có thể chỉ điểm cho hắn một chút; dạy hắn học tập lâu dài, đối với người trẻ tuổi nói chung là có loại quan tâm chiếu cố, vì vậy vui vẻ tôi nhận lời giúp hắn.

Dần dần, nói chung người trẻ tuổi thời cơ đến đúng lúc tôi xuất hiện ở trên mạng, một thời gian dài chúng tôi trở thành bằng hữu. Vào một buổi tối, hắn đột nhiên đề xuất bái tôi làm thầy, muốn học mệnh lý. Tôi hỏi hắn phải chăng là muốn tôi giải thích hệ thống mệnh lý? Hắn nói, ở trên mạng tất cả danh gia nổi tiếng hắn đều có nghiên cứu đọc qua, trước đây một năm ở trên mạng có biết tôi, lại còn đọc những tài liệu của tôi. Còn nói, đối với hắn ảnh hưởng sâu sắc nhất đó là quyển sách 《 **Mệnh Lý huyền cơ tham bí** 》 do tôi sáng tác, cùng đem 《 Hơn 100 ví dụ đoán mệnh của tôi ở trên mạng 》 tiến hành thâm nhập nghiên cứu qua, nhiều lần tham khảo. Mặc dù cũng có đọc mệnh lý của một vài quyển sách do đại sư HongKong biên soạn, nhưng vẫn rất thích lý luận của tôi. Tôi nói cho hắn biết, nếu như đã có cơ sở, có thể tham gia các lớp dạy mệnh lý do tôi giảng. Hắn nói: "Tôi đã đọc qua tài liệu lớp dạy trung cấp ở trên mạng của tôi, hơn nữa còn nghiên cứu học tập rất nhiều lần, tôi hi vọng được nghe ngài đích thân dạy dỗ cho tôi." Tôi nói, tài liệu ở trên mạng là không thể

hoàn chỉnh, bạn muốn học toàn bộ lý luận của tôi, phải khởi từ can chi cơ bản nhất, nhưng việc giảng dạy ở trên mạng e rằng không thể đầy đủ hết tất cả những gì bạn mong muốn được. Cuối cùng, hấn nhờ nghe tôi giảng dạy, mời được không ít người yêu thích mệnh lý, làm cho rất nhiều người cùng đến nghe tôi giảng dạy, lúc này, thời gian đã chuyển đến năm Mậu Tý. Quả nhiên, quãng thời gian này có rất nhiều dịch hữu đến trên mạng gặp tôi giảng dạy, gọi hấn bằng thầy, gọi tôi là sư tổ. Cứ như vậy, ở tháng ba âm lịch năm Mậu Tý tôi bắt đầu biên soạn viết ra quyển sách 《 **Thập Can tinh tú** 》 .

《 **Thập Can tinh tú** 》 là một bộ sách chuyên môn mô tả thể tính của thiên can, có thể nói là người xưa chưa nói đến, có lẽ lúc này họ chưa có suy nghĩ đến việc này. Quyển sách này chủ yếu là nói các nội dung về bản chất, thể tượng, khí thể, khí số, hóa tượng của 10 thiên can, đồng thời còn kèm theo có hơn mấy trăm ví dụ mệnh lệ. Mặc dù là từ trên góc độ mệnh lý bát tự để nói thập can, nhưng tôi đã hết sức cố gắng xem xét đến thập can ở những phép thuật số khác như Kỳ Môn, Phong thủy. Nghiêm túc mà nói, quyển sách này là thuộc về bản thảo ghi lại của tôi. Là một thầy giáo, tôi cho rằng truyền thụ tri thức tất cần phải chú ý hai điểm này: Một là, tính chính xác của tri thức; hai là, tính dẫn dắt của giáo trình. Có lý luận chính xác, mới sẽ không nói gạt người; giáo trình có tính gợi ý dẫn dắt, mới có thể bồi dưỡng ra nhân tài kiệt xuất. Nhưng muốn làm tốt được hai điểm này cũng không phải là chuyện dễ dàng. Bởi vì mệnh lý học thuyết can chi ngũ hành, từ xưa đến nay chưa có hoàn thiện triệt để. Cộng thêm lý luận mệnh lý của tôi chủ yếu vốn là ở manh sư, kinh nghiệm nói chuyện chưa thể lấy làm lý luận, chỗ kinh nghiệm vẫn nhất định cần phải trải qua tập luyện thăng hoa mới có thể làm cho lý luận thăng lên một bước. Cho dù có thăng lên làm lý luận, còn phải trải qua nhiều trong thực tiễn, mới có thể tổng kết ra thành một bước hệ thống hoàn chỉnh. Cho nên, có nhiều lúc tôi phải chạy đến gặp sư phụ thỉnh giáo, hoặc là phải nhiều lần điều tra nghiên cứu để hoàn thiện.

Thời gian thấm thoát trôi qua, mới đó đã đến tháng 3 âm lịch năm Kỷ Sửu, thì quyển sách 《 **Thập Can tinh tú** 》 mới được viết xong, chỉnh lý bài viết đúng một năm trời. Cuối cùng người trẻ tuổi đầu óc mới linh hoạt, đọc xong Giáp Ất mộc, liền có thể đưa một hiểu ba, từ đó suy ra mà biết. Nhưng mà, trong thập can cũng có điểm khó, ví dụ như thập can hóa khí, đều không giống nhau. Có học viên muốn đi đường tắt, tự mình nghĩ ra tất cả mọi biện pháp để đi tra tìm sách xưa, giờ xem tài liệu, để giải thích mỗi nghi ngờ ở trong lòng, nhưng vẫn không có chỗ thu hoạch được. Rõ ràng nhìn ra, không kịp dạy, xoay quanh chỉ là muốn học cho mau. Tất cả bọn họ đều hi vọng chỉ trong ba ngày hai đêm thì nghe tôi nói xong. Nhớ lại có ngày vào một buổi tối, có vị học viên hướng về tôi nói gần đây học tập và nghiên cứu tâm đã lĩnh hội thập can. Cuối cùng, đề xuất liễu một nghi vấn có liên quan đến Giáp Kỷ hợp hóa: Là 《 **Thập Đạo cấm** 》 nói: "*Giáp tòng Kỷ hợp, dựa thổ hóa sinh, quý hiển cao môn, bởi có được lực Tân kim*", lại nói: "*Nguyệt ngộ Canh kim, gia đồ tứ bích*". Tại sao Giáp Kỷ hóa khí ngộ Canh cùng Tân có phân biệt lớn như vậy, Canh và Tân đều không phải là kim sao? Lúc đó tôi rất cao hứng, vừa nghe hấn đề xuất vấn đề này, tôi liền cười khẽ. Hấn hỏi "Tại sao thầy cười?" Tôi nói: "Ta cười là vì người quá nóng vội. Ta vẫn chưa nói đến Canh kim, thì lẽ đương nhiên là người không biết lý giải câu nói này. Đợi ta nói xong Canh kim, thì người sẽ hiểu".

"Thập can không phải là độc lập, can với can là có liên quan, đồng thời cùng địa chi cũng có liên quan, thập can vừa là nội dung cơ sở, đồng thời cũng là tầng lớp nội dung thâm sâu. Chỉ từ trong giảng giải Giáp Ất mộc, là không thể tìm ra chìa khóa giải quyết hết tất cả vấn đề thiên can. Tất cần phải đọc hết thiên can một lần nữa ở phía sau rồi trở lại ôn tập đọc lại một lần nữa thiên can ở phía trước."

Từ giữa năm Bính Tuất đến năm Mậu Tý, hấn cứ một mực cho rằng đã học hết chỗ mệnh học tâm đắc nhất của tôi rồi. Thật đáng tiếc, tôi ở trong phương diện cuộc sống của hấn một mực là không có làm hết trách nhiệm của một bậc cha chú. Trái lại, hấn quan tâm đối với tôi

để trong lòng hàng ngày là làm trái đi .

Thời gian trong một năm đã hoàn thành quyển sách 《 **Thập Can tinh túy** 》 , xác thực là phải cảm tạ tất cả học viên và dịch hữu, đặc biệt là mấy vị ân sư của tôi, là bọn họ đã tín nhiệm và khích lệ tinh thần cho tôi, khiến cho tôi tin tưởng để hoàn thành công việc này. Đồng thời còn phải cảm tạ sự trợ giúp qua của các đệ tử của tôi. Hiện tại mặc dù công khai xuất bản, trong đó khó tránh khỏi xuất hiện một vài vấn đề, chỗ không đúng, vẫn hi vọng mọi người chỉ giáo!

## **1. Phần Giáp mộc**

*Một vật luôn luôn có một thân,  
Một thân còn có một Càn Khôn.  
Sao biết vạn vật có ở ta,  
Chịu đem Tam Tài căn chớ lập.  
Thiên hướng thành một phân tạo hóa,  
Người khởi kinh luân ở trong tâm.  
Tiên nhân cũng có hai cách nói,  
Đạo bất hư truyền chỉ ở người.*

Trích từ 《 **Mai hoa Dịch số** 》 Thiệu Khang Tiết.

**Đệ nhất giảng: Sinh khí Tham Lang mộc, Đại thụ bất vi bằng**

### **So sánh Giáp mộc.**

Mệnh lý là rất trừu tượng, thập can và thập nhị địa chi đều rất trừu tượng, chỗ trừu tượng như thế nào để biểu đạt chứ? Biện pháp tốt duy nhất chính là làm phép so sánh. Người nào so sánh tốt, người nào giảng dạy có hiệu quả? Phương diện truyền thụ ở tri thức cơ sở, cũng không phải là chỗ trình độ cao thấp, mà mấu chốt là xem ai để tiến hành so sánh. Muốn mô tả Giáp mộc, cổ nhân làm rất nhiều phép so sánh, Giáp mộc ở trên trời là sấm sét, ở đất là cây cối, ở trên thân người là đầu tóc, ... Cũng có người liên tưởng đến – móng tay.

Cổ nhân nói đại biểu Giáp mộc có nhiều vật như vậy, thì rốt cuộc là đại biểu cái gì chứ? Phải chăng là phải yêu cầu đi khai thác hết tất cả chỗ đại biểu Giáp mộc chứ? Trong bói Dịch có vài thuật số dụng ngữ gọi là "**Loại tượng vạn vật**", cơ bản khái quát thập thiên can vạn tượng vạn vật, giả như trên đời chỉ có một vạn loại sự vật, vậy thì Giáp mộc đại biểu xấp xỉ đến nghìn loại vật tượng, như vậy cho dù bạn có khai thác ra hết, thì nhớ hết sao? Tôi kết luận là, hoàn toàn không có cần thiết phải đi nhớ hết tất cả vật tượng đại biểu Giáp mộc, chúng ta hẳn phải là đi khai thác tinh thần suy nghĩ ở trong lòng cổ nhân về Giáp mộc, giải thích Giáp mộc.

Nói đến đây, tôi hi vọng mọi người suy xét một chút, cổ nhân nói Giáp mộc đại biểu nhiều vật tượng như vậy, chẳng lẽ chúng ta không có thể suy nghĩ ngược lại sao? Cổ nhân nói Giáp mộc là sấm ở trên trời, ở đất là cây cối, ở trên thân người là đầu tóc, như vậy những cái khái quát "sấm, cây cối, đầu tóc, còn có móng tay" một cái tính chất gì chứ? Ai thử nói một chút xem?

Một tiếng sấm mùa xuân vang động trời, sấm mùa xuân là tiêu chí đến mùa xuân, tượng trưng sức sống bùng phát, cây cối ở trên mặt đất trưởng thành cường tráng, mọc tóc dài rất nhanh, tình thế long mi lại làm sao mà theo cho kịp. Đặc biệt là móng tay, thấm thoát liền dài ra.

Trong tâm của Cổ nhân Giáp mộc cũng không phải là chuyên chỉ vật tượng cụ thể là móng tay như vậy, mà là đại biểu một loại sinh khí, "Sinh khí" là gì chứ? Phải suy nghĩ thật tốt một chút. Phạm là vật tượng có sinh khí vượng thịnh sinh động hoạt bát hoặc là có sức sống bùng phát, đều có thể thuộc về loại Giáp mộc. Giáp mộc là tượng trưng cho tất cả sinh khí. Là phù hiệu đại biểu sức sống và sinh lực. Nói đến đây, chúng ta lại kết hợp với bát tự để suy xét, trong thiên can bát tự có Giáp mộc, địa chi có ám tàng Giáp mộc, theo tôi, chỗ này đều là đại biểu một loại sức sống. Khả năng có người sẽ nghĩ rằng, trong bát tự của mình không có Giáp mộc, thì mình không có sức sống sao? Đương nhiên là không phải. Trong bát tự của bạn không có

Giáp mộc, chẳng lẽ bạn không có tóc sao? Tồn tại người không có tóc, móng tay nói chung là sẽ có sao? Còn có một vài tạng khí, ai ai cũng có. Cũng chính là nói, nếu như trong bát tự của bạn không có xếp rõ Giáp mộc, không đại biểu thì bạn không có sức sống. VD như có người bát tự kỵ thấy mộc, người không có Giáp Ất mộc, trái lại là lại có tính chất Giáp Ất mộc. Hiện tại là không biết mọi người có rõ hay không, chỗ cổ nhân nói chỗ cổ thư ghi lại nói những thứ Giáp mộc là cái gì, đều là làm chỗ so sánh, cho nên ở bài này là nói "**So sánh Giáp mộc**", chính là hi vọng mọi người hiểu rõ, là cổ nhân đang làm phép so sánh cho mọi người thấy, thực chất là hi vọng chúng ta lý giải chỗ bọn họ nói.

Khả năng có người sẽ hỏi, như vậy bạn nhận thức Giáp mộc, là có chứng cứ sao? Có, chính là câu nói thứ nhất ở trong 《 **Thập Can Thế Tượng toàn thiên luận** 》 : "**Giáp mộc thiên can xếp làm đầu, vốn không cành lá cùng căn rễ** ", nếu như nói đúng Giáp mộc chỉ đại biểu là cây cối, tại sao nói nó "**Vốn không cành lá cùng căn rễ**" chứ? Là cây cối có thể không có cành lá rễ sao?

Dưới đây là tôi đưa ra ví dụ thực tế chứng minh:

*Cần tạo:* Giáp Dần - Bính Tý - **Nhâm Dần** - Bính Ngọ.

Đây là một bát tự tôi đã bình qua, sinh ra ở khu vực duyên hải tỉnh Phúc Kiến. Tôi đã nêu ra chỗ hoàn cảnh ra đời của hắn:

Nhâm thủy là giang hồ, Bính hỏa là thái dương, giống như hình ảnh Nhật chiếu giang hồ, chiếu rọi ánh nước sáng lấp lánh. Nhâm thủy lại là biển lớn, giờ Ngọ thấu Bính là ví như ánh sáng mặt trời cao chiếu. Mộc là gió, một Giáp 2 Dần, chủ đập vào mặt Tôn vi phong, sức sống mãnh liệt. Kỵ thổ trong Ngọ là mây, trụ này Nhâm Dần nạp âm là kim, là chỗ Tiên thiên mệnh chủ dựa vào, Giáp Dần, Bính Tý, Bính Ngọ nạp âm thủy quay quanh ba mặt. Mệnh chủ thì ở nơi đây gió và mặt trời đẹp đẽ, một chút mây trắng từ phương xa bay tới, giáng thế trên đảo xanh ở một nơi cát tường.

Làm sao biết đoán hắc sinh ở vùng đảo xanh, hoàn toàn là có quan hệ đến Giáp mộc cùng đắc Lộc.

Lần đó sau khi hắc nhìn thấy tôi bình, rất hưng phấn. Liên tối đến điện thoại nói, tôi thông báo một vài tin tức trọng yếu, vốn là phía trước bên trái nhà hắc có một mảnh rừng phòng hộ rất tốt, một khối dày đặc xanh biếc, là một phong cảnh rất đẹp. Tôi cho rằng đây là phản ánh một trụ năm Giáp Dần ở trong hiện thực.

Về sau hắc lại đưa cho tôi một bát tự nhờ tôi xem, trụ năm là Đinh Hợi. Vốn là hắc sinh ra và lớn lên ở trong nhà ông cậu, trong bát tự ông cậu chỉ có một điểm Giáp mộc ở trong Hợi, nghe cậu nói, vùng rừng đó là sau này mới có, có thể khẳng định lúc cậu của hắc sinh ra là một bãi cát vùng biển, là hình tượng Hợi thủy. Giáp mộc ở trong Hợi, lại báo hiệu ở chỗ đó ám tàng một luồng sinh khí, tương lai sẽ là một vùng phồn vinh.

Chúng ta lại tưởng tượng một chút, nếu như bọn họ không phải sinh ở bên cạnh biển, không cần phải có rừng phòng hộ, mà là sinh ở trong lục địa, có khả năng ở phương vị đó, nổi lên một tòa thành thị phồn vinh hưng vượng.

Tổng kết một chút, nội dung này, chủ yếu nói cho mọi người biết, trong mắt cổ nhân Giáp mộc không phải là chỉ có đại biểu một vài sự vật nào đó, mà là trình bày Giáp mộc là một luồng sinh khí. Bình thường chúng ta học tập nghiên cứu, không nên dừng lại ở trên bề mặt, phải từ cổ nhân so sánh như bên dưới tinh thần thực chất mới phát hiện mỗi một cái thiên can.

## ***Đệ nhị giảng: Không căn không lá, có phân biệt Thể Tượng***

### ***Thể tượng Giáp mộc.***

Giải thích Thể tượng Giáp mộc là tiền đề phán đoán vận tượng của thiên can Giáp mộc, cũng may cổ nhân đã để lại khẩu quyết ở trong 《***Thập can thể tượng***》 đó là:

*Thiên can Giáp mộc xếp làm đầu,  
Vốn không cành lá cùng căn rễ.  
Muốn tồn thiên địa thiên niên cửu,  
Thăng hương cát bùn chôn vạn trượng.  
Chặt thành đồng lương kim đắc dụng,  
Hóa thành tro bụi hỏa là tai.  
Xuân nhiên khối vật vô cơ sự,  
Mặc cho xuân thu tự vắng lai.*

Chỗ nói Thể tượng tức là chỉ hình tượng cơ bản. Trên đã nói qua, Giáp mộc cũng không chỉ có đại biểu cây cao chọc trời, tượng trưng là sinh khí. Nhưng mà nếu phân loại ngũ hành mà nói, nó cuối cùng vẫn là mộc, loại mộc có cây cối chọc trời. 《 **Tử Bình chân thuyên** 》 nói: "*Giáp Ất, là âm dương mộc vậy. Giáp, là khí Ất; Ất, là chất Giáp. Ở trời là sinh khí, mà lưu hành ở vạn vật, là Giáp vậy; ở đất là vạn vật, mà đón nhận sinh khí, là Ất vậy.*"

Mộc phân ra có Khí và Chất, Giáp mộc là khí mộc, Ất mộc là chất mộc. Các bạn đọc qua 《 **Tử Bình chân thuyên** 》, đối với chỗ này khẳng định là có chỗ nhận biết.

"*Ở trời là sinh khí, mà lưu hành ở vạn vật, là Giáp vậy.*" Tức là nói cho chúng ta biết Giáp đại biểu Thiếu Dương khí thăng phát, là động, là bắt đầu vạn vật?, đây là hàm nghĩa "*Vốn không cành lá cùng căn rễ*", nó bảo cho chúng ta là không cần chỉ nắm Giáp mộc cứng nhắc mà đội lên ở bên trên cây đại thụ." *Muốn tồn thiên địa thiên niên cửu, Trục hương sa nê vạn trượng mai.*" So sánh lý giải khá hay, nó cùng "*Địa nhuận thiên hòa, thực lập thiên cơ*" là một ý, ý là Giáp mộc sinh trưởng cùng trường tồn không ly khai khỏi thủy thổ, còn phải bám rễ sâu dày. "*Chặt thành đồng lương kim đắc dụng, Hóa thành tro bụi hỏa là tai.*" cảm giác không cần tôi nói thêm. Về phần "*Xuân nhiên khối vật vô cơ sự, Mặc cho xuân thu tự vắng lai.*", là một câu nói rất trọng yếu, người mới học tất phải hiểu rõ hàm nghĩa của nó, từ từ nghe tôi giải thích.

Con người là vâng chịu đủ khí ngũ hành mà sinh ra, là tổng hợp thể ngũ hành, không thể so với tảng đá. Ngũ hành mộc thuộc về một bộ phận ở trong nhân mệnh. "*Xuân nhiên khối vật vô cơ sự, Mặc cho xuân thu tự vắng lai.*" Câu này nói cho chúng ta biết, nếu như có một khối lớn Giáp mộc xuất hiện ở trong bát tự thì làm sao bây giờ? Là càng có sinh khí sao? Không phải, vừa đúng trái nghịch, bát tự có một khối lớn Giáp mộc (có căn), giống như có một tảng đá ngu xuân vậy, vật vô cơ tức là chỉ một vật không có cái gì là khí sinh phát. Chẳng qua "*Xuân nhiên khối vật*" không nên lý giải thành một người ngu xuân, là nói nếu như ở trong bát tự có một khối lớn Giáp mộc xuất hiện, trái lại là giống như một tảng đá không có gì là có sinh khí. Nhưng mà, câu nói phía sau "*Mặc cho xuân thu tự vắng lai*", lại nói cho chúng ta biết một hàm nghĩa khác, ở trong bát tự lúc có một khối lớn Giáp mộc tồn tại, mặc dù bát tự ngu xuân, không có sinh khí, nhưng người này lại có thọ, lực sinh mệnh rất mạnh, muốn chết cũng khó.

Thể tượng Giáp mộc ở trong bát tự làm sao vận dụng chứ? Dưới đây đưa ra vài ví dụ:

*Nam mệnh*: Giáp Thìn - Bính Tý - **Nhâm Tý** - Giáp Thìn (sinh năm 1964)

Nhật nguyên bát tự này mặc dù không phải là Giáp mộc, nhưng hai trụ năm và giờ có 2 Giáp mộc lại không thể không xem xét. Hai Giáp mộc cùng thâu, toán hay không toán là ngu xuân chứ? Tôi nghĩ có một nhân tố trọng yếu mọi người cũng có thể nhìn ra, chính là "Bính hỏa", bởi vì Bính hỏa ở lúc khởi tác dụng, Giáp mộc bát tự này quyết không phải là vật vô cơ ngu xuân. Bởi vì Bính hỏa có thể dẫn thông khí Giáp mộc, chớ xem thường một điểm Bính hỏa này, chân thành chính là cứu tinh Giáp mộc. Hoán đổi thành Đinh hỏa, Giáp mộc này càng không phải là vật ngu xuân, đốm lửa nhỏ, có thể cháy lan cả đồng cỏ. Vì thế có thể phán đoán 2 Giáp mộc ở trong bát tự này, cũng không phải là vật vô dụng. Ở trong mệnh cục quy về thủy vượng, Giáp mộc hữu dụng, đại biểu có sức sống mãnh liệt. Trụ năm Giáp đại

biểu thời kỳ thiếu niên ở bản địa là một nhân tài hàng đầu, can giờ Giáp đại biểu đời sau cũng có sinh khí. Can năm là căn mệnh, can giờ là hướng đạo, căn và hướng đạo đều la có vật hữu dụng, sinh khí rất sung túc, làm sao người này cũng không phải là ngu xuẩn. Huống chi còn có một hỏa điều hậu, trực tiếp có thể đoán đối phương là tốt nghiệp đại học hoặc là bằng tương đương đại học (năm 1964 người tốt nghiệp đại học không nhiều). Như vậy tầng lớp của hắn thì cũng có thể biết. Giáp mộc này đều tọa Thìn, có hình tượng *Trực hướng sa nê mai vạn trượng* (thăng hướng cát bùn chôn vạn trượng), hơn nữa Giáp mộc này vừa đúng là Thọ Nguyên tinh, người này cũng có thọ.

*Nam mệnh:* Mậu Ngọ - Tân Dậu - **Canh Thân** - Giáp Thân (sinh năm 1918)

Bát tự này sinh khí ở đâu chứ? Giáp mộc ở trụ giờ, đi tìm đến trên trụ giờ, đây là biện pháp bình thường, nếu như bạn nhìn như vậy, tình cờ bạn tìm đúng rồi. Xác thực là sinh khí bát tự này ở trụ giờ, sức sống phát sinh đều thể hiện ra ở trong trụ giờ, bởi vì đời sau mệnh chủ phát vượng rất lớn, không chỉ có con cháu đầy nhà, mà con cháu còn khá là hạnh phúc, các cháu càng là nổi bật. Tại sao nói sinh khí ở trụ giờ là trùng hợp chứ? Bởi vì Giáp mộc ở đây là Tuyệt xứ phùng sinh, tuyệt xứ phùng sinh rất ít thấy, xác thực là có sinh khí. Giáp Thân, là trong Thân có Nhâm thủy sinh Giáp mộc, lại gặp tháng Dậu, Dậu so với Thân là tiến lên một bước, thì Giáp mộc từ Tuyệt địa tiến hóa đến Thai địa, đây cũng toán là Tuyệt xứ phùng sinh. Nếu như thiên can không thấu ra Giáp mộc là vô dụng, vậy trụ giờ tất không phải là thành chỗ sinh khí.

Người này là đầu trọc, cả đời đều là đầu trọc, có người nhìn ra được không? Nói cho mọi người biết, không phải là tóc hấn không dài, mà là một khi tóc dài ra, thì hắn không thoải mái, chỉ muốn cạo trọc đầu mới thôi. Hiện tượng này thì giải trừ đi một chỗ nghi ngờ, chính là Giáp mộc này cuối cùng phải chăng là vật hữu dụng? Chỗ này phải dung phương pháp biện chứng để suy xét một chút, chỗ cục diện Giáp mộc ở trong cục bị khắc, vừa đúng là tóc của hắn (Giáp mộc)

vừa mọc ra thì hấn không thoải mái, hay là phải giấu giếm, thế thành trọc đầu, thì Giáp mộc không lộ ra bên ngoài. Cái tốt lúc không bị tổn thương mới sẽ có cảm giác thoải mái sao?

Ở đây là tại sao không thuyết minh Giáp mộc là vật ? Bởi vì Giáp mộc này bị khắc, tầng lớp bản thân của nó là không cao, cả đời làm nông. Lúc chúng ta sau khi xác định Giáp mộc này ở trong bát tự là vật hữu dụng, trở lại chúng ta nhìn xoay quanh nó có thể đoán ra chút gì chẳng?

- 1, Trụ giờ có sinh khí, con cháu phát đạt khá hơn hấn;
- 2, Can giờ Giáp mộc ở trong cục bị chế rất lợi hại, trọc đầu;
- 3, Giáp thụ khắc, mặt mắc bệnh;
- 4, Giáp mộc Thiên Tài thấu ra hữu dụng, nghề nghiệp hơn nửa đời là làm nghề kiếm tiền;
- 5, Giáp mộc thấu ra bị khắc, người rất hào sảng, một chút cũng không keo kiệt, bình thường cũng hay đánh mất vật.
- 6, *Giáp mộc tham thiên, thoát thai yếu hỏa*, lưu lại điều này để cho mọi người nhìn, thời thiếu niên của hấn như thế nào?

Đương nhiên, đoán ra những tin tức này hoặc càng nhiều hơn, không thể chỉ có xem Giáp mộc là đủ, còn có những nhân tố khác đều phải tham khảo, tôi nghĩ chỗ điểm này mọi người nhất định sẽ lý giải.

Nam: Canh Ngọ - Nhâm Ngọ - **Giáp Thìn** - Giáp Tuất (sinh năm 1990)  
Đây là một bát tự có nhật nguyên là Giáp mộc, phép khí thế cùng phép khí số, dùng thủ đoạn nào các bạn có thể nhìn ra. Có thể nhìn ra tín tức gì chứ? Nhật nguyên Giáp mộc tọa Thìn, nhìn như cát bùn vụn trượng, thế nhưng giờ Tuất quá xấu, Tuất xung Thìn, lập tức khử căn Giáp mộc, Tuất thổ này thật tàn khốc, đem một Thìn thổ tốt đẹp cho xung phá, may mà có Nhâm thủy thấu ra, nếu không thì có lẽ đoán hấn không còn ở trên thế gian. Quý thủy trong Thìn là căn gốc chân chính bị nhổ, còn lại Nhâm thủy thành của quý, căn mệnh lập tức phơi bày ra bên ngoài, quá nguy hiểm. Tuất thì xung Thìn, có thể

đoán hai sự kiện, cha hấn từ bỏ hấn, cùng kết hôn nữ nhân khác; nó có một người chị tốt, tiếc là ở lúc hấn khoảng 40 tuổi, chị hấn có một đại tai. Nguyên nhân là, Mậu thổ khắc Quý thủy trong Thìn, Quý thủy là căn khí toạ dưới, Tân kim khắc Ất mộc, Ất mộc là chị của hấn.

Giáp mộc sinh ở tháng Ngọ, chỗ ở trạng thái suy nhược, bang phù hấn chỉ còn lại Nhâm thủy và can giờ Giáp mộc, chỗ này cũng có thể đoán ra một sự kiện, chính là mẹ của hấn cùng chị của hấn hang ngày cứ xoay quanh vì chuyện của hấn. Nhâm thủy kề gần sinh Giáp mộc là tốt, Canh kim cách Nhâm thủy cũng tác dụng với Giáp mộc, điểm này là không tốt, tôi nói cho các bạn biết Canh kim có thể thúc đẩy Giáp mộc luồng sinh khí này, từ điểm này có thể đoán bản tính hấn thông minh hiếu động, tướng mạo rất tuấn tú. Bởi vì Canh sát chủ danh khí, Sát Ấn tương sinh, rễ cây ở bên ngoài đương nhiên rất nguy hiểm, có thể đoán hấn thường làm những chuyện phong ban guy hiểm. 2 Giáp cùng hành, lại là một nam tử tuấn tú, hơn phân nửa là thích khiêu vũ, Giáp theo sát Thiên Tài Mậu thổ, bạn nhảy với hấn không phải là vợ của hấn. Nếu như bạn lại chú ý đến Ngọ Ngọ tự hình, vấn đề của bát tự này đại để nhìn thi sai khác không nhiều.

### ***Đệ tam giảng: Sinh khí sọ tồn căn, Khí thế phải phân rõ***

#### ***Khí thế Giáp mộc.***

Trước là nói một đoạn sự cố, là một vị sư phụ của tôi nói với tôi.

*Nam:* Mậu Ngọ - Tân Dậu - **Canh Thân** - Giáp Thân.

Vào một ngày mẹ của hấn mang hấn đi đến nhà thái sư gia toán mệnh, thái sư gia của tôi muốn nói là tiên sinh ở bản địa rất nổi tiếng, có thể hấn nhìn bát tự này, lập tức không phán đoán ra Giáp mộc này rất cuộc là vật hữu dụng hay vô dụng, làm sao đây chứ? Thái sư gia là một người mù, không có biện pháp, bắt tay hấn đưa về hướng nam hài tử này theo phương hướng đó, mẹ của hấn hiểu ý của thái sư gia tôi, liền đem đứa trẻ này kéo qua đó, thái sư gia của tôi sờ sờ trên đầu của hấn, nói ồ đầu trọc, hấn lập tức hiểu ngay. Phía sau thì theo Giáp mộc hữu dụng đoán một đồng lớn, từng câu sau đó đều linh

nghiệm. Đây là sự phụ của tôi dạy tôi đi giảng hồ học được một chiêu, ông nói bọn người là người mắt sáng càng dễ dàng hơn, vừa nhìn hấn là trọc đầu thì hấn phải biết rõ Giáp mộc bát tự này là vật hữu dụng. Loại phương pháp phán đoán này còn gọi là: **Mệnh lý chiêm pháp**. Sự cố này ảnh hưởng đối với tôi rất lớn, xác thực trong hiện thực sẽ đụng đến bát tự hko1 mà nắm chắc, như vậy căn cứ đến tình hình diện mạo con người thì có thể trợ giúp cho bạn giải quyết rất nhiều điểm nghi ngờ.

Trước đây ở lúc trong tư liệu hàm thụ của tôi giảng Khí thể không có phân ra tử mĩ, khả năng mọi người sẽ đem khí thể xem thành một loại trạng thái. Mà ngày nay khái niệm khí thể có đem ra phân tích nội dung tử mĩ. Chỗ trước đây nói Khí thể đương nhiên là phải nhìn toàn bộ bát tự. Ở đây thì phải nói rõ là, Khí và Thế là hai khái niệm. Phương hướng lớn khí thể thực ra là nhìn tốt, phân chia tử mĩ thì khí và thế lại có độ khó.

Mọi người đều biết 《 **Trích Thiên Tuy** 》 nói, **Can dương tòng khí bất tòng thế**, quan điểm của tôi là, tòng khí dễ dàng còn tòng thế là khó, tòng khí là bản tính Giáp mộc cùng can dương. Nay nói đến khí thể Giáp mộc, mục đích là muốn dẫn dắt nhiều cho mọi người nghe, nhìn một chút Giáp mộc ở trong bát tự cụ thể nên tòng khí hay là nên tòng thế, phép tòng là như thế nào. (ví dụ dưới đây, chỉ nói đến nội dung tương quan với Giáp mộc)

**Cần tạo:** Nhâm Thìn - Canh Tuất - **Giáp Thân** - Giáp Tuất (sinh ngày 19 tháng 10 năm 1892 DL). Mệnh tạo của Trần Công Bác. Sinh sau tiết Hàn Lộ 11 ngày.

Tạo này nhật nguyên là Giáp mộc, có khí hay không, khí từ ở đâu đến, căn khí Giáp mộc có thụ thương hay không?

Bát tự này vốn có thế Tài Sát, nhưng lại bởi vì Giáp mộc có Nhâm Thìn làm căn, không lấy Tòng Tài hoặc Tòng Sát luận, chỉ toán là thân nhược dụng Ấn. Nhật nguyên Giáp mộc ở dưới loại trạng thái dàn xếp rất không tốt, luận thế muốn tòng, luận khí không tòng, tòng lại không tòng là điển hình kẻ hai mặt, như vậy người này tư tưởng luôn

rất mâu thuẫn, hoàn cảnh sinh hoạt rất phức tạp. Mệnh chủ này thì là lúc sinh ở trong lo ngoài hoạn, rõ ràng là có đại hung.

***Tham khảo thêm:***

[https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%...%B4ng\\_B%C3%A1c](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%...%B4ng_B%C3%A1c)

***Trần Công Bác*** (1892 - 1946), người ở Nam Hải tỉnh Quảng Đông. Lúc trẻ đi học ở đại học Bắc Kinh. Năm 1920 đảm nhận Tổng biên tập 《Quần báo》 ở Quảng Đông. Mùa xuân năm 1921 tham gia cùng nhóm nhỏ tổ chức Chủ nghĩa Cộng sản Quảng Châu, tháng 7 cùng năm tham gia Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Trung quốc lần thứ nhất. Năm 1923 vì đầu nhập vào Quân phiệt Trần Quýnh Minh mà bị khai trừ Đảng tịch. Tháng 2 cùng năm đi Colombia nước Mỹ học đại học. Năm 1925 trở về nước đảm nhận dạy học ở đại học Quảng Đông, làm hiệu trưởng, gia nhập Quốc Dân đảng. Từng đảm nhận ủy viên hội chính trị chính phủ Quốc Dân chủ nhiệm Bộ huấn luyện quân sự, Trưởng phòng Nông Công tỉnh Quảng Đông, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp trung ương Quốc Dân Đảng. Trúng cử làm Ủy viên chấp hành trung ương giới thứ hai Quốc Dân Đảng, Cục trưởng Bộ Chính vụ Tổng tư lệnh Quân Cách mệnh Quốc Dân, năm 1927 được trúng cử làm Ủy viên thường vụ trung ương Quốc Dân Đảng, cùng đảm nhận Bộ trưởng Bộ Công nhân. Năm 1927 cùng Uông Tinh Vệ phát động chính biến "Thất • Nhất ngũ". Sau đảm nhận Ủy viên hội Quân sự Quảng Châu, Ủy viên phân hội kiêm Chủ nhiệm Bộ Chính trị. Năm 1928 cùng Uông Tinh Vệ tổ chức "Cải tổ Quốc Dân Đảng Trung Quốc đồng chí hội", chủ biên 《Cách Mệnh bình luận》. Năm 1931 sau khi Tưởng Uông hợp lại, đảm nhận các chức Ủy viên Chấp hành Trung ương Quốc Dân Đảng, Ủy viên Hội nghị Chính trị trung ương và Bộ trưởng Bộ Thực nghiệp Chính phủ Quốc Dân Đảng. Sau khi chiến tranh kháng Nhật bạo phát, đảm nhận Bộ trưởng Bộ Huấn luyện dân chúng Trung ương Quốc Dân Đảng, Bộ trưởng Bộ Hội đệ ngũ Quân ủy, Ủy viên Chủ nhiệm 11 tỉnh Đảng bộ. Năm 1938 theo Uông Tinh Vệ phản quốc đầu địch. Năm 1939, ở Hương cảng viết thành một quyển sách 《Khổ Tiểu lục

» . Ở Chính phủ Uông ngụy trải qua đảm nhận Viện trưởng Viện Lập Pháp, Thường vụ Ủy viên hội quân sự, Bộ trưởng Bộ Huấn luyện chính trị, là Thị trưởng Thượng Hải kiêm Tư lệnh Bảo an thành phố Thượng Hải, Ủy viên trưởng Ủy viên hội Thanh Hương. Năm 1944 sau khi Uông Tinh Vệ chết, đảm nhận Chủ tịch Chính phủ Ngụy Quốc Dân, Ủy viên trưởng Ủy viên Hội Quân sự, Viện trưởng Viện Hành chính. Sau khi chiến tranh kháng Nhật thắng lợi, chạy trốn qua Nhật Bản. Sau đó bị áp giải về nước vì tội phản quốc. Ngày 8 tháng 6 năm 1946 bị xử bắn.

*Lại có một tạo, Càn: Giáp Tuất - Giáp Tuất - **Giáp Thân** - Giáp Tuất.*

Đây là một bát tự có thiên can là một khí Giáp mộc, địa chi lại khó ở bám căn, nhưng mà tạo dưới ở trong Thân có một điểm Nhâm thủy lại là căn khí của nhật nguyên Giáp mộc, rất cuộc nhật nguyên Giáp mộc là bắt được một căn rễ rơm rạ, loại mệnh cục này cùng VD 1 ở trên có cùng chung hung hiểm. Trụ ngày Giáp Thân nếu hoán đổi thành Giáp Ngọ Giáp Tuất, thì tình huống lớn là không giống nhau, sau khi hoán đổi qua mặc dù Giáp mộc có Tỉ kiên bang phù, nhưng chặt đốn bản thân thì đồng lương kim đặc dụng, hóa thành hỏa tro bụi thành tai.

Không có căn khí, thì sẽ không độc hành nguy hiểm, công thêm Đinh hỏa ám tàng có thể đi động Giáp mộc, nhật nguyên còn có đất bản thân dụng võ, kết quả là có khác xa. Đổi lại một câu nói, lúc Giáp mộc không có căn khí, thì không có chỗ tàng khí, không thể không tàng thế, lúc này vẫn là một sự kiện tốt. Nhưng nếu như Giáp Thân hoán đổi thành Giáp Tý hoặc là Giáp Thìn, như: Giáp Tuất - Giáp Tuất - Giáp Thìn - Giáp Tuất, chẳng khác nào là không đổi, hay là cùng ngày Giáp Thân có hung hiểm như nhau.

**Tóm lại,** lúc Giáp mộc ở khí và thế cả hai đồng thời cùng tồn tại, nói chung đầu tiên là tàng khí, bắt đắc lấy Tài tàng thế, bất luận chuyên tàng một loại nào cũng đều lấy cát đoán. Lúc có khí mà căn khí thụ thương là thâm hại nhất. Lúc có khí duy chỉ hộ căn khí là bản tính của nó.

Trong 《 **Trích Thiên Tủy** 》 có một Càn tạo: Giáp Thân - Giáp Tuất - Giáp Dần - Giáp Tuất, Giáp tọa Dần vốn là cường căn, khí và thế Giáp mộc đều rất thịnh vượng, như vậy, bát tự này có hay không có hung hiểm chứ?

Mặc dù là có khí có thế, nhưng Dần Thân tương xung, thủy mộc đều thụ thương. Hành vận kim vượng là có phong hiểm. Sự thực tình huống là một nhà mệnh chủ có 5 khẩu đều đồng thời chết ở vận Canh. Nhâm thị ở trong 《 **Trích Thiên Tủy** 》 dụng ví dụ này là để thuyết minh can nhiều không trọng bằng chi, ở đây là tôi dùng nói để thuyết minh khí so với thế Giáp mộc càng trọng yếu hơn, khí thường là căn mệnh của nó.

Lần trước có nói qua đến một ví dụ, nam hài tử: Canh Ngọ - Nhâm Ngọ - **Giáp Thìn** - Giáp Tuất. Địa chi Thìn gặp Tuất xung, căn khí trong chi toán là bị nhổ gốc, lúc này thì thiên can Nhâm thủy thành căn khí duy nhất của nó, năm nay là Mậu Tý, thiên can Mậu thổ khắc Nhâm thủy, năm nay hết sức khác thường, không nghe lời mẹ, làm tất cả những chuyện phong ba nguy hiểm, mọi người trong nhà đều hết sức lo âu.

***Đệ tứ giảng: Giáp mộc du tứ quý, Khí số định hi kỵ***

### ***Khí số Giáp mộc.***

Cổ nhân cho rằng, thập thiên can ở mỗi mỗi tháng trong mỗi mùa đều có sở thích đặc định của nó, hơn nữa chỗ ngũ hành sở thích tốt nhất là thấu ra thiên can, nếu như chỗ ngũ hành sở thích không có, hoặc là ám tàng, như vậy người này có tầng lớp thì phải bị giảm sút. Khí số ảnh hưởng đến tố chất Tiên thiên một người.

### **Quyết viết:**

***Tháng giêng Giáp mộc Bính cùng Quý,***

***Tháng hai Giáp mộc Canh phù hợp,***

***Tháng 3 trước Canh sau Nhâm Quý,***

## *Quản khởi cuộc đời phú không đời.*

Đây là nói khí số Giáp mộc ở 3 tháng mùa xuân. Đối với người ban đầu tiếp xúc khái niệm khí số này, khả năng cần phải giải thích một chút, cái gì là Khí số? Khí số là một khái niệm rất mơ hồ, nội hàm chủ yếu của nó bao gồm hiểu biết hai loại ngũ hành, thứ nhất là ngũ hành bốn mùa, ngũ hành bốn mùa tức là ngũ hành thích nhất từng mùa trong 4 mùa xuân hạ thu đông, ví dụ như mùa đông hàn lạnh, mùa hạ viêm nhiệt, như vậy lúc hàn đông cùng hàn xuân, tốt nhất là dụng Bính Đinh hỏa để khử hàn giải băng, mùa hạ dụng Nhâm Quý thủy mới có thể giải trừ viêm nhiệt, đây là vạn vật thích nhất trong giới tự nhiên. Thứ hai là thiên can ngũ hành, tức là chỉ bản thân mỗi một thiên can có đặc điểm cá tính của nó, ví dụ như, Giáp bất ly Canh, Canh bất ly Đinh, Đinh bất ly Giáp, Canh Đinh Giáp chính là một tổ hợp ưu tú trời sinh. Chỗ nói Khí số là bao gồm hai phương diện nhân tố tri thức, đơn giản mà nói khí số chính là vật hữu dụng duy nhất bảo hộ một cái thiên can nào đó. Khí số thiên can nhật nguyên ở trong bát tự có 3 loại khả năng là Thấu, Tàng, hoặc là Không có. Như vậy tùy theo khí số "Thấu, Tàng, Không có" mà người này có tầng lớp cũng tương ứng ở cao hay hạ thấp.

*Tháng giêng Giáp mộc Bính cùng Quý*, ý là Giáp mộc sinh ở tháng giêng (không nhất định chuyên chỉ nhật nguyên là Giáp), tốt nhất là có Bính Quý cùng thấu. Thấu Bính có hai tác dụng trọng yếu: Một là trừ hàn, tháng giêng hàn khí còn nặng; Hai là hành động Giáp mộc, bởi vì mộc ở mùa xuân đều khá vượng, được khí vượng khiến cho nó lưu hành di động mới tốt (đặc tính tự nhiên của ngũ hành), mộc sinh hỏa, hỏa tiết khí mộc vượng, thì mộc không cứng ngắc, thì con người mới có linh khí (cũng có tình huống đặc thù, không ở loại này).

Tác dụng Quý thủy chính là bồi nhuận Giáp mộc, mộc ở tháng mùa xuân đa số là Hoạt mộc, mộc trong sinh trưởng, dụng Bính là làm cho nó phát vinh, dụng Quý là tạo điều kiện cho nó sinh trưởng. Người sinh tháng giêng, thiên can bát tự có Bính Quý cùng thấu, thì ngũ

hành Giáp mộc được hoàn cảnh không tệ. Có người sẽ hỏi Bính Quý có quan hệ tương khắc, làm sao sẽ là dụng thần của Giáp mộc chứ? Ở đây thực ra là không có nói đến khái niệm dụng thần, tốt nhất không đề cập tới, là khí số, là chuyên đối với thiên can mà nói. Quý Bính là chỗ vật yêu thích của Giáp mộc ở tháng giêng, thì Giáp mộc mà nói là cát, về phần những nhân tố bất lợi khác, tôi cũng không nói không tồn tại. Như Bính Quý cùng thấu kè gần, đa số là có họa thủy hỏa hoặc là khổ bị đao thương.

Không nhất định nhật nguyên của bạn có phải là Giáp mộc hay không. Tôi có thể nhìn Giáp mộc của bạn chỗ đại biểu thập thần ở trong mệnh cục của bạn, có thể đoán ra vài chuyện. Có người sinh tháng giêng cũng có thể nắm ra, làm cho tôi nhìn một chút khí số Giáp mộc như thế nào.

*Cần tạo:* Canh Thân, Mậu Dần, **Giáp Dần**, Bính Dần.

Tạo này Bính thấu không có Quý, nếu như là hiện nay, có thể đoán thi đại học lần đầu sẽ có trở ngại, hoặc là bằng cấp ban đầu không cao. Nhưng về sau bằng cấp lại khá cao.

Nguyên sách ghi lại, người này vừa hành vận kim thủy, phát tiến sĩ. Tại sao phải ở vận kim thủy mới phát đạt, vốn là có khí số không đủ, được vận trình trợ giúp, khí số đủ thì mới phát đạt. Thuận tiện nói một chút, tháng giêng Giáp mộc Bính Quý cùng thấu là khí số, không có Quý thủy mà có Nhâm thủy cũng có thể bổ sung cái chưa đủ.

*Cần tạo:* Quý Dậu - Giáp Dần - **Bính Ngọ** - Quý Tị (sinh ngày 23 tháng 2 năm 1873 DL, nhằm ngày 26/1 âm lịch, năm Quý Dậu ). Bát tự **Lương Khải Siêu**.

Đây là một ví dụ không phải nhật nguyên là Giáp mộc, học phép dùng khí số không thể không chỉ dựa vào ở trên nhật nguyên, phép khí số là vốn ở 《 **Cùng Thông bảo giám** 》, nhưng sau khi được học xong phải có đủ tính vận dụng linh hoạt biến thông.

Người này Giáp mộc thấu can, là Ấn tinh bát tự, đại biểu là tư tưởng của người này. Chú ý, hiện tại là tôi chỉ có xoay quanh Giáp mộc để luận bát tự này, không phải là chỉ xem nhật nguyên, đương nhiên, nhật nguyên Bính hỏa ở tháng giêng bản thân cũng có quý khí, một điểm này từ Bính là Thái dương sinh ở mùa hàn xuân để lý giải, mùa xuân có Thái dương, là cơ sở vạn vật sinh trưởng, ai cũng thích. Nhưng bát tự này quý khí chân chính vốn là ở chỗ nào chứ? Phép tôi xem là, khí số Giáp mộc là tốt nhất, tất nhiên quý khí đến từ nơi Giáp mộc, Giáp mộc là Thiên Ấn đại biểu tư duy người này, tư tưởng có thể so sánh là hơn người bình thường. Bởi vì chỉ nhìn từ Giáp mộc, Quý Bính của nó cùng thấu thiên can, trạng thái Giáp mộc là tốt nhất. Bất kể nói gì, thế Giáp mộc này là một trạng thái tốt tất phải là một chỗ trọng yếu nhất ở trong bát tự. Đây là một danh nhân lịch sử.

**Tháng hai Giáp mộc Canh phù hợp:** Ý câu này là Giáp mộc tháng hai Canh kim tối yếu phù hợp, phù hợp chính là vừa dùng chỗ tốt, không nhiều cũng không ít, không khinh cũng không trọng. Luận khí số, thấu ra thiên can là trọng yếu, nhiều ít khinh trọng thì xem lực độ của nó.

Giáp mộc tháng hai là Hoạt mộc lúc sinh trưởng, cổ nhân so sánh rất hình tượng, nói Canh kim có thể dùng để cắt xén Giáp mộc, như vậy cây cối mới có thể trở thành vật dùng, nhưng nhấn mạnh lực độ cắt xén phải thích hợp, không khinh cũng không trọng, Canh kim phải không nhiều cũng không ít. Cắt xén cũng chính là vun xới, cây cối chỉ có như vậy mới dễ dàng thành vật dùng. Nói đến đạo lý này, tôi muốn nêu lên câu nói của Hà Tri Chương "*không biết là nhờ ai cắt ra, tháng hai gió xuân tựa cây kéo.*" Vừa khéo, dường như nhà thơ cũng biết tháng hai Giáp mộc cũng phải cần chữ Canh kim. Dụng Canh kim cắt xén Giáp mộc, thú đấy Giáp mộc thành tài, đây chỉ là cổ nhân so sánh, thực ra, tôi cho rằng Giáp mộc là sinh khí, đến tháng 2,3, luồng khí này quá vượng, ngược lại cần phải có một khí khác đi ức chế nó. Canh kim can dương cũng là khí, khí Canh kim có

thể khởi đến tác dụng xung động hoặc là ức chế Giáp mộc, nếu không làm sao không cần Tân kim. Chẳng qua cổ nhân dùng nó để so sánh lý giải tốt hơn mà thôi.

**Tháng 3 trước Canh sau Nhâm Quý:** Tháng giêng Giáp mộc không có đề cập đến dụng Canh kim, là bởi vì tháng giêng Giáp mộc còn quá non yếu, vẫn còn ở trong đất chưa mọc ra. Lại thêm tháng giêng còn khí lạnh, Bính hỏa Thái Dương so với cái gì cũng trọng yếu. Tháng 2,3 Giáp mộc, dương khí sung túc, thì Bính hỏa không phải là trọng yếu nhất, trọng yếu là Canh kim. Tháng 2,3 mộc đang vượng, Canh kim khắc Giáp mộc ở trong bát tự chủ yếu là ức chế, không cho nó sinh trưởng rồi bời. Tháng 3, Giáp mộc dụng Canh kim là hàng đầu, thứ là dụng Nhâm thủy hoặc là Quý thủy, bởi vì tháng 3 bắt đầu thổ vượng, mặc dù Giáp mộc rất vượng nhưng khí đang thoái. Dụng Nhâm Quý có thể lúc nào Giáp mộc cũng được bổ sung nguyên khí.

Có người nói, xem quyển sách 《 **Cùng Thông bảo giám** 》 rất dễ dàng chóng mặt. Mới nhìn thì còn được, bởi vì nó nói quá nhiều biến hóa. Bởi vì tác giả cứ một mực bày ra. Người nào đầu tiên nhìn cũng đều có cảm giác choáng váng.

Ở đây tôi nói khí số, là một cương lĩnh, nó khái quát tổng hợp các loại biến hóa ở trong sách. Lý xuất ra một đầu mối. Cũng chính là nói nắm chắc tính cương lĩnh tốt vật trọng yếu nhất, biến hóa phải tạm thời đặt phía sau một bước. Ba tháng mùa xuân khí số Giáp mộc cơ bản là như vậy. Tiết sau sẽ tiếp tục nói các tháng khác của khí số Giáp mộc.

### **Quyết viết:**

**Tháng 4 Giáp mộc Quý sau Đinh,  
6,7,8,9,11 Đinh linh.**

**Tháng 10 Giáp mộc Canh Đinh yếu,  
11,12 Giáp mộc Canh dẫn Đinh.**

Quyết Khí số Giáp mộc thì ở 8 câu này, chớ xem thường 8 câu này, nó khái quát nhiều nội dung hay, đối ứng ở trong sách 《 Cùng Thông 》 lại có ý nghĩa lớn. Sau đây tôi sẽ giải thích:

Tháng 4,5 đầu tiên Giáp mộc cần là Quý thủy, Quý thủy có hai tác dụng: Một là điều hậu, Nhâm thủy quá di động, dụng để điều hậu không bằng Quý thủy; Hai là lúc Giáp mộc có căn, lâm đến tháng 4,5 tất nhiên là tiết khí thái trọng, có thủy tư nhuận, rễ lá Giáp mộc mới không đến nỗi bị khô héo. Nếu như nói Giáp mộc không có căn, vậy là tòng thế, tòng thế như thế nào? Tháng 5 đương nhiên là thế hỏa tối vượng, Đinh hỏa thấu ra Giáp mộc mới tòng thuần túy, bất tự lấy trung hòa thuần túy mới là cát.

Giáp mộc ở tháng 6, 7, 8, 9, 11, Đinh hỏa là yếu tố đệ nhất. Có Đinh thấu can, Giáp mộc chính là khí số bất phạm. Đinh hỏa nếu như ám tàng, tức là ở trong địa chi Ngọ hoặc Mùi hoặc Tuất, thiên can không thấu, tầng lớp người này thông thường là không cao bằng Đinh hỏa thấu can. Trong bát tự không có Đinh hỏa trên cơ bản là toán khí số bất toàn, tầng lớp giáng thấp. Giáp mộc ở các tháng này tại sao lại thích Đinh hỏa chứ? Giáp mộc ở tháng 6,7,8,9, trên cơ bản là có thể lý giải là hài cốt cây chết sau này, cổ nhân dụng bó củi để so sánh, chỉ có đốt cháy, nó mới có thể phát ra năng lượng của mình, có chút thành tựu.

*Lại xem một Càn tạo: Quý Tị - Giáp Tý - **Đinh Dậu** - Giáp Thìn;*  
Tại sao có nhiều người sùng bái hấn như vậy? Không phải bản thân hấn cứ khăng khăng như vậy, mà mệnh hấn cho phép như vậy. Mà chỗ này Giáp mộc không phải là nhật nguyên, nhật nguyên là Đinh hỏa, nhật nguyên đại biểu mệnh chủ, Giáp mộc trùng điệp, đại biểu số đông nhân dân. Trước mắt chúng ta dùng tri thức để phân tích một chút, nếu như trong bát tự này không có Đinh hỏa, thì Giáp mộc này ngu xuân hay không ngu xuân? Nếu không có Đinh hỏa, thì Giáp mộc ngu xuân như vật vô cơ. Ai có thể sẽ khiến cho Giáp mộc linh hoạt, trở nên vật không ngu xuân chứ? Đây chính là dựa vào Đinh hỏa này. Căn Đinh hỏa chân chính là Tị hỏa, căn rất cứng mạnh, đại biểu là tổ

phần của nó, cao thủ an táng đất bảo địa rất lợi hại, có người muốn phá hỏng, tìm đều không tìm được, những tin tức này có thể thì trong địa chi Tý Tị ám hợp mà phân tích. Còn có lúc Đinh hỏa nhược thì là ngọn đèn cầy, thích chính là nơi hắc ám, bất tự hiển thị mệnh chủ là tinh sao ngọn đèn ở trong chỗ mờ tối, trong hiện thực nó chính là cứu tinh của nhân dân, đây không phải là bản nhân của hắc muốn mọi người như vậy, mà là ông trời đã có sự an bài.

Cuối cùng, còn có Giáp mộc ở tháng 10, 11, vẫn là dụng Đinh hỏa, nhưng chỉ vì lại có một Canh kim, mọi người đều biết, tháng 10 Giáp mộc đắc khí Trường sinh, tháng 12 kiến Sửu, lại đi qua tháng Dần, Giáp mộc ở Sửu là Quan đái, hai tháng này Giáp mộc có khí, đang ở trong quá trình sinh phát, lúc này Giáp mộc đều là khá ấm thấp (thực ra mùa đông cũng đã ấm thấp), dụng Canh bổ Giáp, chính là đem thấp mộc cắt xén nhỏ, là phương tiện để làm chất đốt tự nhiên. Đương nhiên đây là chỗ cổ nhân dùng để so sánh, tôi lý giải thành như vậy, Canh kim vẫn là một luồng khí, đối với Giáp mộc là một loại ức chế, cành cây bề ngoài có thể cắt xén nhỏ làm chất đốt, sau đó thì căn khí cũng không bị lộ ra. Tôi đã từng hỏi qua một vị lão nông cắt cây dâu tằm, lúc đó tôi vẫn còn nhỏ, thường luôn suy nghĩ suy xét một vài vấn đề khó ở phương diện mệnh lý. Vào một ngày, ngẫu nhiên nhìn thấy một vị lớn tuổi đang cắt sửa cành dâu, đột nhiên trước mặt sáng ngời, thì đi qua hỏi ông ấy: "Lão nhân gia, tại sao ông phải cắt sửa nó như? Giữ lại sang năm không phải cành nhiều lá nhiều sao?" Lão nông nói cho tôi biết: "Cây này chính là đúng lúc như vậy, người muốn nó có cành lá xanh tốt không cần cắt tỉa vẫn không được chứ!" Chỗ này làm cho tôi hiểu ra cắt tỉa cũng là một loại vun đắp, khắc chế có lúc lại là một loại trợ giúp. Tháng 10, tháng 12 đều là lúc khí Giáp mộc sắp sửa bắn ra, ức chế nội khí, khắc mát cánh lá bên ngoài, Giáp mộc phát vinh càng nhanh. Tháng 12 trong quyết Giáp mộc ý là không hoàn toàn như vậy, chủ yếu là nói dụng Canh bổ Giáp dẫn thông Đinh hỏa.

Chỗ này lại làm cho tôi nghĩ đến một câu thơ:

*Lửa rừng đốt bất tận,  
Gió xuân thổi lại phát.*

Tôi lớn lên ở vùng nông thôn, thật đúng là thấy qua loại hiện tượng kỳ quái này, chỗ mùa đông bị lửa rừng thiêu đốt, đến mùa xuân phá lệ xanh biếc.

### ***Cuối cùng nói rõ mấy điểm:***

+ Thứ nhất, không phải tất cả bát tự đều cần phải dùng khí số để xem, là tông tượng tức là tồn tại một loại khí thể lớn bát tự, thì phải thuận theo thế mà làm, lúc này thì phép khí số lộ ra không phải trọng yếu. Ví dụ như: Ất Mão - Quý Mùi - **Ất Mão** - Đinh Hợi, bởi vì có tam hợp mộc cục, tượng cục là mộc vượng không có kim, thành cách Nhân thọ. Như vậy bát tự này thì phải thuận theo thế, thuận tông thế mộc vượng, dụng thủy dụng hỏa đều có thể xem xét, phép khí số thì có thể không xem xét. Xử lý khó nhất là bát tự tự tông hay không tông, theo kinh nghiệm của tôi là nhìn thêm đại vận, hoặc tông hoặc là không tông, vì đại vận là chỗ tương tác, đại vận định đoạt. Nhưng bát tự là tự tông hay không tông, lúc vừa bắt đầu phân tích, khí số và khí thể đều phải xem xét.

+ Thứ hai, liên quan đến tông cách, mệnh lý chính tông, mệnh lý manh phái đều cho rằng Tông Cách là hết sức nghiêm ngặt. Bát tự chân tông là rất hiếm thấy. Không phải nói tông là liền tông, càng không có những thuyết pháp người hiện tại cứ hả miệng là Tông Cường, Tông Nhược. Tông Cách chân chính nhất định phải có một loại thế lực to lớn xuất hiện ở trong nguyên cục bát tự, lập tức sẽ không tồn tại xuất hiện ngũ hành khắc nó. Ví dụ như mộc vượng không có kim, không có kim thì là tiêu chuẩn lập tức tông theo thế mộc. Có thể lại có xuất hiện ngũ hành khắc thế, thì người này thay đổi thất thường, ở trên xã hội hiện tại có rất nhiều người như vậy, cho nên bát tự như vậy cũng nhiều. Biện pháp dụng tông nhìn cũng chỉ có thể xem đối với một bộ phận, nhưng nó cũng không phải là trong mắt của cổ nhân nhìn là chân tông cách.

Đọc qua 《 **Trích Thiên Tủy** 》 nhất định các bạn biết Giả tông ở trong Tiết thứ 14 của Quyển thượng có nói một câu: **Tượng Chân tông là có mấy người, bản thân Giả tông cũng có phát.** Nếu bản thân Giả tông cũng có thể phát, như vậy hiện tại người cũng có thị trường một chút là luận tông, Giả tông có lúc dụng biện pháp Tông cách để đoán cũng có thể đoán chuẩn một bộ phận.

**Đệ ngũ giảng: Hóa tượng nan bất nan, Giáp Kỷ thích nghi đoàn**

### **Giáp mộc Hóa Tượng.**

Căn cứ chỗ giải thích, thiên can hoặc địa chi hợp hóa là một điểm khó.

#### **Điểm khó cơ bản ở ba phương diện:**

- + Một, điều kiện thành hóa;
- + Hai, sau khi thành hóa thì làm sao xử lý?;
- + Ba, hợp mà không hóa thì làm sao xử lý?

Ở trước đây chúng ta học tập thiên can hợp hóa, đầu tiên phải học tập một chút tri thức cơ sở, chính là thiên can ngũ hợp:

**Giáp Kỷ hợp hóa thổ,**  
**Ất Canh hợp hóa kim,**  
**Bính Tân hợp hóa thủy,**  
**Đinh Nhâm hợp hóa mộc,**  
**Mậu Quý hợp hóa hỏa.**

**Cổ nhân giải thích rõ: Giáp Kỷ chi niên Bính tác thủ,** Bính là hỏa, hỏa sinh thổ. Cho nên Giáp Kỷ hợp hóa thổ.

Cũng có người cho rằng, ngũ hành trong trời đất là bắt đầu từ thổ, chữ Giáp là đứng đầu, Giáp Kỷ hợp hóa thổ, thổ sinh kim, Ất Canh thì hợp hóa kim, kim sinh thủy, Bính Tân hợp hóa thủy, thủy sinh mộc, Đinh Nhâm hợp hóa mộc, mộc sinh hỏa, Mậu Quý hợp hóa hỏa, hỏa lại sinh thổ, tuần hoàn vô tận. Rốt cuộc trước tiên là ở một hành nào đó, các nhà thuyết pháp đều không thống nhất, không hữu gà có trước hay trứng có trước. Trung y giảng Ngũ vận Lục khí, cho rằng

phàm là năm Giáp hoặc là năm Kỷ, năm đó ngũ hành khí thổ là tối vượng. Giáp Kỷ hóa thổ, ngũ hành thổ gọi là hóa thần của chúng nó. Liên quan đến điều kiện hợp hóa, thứ nhất phải có hóa thần xuất hiện, thứ hai hóa thần phải vượng, tốt nhất là năm lệnh; thứ ba có ngũ hành thổ xuất hiện.

**+ Điều kiện thứ nhất**, hóa thần thấu ra, chính là chỉ ở trong bát tự có cùng ngũ hành giống với hóa thần xuất hiện ở thiên can. Ví dụ như, Giáp Kỷ hợp, khẳng định có tồn tại Giáp Kỷ ở trong bát tự, như vậy thiên can còn phải xem phải chăng là có Mậu Kỷ thổ thấu ra, nếu như có hai can khác có Mậu thổ hoặc Kỷ thổ xuất hiện (thiên can đại vận lưu niên cũng có tác dụng), thì thỏa mãn điều kiện thứ nhất.

**+ Điều kiện thứ hai**, Hóa thần vượng tương, tốt nhất là năm lệnh, chỗ này là lý giải tốt.

Vẫn lấy Giáp Kỷ hợp làm ví dụ, sinh ở tháng Tị Ngọ hoặc tháng Thìn Tuất Sửu Mùi, chính là hóa thần thổ vượng, nhưng mà phân tích tỉ mỉ còn cần phải xem xét phải chăng là có nhân nguyên thổ ngũ hành tương ứng làm chủ sự, đây chính là phù hợp điều kiện thứ hai Giáp Kỷ hóa thổ. Thiên can khác hợp hóa cũng phải có hóa thần vượng tương hoặc là năm lệnh.

**+ Điều kiện thứ ba**, là khó lý giải nhất: "Phải có ngũ hành thổ xuất hiện". Mọi người đều biết, thiên can hợp hóa có 5 tổ, yêu cầu hợp hóa thổ không cần nói nữa, như vậy hợp hóa thủy thì thổ yêu cầu cũng không cần xem xét sao? Chúng ta phải hiểu rõ, bất luận thiên can hay địa chi hợp hóa, đều tồn tại quá trình chuyển hóa vật chất. Giống như người khi hút lấy thức ăn vào cũng phải chuyển hóa thành một bộ phận thân thể con người là như nhau, thực ra vật tất nhiên phải trải qua đường ruột tiêu hóa, qua lá lách vận hóa mới có thể hấp thu. Ở Trung y thì công năng tỳ vị là chuyên chủ tiêu hóa và vận hóa. Tỳ vị thuộc thổ, quá trình hợp hóa cũng phải có thổ, chính là chỗ đạo lý này.

Trong cổ thư có nói **Đắc Long nhi vận, công hóa tư thân**, lý giải đối với chữ Long này, có rất nhiều giải thích. Có thuyết là cần có Thìn,

bởi vì Thìn là Long, lại có thuyết là phải cách nhau 5 vị trí. Tôi cho rằng là phải có thổ, tốt nhất là địa chi có hóa thần thổ mộ khổ. Bất luận là Giáp Kỷ hóa thổ hay là Bính Tân hóa thủy, có ngũ hành thổ tồn tại cũng là một điều kiện để chúng nó hợp mà thành hóa.

Ở đây chủ yếu là nói Giáp hóa tượng, Hóa tượng còn gọi là Hóa khí. Tại sao nói Giáp Kỷ hợp hóa là hóa thành thổ chứ?

Ba điều kiện ở bên trên đều đầy đủ thì sẽ thành hóa, khuyết một hoặc là hai, tối đa là Giả hóa, một điều kiện cũng không có, mà đại vận lưu niên cũng không có điều kiện hợp hóa, đó chính là hợp mà không hóa.

Sau khi thành hóa thì làm sao xử lý, nói chung, chính là lấy Hóa thần làm Thế, tiếp là đi tìm hỷ kỵ của hóa thần. Ngũ hành trợ giúp hóa thần là đệ nhất hỷ dụng, tức là trước tiên phải có Thế vượng, ở lúc xác định Thế vượng, tiếp theo là lấy Tài Quan của ngũ hành hóa thần làm hỷ dụng, tức là dụng vượng. Đây là lý luận của cổ nhân, trong thực tiễn còn cần kiểm nghiệm thêm cho chuẩn.

Manh phái trên cơ bản là lấy 《 **Thập Đoạn cảm** 》 làm căn cứ thiên can hợp hóa. **Đệ nhất đoạn cảnh:**

*Giáp tòng Kỷ hợp, dựa thổ hóa sinh;  
Gặp Ất hệ Thổ tài ám tổn,  
Phùng Đinh hệ Y Lộc thành không;  
Quý hiển cao môn, bởi được lực Tân kim;  
Gia ân đại phú, đều nhờ công Mậu thổ;  
Thấy Quý hệ cả đời phát phúc,  
Phùng Nhâm hệ một đời phiêu bồng;  
Tháng gặp Canh kim, nghèo rớt mồng tơi;  
Giờ phùng Bính hỏa, Lộc hưởng nghìn chung.*

Đọc xong liền biết, Quyết 《 **Thập Đoạn Cảm** 》 không phải là một tác phẩm của Thuật sĩ bình thường.

Giáp Kỷ hợp hóa, chân hóa cũng có hai loại tình huống: **Một là**, Giáp tòng Kỷ hóa, Giáp tòng Kỷ hóa thì thổ là hóa thần. Mặt khác là Kỷ

tòng Giáp hóa, mộc là hóa thần, máu chốt bản thân hóa hay không hóa ở trong bát tự phải chăng là có đủ điều kiện thành hóa hay không. Ở đây chủ yếu nói, tình huống của Giáp tòng Kỷ hóa thổ. Giáp tòng Kỷ hóa, điều kiện tối trọng là khí thổ vượng. Giáp là mộc, bản tính là khắc thổ, nhưng cần Giáp mộc hóa thổ, độ khó ở giữa trung gian thì không cần nghĩ cũng biết. Nhưng mà Giáp mộc cứ thích cùng Kỷ thổ hợp nhau, hơn nữa lực tranh hóa là Thìn thổ. *Lúc hóa được chân thì chỉ luận hóa, hóa thần còn có vài kiểu nói.* Lúc hóa được chân, tức là lúc Giáp mộc thoát thai hoá cốt, lúc này cuộc đời tất có thay đổi trọng đại.

Mệnh thư 《 *Trích Thiên Tuy* 》 nói: "*Tượng Chân tòng có mấy người, Giả tòng bản thân cũng có phát.*" Nhưng thuyết pháp này không có "*Tượng Chân hóa có mấy người*". Chỉ có nói câu "*Tượng Chân tòng có mấy người, Giả tòng bản thân cũng có phát.*". Từ chỗ này có thể suy ra, Tòng Cách ở trong mệnh học truyền thống là rất nghiêm khắc. Hóa Khí cách, thì không phải rất nghiêm khắc. Trong thực chiến, không chỉ là lúc hóa được chân chỉ luận hóa, bát tự Giả hóa, có lúc cũng cần lấy chân hóa để nghiên cứu hỉ kỵ của nó. Hiện nay trên xã hội, bát tự Giả tòng Giả hóa rất nhiều, bát tự Giả tòng Giả hóa, cũng giống như con người, cũng phải không ngừng mà nỗ lực, nỗ lực khiến cho mình đứng vào hàng ngũ cao quý. Ngũ hành trong bát tự cũng là phải nỗ lực khiến cho mình trở nên chân tòng hoặc chân hóa. Mọi người biết, tìm chuẩn hỉ kỵ, là căn bản đoán chuẩn lưu niên. Trong thực tiễn, rõ ràng xuất hiện nan đề là hỉ Giáp sợ Ất, hoặc hỉ Ất sợ Giáp. Thường thấy một vài cao thủ có thể phân biệt rõ ràng. Vốn là ở đây có rất nhiều học vấn trọng yếu.

Vấn đề thuyết minh là chúng ta cần xem một tạo:

*Cần tạo: Ất Tị - Bính Tuất - **Kỷ Hợi** - Giáp Tý.*

*Đại vận: Ất Dậu, Giáp Thân, Quý Mùi, Nhâm Ngọ, Tân Tị.*

5 tuổi khởi vận.

Đại vận: Quý Mùi; Lưu niên: Tân Mùi.

Đại vận: Nhâm Ngọ; Lưu niên: Tân Tị.

Tạo này 5 tuổi hành vận, chính là Mậu thổ nắm lệnh. Các bạn xem tạo này, thứ nhất là phát hiện cái gì chứ? Nhật can Kỷ thổ, sinh ở tháng Bính Tuất, thân cường, có thể đảm nhận Tài Quan. Loại này thuyết pháp có đạo lý, nhưng không phải là quan trọng nhất. Tạo này yếu điểm đệ nhất, là có Giáp Kỷ hợp. Nhưng kết quả Giáp Kỷ hợp lại làm sao xử lý?

Đầu tiên phán đoán là Kỷ tòng Giáp hóa, hay là Giáp tòng Kỷ hóa. Tạo này có ba trụ trước hỏa thổ vượng, Giáp tòng Kỷ hợp là không nghi ngờ, bởi vì Giáp Kỷ hóa thổ, mà lại có đủ điều kiện thành hóa. Ở lúc hoàn thành hóa tượng, bất luận chân hóa hay là giả hóa, đầu tiên là luận hóa tượng. Đã giáp tòng Kỷ hóa, như vậy thổ chính là hóa thần, Ất mộc trong cục chính là đại bệnh, dụng Tân khử Ất là tốt nhất. Quả nhiên năm Tân Mùi tấn tiến một cấp, năm Tân Tị lại thăng một cấp. Liên chặt đóng lương kim đắc dụng, hóa thành tro bụi hỏa là tai.

Giáp tòng Kỷ hóa, lúc hợp rất tự nhiên, hấp dẫn lẫn nhau. Có thể lý giải như vậy, quá trình Giáp Kỷ hóa thổ, chính là quá trình Giáp mộc thối rữa biến chất hóa thành đất bùn. Kỷ là thổ điền viên, cây cỏ ở trong ruộng vườn mục nát biến chất thì trở thành phân bón, lúc này đất ruộng vườn chính là đất rất có giá trị. Nhưng mà, Giáp mộc rất không thành thực, nó có một căn khí thì sẽ phản loạn.

Làm sao lúc này Giáp mộc chân hóa là thổ? Hoặc là lúc này lại là Giả hóa chứ? Có câu nói: Thì xem Giáp mộc có căn hay vô căn. Giáp mộc vô căn thì tử, tử mà hóa làm gia tăng dinh dưỡng phân bón, đề cao chất lượng thổ; lúc Giáp mộc trường căn, tức là Hoạt mộc, Hoạt mộc không chỉ không thể cống hiến làm phân bón, còn phải hút thu phân bón vốn có ở trong đất, cả hai kết quả tất nhiên là có phân biệt rất xa.

Đối với những gì đã nói ở trên, chúng ta có thể lý giải như sau:

**"Giáp tòng Kỷ hóa, dựa thổ hóa sinh"**, ý chính là khí thổ vượng là điều kiện trọng yếu để chúng nó thành hóa;

Gặp Ất phùng Đinh, gặp Canh phùng Nhâm đều không tốt; gặp Mậu

phùng Tân, gặp Quý phùng Bính đều tốt. Trong thực tế cũng đều là xoay quanh ở ngũ hành thổ mà nói. Ất Canh hóa kim, Đinh Nhâm hóa mộc, ở thổ là không phải khắc mà là tiết, đương nhiên là bất lợi. Mậu Quý hóa hỏa, Bính Tân hóa thủy, hóa khí ở Kỷ đều có lợi. Ở đây là một nội dung rất phức tạp rất khổng lồ. Khả năng mọi người đều biết, ở trong Trung Y học, khá coi trọng ngũ vận lục khí, ngũ vận lục khí thực tế thì có liên quan đến hóa khí. Ví dụ như năm Giáp hoặc là năm Kỷ chính là khí thổ vượng, năm Ất Canh khí kim vượng, năm Bính Tân khí thủy vượng, năm Mậu Quý khí hỏa vượng. Hóa khí chủ yếu là chịu ảnh hưởng khí ngũ hành khá lớn, hóa khí cũng đều có phân ra hỉ nhiệt hoặc là hỉ hàn, hỉ kỳ ở trên Thập Đoạn Cấm cơ bản là có liên quan đến chỗ này, cùng chúng ta mặc dù thông thường có liên quan đến ngũ hành, nhưng cũng có tồn tại phân biệt, lý giải tỉ mỉ chỉ có bắt tay từ lý luận Trung Y. (Giới thiệu bạn đọc có trong 《 **Hoàng Đế nội kinh** 》 )

*VD như Càn tạo:* Giáp Dần - Giáp Tuất - **Kỷ Sửu** - Mậu Thìn (Đối phương nói với tôi là: *Đại sư*, tôi đã trải qua 5 lần nói chuyện vẫn không thành, hai vị ca ca đều chạy mất, cha mẹ đã gần thất tuần, tôi xin ngài nhìn bát tự tôi một chút! ). Bát tự này bệnh là ở Giáp mộc trường căn, giờ Thìn cùng Giáp Dần, căn Giáp mộc đặc biệt trọng, căn bản là Hoạt mộc, Giáp tòng Kỷ hóa bất chân, Kỷ tòng Giáp hóa càng không thể. Đếm bao gồm cả nạp âm tổng cộng là có mấy mộc? Vừa đúng là 5 cái. Chẳng lẽ nó nói 5 cái không thành, là trùng hợp ngẫu nhiên sao?

*Lại xem một Càn tạo:* Quý Mùi - Ất Mão - **Giáp Tý** - Kỷ Tị. Điều kiện Giáp Kỷ hóa thổ không thỏa mãn, hóa tượng không chân, Kỷ tòng Giáp hóa, mộc khí vượng, lại là một xu hướng. Nhưng giờ lâm Tị hỏa, kim đắc trường sinh, đối với hóa mộc cũng là một đại kỳ, nói chung loại này là thuộc bát tự Giả hóa. Nhưng vừa gặp vận Tân khí thế lại tràn đầy, gặp Tân có khí thế hóa thổ, chỗ này cùng khí mộc nguyên cục cách xa không nhập. Kết quả người này huy hoàng ở vận Tân, chết cũng ở vận Tân. Tạo này thì ở phương diện thuật số để thảo

luận, còn có một vấn đề liên quan đến phong thủy, chính là năm Mùi thổ, bát tự này thế mộc lớn mạnh, hóa mộc là thuận thế là cát, nhưng trụ năm, giờ cũng có đủ hỏa thổ được một vài điều kiện hóa thổ, như vậy những điều kiện bang trợ hóa thổ thực tế đều là bệnh của bát tự. Chi năm đại biểu tổ phần, tổ phần người này có đại bệnh.

Đây là bát tự **Nhạc Phi**, có hứng thú thì có thể đọc bài viết 《Thuyết Nhạc》, liên quan đến tổ phần ông ấy cũng có một đoạn thuyết minh, lúc hạ táng thì có đại sư dự báo nói hậu nhân thâm.

Lại xem một ví dụ có liên quan đến Giáp và Kỷ hợp.

*Cần tạo:* Kỷ Sửu - Bính Dần - **Quý Mùi** - Bính Thìn (sinh năm 1949)  
Sinh ngày 25 tháng giêng, sau tiết Vũ Thủy 3 ngày, Giáp mộc đương lệnh, bát tự này không phải là loại tình huống Hóa Khí cách, nhưng áo bí bát tự là ở chỗ Giáp Kỷ hợp. Tạo này thổ quá nhiều, dụng Giáp mộc đương lệnh là không nghi ngờ, trụ tháng Bính Dần khiến cho Giáp mộc Thương quan sinh Tài là cát lợi, nhưng mà, trong ám lại có Giáp Kỷ hợp, bởi vì Giáp trong Dần và Kỷ thổ trong Sửu Mùi có tác dụng ám hợp, năng lực Giáp mộc sinh Tài giảm mạnh. Bởi vì Giáp Kỷ hợp, lực lượng dụng thần cũng biến giảm nhỏ.

Liên quan đến Giáp mộc hóa tượng còn có một loại tình huống, như *Cần tạo:* Nhâm Tý - Canh Tuất - **Giáp Ngọ** - Bính Dần. Bát tự này không có Kỷ thổ, lấy ở đâu hóa tượng chứ? Có, Dần Ngọ Tuất hợp hóa hỏa, Giáp mộc lại vừa đúng tọa Ngọ, kết quả tâm tư Giáp mộc hoàn toàn là ở trên hỏa cục, kết quả Giáp mộc tùy theo tượng cục hóa thành hỏa, đại biểu mệnh chủ đi theo con đường Thương quan phát phú. Đây là bát tự một học viên ở trong lớp, người này là thiên tài âm nhạc, kỹ năng Dịch lý cũng rất lợi hại, 5 năm trước nhiều lần đoạt giải quán quân về phép Lục Hào, người cực kỳ thông minh, rất nhiều bát tự văn hào cũng giống như vậy.

Liên quan đến thập can hợp hóa, còn phải có chú ý hạng mục trọng yếu. Ở đây có hai câu khẩu quyết trọng yếu, đó là:

*"Luận lục thân hệ Nhật bất biến,*

*Luận dẫn biến hệ thời bất hóa."*

Muốn biết giải thích hai câu này, mời xem phần giải thích ở dưới.

## ***Đệ lục giảng: Thập nhị Cung Trường sinh, Ngũ khí biện hành tung***

### ***Thập nhị Cung Trường sinh.***

Các tiết ở trên lúc nói khí số Giáp mộc , thực ra có vài chỗ phải dùng đến thập nhị Cung Trường sinh. Ở lý giải trước đây, chúng ta tranh thủ một chút để học tập tri thức Thập nhị Cung Trường sinh.

Thập nhị Cung Trường sinh, tức là chỉ: 12 loại trạng thái vượng suy là Trường sinh, Mộc dục, Quan đái, Lâm quan, Đế vượng, Suy, Bệnh, Tử, Mộ, Tuyệt, Thai, Dưỡng. Chúng ta đem thực vật ở trong hiện thực để so sánh, loại giống thực vật lúc được hoàn cảnh sinh trưởng thích nghi, liền có sinh khí (tượng trưng Giáp mộc), loại sinh khí này cũng có thể xem là một loại sức sống, sức sống lớn nhỏ của một loại ngũ hành nào đó, trạng thái tốt xấu, thì xem la không phải được "Trường sinh". Bất luận là một ngũ hành nào, được Trường sinh chính là tiêu chí cơ sở có đủ phát triển mạnh mẽ của nó.

Ví dụ như, địa chi trong bát tự thấy Dần, chính là hỏa được Trường sinh; địa chi thấy Hợi, chính là mộc được Trường sinh; địa chi thấy Thân, chính là thủy được Trường sinh; địa chi thấy Tị, chính là kim được Trường sinh.

Đối với thổ, phép xem của tôi ở trong thực tiễn là: Thủy thổ Trường sinh ở Thân, Hỏa thổ Trường sinh ở Dần, lại xem thổ này là dựa vào ai. Thông thường mà nói, thổ chỉ cần thấy hỏa, thì là được sinh khí.

Ngũ hành được Trường sinh chính là nhận được một loại sức sống, có một loại cơ sở sinh trưởng, đối với ngũ hành cần phải tăng cường mà nói, chính là có đủ một loại ưu thế phát triển. Ở trong vận dụng thực chiến đối với 4 loại trường sinh Dần Thân Tị Hợi, cần phải có động, khả năng quan sát sự vật phát triển đối với nó.

Dưới đây trên cơ bản là chúng ta theo được trường sinh là cát để phân tích. Trạng thái Trường sinh mặc dù không có một loại độ vượng như Lâm quan, nhưng mà nếu phải so sánh với trạng thái Mộc dục,

Quan đái thì tốt hơn nhiều.

Ngoài ra, trên nguyệt lệnh hoặc thời lệnh được Trường sinh, cùng ở trên ngày và năm được trường sinh, ý nghĩa lại có phân biệt, chỗ này chủ yếu là phân công tứ trụ khác nhau mà gây nên. Năm và ngày là Căn, tháng và giờ là Mâm, trên căn được trường sinh cùng trên mâm được trường sinh đương nhiên là có phân biệt. Tôi ở trong thực tiễn, đem năm và ngày được trường sinh xem như là được chân trường sinh, trên tháng và giờ được Trường sinh, lại có một loại xu thế di động hướng về trước. Chỗ nói di động hướng về trước, ví dụ như nói hỏa trường sinh ở Dần, chữ Dần ở trên tháng và giờ có xu thế sinh hỏa, đặc biệt Dần là trụ giờ, có một nửa xem như là hỏa.

Sau khi bước qua Trường sinh là tiến vào giai đoạn Mộc dục. Tiếp tục dụng quá trình sinh trưởng của thực vật để so sánh, mộc dục thì tương đương ở giai đoạn manh nha mới lú lên, hạt giống manh nha mới lú là sau khi sinh khí tụ tập đến mức độ nhất định, lại cần ở trên hình thể mông muội phát ra một loại vật chất mới. Một quá trình này, mặc dù nói là giai đoạn ở một chỗ khá vượng thịnh, nhưng có tượng phong ba nguy hiểm khá lớn, cổ nhân lại gọi nó là "Đào hoa" hoặc là "Bại địa". Chỗ nói bại địa, không phải là không có một loại trạng thái không tốt, nó thuộc về một loại giai đoạn đặc thù rất giòn yếu. Lúc này rất cần phải được bảo hộ, rất sợ thấy bị hình thương, vừa thấy hình thương, thì sẽ tạo thành sinh trưởng phát dục rất không bình thường. Con người cũng vậy, lúc đến vận Đào hoa thì tình cảm rất giòn yếu, hi vọng có thể nhận được sự quan tâm chiếu cố của người khác. Phối ngẫu của mình nếu như ở trên chỗ máu chót này không chăm sóc nó thật tốt, thì tất nhiên dễ dàng xuất hiện người thứ ba.

Như địa chi thấy Tý, mộc lâm đất Mộc dục; địa chi thấy Dậu, thủy lâm đất Mộc dục; địa chi thấy Ngọ, kim lâm đất Mộc dục; thổ mộc dục ở Mão Dậu, lý do là thổ trường sinh ở Dần hoặc Thân. Trong đó, năm và ngày được Mộc dục cùng tháng và giờ được Mộc dục trên ý nghĩa là có phân biệt. Tôi ở trong thực tiễn, đem chỗ Mộc dục, xem như là một loại trạng thái ấu trĩ mà lại là rất dễ bị thụ thương.

Mộc Dục đi qua chính là Quan đái. Bạch Cư Dịch ở trong 《 Trường Hận ca 》 viết trước khi Dương Quý Phi nhập cung, "*Dương gia hữu nữ sơ trưởng thành, dưỡng tại thâm khuê nhân vị thức*", tôi nhận thấy nàng lúc này vẫn còn chỉ thuộc về giai đoạn Quan đái. Dục con người ở quá trình trưởng thành để ví von, thì Quan đái tương đương ở con người phải thành thực lại còn chưa thành thực. Trạng thái Quan đái không bằng trạng thái Lộc Vượng, nhưng so với trạng thái Mộc dục là vẫn tốt hơn nhiều, nó cùng trạng thái Trường sinh cũng khác nhau. Ở trong thực tiễn có thể đem nó tưởng tượng thành một đứa hài nhi vừa mới lớn lên mà lại không hiểu thế sự.

Sau Quan đái chính là vị trí Lâm quan. Vị trí Lâm quan còn gọi là vị trí Lộc. Bất cứ ngũ hành nào ở địa chi thấy Lâm quan đều gọi là Đắc Lộc, chỗ này đích xác Lộc là phúc lộc. Cụ thể nói chính là Giáp Lộc ở Dần, Ất Lộc ở Mão, Bính Mậu Lộc ở Tị, Kỷ Đinh Lộc ở Ngọ, Canh Lộc ở Thân, Tân Lộc ở Dậu, Nhâm Lộc ở Hợi, Quý Lộc ở Tý.

Tại sao Cổ nhân đem trạng thái Lâm quan lại gọi là Lộc chứ? Bởi vì nó là loại ngũ hành ở trạng thái tốt nhất. Nếu như nói được Trường sinh là nói phát triển lớn mạnh về sau, như vậy đến vị trí Lâm quan chính là một vị trí rất lý tưởng, tại sao nói Lộc là trạng thái lý tưởng nhất? Là bởi vì phía trước Lộc có đế vượng, ở sau có Quan đái, có thể tiến có thể thoái. 《 **Trích Thiên Tuy** 》 đối với can chi rất chú trọng thiên phúc địa tái, ý là một ngũ hành địa chi nào đó đắc lộc, tốt nhất có thiên can cũng thấu ra; cổ nhân cho rằng bát tự có 4 thiên can Lộc, tốt nhất ở trong bát tự 4 địa chi đều lấy được. Có thể thấy cổ nhân phải chăng là có thấy đắc lộc hay không đối với thiên can hết sức trọng yếu. Tôi ở trong thực tiễn, đem một ngũ hành thiên can nào đó đắc Lộc, xưng là "Can chi cường tráng". (Cổ nhân có "Giao hồ đắc Lộc" thuộc về chỗ này). Trong Mệnh lý học còn có cùng một chữ Lộc nghĩa khác nhau, chính là Lộc quan lộc, hoặc là Lộc Mã. Cổ nhân đem Quan gọi là Lộc, Tài gọi là Mã, cùng Lộc ở đây không phải là một khái niệm, Mã cũng không phải là nói Dịch Mã.

Sau Lâm quan chính là Đế Vượng. Đế vượng còn gọi là Dương Nhận.

Nói cụ thể là, Giáp Dương Nhận ở Mão, Bính Dương Nhận ở Ngọ, những cái khác dựa vào chỗ này mà suy. Lâm quan hoặc Đắc Lộc là một loại trạng thái vượng mà không quá mức, tiến thoái đều phù hợp, phát triển đến Đế Vượng chính là tiêu chí Cực vượng. So sánh giữa Đế vượng và Lâm quan, đa số người đều cho rằng xứ Lâm quan là tốt, Đế vượng là không cát. Nhưng trên thực tế trạng thái Lâm quan tất nhiên còn phải phát triển, như vậy phát triển tiếp nữa thì có khả năng đạt đến trạng thái Đế vượng, nếu như Đế vượng không cát, như vậy có thể nói ngũ hành ở vị trí Lâm quan thì lại không hướng về phía trước phát triển sao? Hiển nhiên là không phải như vậy. Chỗ ngũ hành ở trạng thái Đế vượng không phải là bởi vì Đế vượng không cát, mà là chỉ nó có thể phát triển đến độ không cát.

Chỗ ngũ hành ở trạng thái Đế vượng (đắc Dương Nhận), cũng không phải nhất định là hung, chỗ ngũ hành ở Đế vượng, thường luôn sợ phùng xung, sợ phùng sinh (tam hợp cục lại là ngoại lệ), bởi vì xung tất phải động, sinh tất phải tiến, bi kịch vật cực tất phản chính là sản sinh từ chỗ này. Ví dụ như: Mệnh cục Lộc Nhận cùng lâm mà lại không thành Tòng cách, đa số là không có tầng lớp cao. Cụ thể có thể xem bản chính 《 **Huyền Quan nhất khiếu** 》 .

Sau Đế vượng chính là đất Suy. Đất Suy cũng phải cần chú ý, đây chỉ là một loại phân chia ở trên lý luận. "Suy", tốt nhất lấy dùng động từ suy thoái. Mức độ vượng suy của nó là đem đối với trạng thái Đế vượng mà nói, mà không phải là suy nhược chân chính. Ví dụ như Giáp mộc sinh ở tháng Thìn, ở trong thập nhị cung Trường sinh là ở đất "Suy", nhưng mà khí ngũ hành mộc cũng không nhược. 《 **Trích Thiên Tuy** 》 xưng Giáp mộc ở tháng 3 âm lịch là thoái khí, ý là lực lượng ngũ hành mộc là ở đất dần dần thoái giảm. Nhưng không phải là một loại rất suy nhược. Đối với "Suy", ở trong thực tiễn đầu tiên phải có một loại ý thức tư tưởng từ vượng dần dần đi hướng suy. Mức độ vượng suy ở đất suy không bằng ở đất Lâm quan, chỉ là đi hướng phát triển cùng Lâm quan là trái nghịch mà thôi.

Qua Suy chính là đất Bệnh. Giáp mộc ở Mão là Đế vượng, ở Thìn là đất suy, ở Tị là đất bệnh. Bởi vì Tị là đất kim trường sinh, là kim được sinh khí, mà mộc thì bị kim thương hại, cho nên Giáp đến vị trí Tị là đất bệnh. Ví dụ như Dần thấy Tị, có người nói là Hình, bởi vì có thể nghiệm thụ thương, thực tế là Giáp mộc bởi vì Tị hỏa mà nhiễm bệnh, cho nên nguy hiểm. Cái khác ở đất bệnh cũng cùng một lý.

Qua Bệnh chính là đất Tử. Ví dụ như Giáp mộc lâm trên Ngọ hỏa hoặc sinh ở tháng Ngọ hoặc giờ Ngọ, đều có thể nói là lâm Tử địa. Lâm Tử địa cùng lâm Suy, Bệnh có phân biệt gì chứ? **Đáp án là:** Có phân biệt rất lớn. Bất cứ một ngũ hành nào lâm đến Tử địa, thì tuyệt khí, Dương tử Âm sinh, Giáp mộc tử, còn lại chính là thể chất của nó, nhưng không phải là không dùng. Thể chất hữu dụng hay vô dụng thì phải xem có người dùng nó hay không. Chúng ta có thể so sánh như vậy, Tử mộc mà lại không có người đi thu thập tất vứt bỏ nơi hoang sơn dã ngoại, một chút nó cũng không có giá trị nào. Tử mà có thu vào, trên ý nghĩa thì tuyệt đối khác nhau. So sánh quan hệ bình thường, cây chết được người thu thập vào nhà, nhất định là mộc hữu dụng. Theo quan điểm nhìn của tôi, ngũ hành đúng Tử, thấy Mộ khổ trái lại là cát. Đây cũng chính là đạo lý người sau khi chết, tại sao phải an táng, lúc hạ táng còn phải "Tiếp khí" chứ. (**Chú ý:** Ở đây chỉ là luận quy luật lưu hành ngũ hành, không phải thấy người có ngày Giáp Ngọ là không dùng. Giáp mộc là khí, Giáp ở tử, chỉ qua là nói một loại trạng thái của Giáp, có thể xem như là khí rất kém. Về phần nhân mệnh, không thể cho rằng rất kém, là Giáp tử Ất sinh, là nhiều khối người dụng đúng mộc). Chỗ Tử địa, trạng thái rất kém còn có một bằng chứng, 《 **Tam Mệnh thông hội** 》 ở lúc luận số con cái có một ca quyết. Trong đó có một câu. . . : "Gặp Tử đến già không có trẻ con. . . ." Thập nhị cung này cũng chỉ có trạng thái Tử là đến già không có con.

VD: Canh Ngọ - Nhâm Ngọ - **Giáp Thìn** - Giáp Tuất.

Giáp mộc sinh ở tháng Ngọ vốn là lâm Tử địa, nhưng mà Giáp tọa Thìn, còn có Nhâm thủy thấu ra, tức là Giáp mộc trường căn này mầm, là Hoạt mộc. Giáp mộc không phải là chân tử, còn có khí tồn

tại, thấy vận Mùi chính là sinh khí nhập mộ. Nếu như không phải tọa Thìn, cũng không được Nhâm Quý thủy thấu can, Giáp mộc mới là chân tử, như vậy hành vận Mùi thì lấy cát xem.

Khi đi qua Tử địa chính là Mộ địa. Nhập Mộ địa còn gọi là nhập Khố, hoặc gọi là nhập Mộ khố (đương nhiên Mộ và Khố cũng có phân biệt, nó là nói ở trong vượng suy). Ở trạng thái 6 loại Suy, Bệnh, Tử, Mộ, Tuyệt, Thai, Dưỡng hoặc ở trong quá trình, chỗ Suy địa cùng Mộ Khố đều là có khí thông căn, mấy loại tình huống khác hầu như khí số là con số 0. Chỗ này theo 4 cái mộ khố chỗ nhân nguyên âm tàng cũng có thể nhìn ra, bởi vì mỗi một ngũ hành ở trong mộ khố đều hàm chứa 3 phần khí số. 《 **Tam Mệnh thông hội** 》 đều cho rằng, tháng Thìn có 3 ngày Quý thủy đương lệnh, trong Mùi có 3 ngày Ất mộc đương lệnh, trong Tuất có 3 ngày Đinh hỏa đương lệnh, trong Sửu có 3 ngày Tân kim đương lệnh. Trong Mộ khố khí số ngũ hành trên biểu hiện đều là âm tính, thực ra nó gọi là Dương khí phản hồn, mệnh thư hiện đại đều gọi nó là có khí hoặc thông căn. Mức độ vượng suy của đất khí thông căn mặc dù là nhược, nhưng khẳng định là vượt qua trạng thái không thông căn lại không đất khí.

Qua Mộ khố chính là Tuyệt địa. Tuyệt địa chính là không có, biến mất. Mặc dù chỗ Tuyệt địa, nhưng cũng không thể nói nó chỗ nào cũng tệ, ví dụ như nói, tuyệt đối với phùng sinh chính là một loại tượng đại cát, báo trước sự vật này là có thể xoay chuyển. Tuyệt đối với nếu không phùng sinh đó mới là thật không tốt.

Quan Tuyệt địa là Thai địa. Ý là qua Tuyệt địa lại phải kết khí thành Thai, nhưng ở đây cùng được khí Trường sinh lại khác nhau. Lúc một ngũ hành nào đó lâm đến Thai địa, không nên tin nó có khí số bao nhiêu, chỉ có thể nói nó so với chỗ Tuyệt nhiều khí hơn một chút mà thôi. Chỉ ở lúc cùng chữ Tuyệt liền một chỗ với nhau, mới có ý nghĩa Tuyệt xứ phùng Sinh.

Quan Thai địa chính là Dưỡng địa. Hai đất Thai Dưỡng đều phải xem là không có sinh khí. Chỉ là ở lúc cùng chữ "Tuyệt địa" đem ở chung với nhau, mới có ý nghĩa đặc biệt. Vẫn là "Tuyệt xứ phùng Sinh".

Qua Dưỡng địa lại quay trở về đất Trường sinh, Trường sinh lại phải bắt đầu tuần hoàn thập nhị cung lần thứ hai.

Ngũ hành thập nhị cung trường sinh đại để là như vậy. Nhưng chúng ta nói thập can có phân biệt âm dương, can dương vượng suy biến hóa có đủ chỗ nói 12 loại trạng thái ở trước, can âm thì không như vậy, can âm chỉ có Tử 9 loại trạng thái từ Sinh đến, bởi vì âm là chất, là nói hình thể, bản thể vật chất. Khi ra đời đến chết là hoàn thành toàn bộ quá trình sinh tử của nó. Ví dụ như, Ất mộc ở trong Ất Dậu, Ất Mùi, đều là Tử mộc. Nhưng tôi không nói nó là mộc vô dụng, tôi chỉ nói nó là Tử mộc. Ất trong Ất Dậu, vẫn là mộc vô căn; Ất trong Ất Mùi, trong Mùi thì có căn, thuộc về Tử mà phản hồn, như vậy Ất trong Ất Mùi có thể nói xem như là Giáp mộc.

### ***Đệ thất giảng: Thiên can phối Địa chi, Lục Giáp tối vi huyền***

#### ***Can Chi Lục Giáp.***

Bát tự có tứ trụ, mỗi một trụ đều là do một tổ can chi để biểu đạt, thiên can cùng thiên can, thiên can cùng tọa chi đều có quan hệ, lúc tôi ứng dụng theo kinh nghiệm mà nói, nhất là coi trọng quan hệ giữa thiên can cùng tọa chi, cùng quan hệ tọa chi ở trước, cùng quan hệ với can khác là ở sau. Cùng can chi phối hợp với Giáp mộc có 6 tổ: Giáp Tý, Giáp Tuất, Giáp Thân, Giáp Ngọ, Giáp Thìn, Giáp Dần, cho nên đem chúng nó xưng là can chi Lục Giáp. Chỗ tôi sắp xếp thực tế là phép xếp thuận, ví dụ như bài trước là ngày Giáp Thân, ngày Giáp Thân trải qua 10 ngày chính là ngày Giáp Ngọ, lại đi qua 10 ngày nữa chính là ngày Giáp Thìn ... là sắp xếp theo thời gian hướng về phía trước mà suy thuận, Manh nhân suy năm tháng ngày giờ đều rất nhanh, nguyên nhân chính là bọn họ không phải là suy theo từng ngày từng ngày, mà là suy theo 10 ngày hoặc là 30 ngày.

Ở trước có nói qua can chi, trước tiên chúng ta phải học tập một vài tri thức cơ sở tương quan.

#### **1, Địa chi tàng can:**

Nếu như bạn đối với tàng can địa chi vẫn còn chưa quen, như vậy thì phải hàng ngày tìm chút thời gian học thuộc một ca quyết này:

*Tý tàng Quý thủy tại kỳ trung,  
Sử trung Quý Tân Kỷ thổ đồng;  
Dần cung Giáp mộc kiêm Bính Mậu,  
Mão trung Ất mộc độc tương phùng.  
Thìn tàng Ất mộc kiêm Mậu Quý,  
Tị trung Canh kim Bính Mậu tòng;  
Ngọ cung Đinh hỏa tịnh Kỷ thổ,  
Mùi trung Ất Kỷ Đinh cộng tung;  
Thân tàng Mậu thổ Canh hành Nhâm,  
Dậu trung Tân kim độc phong long;  
Tuất tàng Tân kim cập Đinh Mậu,  
Hợi tàng Nhâm Giáp thị chân tông.*

Địa chi là hình tượng của Cung vị, trong đó can tàng gọi là Nhân nguyên, tức là kiểu loại nhân vật ở trong cung. Can và tọa chi, thì bao gồm cả quan hệ nhiều thiên can cùng cung cùng Nhân nguyên ở trong cung.

*Nhược năng liễu đạt Âm Dương lý,*

## **2, Khái niệm Thập thần Tử Bình pháp:**

Tử Bình pháp lấy Thập Thần làm hạt nhân, tức là lấy nhật can làm bản thể, lại nhìn các can khác cùng Nhật nguyên là có quan hệ gì. Sinh Ta là Chính Ấn Thiên Ấn (hoặc là Kiêu thần), đồng tính tương xích là Thiên Ấn, dị tính tương hấp là Chính Ấn. Ví dụ như Chính Ấn Giáp mộc chính là Quý thủy, Nhâm thủy là Thiên Ấn của Giáp mộc. Ta sinh là Thực thần Thương quan, đồng tính tương xích là Thực thần, dị tính tương hấp là Thương quan. Ví dụ như Thực thần Giáp mộc chính là Bính hỏa, Đinh hỏa là Thương quan Giáp mộc. Khắc Ta là Quan Sát. Đồng tính là Thất Sát, dị tính là Chính Quan. Ví dụ như Thất Sát Giáp mộc chính là Canh kim, Tân kim là Chính Quan Giáp mộc. Ta khắc là Tài, đồng tính là Thiên Tài, dị tính là Chính Tài, ví dụ như Chính Tài

Giáp mộc chính là Kỷ thổ, Mậu thổ thì là Thiên Tài Giáp mộc. Cùng Ta đồng hành là Tỉ Kiếp. Tỉ Kiếp, là tên gọi tắt của Tỉ kiên và Kiếp tài. Đồng tính là Tỉ kiên, dị tính là Kiếp tài. Ví dụ như Tỉ kiên Giáp mộc chính là Giáp mộc, Ất mộc là Kiếp tài của Giáp mộc. Nhưng can Thập Thần khác cũng đều suy theo chỗ này.

### 3, **Cơ sở nạp âm**:

Tổ hợp can chi cũng có thể nói là sự va chạm của can chi, chỗ va chạm này cũng có phát ra âm thanh, đây chính là nạp âm. Nếu như dựa theo ngũ hành mà nói, phân biệt thổ kim mộc hỏa thủy đối ứng với Cung Thương Giác Chủy Vũ, Cung Thương Giác Chủy Vũ chính là 12356 ở trong khuôn nhạc. Bành sư phụ của tôi mặc dù là người mù, nhưng năm đó ông lại là thủ lĩnh đàn nhị chỗ kịch đoàn bản địa. Một ngày, ông thấy tôi cũng kéo được đàn nhị, liền đoán định là tôi thích cung 26, nói tôi kéo cung 63 tốt hơn một chút, còn cung 52 rất kém, xác thực là như vậy, bởi vì trong bát tự của tôi có kim thủy vượng, thủy mộc là Tài Quan, hỏa là tối nhược.

Giáp Tý nạp âm là Hải Trung kim, Giáp và Tý va chạm nhau phát ra chính là một âm Thương, tương đương với 2. Còn có Giáp Ngọ nạp âm là Sa Trung kim, cũng là một âm Thương. Lực lượng ngũ hành nạp âm rất nhỏ, nếu như thông thường đem chính ngũ hành Bính Đinh so sánh thành Thái dương hoặc là lò lửa, mà ngũ hành nạp âm thì chỉ có tương đương với viên đá lửa. Hoặc là tương đương với đá lửa hỏa tinh cổ đại.

Bên trên học tập đều là cơ sở, không có cơ sở có thể đọc 《 ***Dịch Kinh Tứ trụ nhập môn*** 》 của tôi.

+ Giáp Tý: Khí thế can chi ở thủy mộc tương sinh, ý câu này là nói đại tượng của một trụ Giáp Tý. Lúc Tý thủy phù hợp, Giáp mộc có thể được sức sống, lúc Tý thủy thái vượng (như năm lệnh thâu Quý), cũng có thể ngâm tẩm hoặc đóng thương Giáp mộc; Tý thủy lúc thất lệnh thái nhược, Giáp mộc cũng toán là có căn khí. Trụ ngày Giáp Tý, mộc chủ nhân, tọa dưới Quý thủy trong Tý là phong thịnh, Quý là Chính

Ấn, là thân cao thể kiện, hiền từ dễ mến, tướng mạo tuấn tú. Ấn là văn thư, thân tọa văn thư, chủ tài học siêu quần, có quyền bính. Ấn lại có công sinh thân trợ học, chủ nhân có lực nhớ mạnh mẽ, thành tích học tập ưu tú; Tý thủy lúc ngưng hàn quá vượng, có thể làm mục nát căn Giáp mộc. Trụ ngày Giáp Tý, là thân lâm đất Mộc đục, cũng dễ luân lạc phong trần làm tàn hoa bại mà trở nên vô dụng. Giáp Tý nạp âm là Hải Trung kim, giờ phùng Giáp Tý, có thể dẫn động khí kim, trong trụ nếu có Giáp Tý, có thể phá hủy nhân thọ. Trụ ngày Giáp Tý cũng là ngày Thiên Đức quý nhân.

***Có thơ viết:***

*Bạch Ngọc tiên tử phùng ấn lai,  
Nhất cử thành danh thiên môn khai.  
Quý nhân không đi hướng tây phương,  
Phong hỏa không cậy không gì bằng.*

*Cần tạo:* Giáp Thìn - Đinh Mão - **Giáp Tý** - Mậu Thìn.

*Đại vận:* Mậu Thìn, Kỷ Tị, Canh Ngọ, Tân Mùi, Nhâm Thân, Quý Dậu. Bát tự này nhìn sơ qua có thể nói là mộc vượng vô kim, là Nhân Thọ cách, chỉ vì một trụ Giáp Tý nạp âm là kim, cũng toán là mộc lý tàng kim, hành kim vận đảo môi, đồng thời vận Quý hết thọ.

*Lại như Cần tạo:* Quý Mùi - Giáp Tý - **Đinh Mùi** - Canh Tý.

Bởi vì trụ có tháng Giáp Tý, Quý thủy vượng mà thấu can, còn sinh ở giờ Tý, Giáp mộc ở trạng thái này là không tốt, cũng chính là Quý thủy có thể làm đông thương Giáp mộc. Khởi đầu tôi là lấy mẫu thân hẳn có chứng thương tàn, sau đó mới biết, không phải là mẫu thân, mà là chị gái, chị gái là tàn tật, không đứng nổi. Bát tự này Đinh tọa Mùi thổ, bản thân không có tin tức thương tàn, nhưng lại có tin tức lao tù, chính là có 2 Tý kẹp Mùi, nhật nguyên cùng Đinh Mùi bị Tý thủy ép bước đường cùng. Tôi cơ bản đoán là năm 1971–1973. Kết quả là năm 1971 lúc 28 tuổi.

+ Giáp Tuất: Giáp Tuất có khí thể mộc khắc thổ. Cổ đại có người đem Giáp mộc còn gọi là một Huyền Châm sát, là đến từ hình tượng Giáp mộc, đặc biệt là nam mệnh có ngày Giáp Tuất, Giáp Thìn, có dấu hiệu khắc vợ. Trụ ngày Giáp Tuất, Giáp mộc tọa Dương địa, có thủy tư nhuận cũng làm chôn căn. Tọa dưới có Thiên Tài, Chính Quan, Thương quan, chủ nhân chính trực cương cường, quang minh chính đại, làm quan thanh liêm, nhưng tính cách quá ngay thẳng dễ mắc tội với người, khó tránh bị đả kích, bài xích. Giáp Tuất nạp âm là Sơn Đầu hỏa, sinh giờ gặp Giáp Tuất, có tài văn chương hoặc ăn nói. Giáp Tuất là ngày Thanh Long hiển nghệ. Thơ viết:

*Nhất thế vinh hoa tẩu tha hương,  
Thiên bàn nghệ kỹ dạng dạng cường.  
Quan tinh Ấn tinh lai phùng thượng,  
Phong lưu đa tình ca vũ tràng.*

+ Giáp Thân: Trên biểu hiện là Giáp tọa Tuyệt địa, thực tế Giáp mộc có được Nhâm thủy ở trong Thân tương sinh, trong trụ lại thấy Dậu, Tuất, Hợi, Tý, Sửu hoặc là thiên can có thủy thấu ra, đều là Tuyệt xứ phùng Sinh. Người sinh ngày Giáp Thân, nếu Giáp mộc không được sinh khí khác, thì cả đời lao khổ, bôn ba. Nhưng nếu Giáp mộc là vô căn thì là Tử mộc, Tử mộc phùng khắc xén, cũng không mất đi khả dụng. Giáp Thân là Tinh Tuyền thủy, là mộc tự sinh, cho nên phùng trụ Giáp Thân, đa số trường hợp Giáp mộc phải lấy Tuyệt xứ phùng Sinh mà đoán. Giáp Thân là ngày Long Hồ đoạt khôi.

**Thơ viết:**

*Dược mã hoành qua trì thiên nhai,  
Tần sơn Sở quốc suất phủ gia.  
Nhi nữ thủ túc hỉ tương phùng,  
Trảm tướng đoạt quan tráng sĩ khoa.*

+ Giáp Ngọ: Khí thể can chi ở mộc sinh hỏa vượng, thân tọa Tử địa, ít Tài Quan (tức là ít thổ kim), cả đời lao khổ bôn ba; can sinh chi, đối với thế tử tốt, là Thương quan sinh Tài, đối với bề trên hiếu thuận. Khí Giáp mộc tiết bởi Đinh hỏa, chủ lợi cho người khác, cho nên đối

với việc chiếu cố người khác là có thừa, Ngọ hỏa dụng dương Thực thần sinh vượng, chủ phát phì. Giáp Ngọ là Sa Trung kim, giờ sinh Giáp Ngọ có thể dẫn thông khí kim tiến vào mệnh cục. Chỗ này ở trong hai trụ Giáp Tý, Giáp Ngọ đều đề cập đến giờ gặp, có thể dẫn thông khí kim tiến vào mệnh cục, là bởi vì Giáp Tý, Giáp Ngọ chính ngũ hành cùng kim không hợp, giờ sinh là môn hộ của bát tự, nạp âm kim có tác dụng thông kim. (Luận tổ hợp mời đọc qua tác phẩm 《**Mệnh Lý huyền cơ tham bí**》) Giáp Ngọ là ngày Long Mã bồn trì.

**Thơ viết:**

*Long Mã giao cung tốt phúc khí,  
Vợ yêu mỹ nữ hi Bắc địa.  
Tháng 8 quế hoa hương thiên lý,  
Gió xuân rục sáng dựa vào nhau.*

+ Giáp Thìn: Khí thế can chi ở mộc khắc thổ. Giáp mộc đắc khí thông căn, tọa dưới có Thiên Tài phá Ấn, thiếu khuyết quý khí, nửa cuộc đời không tốt, nửa cuộc đời sau bình an, tài lộc phong túc. Giáp Thìn là Đại Lâm mộc, sợ nhập khổ, niên vận Mùi khốn đốn nan thân. Giáp Thìn là ngày Long thủ Tài khố.

**Thơ viết:**

*Thân tọa Tài khố cả đời vinh,  
Kháng khái phong lưu người đa tình.  
Tài đoàn công ti giỏi giao tế,  
Quan tinh thấu hiển quản vạn dân.*

+ Giáp Dần: Can chi nhất khí, trụ ngày Giáp Dần, tọa Lộc thông căn thân vượng, tọa dưới có Thương quan sinh Tài, chủ phú quý, nhưng Tỉ kiên đoạt tài, Tài không thuộc về thân. Nữ mệnh Giáp Dần, kỵ hỏa vượng sẽ khắc phu. 《**Ngũ Hành yếu luận**》 nói: Giáp Dần nạp âm là Đại Khê thủy, là trở nghịch, âm thắng hơn dương, chủ gian tà hại vật, chỉ lấy hỏa thổ cứu tế, mới thành đại khí. Giáp Dần là ngày Thiên Lộc quý nhân.

**Thơ viết:**

*Lộc đến nhân gian tối vi kỳ,  
Nghìn thu thành tích báo Bạch Đế.  
Điền viên phong phú hảo phúc khí,  
Xuân giang trăng đêm chiếu Liễu bông.*

*Nói tiếp Càn tạo: Quý Tị - Giáp Tý - **Đinh Dậu** - Giáp Thìn.*

Tháng Giáp Tý, trụ năm thâu Quý, Giáp mộc rất thụ thương, cùng ví dụ trước có tin tức giống nhau, Giáp mộc sinh khí bị đóng thương, thêm năm 1893 là Thượng Nguyên đại tế vận Nhất Bạch nắm lệnh, tỷ lệ thủy càng trọng, Quý thủy đối với Giáp mộc Đinh Hỏa lực sát thương càng lớn. Cùng tạo Quý Mùi ngang nhau, chỗ lúc hai bát tự này có khác nhau xa, cộng thêm có phân biệt giờ sinh Giáp Thìn cùng Canh Tý, hai tạo này ở trên tầng lớp có sự khác nhau rất lớn, nhưng tin tức trụ Giáp Tý đại biểu có chỗ giống nhau. Càn tạo trụ giờ Giáp Thìn, là cung con cái của nó, căn cứ đặc điểm Giáp Thìn, quả nhiên cung con cái của nó phá thành mảnh nhỏ.

Lại nói chút về can chi đại vận. trên cô bản can chi trong bát tự phải xử lý toàn bộ, can chi đại vận ở trên vận dụng là phân ra trước sau 5 năm, chỗ điểm này cần phải chú ý, cũng là nguyên nhân hiện tại tôi nói bổ sung. Can chi đại vận, trong đó ảnh hưởng đối với thiên can là hết sức lớn, cũng là một điểm then chốt đoán đại vận lưu niên.

*Như Khôn tạo: Mậu Tuất - Mậu Ngọ - **Kỷ Tị** - Bính Dần.*

Trong 10 năm vận Giáp Dần, 5 năm vận Giáp rất huy hoàng, quan chức liên thăng, vừa tiến vào vận Dần thiếu chút nữa là rút ngựa. Muốn biết thêm điểm rút ngựa là như thế nào, tiết khóa dưới sẽ giảng giải.

Can chi Lục Giáp tồn tại một vấn đề biến tính, nguyên nhân là Giáp mộc chủ sinh khí, Giáp giống như thủ lĩnh, thông thường là thâm tàng không lộ. Bề ngoài thường có chút tính chất của thiên can khác, ví dụ như trụ ngày Giáp Dần, người này đa số là nhu hòa, người Giáp Ngọ bản thân nhuu nhược, dụng nó suy đoán tính cách đối phương rất là linh nghiệm. Không nói tỉ mỉ ở đây.

## ***Đệ bát giảng: Giáp mộc nghìn đầu mối, Quyết thị bí trung bí***

### ***Sắc màu Giáp mộc.***

#### ***Luận Hình thể***

##### **Quyết viết:**

*Canh kim đắc địa mới luận tráng,*

*Giáp mộc có khí mới luận cao.*

Đương nhiên không phải là nói nhất định phải người có bát tự Giáp mộc thì đầu mới cao, là nói bát tự có Giáp mộc ở trụ, đắc khí thông căn là một điều kiện có đầu cao.

*VD Càn tạo: Canh Thân - Ất Dậu - **Kỷ Hợi** - Giáp Tý.*

Lúc tôi ở trên mạng cùng hấn nói chuyện, liền đoán thân hấn cao khoảng 1,85m, kết quả là đúng vậy. Người này không chỉ cao, mà còn khỏe mạnh. Giáp mộc được Trường sinh ở chi ngày, trụ giờ được sinh khí.

#### ***Luận Tướng mạo***

##### **Quyết viết:**

*Bính phùng Nhâm chế mặt như ngọc,*

*Giáp ngộ Canh khắc mạo như hoa.*

Đây là một câu trong khẩu quyết luận tướng mạo xinh đẹp. *Bính phùng Nhâm chế*, hơn phân nửa là ánh mắt xinh đẹp, lấp lánh có thần. *Giáp mộc phùng Canh khắc*, dung nhan xinh đẹp, con gái có dáng vóc cũng yếu điệu. Nhâm Bính giao nhau, danh là *Nhật chiếu giang hồ*, sóng gợn trầm bổng, Bính là đôi mắt, hàm ý nói nước mắt mùa thu long lạnh, loại nữ tử này đương nhiên là xinh đẹp.

Canh khắc Giáp mộc, giống như công trời điêu khắc, không chỉ có tướng mạo như hoa như ngọc, thường là có dáng vóc cũng không tệ.

#### ***Luận Hoàn cảnh:***

Ngay từ đầu chúng ta nói Giáp mộc ở trời là lời, ở đất là cây đại thụ chọc trời, ở trên thân người là tóc, là móng tay ..., nói chỗ này đều là

dùng để so sánh, trọng điểm là phải lý giải Giáp mộc đại biểu sinh khí. Nhưng mà, ở trong ứng dụng, đặc biệt là trong quá trình ngắm tượng, chúng ta còn phải trở lại trong hiện thực, xem xét trong trụ bát tự có Giáp mộc tốt cuộc là đem đại biểu của nó chung quanh hoàn cảnh như thế nào. Vẫn là lấy bát tự này làm ví dụ, Càn: Giáp Thìn - Bính Tý - **Nhâm Tý** - Giáp Thìn. Nhâm Tý nạp âm là Tang Chá mộc, chiếu rọi Giáp mộc là một huyền cơ. Người này ở trong điện thoại hỏi, chuyên môn muốn tôi đoán hoàn cảnh sinh ra của hắn. Từ tổ hợp Tý Thìn, có điểm thủy thổ hỗn trọc, đoán hắn sinh ra ở nông thôn, Giáp là Hoạt mộc là sinh khí, có thể suy trắc chỗ hắn sinh ra xung quanh có vật sống, vật không phải là loại cao lâu, trụ điện, ở dưới gợi ý Tang Chá mộc, tôi đoán chúng nó trước đây có vùng đất trồng cây dâu tằm, đối phương nói đúng! Thực ra tôi không có cách nào, lấy Giáp mộc hoạt vật kết quả đại biểu là cái gì, dưới tình huống không thể tránh được, liền căn cứ tìm đến nạp âm làm phao cứu mệnh.

### **Luận Sinh khắc**

Ở trong quan hệ giữa Giáp mộc cùng 9 thiên can khác, thì quan hệ giữa Giáp và Bính là đáng nói chuyện. Thông thường cho rằng Giáp mộc là sinh Bính hỏa, đối với Bính hỏa là một loại trợ lực, thực ra à không như vậy. Trước tiên chúng ta nhìn bề ngoài một Càn tạo: Giáp Thìn - Bính Tý - **Nhâm Tý** - Giáp Thìn. Bởi vì có Bính hỏa, Giáp mộc sẽ không ngu xuẩn, nhưng mà Giáp mộc tác dụng đối với Bính hỏa là tốt hay xấu, thì có cách nói khác. Bính hỏa là Thái Dương, Giáp là cây đại thụ hoặc nhà lầu, thời kỳ thiếu niên ở nông thôn, không có lầu cao, xung quanh chỗ ở cũng có vài hàng cây nhỏ, Thái dương có thể phát huy tác dụng chiếu ấm của nó. Nhưng hiện tại, hắn ở thành thị, lầu cao như rừng, hơn nữa bên trong khu vực có cây đại thụ âm u, trên cơ bản ánh sáng chiếu bị lầu cao và cây đại thụ cản trở. Thực ra hiện tại quá buồn phiền, đi ra ngoài vẫn thoải mái hơn, trở về nhà thì phiền muộn. Ở đây Giáp mộc quá nhiều, trái lại Bính hỏa có chút tai ương. Một điểm này, ở trong khóa dạy "Thể tượng Bính hỏa" có nói đến. Trước đây 10 năm, tôi hỏi một vị manh nhân giỏi về phép đoán khí số

bát tự, buổi tối chúng tôi trò chuyện rất lâu, ông ấy dạy tôi một vài tri thức mệnh lý trọng yếu không thường thấy, trong đó thì có nói đến điều này. Lúc đó làm tôi hiểu ra chỗ u mê. Về sau ở trong thực tiễn nhiều lần đụng phải loại bát tự này mới từ từ lĩnh hội được áo diệu của nó.

Giáp mộc và Kỷ thổ cũng có một loại quan hệ đặc thù, trong khắc có mang hợp, hóa khí lại trợ Kỷ thổ. Ở trong thực chiến, thường luôn phát hiện Giáp mộc đồng thời tồn tại tính chất hai mặt. Cần đến trong hiện thực, tâm tính loại người này rất phức tạp, thông thường rất khó nắm chắc được tâm tính của nó.

Giáp khắc Mậu thổ, nhìn qua Giáp là Sát tinh của Mậu thổ, thực ra là không đúng như vậy, Mậu thổ chính là rất thích có Giáp mộc khai thông nó, Mậu thổ không có Giáp thì không linh. Cho dù Mậu thổ thiên nhược, thấy Giáp là áp lực, nhưng hơn phân nửa là một loại có tác dụng thúc đẩy, là một áp lực tốt. Chuẩn xác hay không, mọi người cứ nhìn trong thực tiễn mới lĩnh hội.

Cuối cùng là nói một chút ví dụ có liên quan đến Giáp Kỷ hợp, lại có liên quan đến đại vận lưu niên làm sao để suy đoán.

*Khôn tạo:* Mậu Tuất - Mậu Ngọ - **Kỷ Tị** - Bính Dần.

Năm 1999 trước đó là hành vận Giáp, năm 1999 chuyển sang vận Dần. 10 năm vận Giáp Dần, trước sau 5 năm phân định cho rõ, cuộc đời gặp gỡ rất khác xa. Tạo này Nhật nguyên là Kỷ thổ, cả một khối hỏa thổ, có bài thơ luận Kỷ thổ viết: "*Thủy kim vượng xứ thân vẫn nhược, hỏa thổ thành công cục tối kỳ*". Bát tự này thổ lấy Chuyên Vượng cách để xem, ảnh hưởng đại vận đối với bát tự phải chăng là cũng xem như giữ gìn Kỷ thổ Chuyên Vượng cách?

10 năm vận Giáp Dần, 5 năm trước Giáp mộc dụng sự, chưa đến khí Dần, Giáp và Kỷ hợp, mà còn hóa khí trợ Kỷ thổ, công việc của mệnh chủ thuận lợi, mỗi năm là mỗi bậc thêm tiến lên, từ công việc bình thường cho đến khi làm hàng ngũ phẩm trở lên, có thể nói rất là sáng lạng. Vừa vào vận Dần, suy tụt chút nữa là ngã ngựa, 5 năm sau gặp lại không thể sánh cùng 5 năm trước.

Vận trình 10 năm Giáp Dần, tại sao lại có khác biệt như vậy? Huyền cơ chính là ở chỗ Giáp Kỷ hợp. 5 năm trước, Giáp Kỷ hợp, chưa đến khí Dần, Giáp mộc không lấy có căn luận, Giáp Kỷ chân hóa, hóa khí có lợi ở thổ là Chuyên Vượng cách, hợp sáng khoái. 5 năm sau, đến Dần mộc, trước tiên là Dần mộc ảnh hưởng đối với Giáp mộc, đầu tiên đại vận Dần mộc khiến cho Giáp mộc trường căn, lúc này Giáp mộc trở tay một kích. Mệnh chủ năm đó thì tình huống hiện thực là có người đột nhiên trở quẻ, lấy ân báo cừ.

Vật Giáp mộc tương quan còn có rất nhiều, còn ở đây tạm thời dừng lại.

## 2. Phần Ất mộc

*Duy nguyện thuật giả giai thành chân,  
Hà sâu thiên hạ bất thái bình;  
Huyền ky ky vi liễu như chương,  
Diệt thị phàm gian kinh luân nhân.*

(Trích từ 《**Xuy Hư văn tập**》 của **Hoàn Nguyên Tử** lão sư)

Đạo Dịch, Mệnh lý cùng tất cả thuật số đều là Thiên Nhân học, mục đích học tập phải chính xác, tác phong tư tưởng phải chính phái, nếu như bạn là muốn dụng nó mà đi lừa gạt người đời, vậy thì bạn tất nhiên chỉ có muốn học "Tuyệt chiêu", sẽ không cần hao phí thời gian và tinh lực nghiên cứu, người như vậy có rất nhiều nhận được đại sư chỉ điểm, cho dù gặp được cao nhân, cũng chỉ có thể học ở ngoài da mà thôi.

**Đệ nhất giảng: Thiên nguyên vạn pháp tông, âm dương biện thần công**

**Phân biệt Ất mộc và Giáp mộc.**

Trước tiên xem một ví dụ.

*Khôn tạo*: Bính Thìn - Tân Sửu - **Nhâm Thìn** - Canh Tý (Ngọ Mùi không).

Bát tự này ở năm 2006 tôi bình chú, mệnh chủ là chuyên gia nhóm mệnh lý từ trên mạng tìm đến địa chỉ liên hệ của tôi, lúc điện thoại với tôi, liền nói: Ông có thể xem cho tôi tình huống năm 2004, 2005 hay không?

Tôi xem bát tự là sinh ở mùa đông, Bính hỏa thấu can, tại sao nói Bính hỏa cũng đều là một cái phù hiệu tham khảo trọng yếu của bát tự. Thứ nhất cảm giác của tôi là: Bính hỏa sinh vượng thì cát, Bính hỏa thụ thương tất là hung. Bởi do trong một thời gian ngắn không cho phép tôi suy nghĩ nhiều, Bính là thiên can, vấn đề thiên can thì tôi dùng thiên can để đối phó. Giáp mộc bất lợi cho Bính hỏa, Ất mộc mới là sinh trợ Bính hỏa. Cho nên, tôi trực đoán: "Năm 2004 không tốt, năm 2005 cát". Mệnh chủ không kịp trả lời tôi, chỉ có hỏi tôi địa chỉ, tìm tới rất nhanh, muốn tôi phê bút bát tự cho một người nhà của hắn.

Ất mộc, ở trên trời là gió, ở đất là cây cối, dẫn thân là cỏ hoa, bụi cây, hoa cảnh. Cổ nhân có một loại thuyết pháp, giờ Ngọ Thái dương chính chiếu, nhiệt lượng mặt đất là lớn nhất, nhiệt sinh phong, cho nên nói Ất mộc trường sinh ở Ngọ. Ất mộc ở trên thân là chân, ngũ tạng là gan. Gan nằm ở sườn bên phải, công năng chủ yếu là chủ khai tiết và chủ cất giấu máu huyết, chủ gân. Ở vòng móng, thông với con mắt, cùng chỗ với mật.

Ở đây nói trên trời Ất mộc là Phong (gió), ở đất là cỏ hoa, cũng là dùng phép so sánh, rốt cuộc Ất mộc là mộc dạng nào, những chỗ so sánh này cũng chưa phải là rất tinh xác, lý giải tốt nhất là so sánh cùng Giáp mộc, nhiều hơn là phải nói đủ "Thể tượng Ất mộc, Khí số Ất mộc" thì bạn mới có thể có nhận thức hoàn chỉnh.

Trước đây chúng ta đã nói bản chất Giáp mộc là một loại Sinh khí, cũng đại biểu cây đại thụ cao chọc trời. Chỗ nói Ất mộc ở trời là Phong, ở đất là hoa cỏ cây cối, so sánh cả hai thì sai khác không nhiều, nhưng Giáp Ất mộc chẳng lẽ không có phân biệt sao? Cổ nhân là đem chúng nó phân biệt ra, thì đem Giáp mộc ví như cây đại thụ chọc trời, còn Ất mộc ví như hoa cỏ. Đối với người thường mà nói, so

sánh như vậy là không có chỗ đáng nói, đối với người chuyên nghiệp mà nói, so sánh như vậy cũng có ích mà cũng có hại. Giáp Ất mộc là một dương một âm, có phân biệt ở trên hình thức, nhưng bản chất lại rất có tương quan. Người nghiên cứu mệnh lý, không thể không xác minh phân biệt chúng nó. Cho nên, ở đây tôi ghi tiêu đề là: Phân biệt Ất và Giáp.

《 **Tử Bình chân thuyên** 》 nói: "*Giáp Ất, là âm dương mộc vậy. Giáp, là khí của Ất; Ất, là chất của Giáp. Ở trời là Sinh khí, mà lưu hành ở vạn vật, là Giáp vậy; ở đất là vạn vật, mà đón nhận sinh khí, là Ất vậy.*" Câu nói này vốn là đã xác minh phân biệt hai loại này, đặc biệt là nó còn nói quan hệ giữa Ất và Giáp. Nhưng nói so sánh "Giáp là cây đại thụ, Ất là hoa cỏ", làm cho mọi người dẫn đến sai lầm.

Chúng ta suy nghĩ một chút, Giáp mộc vừa là Sinh khí, như vậy luồng sinh khí này rốt cuộc là thân hướng về phương nào chứ? Vạn vật trong tự nhiên, đều là có kết hợp khí và hình, khí Giáp mộc muốn thành hình, tất nhiên phải có một loại hình thức biểu hiện, loại hình thức biểu hiện này chính là Ất mộc. Người hiện đại chú trọng mắt thấy là thật, nhìn không thấy là không tồn tại, hoặc là không thừa nhận nó. Nếu như bạn có nhận thức thế giới như vậy, trên thế giới là chỉ có Ất mộc, mà không có Giáp mộc. Học thuyết Ngũ hành rất chú trọng âm dương, tại sao ngũ hành phải xưng là âm dương ngũ hành? Thì bất cứ một ngũ hành cũng đều tồn tại phân biệt âm dương, đương nhiên giữa chúng nó cũng có quan hệ rất mật thiết. Cổ nhân nhận thức thế giới cùng người hiện đại nhận thức thế giới có phương pháp quan điểm tồn tại là rất khác xa, cổ nhân đem vật chất hữu hình thấy được sờ được xưng là Âm, đem chỗ không nhìn thấy, nhưng thời khắc để bảo hộ hình thể vật chất trưởng thành gọi là khí, xưng là dương. Khí tụ thì thành hình, tức là dương động sinh âm, khí tán thì tử, tử thì chỉ còn lại một hình hài. Nhưng mà, hơn phân nửa thời gian khí hình đồng thời có đủ, khí là vật ở trên hình. Giáp mộc cùng Ất mộc, luận khí là Giáp mộc, luận hình thể là Ất mộc, bản chất đều là mộc, chủ yếu chính là phân biệt ở trên hình thức biểu hiện.

**Lão Tử nói:** Hình mà ở trên là Đạo, hình mà ở dưới là Khí. Đối với ngũ hành mộc mà nói: Giáp mộc chính là Đạo, Ất mộc chính là Khí. Người hiện đại đối với phương pháp của cổ nhân là một loại nhận thức thế giới, luôn cảm thấy âm dương có chút kỳ quái, nhưng chúng ta muốn nghiên cứu thành quả học tập lý giải của họ, thì chúng ta không thể không đi vào bên trong suy nghĩ của họ.

Cổ nhân nói âm dương đúng là kỳ quái sao? Không. Thì chúng ta lấy con người mà nói, bạn không chỉ là có thân thể, bạn còn có cả thế giới tinh thần, nếu như một con người có tinh thần sụp đổ, vậy thì người này không thể nào tưởng tượng. Lúc thần thanh khí sáng, thì bạn mặt tươi như hoa, là người chúng ta nhìn thấy được mặt tươi như hoa, nhưng không nhìn thấy là hẳn có hưởng thụ tinh thần vui sướng.

Trở lại chúng ta đang nói Giáp và Ất, Ất mộc lúc có căn không cường thì cũng sợ khắc, nhưng nếu như có Giáp mộc xuất hiện, thì Ất mộc lại có chỗ dựa. Lúc Giáp Ất mộc đều xuất hiện ở trong bát tự, xưng là "*Đằng la hệ Giáp*". Ất mộc đại biểu là Đằng la (dây leo), Giáp mộc đại biểu là Đại thụ (cây to). Ất mộc quán quanh đại thụ thì cũng có thể đứng thẳng vươn xa. Đại thụ vừa ngã, thì đằng la cũng hết chỗ dựa. *Đằng la hệ giáp, khả thu khả đông*, thuyết minh là Giáp Ất mộc phối hợp, là tổ hợp âm dương hoàn chỉnh, lúc này bất luận là Giáp mộc hay là Ất mộc đều muốn trở nên cứng rắn. Lúc nào có giá trị, thì xem nó phải chăng là được con người phát hiện và vận dụng.

**Cần tạo:** Tân Dậu - Tân Sửu - **Ất Mùi** - Giáp Thân (Thìn Tị không)

**Nguyên phê:** Thử xem tạo này, Ất phùng tháng Sửu. Đây là Hàn mộc bất trường, tọa dưới Mùi thổ, phối lấy phương Khôn, trong Mùi tàng Ất, là căn khổ mộc, Sửu Mùi tương xung, thì căn mộc bị thương, đây là đúng Tử mộc vậy, Tử mộc cần kim đến điều khắc, mới thành vật dụng, tất dụng phép phản sinh mới có thể lập mệnh, bát tự rõ ràng dụng kim vậy.

Ở đây Ất mộc là mộc vô căn, nhưng lúc can mang Giáp mộc, thì trên hình thế có thể gọi là *Đằng la hệ giáp*. Cũng chính là nói, Giáp Ất mộc hợp thành một thể. Ất mộc cũng trở nên cứng rắn cao to, có thể

đảm nhận Quan Sát. Quan Sát lực càng lớn, thì quý khí càng lớn. Lúc này Ất mộc có thể thắng đảm nhận khắc chế Canh Tân, hoàn toàn là dựa vào công của Giáp mộc. Người này có tài hoa, bằng cấp cũng rất cao.

Lại thêm một bát tự Càn tạo:

Ất Sửu - Giáp Thân - **Giáp Thân** - Canh Ngọ.

*Đại vận:* Quý Mùi, Nhâm Ngọ, Tân Tị, Canh Thìn, Kỷ Mão, Mậu Dần.

Nhật nguyên giáp mộc ở trong bát tự này ở xứ tuyệt địa, dẫn đến trụ giờ lại là Tử địa, vừa vận ở trong chi năm Sửu có một điểm khí Quan đái, Giáp mộc toán hay không toán là Tuyệt xứ phùng sinh chứ? Là không toán. Giáp mộc dẫn đến trụ giờ là đất Tử địa, thiên can có chân thân Canh kim thấu xuất, Tử mà phùng khắc, vận Canh Thìn, Kỷ tất là đại phú. Nhưng bởi vì có Ất mộc thấu can, Ất tọa Sửu, Quý thủy sinh căn, Ất mộc đảo nghịch thành sống chẳng ra sống, chết chẳng ra chết, là không quá tốt. Ất mộc đại biểu cái gì? Ở trên thân thể Ất mộc đại biểu tay chân, tay chân dễ dàng thụ thương; ở trong một nhà, Ất mộc đại biểu là gia nhân, đặc biệt là chị em gái, Ất mộc ở can năm cũng thuyết minh là xuất thân rất tầm thường, Ất mộc đại biểu chị em gái, tốt nhất là không có chị em gái, nếu có thì sẽ thấy họa. Cũng chính là nói, ở đây Canh kim thương hại đối với ngũ hành mộc chủ yếu biểu hiện ở trên thân thể Ất mộc. Giáp mộc có thể đảm nhận khảm phạt.

*Lại xem một Càn tạo:* Ất Sửu - Giáp Thân - **Giáp Thân** - Tân Mùi.

*Đại vận:* Quý Mùi, Nhâm Ngọ, Tân Tị, Canh Thìn, Kỷ Mão, Mậu Dần.

Bát tự này cùng tạo trước chỉ có khác giờ sinh (khác nhau thời đại), Giáp mộc sinh ở giờ Mùi là Tử mà nhập mộ, Canh Tân kim khắc chế nhật chủ, thì là Tử mộc. Tử mộc gặp khắc, cũng tất là có biểu hiện thành tự, đây là một tạo ở trong 《 **Trích Thiên Tuy** 》 .

*Nguyên chú:* Tạo này có địa chi thổ kim, chỗ mộc không có bản căn, can giờ Tân kim, nguyên thân phát thấu. Mộc thái suy thì tựa như thủy vậy, vận đầu Quý Mùi, Nhâm Ngọ, sinh mộc chế kim, sớm thấy

hình tang, khó được phù hộ của tổ tiên; vận Tân Tị, Canh Thìn, kim phùng sinh địa, tay trắng phát tài hàng vạn; vận Kỷ Mão thổ vô căn, mộc đắc địa, gặp hồi lộc, phá tài hàng vạn;

Tóm lại, Giáp là Sinh khí, Ất là Hình chất, ngũ hành đều là mộc. Lúc Giáp mộc vô căn, Giáp mộc cũng hoàn toàn phải lấy ẤT mộc mà xem, lúc Ất mộc chưa tử, nói chung là có kiêm mang sinh khí Giáp mộc, luồng sinh khí này thời khắc phối với Ất mộc sinh trường, Giáp mộc chúng là chỗ tinh thần của Ất mộc.

***Lại có bài thơ luận Ất mộc viết:***

*Đổng lương không phải vật liền căn,*

*Công phu biện biệt dụng tâm tốt.*

*Muốn biết thế nào vật liền căn,*

*Biện biệt thế nào, mời nhìn tiết sau phân giải.*

***Đệ nhị giảng: Đổng lương không liền căn, Tử Hoạt phải phân minh***

***Thể tượng Ất mộc.***

***Đầu tiên đề cập đến mấy vấn đề:***

1, Tại sao gọi là Thể tượng?

2, Giáp mộc nhập Tử địa là ở trên chữ nào? Sau đó làm sao mới có thể hiển cát? Thế nào là âm sinh dương tử?

Chỗ tri thức học ở hôm nay cùng tri thức Thập nhị cung Trường sinh là có liên quan.

***Đáp án:*** Thể tượng chính là tượng tổng thể, phương hướng cơ bản. Can âm chỉ có 9 loại trạng thái từ Sinh đến Tử, can âm ở 3 vị trí còn lại, thì lấy can dương mà luận (Chỗ nói theo can dương mà luận, chính là xem khí can dương đối ứng với nó là nông hay sâu). Giáp mộc đến Ngọ là Tử địa, Tử mà gặp khắc hoặc là nhập mộ mới có thể hiển cát.

Trước tiên xem nguyên văn 《 ***Thập Can thể tượng*** 》 toàn thiên luận:

***Ất mộc căn rễ loại phải sâu,***

***Chỉ hợp Dương địa không hợp Âm.***

*Phiêu phù chi vì gặp nhiều thủy,  
Khắc đứt cần gì dụng kim.  
Hương Nam hỏa viêm họa không nhỏ,  
Hương Tây thổ trọng họa càng xâm.  
Đổng lương không phải vật liền căn,  
Biện biệt công phu hảo dụng tâm.*

Ba câu nói phía trước là một tổng thể liên tục. Ý là nói, chỉ cần Ất mộc có căn, tức là Hoạt mộc, mộc đang sinh trưởng. Lúc này Ất mộc rất thích vận hành đất dương, sợ âm thấp, thiên can thích thấy Quý Bính. Đúng như chỗ nói: *Hương Dương hoa mộc tảo phùng xuân.* Hoạt mộc trong sinh trưởng, lo sợ thủy đa mộc phiêu, cũng sợ kim đa khắc chế thái quá. Hoạt mộc trong sinh trưởng, nếu như hỏa quá nhiều, lại hành vận nam phương, tất nhiên hỏa tiết quá trọng, ảnh hưởng sinh trưởng phát dục. Hoạt mộc trong sinh trưởng, gặp nguyên cục thổ trọng, lại hành vận tây phương, thổ đa mộc chiết cũng có họa hoạn.

*VD 1, Càn tạo: Kỷ Hợi - Nhâm Thân - Ất Dậu - Canh Thìn.*

Đại vận: Tân Mùi, Canh Ngọ, Kỷ Tị, Mậu Thìn, Đinh Mão, Bính Dần.  
8 tuổi vào vận.

Nhật nguyên Ất mộc lấy Nhâm thủy làm căn, là Hoạt mộc. Nhâm thủy thông căn Hợi thủy lại được Thân kim nguồn thủy, thế thủy hung bạo, là họa trôi mộc. Vận đầu đất hỏa vượng, 30 năm trước khá tốt, khoảng 18 đến 32 tuổi còn khá phong quang. Bắt đầu vận Tị, ở hôn nhân gặp phải oan gia đối đầu. Ất mộc hi Bính, Tị hỏa là tắc kè bông, gặp kim hóa kim, đặc biệt là gặp Dậu và Sửu, Bính hỏa trong Tị, hóa hi thành kỵ, vật tốt nhất lập tức biến thành vật xấu nhất, bạn nói là không phải oan gia. Sự thực chính là vận Tị rất thương tâm, 5 năm vận Tị, kêu oan cả ngày. Vận Mậu thê ly tử tán, vận Thìn ra ngoài không biết kết quả ra sao. Đây là bất tự người ở gần quê tôi.

*VD 2, Càn tạo: Tân Mão - Đinh Dậu - Ất Sửu - Kỷ Mão*

5 tuổi vào vận: Bính Thân, Ất Mùi, Giáp Ngọ, Quý Tị, Nhâm Thìn.

Đây là một bát tự mà đại sư nổi tiếng Thiệu Vĩ Hoa đã đoán qua, sau này lại đến nhờ Bành lão sư toán. Thiệu đoán dụng thủy, thầy tôi đoán dụng hỏa, mệnh chủ cười ra tiếng, không biết nói sao. Tôi cho rằng ở trên lý luận bọn họ đều không có đoán sai, bởi vì đây là Hoạt mộc, dụng thủy tư nhuận, dụng hỏa phát vinh. Còn có một câu thơ xưa cũng thuyết minh là hai lão đều không toán sai.

### **Thơ viết:**

*Ất mộc sinh cư Dậu,  
Phạ phùng Tị Dậu Sửu,  
Phú quý Khảm Ly cung,  
Bần cùng Thân Dậu thủ.*

(Căn cứ: Phú quý Khảm Ly cung, Bắc phương Nhâm Tý Quý là Khảm cung, rốt cuộc Khảm cung có phú quý hay không, đáng giá nghiên cứu.)

Theo tôi biết, mệnh chủ từ năm 1992 xác thực là vận không đi, năm 1992 mất chức, hai năm lay động; năm 1994 xuất ngoại, năm 1997 trở về, cũng không có thu hoạch còn mắc nợ. Nhưng từ thiếu niên đến vận Quý một mực trải qua không tệ, ở bản địa có thể toán là nhân vật phong vân. Nguyên nhân là vận sớm khí Giáp lâm tử địa, Ất mộc là hình chất, có Canh Tân thấu can, Ất mộc là vật hữu dụng. Trung niên đến già hành vận thủy mộc, là Hoạt mộc, tức là phải lấy Hưu Dưỡng Sinh làm chủ. Trụ giờ Kỷ Mão đối với hấn về già là vận hưu dưỡng sinh tức là rất có bang trợ, nếu đổi thành giờ Canh Thìn, Tân Tị, thì về già là đau khổ. Tôi đoán hấn gặp năm dương khá là thư thả, gặp năm âm ngày âm đa số có bất thuận. Mệnh chủ trải qua nhớ lại tỉ mỉ, chứng thực tôi nói là có đạo lý. Năm 1999 một ngày mưa dầm, ở trên núi tổ phần thụ thương thâm. Hai ví dụ ở trên chỉ là dụng ba câu trước để thuyết minh luận Thể tượng. Như vậy, càng có ý nghĩa vẫn là một câu cuối cùng: *Đóng lương không phải vật liền cắn, biện biệt công phu hảo dụng tâm.*

VD 3, *Cần tạo*: Bính Tuất - Bính Thân - **Ất Sửu** - Kỷ Mão ( sinh giờ Mão ngày 19 tháng 8 năm 1946)

2 tuổi vào vận: Đinh Dậu, Mậu Tuất, Kỷ Hợi, Canh Tý, Tân Sửu, Nhâm Dần, Quý Mão.

Tôi ở trong sách 《 **Mệnh Lý huyền cơ tham bí** 》 , trọng điểm giới thiệu qua một lý luận, chính là đem bát tự nhân mệnh so sánh như là một viên hạt giống, năm tháng ngày là bản chất bộ phận của hạt giống, trụ giờ thuộc về bộ phận biểu bì của hạt giống. Năm tháng ngày bát tự căn bản là đã quyết định nhân mệnh, trụ giờ chủ yếu khởi tác dụng dẫn biến (mọi người cũng có thể tham khảo ở trên luận đàn bài văn chương 《 Khuôn mẫu mệnh lý Thái Tích Quỳnh 》 ). Bát tự này tôi viết gần đây mới tìm ra được, tạm thời không nhìn giờ sinh, Ất mộc này rốt cuộc là toán có căn hay là vô căn chứ?

Bính Tuất - Bính Thân - Ất Sửu

Hiển nhiên là Ất mộc vô căn, Ất mộc vô căn là Đổng lương. Tạo này quả nhiên khô nggiống nhười bình thường, đây là bát tự người tiền nhiệm Tổng Thống Mỹ Clinton. Khả năng có người sẽ hỏi, ở Trung Quốc có hơn Tỷ người cũng nhất định sẽ có bát tự như vậy, tôi không dám khẳng định là nói không có, nhưng trước khi bạn còn chưa phát hiện người có bát tự giống như ông ta, bạn cũng không cần là khẳng định nhất định có. Người cùng bát tự đại phú đại quý là rất ít, trong bách tính người giống bát tự là nhiều, đây là từ xưa đã có người nghiên cứu qua.

Đầu tiên chúng ta xem một chút về tư liệu Clinton.

Clinton sinh giờ Mão, ngày 19/8/1946.

*Bát tự là*: Bính Tuất - Bính Thân - **Ất Sửu** - Kỷ Mão.

William Jefferson Clinton cùng sinh ngày 19/8/1946 ở Mỹ.

Tài liệu tham khảo:

[https://vi.wikipedia.org/wiki/Bill\\_Clinton](https://vi.wikipedia.org/wiki/Bill_Clinton)

*Phu nhân*: Hillary Rodham Clinton

[https://vi.wikipedia.org/wiki/Hillary\\_Clinton](https://vi.wikipedia.org/wiki/Hillary_Clinton)

Tôi xem bát tự đại để là bắt tay từ 4 phương diện, thứ nhất là từ nguyên cục bát tự; thứ hai là đại hạn, tức là mỗi một chữ ở trong bát tự, bắt đầu từ can năm, một chữ quản 8 năm (Cũng có người nói là một chữ quản 10 năm, đáng nghiên cứu) chi giờ là một chữ cuối cùng, quản sau lúc 56 tuổi; thứ ba, thứ tư là phân biệt đại vận, lưu niên.

Đại bát tự, mệnh tốt không nhấn mạnh ở đại vận lưu niên, bình thường bát tự đại vận lưu niên đều phải xem trọng, đoán tỉ mỉ, đây là một phương pháp trình tự theo tự nhiên buộc trước tiên chúng ta phải xem bát tự là có đại cách hay không, là bát tự mệnh tốt hay không.

Mệnh tạo Clinton, Bính Tuất - Bính Thân - **Ất Sửu** - Kỷ Mão. Là tiêu chuẩn của Ất mộc vô căn làm đồng lương, thuộc về loại đại bát tự mệnh tốt. Kết hợp đại hạn xem bát tự, bộ phận bản chất nguyên mệnh cục là Ất mộc vô căn, thu kim chính vượng (sinh ở tây bán cầu cũng có thể tham khảo thêm), sinh ra chính là vật làm đồng lương (trụ cột). Liền xem đến hạn vận, một phần chữ năm tháng ngày, cũng đều là hi dụng bát tự, cho nên ông ấy lúc trẻ đều là thuận toại. Cần phải nghiên cứu là, trụ giờ Mão mộc, rất cuộc là toán không có hay có căn. Không cần nói, tôi vẫn nói là căn, vô căn mới là đồng lương, có căn thì được sinh dưỡng, bạn xem ông ấy lúc nào đảm nhận tổng thống? Tháng 1 năm 2000 là đảm nhận, trên hạn tiếp cận 56 tuổi, trên vận vừa đến vận Nhâm của 10 năm vận Nhâm Dần. Trên lý luận Ất mộc trường căn thì ban đầu là bất thuận, thế nào là bất thuận? Lấy hưu dưỡng làm chủ. Người mệnh tốt ở ranh giới bất thuận, tự có hành vi giải cứu. Các bạn xem ông ấy sau khi đảm nhận ông ấy làm cái gì?

Tháng 10 năm 2003 ứng Hội Ngoại giao học nhân dân Trung Quốc mời thăm Trung Hoa, cùng ở đại học Thanh Hoa phát biểu diễn giảng vấn đề bệnh sida. Tháng 4 năm 2005 đảm nhiệm đặc phái viên của Liên Hợp Quốc về biển đông. Tháng 9 năm 2005, Clinton thăm viếng Trịnh Châu phát biểu diễn giảng, hi vọng Trung Quốc ngày càng lớn mạnh.

Người mệnh tốt, lúc ở hành vận nghịch thì sẽ ngoại cách khác với mọi người, đây cũng là một loại hóa giải. Ông ấy năm nay 62 tuổi hành vận Quý, 5 năm vận Quý làm cho Ất mộc trường căn, cho dù sẽ không có hung tai nào, nhưng cũng sẽ không quá tốt. Đến lúc ông ấy hành vận Mão, đại để khoảng 67 tuổi, chính xác là có bất thuận, nặng nhẹ rất khó nói, tôi cảm giác là phải xem ông ấy ở vận Quý có công đức như thế nào. Vận Mão bất thuận nguyên nhân chủ yếu là một chỗ dụng thần, cũng chính là vận trình lúc ông về già cùng trước đây hoàn toàn thay đổi, về già là phải hưu dưỡng, hạn Mão vận Mão máu chốt là xem Mão mộc này có bị xung kích hay không?

Chúng ta còn có thể đem bát tự của Ông Clinton cùng trong VD thứ 2 tạo Tân Mão tiến hành so sánh, bát tự Clinton là đúng vô căn, có căn giả, có thể nói sinh ra đã là vật làm đồng lương. Tạo Tân Mão, là đúng có căn (căn ở ba trụ trước là đúng có căn), duy chỉ có chỗ sinh khí bắt đầu từ bước vận Kỷ là ở xứ Tử địa, hơi có thành tựu (nói đến chỗ này, các bạn xem trước đây chúng ta có nói đến trạng thái thập nhị cung Trường sinh chẳng lẽ là không có trọng yếu sao?). Phân biệt quý tiện bát tự Clinton cùng tạo Tân Mão này, máu chốt chính là câu cuối cùng ở trong Quyết Thể Tượng: *Đồng lương không phải vật liền căn, biện biệt công phu hảo dụng tâm.*

Như vậy lúc Ất mộc có căn là Hoạt mộc, là không nhất định không thể trở thành vật làm đồng lương chứ?

Chúng ta lại xem một tạo:

VD 4, *Cần tạo*: Bính Thìn - Kỷ Hợi - **Ất Sửu** - Tân Tị.

*Đại vận*: 5 tuổi vào vận: Canh Tý, Tân Sửu, Nhâm Dần, Quý Mão, Giáp Thìn, Ất Tị, Bính Ngọ, Đinh Mùi.

Mệnh chủ sinh ở tháng 10, có thể nói căn Ất mộc thuộc loại phải sâu, Ất mộc là không nghi ngờ hỏi là hoạt mộc có căn? Là Hoạt mộc có căn làm sao mà xử lý chứ? (phía dưới có nói phép dùng Khí số và Khí thể). Ở đây nói đơn giản là, Hoạt mộc trong sinh trường thông thường là mộc không thể làm dụng, cũng chính là nói không thể tùy tiện khảm phạt. Hoạt mộc trong sinh trường thì phải làm cho nó sinh

trường, khám phạt cũng chính là lấy căn xén đi mà làm chủ (mọi người có cơ hội đi hỏi người chặt trúc, trúc chết phải đến lúc nào mới có thể chặt? ), tính chất cắt xén cùng chặt phá khẳng định là khác nhau. Làm cho nó sinh trường chủ yếu là dựa vào Quý thủy và Bính hỏa, thẳng đến khi khí mộc tuyệt, lại đi dụng kim mà khám phạt, thì là được mộc hữu dụng. người không có kinh nghiệm trong cuộc sống, khả năng nghĩ không thông đạo lý này, tôi nghĩ rằng bạn tốt nhất là đi hỏi thợ mộc hoặc là thầy đợc tượng, nhất định bọn họ sẽ nói cho các bạn biết, không trường thành đến lúc nhất định cây trúc rất cuộc là có bao nhiêu tác dụng. Như vậy rất cuộc là làm sao biện biệt Ất mộc lúc nào thành thực và có thể khám phạt chứ? Đây là một vấn đề có tính then chốt, nói cho bạn biết một bí mật, chúng ta hông thể chỉ đem đôi mắt nhìn chăm chăm Ất mộc, chúng ta phải đi từng bước mà nhìn từng bước, nhìn nó hành đến vận trình nào, khí Giáp mộc không có tử tuyệt, lúc khí Giáp mộc tử tuyệt, hình thể Ất mộc thì cũng thành thực. Hiển nhiên, Ngọ Mùi Thân là thời cơ thích hợp nhất. Đơn giản mà nói, Giáp mộc đến đất tử tuyệt, mới là thời cơ tốt nhất để khám phạt Ất mộc. Lúc này thì Giáp Ất mộc cũng không có cái gì là phân biệt, khí Giáp mộc đến đất tử tuyệt, thì Giáp Ất mộc cũng quy về thành một thể. Đều là mộc vô căn, có kim khám phạt, chính là có người cần đến nó, bất kể cầm đến cái gì, đều đem nó có giá trị thể hiện. Cho dù là làm bó củi, cũng toán là mộc hữu dụng.

VD 4 ở bát tự này, nhìn 20 năm vận đầu Canh Tý, Tân Sửu, là Hoạt mộc thụ khắc, thuộc về giai đoạn chịu khổ; Nhâm Dần, Quý Mão có trợ Ất mộc sinh trường, đặc biệt là vận Nhâm Dần, Bính hỏa có ánh sáng, có lợi cho Ất mộc trường thành, Quý Mão có khí thế càng thêm hùng tráng, nhưng ở đây đều là Hoạt mộc, mộc ở trong sinh trường, vẫn còn chưa đến lúc khám phạt nó. Chẳng qua, là Hoạt mộc, chỉ có hoàn cảnh bảo hộ nó sinh trường, cũng là một sự kiện tốt đẹp, cho nên sau vận Nhâm Dần một mực cũng không tệ. 10 năm Giáp Thìn, khí Giáp Dần suy, dần dần biến thành chất Ất, mệnh chủ thuộc về giai đoạn phấn đấu, cũng còn chưa đến lúc trên phái đại dụng. Duy

chỉ có đến lúc nào mệnh chủ của hấn thì mới có thể chân chính xuất lộ tài năng chứ?

Kết quả là mệnh chủ ở vận Bính Ngọ năm Tân Dậu mới phát đạt, quý là Bộ trưởng Kinh tế. Trước mắt ở vận đông phương, một mực đều là Hoạt mộc, mặc dù cũng không tệ, nhưng dù sao cũng vẫn là thời kỳ trưởng thành. Chuyển vào vận nam phương, Giáp mộc là đại biểu khí mộc dần dần tử, Ất mộc thì cũng thành vật dụng. Ở trong bát tự này, Ất mộc vốn cũng không phải là vật đồng lương, là từng bước từng bước dần dần trưởng thành làm vật đồng lương. Trụ giờ Tân Tị, sinh đặc biệt tốt, búa rìu trong mệnh đợi chờ khám phá. Giả sử không có Canh Tân kim thấu can, về già cũng chỉ có thể nói qua là không tệ, nhưng khó mà có quý hiển. (Chủ nhân bát tự này là mệnh tạo Triệu Húc Đông Bộ trưởng Kinh tế Đài Loan, 65 tuổi vận Bính bắt đầu đăng quang bảo tọa. )

***ệ tam giảng: Một cái chân Đại Phật, vượt qua Thiên tôn Phật***

***Khí thế Ất mộc.***

***Thiên tôn Phật, Vạn tôn Phật, không bằng một cái chân Đại Phật.***

Trước tiên là nói một sự cố, một vị thợ rèn tượng Phật dạy hai đồ đệ, tiểu đồ đệ thông minh lanh lợi, thầy dạy cái gì hấn đều biết ngay cái đó, thời gian học tập không đầy một năm, thì yêu cầu xuất sư, từ đó ở trên xã hội làm công việc tượng Phật. Đại đồ đệ thì ngu ngơ hơn nhiều, thầy dạy cái gì hấn cũng đều làm không như ý, ba năm học đã mãn, hấn vẫn muốn học, bản thân cảm giác kỹ thuật điêu khắc vẫn chưa đủ.

Sau khi rời thầy, cả hai đồ đệ đều làm tượng Phật khắp nơi ở toàn quốc. Thấm thoát đã qua ba năm, tiểu đồ đệ làm rất nhiều Phật gỗ Phật đất, một ngày tiểu đồ đệ mời thầy đi tham quan tác phẩm của hấn, thầy cũng muốn nhìn thành quả của hấn mấy năm qua, bèn đáp ứng đi. Nhìn rất nhiều địa phương, tiểu xảo điêu khắc Phật của tiểu đồ đệ lung linh, hơn nữa các nơi trên toàn quốc đều có tác phẩm của

hắn, thầy rất vừa ý. Ngay cả việc không nhìn đến tác phẩm điêu khắc Phật tượng của đại đồ đệ, cũng không nhìn đến tin tức của đại đồ đệ mời thỉnh ông ấy. Đang ngồi trên thuyền ven bờ sông ở trên đường đi về, đột nhiên trước mắt sáng ngời, phát hiện bên bờ sông có một tảng đá tượng Phật ngồi rất lớn, đối với tượng Phật đương nhiên là thầy rất có hứng thú, cho dù nhà thuyền cập bến, muốn hạ thuyền quan sát cho kĩ. Ông ấy đứng trước tượng Phật, người cao vẫn còn chưa tới bàn chân tượng Phật, chẳng trách ở trên sông nơi xa mới nhìn thấy rõ.

Đang lúc ông ta khen không dứt miệng, đại đồ đệ của ông chạy đến, sau lúc hàn huyên, nói cho thầy của hắn đây là một pho Tượng Phật bằng đá đã qua thời gian ba năm nhưng vẫn còn chưa hoàn toàn thành công. Thầy nhìn đại đồ đệ, quả thật không dám tin nơi mắt mình là đúng.

Thầy lên thuyền trở về nhà, một mạch than thở: Thiên tôn Phật, Vạn tôn Phật, không bằng cái chân một đại Phật.

Vốn nói Ất mộc sinh tử, thực tế chính là nói hai loại xu thế lớn của ngũ hành Ất mộc. Trước tiên mọi người nhớ lại một chút, Ất mộc ở trong thập nhị cung Trường sinh, lâm đến chữ nào là Trường sinh? Lâm đến chữ nào là Tử địa? Ất mộc Trường sinh ở Ngọ, hẳn là nói bởi vì khí Giáp mộc đã Tử, cành nhánh đã hết khí thủy, thành hình Ất mộc. Ất mộc Tử ở Hợi, hẳn là nói bởi vì Giáp mộc được sinh khí, mặc dù khả năng là khí tụ ở phần rễ, nhưng cành nhánh bắt đầu cũng có khí thủy, có chút giống như có cành sống lộ ra bên ngoài. Lúc xuân về hoa nở, thì Ất mộc giống như cùng hoa cỏ đang lớn lên; lúc gió thu xào xạt, thì giống như quả cây cùng thành thực. Hỏa có trong lúc đang lớn, cần nhất là mọi người vun tưới, trái cây thành thực cần nhất là mọi người đi đốn nhật.

Ở lúc nói thập nhị cung Trường sinh, chúng ta nói qua Giáp mộc lâm trạng thái nào là trạng thái kém nhất? Còn nhớ rõ không? Lâm Tử địa là kém nhất. Bởi vì Giáp mộc là khí, đến đất Ngọ thì khí đã hết, còn lại chỉ là hình hài, hình hài này thực ra chính là Ất mộc chân chính. Giáp mộc sinh ở Hợi, là Tử địa của Ất mộc. Hợi là hàn thủy, Ất mộc

thấy hàn thủy, cũng tức là mùa đông Ất mộc ra đời, không những không tốt, mà còn thấp khí quá nặng, loại người có bát tự này, đại đa số có bệnh pong thấp hoặc là có chứng cảm mạo lâu năm, nhưng vừa gặp đến thổ nhiệt liền có thể thu hút chỗ có khí thấp, lại có thể chuyển hung thành cát.

Từ trong hai cách nói ở trên, chúng ta phải cần chú ý đến, Ất mộc là Tử hay là Hoạt rất quan trọng. Nói Hoạt mộc, thì tương đương với cỏ hoa, thì phải làm cho nó sống; nói Tử mộc, thì là củi khô hoặc là gỗ mộc, nhất định phải có người đi dùng nó. Tử mà không có người dùng, biểu hiện ở trong bát tự thường là không có Canh Tân thấu can phối hợp.

Vốn nói Ất mộc sinh tử, thực tế chính là nói hai loại xu thế lớn của ngũ hành Ất mộc. Trước tiên mọi người nhớ lại một chút, Ất mộc ở trong thập nhị cung Trường sinh, lâm đến chữ nào là Trường sinh? Lâm đến chữ nào là Tử địa? Ất mộc Trường sinh ở Ngọ, hẳn là nói bởi vì khí Giáp mộc đã Tử, cành nhánh đã hết khí thủy, thành hình Ất mộc. Ất mộc Tử ở Hợi, hẳn là nói bởi vì Giáp mộc được sinh khí, mặc dù khả năng là khí tự ở phần rễ, nhưng cành nhánh bắt đầu cũng có khí thủy, có chút giống như có cành sống lộ ra bên ngoài. Lúc xuân về hoa nở, thì Ất mộc giống như cùng hoa cỏ đang lớn lên; lúc gió thu xào xạt, thì giống như quả cây cùng thành thực. Hỏa có trong lúc đang lớn, cần nhất là mọi người vun tưới, trái cây thành thực cần nhất là mọi người đi đón nhật.

Ở lúc nói thập nhị cung Trường sinh, chúng ta nói qua Giáp mộc lâm trạng thái nào là trạng thái kém nhất? Còn nhớ rõ không? Lâm Tử địa là kém nhất. Bởi vì Giáp mộc là khí, đến đất Ngọ thì khí đã hết, còn lại chỉ là hình hài, hình hài này thực ra chính là Ất mộc chân chính. Giáp mộc sinh ở Hợi, là Tử địa của Ất mộc. Hợi là hàn thủy, Ất mộc thấy hàn thủy, cũng tức là mùa đông Ất mộc ra đời, không những không tốt, mà còn thấp khí quá nặng, loại người có bát tự này, đại đa số có bệnh pong thấp hoặc là có chứng cảm mạo lâu năm, nhưng vừa gặp đến thổ nhiệt liền có thể thu hút chỗ có khí thấp, lại có thể

chuyển hung thành cát.

Từ trong hai cách nói ở trên, chúng ta phải cần chú ý đến, Ất mộc là Tử hay là Hoạt rất quan trọng. Nói Hoạt mộc, thì tương đương với cỏ hoa, thì phải làm cho nó sống; nói Tử mộc, thì là củi khô hoặc là gỗ mộc, nhất định phải có người đi dùng nó. Tử mà không có người dùng, biểu hiện ở trong bát tự thường là không có Canh Tân thấu can phối hợp.

*Cần tạo:* Tân Mão - Đinh Dậu - **Ất Sửu** - Kỷ Mão.

Trước đó chúng ta đã nói qua một tạo, ba trụ phía trước có Mão bị xung, có căn nhưng không chân, đại biểu là tổ phần của nó bị qua phá hỏng; chân căn Quý thủy ở trong Sửu, bởi vì tạo Sửu, rốt cuộc Ất mộc phải xem như là Hoạt mộc. Tình huống hiện thực là như thế nào chứ? Người này không được bất cứ một tổ sản nào, chỉ có mấy gian nhà rách. Lúc trẻ hành vận Ngọ Mùi Thân, làm qua giáo viên, cán bộ, qua thời gian khá là phong quang; trung niên về sau, Quý thủy trong Sửu phải thực hiện sinh Ất mộc, Kỷ thổ trong Sửu trung đại biểu vợ, Quý thủy đại biểu công việc của vợ hắn, bản thân hạ cương, phải dựa vào vợ để duy trì cuộc sống nuôi dưỡng con cái, bởi vì bản thân thất nghiệp cho nên phải dựa vào vợ để nuôi sống hắn, tâm tình hết sức khó chịu; hành vận về già đông phương mộc vận, hạn ở Kỷ Mão, ở dưới phối hợp vận hạn của Hoạt mộc, sống vui vẻ yên lành, vốn là nữ nhi phát đạt, tiếp nhận hắn sống yên ổn đến già.

*Cần tạo:* Quý Mùi - Tân Dậu - **Ất Dậu** - Đinh Sửu. (sinh ngày 8/10/1883)

Đây là bát tự Diêm Tích Sơn, rốt cuộc Diêm Tích Sơn là chân kháng Nhật hay là giả kháng Nhật, vẫn là một đề tài gây tranh luận, nhưng bất kể nội tâm của ông ấy thần bí như thế nào, tóm lại cũng khó thoát khỏi chỗ bát tự của ông ấy phản ánh ra ttn tức.

Bát tự này hiển nhiên có một loại khí thế, đó chính là một khối thu kim, nhật nguyên Ất mộc không thể không tùng theo thế lớn. Căn cứ phân công tứ trụ, trụ tháng ở trong phạm vi nhỏ là đại biểu một gia

đình, ở phạm vi lớn thì đại biểu quốc gia chính phủ. Ba trụ phía trước, Ất mộc lấy Quý thủy làm căn, bởi vì có gốc Tân kim phát thủy, căn khí này không sâu cũng không cạn. Đặc biệt còn sinh ở giờ Sửu, chữ Sửu không phải hoàn toàn lấy thổ xem, bạn xem tháng Sửu là mùa cuối đông Quý thủy vượng; còn có, bạn nhìn phương Sửu, thuộc về một khối ở trong thủy cục Hợi Tý Sửu bắc phương, giờ Sửu này chủ yếu là khởi tác dụng dẫn biến, dẫn đường cho Ất mộc trát căn, rốt cuộc Ất mộc vẫn là Hoạt mộc. Nếu đem Ất mộc đổi thành Giáp mộc, ở trong hoàn cảnh này tuyệt đối là tòng khí mà không tòng thế. Nhưng Ất mộc trời sinh âm nhu, tính hai mặt rất mạnh mẽ, khí số Bính Quý như nhau, thì nó không tòng, Bính Quý của nó vừa đi thì nó lại tòng thế.

Ất mộc sinh ra có hai loại tính hai mặt, ở trong hiện thực cũng nghe nhiều là linh hoạt, giằn xếp, làm người tốt bụng cũng nghe nói nhiều là lão già gian xảo, kẻ nói hai mặt. Bát tự này chính là một người như vậy, tòng lại không tòng, cả đời mâu thuẫn.

Như vậy chúng ta nhìn hán rốt cuộc là nên tòng thế? Hay là tòng khí chứ? Chỗ này cũng có chỗ đại biểu có đặc tính can âm. Mệnh chủ phùng Nhâm Quý Hợi Tý Sửu thủy đất vượng, đều không yên tĩnh, năm thủy hành sự cũng đều không có kết quả tốt đẹp. 24 tuổi tiến vào hạn chữ Dậu, đại vận Canh Thân, Kỷ Mùi, lúc khí mộc tử tuyệt thì phát đạt. Trước 16 tuổi, vận hạn Quý Mùi là Dương Liễu mộc, rất đau khổ. Người không hiểu mệnh lý, nói hán là gặp phải bạn đồng niên mang đến cho hán tâm lý cực kỳ mâu thuẫn, mang đến cho hán tư duy tập quán chắc chắn là "Thích nghi sinh tồn". Thực ra là vận hạn của hán không tốt, ở dưới kim vượng lớn như vậy, một chút căn mộc cũng muốn độc lập tự chủ, thực tế là không tự lượng sức mình, đặc biệt là sau khi Thái Dương đi tới Trung Quốc, hán muốn dựa vào Bính hỏa (người Nhật bản) cuối cùng là tính toán sai, tổng tiền ẽ kiếm tiền đồ sai lầm. Cả đời Diêm Tích Sơn, mặc dù có quá phong thịnh, nhưng cuối cùng rơi xuống bêu danh, kết cục là tính toán không phù

hợp."Thích nghi sinh tồn" không tệ, nhưng cũng phải phù hợp xu thế sinh mệnh của mình.

**Phụ văn**: Giới thiệu cuộc đời Diêm Tích Sơn.

[https://vi.wikipedia.org/wiki/Di%C3%...%ADch\\_S%C6%A1n](https://vi.wikipedia.org/wiki/Di%C3%...%ADch_S%C6%A1n)

Cuối cùng chúng ta lại đi so sánh hai tạo:

*Khôn tạo*: Mậu Thân - Mậu Ngọ - **Ất Sửu** - Bính Tý.

*Khôn tạo*: Mậu Thân - Ất Sửu - **Ất Mùi** - Bính Tý.

Hai người này đều có chức quan, nhìn thử xem ai có chức quan lớn hơn? Tạo trước Ất mộc tạo Sửu có căn, đồng thời căn này không có cách nào khử đi sạch sẽ, Ất mộc thủy chung là Hoạt mộc, thành tài vẫn khó. Tạo sau có nhật nguyên Ất mộc tạo Mùi, gặp Sửu Mùi xung, Quý thủy trong Sửu và Ất mộc trong Mùi khử hết toàn bộ, tạo sau tầng lớp cao hơn, là đại quan; tạo trước cũng làm quan, rất nhỏ. Quan chức của hai người kém nhau rất xa, căn nguyên là Ất mộc vô căn mới có thể trở thành vật dùng đồng lương.

***Đệ tứ giảng: Ất mộc du tứ quý, Khí số định hi kỵ***

***Khí số Ất mộc.***

***Cổ nhân cho rằng***: Ất mộc là thực vật thân thảo, là mầm mạ, là Giá Sắc (đồng áng), hi Bính hỏa dương quang, không thích Đinh hỏa (nhân loại phóng hỏa), lúc thích kim mùa thu thành thực mà thu hoạch, lúc nó kỵ kim, nhất là kim ở mùa xuân hạ là trăm thảo trừ căn, Ất mộc sợ vậy.

***Trước đây có nói Ất mộc chủ yếu có hai điểm***:

+ ***Điểm thứ nhất***: Có căn là Hoạt mộc, vô căn là Tử mộc. Hoạt mộc thích vun xén, Tử mộc thích đốn chặt; đồng lương không phải vật liền căn, phải chăng là nối liền căn, thì phải dụng tâm mà phân biệt?

+ ***Điểm thứ hai***: Biện biệt Ất mộc Tử hay Hoạt, không ly khai khỏi khí Giáp mộc. Cần phải, chỗ Giáp mộc ở đất tử tuyệt thai dưỡng, Ất mộc

mới có thể là mộc vô căn.

Nay chúng ta học tập khí số Ất mộc, chính là phân biệt luận tử mĩ Ất mộc yêu thích ở 12 tháng.

### Quyết Khí số Ất mộc:

*Hàn xuân Ất mộc Bính là vua,  
Tháng hai Bính vua Quý là thần,  
Tháng 3 Ất mộc Quý sau Bính,  
Mùa hạ Ất mộc Quý thủy sinh.  
Đầu thu Ất mộc Bính sau Quý,  
Cuối thu Ất mộc Quý sau Bính,  
Giữa thu trước sau phân làm hai,  
Quý Bính giao nhau sinh Ất mộc.  
Tháng 10 Ất mộc thủ Bính Mậu,  
Tam đông hỉ Đinh còn hỉ Bính.*

Câu thứ nhất " *Hàn xuân Ất mộc Bính là vua*", ý là, tháng giêng Ất mộc thủ lấy Bính hỏa điều hậu làm dụng, cái khác là thứ yếu. Hàn xuân là chỉ tháng thứ nhất đầu xuân, tháng giêng tức là tháng Dần. Giáp mộc đắc Lộc, khí vượng, Ất mộc không hề nghi ngờ là Hoạt mộc, có thể sánh như cỏ hoa. Tháng Dần bởi vì mùa cuối đông đã đi qua, dư hàn chưa hết, hoa cỏ hướng dương sớm phùng xuân, tháng giêng khí số Ất mộc chủ yếu là Bính hỏa, Ất mộc sinh ở tháng giêng, có Bính thấu ra, đều là tạo tốt. không có Bính hỏa thấu can, nhưng trong Dần có ám tàng Bính hỏa, khí số bình thường, phú quý ở xa không bằng Bính hỏa thấu can. Bính hỏa tổn thương, tất có thương tai.

*VD 1, Nữ mệnh: Ất Mão - Mậu Dần - Ất Dậu - Mậu Dần.*

9 tuổi vào vận: Kỷ Mão, Canh Thìn, Tân Tị, Nhâm Ngọ, Quý Mùi.

Tạo này Bính hỏa ám tàng không thấu, khí số bình thường. Bởi vì Dần cùng Dậu có quan hệ ám hợp, tức là Bính ở trong Dần tham hợp Tân kim ở trong Dậu, Bính hỏa thụ thương triệt để, cả đời tất có thương tai.

*Tình huống hiện thực: vận Canh, cuối năm 1996 mệnh chủ bị cướp*

mấy vạ, còn bị hai lần đao chém, dường như là mất mệnh, nằm viện mấy tháng; năm 1998 xuống phái nam học thẩm mỹ, chỉ vì quên mang thẻ căn cước, bị người giữ hai tháng. Có người đem tạo này xem thành Ất mộc tông theo thế vượng, gặp kim không cát, kết quả như nhau, nhưng căn nguyên vấn đề vẫn là có liên quan cùng Dậu kim ở trong bát tự. Lấy Tông Vượng xem, bát tự này là trong mộc tàng kim, tối thiểu có chút tố chất thần kinh.

*VD 2, Nam mệnh: Bính Ngọ - Canh Dần - Ất Tị - Mậu Dần.*

Tháng giêng Ất mộc, bởi vì có Bính hỏa thấu ra, bằng cấp chính quy, hiện là Viện trưởng Bệnh viện, sự nghiệp khá thuận. Trước có nói qua, giờ sinh gặp Dần, có một nửa yếu tố làm sao xem? Giờ sinh Thương quan Bính hỏa đắc trường sinh, một nửa Dần mộc phải xem như hỏa, Tử tinh thụ khắc, cung con cái cực tuyệt Tử tinh, đến hiện tại vẫn không có con cái.

Lúc lần đầu tôi xem bát tự này, đối phương là phụ thân đến hỏi, tôi nhìn khí số bát tự này bất phàm, vận hành đông nam, sự nghiệp hẳn là phát vượng, vậy ông muốn hỏi cái gì chứ? Chỉ có con cái gian nan là đáng được hỏi, liền mạnh dạn nói ông ấy vì con cái mà đến đây, quả nhiên như vậy.

Khả năng có người sẽ đem tạo này lấy Thương quan cách xem, tra giờ sinh, chính là Bính hỏa nắm lệnh, Bính hỏa thấu can, tiêu chuẩn là Thương quan cách, từ trên một điểm này có thể đoán nó giỏi kỹ thuật, tài hoa phát tú. Từ phép xem khí thế để phân tích, có người nhìn ra tạo này hỏa vượng không có thủy, lấy mộc hỏa thông minh thủ tượng, thuận theo thế, vẫn là lấy hỏa làm dụng, toàn khối bát tự cảnh tượng văn minh, mệnh chủ này hiện tại cấp bậc ở xứ cấp (phòng ban). Mệnh này dễ dàng xem tầng lớp ở hàng trung thượng, bất luận bạn dùng Cách Cục pháp hay là Khí thế pháp, hoặc là Khí số pháp, đều cho kết quả như nhau.

Tiếp theo là hai câu nói "*Tháng hai Bính vua Quý là thần, Tháng 3 Ất mộc Quý sau Bính*" đều là thủ dụng Quý thủy, lại dụng Bính hỏa. Quý là khí số đệ nhất, Bính là khí số đệ nhị, trên lý luận Quý Bính cùng thâu, mới là khí số kiện toàn, trong hiện thực thì phải phân tích toàn diện.

Tháng 2, 3 đối với tháng giêng mà nói, hàn khí đã hết, khí ấm thăng lên, điều hậu lại không phải là trọng yếu. Hoạt mộc là phải sống, giống như cỏ hoa thân thảo, tất phải kịp thời vun tưới, tháng 2 Ất mộc, dụng Quý thủy tư nhuận mới là dụng thần đệ nhất; thứ là dụng Bính hỏa, chính là ánh sáng chiếu không thể thiếu.

Câu thứ 4 là "*Mùa hạ Ất mộc Quý thủy sinh*". Chữ cuối là chữ "Sinh", ý là chỉ Ất mộc có căn dưới tiền đề là Hoạt mộc, ba tháng mùa hạ đều lấy Quý thủy làm dụng. Nguyên nhân có hai cái: Một là, Quý thủy tư nhuận Ất mộc, hai là mùa hạ hỏa viêm thổ tảo, đại khí hậu cần phải có thủy điều hậu. Nếu như xác thực Ất mộc vô căn, thì lại luận khác.

Tiếp theo là nói đến Ất mộc ở mùa thu, "*Đầu thu Ất mộc Bính sau Quý, Cuối thu Ất mộc Quý sau Bính, Giữa thu trước sau phân làm hai, Quý Bính giao nhau sinh Ất mộc*".

《 **Cùng Thông bảo giám** 》 luận Ất mộc ở mùa thu, sánh như hoa Quế, thực tế chỉ là từ trên góc độ Hoạt mộc mà nói, nếu như bản thân vô căn thì sánh như hoa quế là không đúng. Hoạt mộc ở mùa thu, phân biệt trước và sau tiết Thu phân là rất lớn, trước Thu phân là đầu mùa thu, sau Thu phân là cuối mùa thu. Đầu mùa thu hoa quế chưa nở, trước phải dụng Bính hỏa, thúc đầy hoa nở, lại dụng Quý thủy, sinh nhị hoa. Cuối thu hoa quế đã nở ra, trước là sinh nhị hoa, lại phải có quang nhiệt, hoa không chỉ xinh đẹp rực rỡ, còn có thể nở lâu dài, cuối mùa thu Ất mộc trước là dụng Quý sau mới là Bính, có hình tượng "*Mưa đánh hoa chuối nở đỏ rực*".

Cuối cùng là luận Ất mộc ở mùa đông, "*Tháng 10 Ất mộc thủ Bính Mậu, Tam đông hỉ Đinh còn hỉ Bính*". Tháng 10 kiến Hợi, hàn khí lại

đến, dụng Bính, Hợi thủy cuộn cuộn mà động, Ất mộc sợ thủy nhiều phiêu đảng, dụng Mậu ngăn thủy, khí số là Bính Mậu. Tháng 10 Ất mộc, bát tự có Bính Mậu cùng thấu, mới toán là khí số bất phạm. Câu cuối cùng ý là Ất mộc ở mùa đông, lấy Bính Đinh làm khí số. Trước đã nói qua, Ất mộc hỉ dương mà sợ âm, cho dù Ất mộc chết thành bó củi, dụng Bính Đinh hỏa để phơi khô, cũng không ly khai khỏi hỏa. Có liên quan đến khí số Ất mộc, Khẩu quyết ở trên là cương lĩnh, trực tiếp dụng cũng có độ chuẩn xác. Nếu như Ất mộc ở trong bát tự không có thể dựa vào thế lớn, thông thường đều có thể dụng trực tiếp Quyết khí số này.

***Đệ ngũ giảng: Hợp trung hữu tình duyên, Ất Canh tối áo huyền***

### ***Ất mộc hóa tượng.***

Hợp là một loại biểu lộ tình cảm, hóa là một loại thăng hoa, thành hóa đối ứng với một loại biến hoá lớn. Chân hóa là cả đời sung túc rất lớn, không hóa thì là tinh thần cầu kỳ không được thoả mãn đầy đủ, nhưng mà cũng biểu lộ một mặt tình cảm phong phú. Bất kể là hóa hay không hóa, có tượng hợp, thì phải tham khảo hóa thần. Đúng như trong sách **《Trích Thiên Tuỷ》** có nói: *Hóa đắc chân thì luận chân hóa, Hóa thần còn có mấy kiểu nói.* Ất Canh hợp hóa cũng có hai loại tình huống: Một loại là Ất tòng Canh hóa, kim là hóa thần; Một loại là Canh tòng Ất hóa, hóa thần là mộc. (Kim vẫn là kim, nội dung chương tiết sẽ nói rõ ở phía dưới Bài Canh kim nói về Canh tòng Ất hóa)

《**Thập Đoạn câm**》 có một câu nói: "*Ất tòng Canh hóa, Khí bãm tây phương*"; kim vượng là một điều kiện Ất tòng Canh hóa.

Trong thực tiễn còn phát hiện, Ất tòng Canh hóa, nếu muốn hiển cát, còn phải có điều kiện trọng yếu, chính là tất cần phải thấy hỏa. Nhìn qua thấy hỏa ở hóa thần bất lợi, nhưng Ất tòng Canh hóa, hóa thành kim là kim ngu độn, nếu như không có hỏa nung tạo, kim này vẫn cứ khó mà thành khí.

Liên quan với hóa khí, trong **《Địa Chi phú》** còn có hai câu nói

trọng yếu: "*Luận Lục thân hệ Nhật bất biến, luận dẫn biến hệ Thời bất hóa.*" Cũng chính là nói, can chi trụ giờ có tác dụng dẫn biến (đặc biệt là địa chi) thì vẫn cứ luận ngũ hành vốn có. Trụ giờ là một con đường trọng yếu dẫn độ đại vận lưu niên thiết nhập mệnh cục, tác dụng trụ giờ dẫn biến lúc gặp hợp hóa thì vẫn cứ giữ nguyên ngũ hành mà luận.

*VD 1, Càn tạo: Kỷ Hợi - Nhâm Thân - **Ất Dậu** - Canh Thìn.*

8 tuổi khởi vận: Tân Mùi, Canh Ngọ, Kỷ Tị, Mậu Thìn, Đinh Mão, Bính Dần.

VD 1 ở trước đã có nói đến, bởi vì bát tự khí bầm tây phương, có khí thế Ất tông Canh hóa, người này có tướng mạo, thân thể, học thức đều rất tốt, đặc biệt là ở vận Canh Ngọ, chưa tốt nghiệp cao trung thì lên đi vào Không quân, bản địa ở lúc đó là một tiếng vang động lớn. Tạo này bởi vì Nhâm thủy trực tiếp sinh Ất mộc, có căn Hoạt mộc, rốt cuộc là thuộc về bát tự Giả hóa, mặc dù có tiếng vang lớn, cuối cùng bởi vì vấn đề thành phần gia đình không có đi. Sau này trực tiếp đi tham gia quân đội, vận Ngọ ở bộ đội làm việc cũng khá xuất sắc, vận Tị không may giải ngũ, từ đây hoàn toàn thất bại. Vận Mậu Thìn vận chuyển đông phương, 10 năm càng là thâm, thâm ly tử tán, vận Thìn không biết kết cục ra sao. Tạo này có trụ giờ Thìn cùng đại vận lúc hấn 38 tuổi đều có khí thế hướng về mộc, kim mộc giao chiến, biểu hiện ra tâm lý phản nghịch hết sức nặng. Thiết tưởng tạo này nếu có Bính Đinh xuất can, còn có khả năng là người tài hoa xuất chúng, có thể biến thông tự cứu. Hiện nay bát tự một điểm hỏa cũng không có, hợp mà không hóa, Ất mộc cũng giống như là một kim ngu.

*VD 2, Càn tạo: Bính Tuất – Kỷ Hợi - **Ất Mùi** - Canh Thìn. Sinh giờ Thìn, ngày 1/12/1886.*

Ất mộc sinh ở tháng Hợi, Hợi Mùi cùng mộc, giờ Thìn cũng là đất vượng của Ất mộc, Ất ngọ Canh, có thể hợp hóa. Nhưng những tạo hợp, là Canh tông Ất hóa, đại vận từ bắc chuyển sang đông, Ất mộc càng ngày càng lớn mạnh. Ranh giới hành vận đông phương mộc vận,

đi theo con đường lật đổi thời đại cũ. Mặc dù trải qua nhiều lần gian khổ, cuối cùng vẫn là thành tựu sự nghiệp, nam phương hỏa vận quý ở cực phẩm. Tọa này thiên can không có thủy, địa chi không có hai chữ Sửu Dậu, thương không đến Ất mộc và Bính hỏa, Ất mộc thủy chung là hoa mộc hướng dương, là quang minh mà phấn đấu. Tọa Mùi là bó củi khô, thấy Bính thì là phơi nắng khô củi, hóa thành mộc, cùng Canh kim hợp tác được nung tạo, chính là quá trình quá gian khổ.

*VD 3, Càn tạo: Canh Ngọ - Ất Dậu - **Canh Tý** - Nhâm Ngọ.*

Ất tòng Canh hóa, năm và giờ Ngọ hỏa có thể đoán tạo ngoan kim, vị trí hàng cực nhân thần. Bởi vì Nhâm thủy thấu can, Nhâm thủy qua lại sinh mộc, Ất mộc vượng mà không tòng hóa kim, phá hư hóa khí cách, cuối cùng rơi vào nhân tài đều không.

Đối với VD 3, khả năng có người sẽ hỏi, một Ất mộc có 2 Canh kim, tranh hợp Ất mộc, là hóa hay không hóa chứ? Bởi vì hóa thần là kim, lưỡng Canh tranh hợp Ất mộc, vẫn cứ hóa kim. VD như có một Càn tạo: Mậu Thìn - Kỷ Mùi - **Giáp Ngọ** - Kỷ Tị. Giáp tòng Kỷ hóa thành công, xuất thân không tệ, vận trình cũng một mực rất thuận.

**Tổng kết:** Ất và Canh hợp, có hai loại: Ất tòng Canh hóa và Canh tòng Ất hóa, hóa và không hóa, có hỏa đều là vị trí đệ nhất. Ất tòng Canh hóa, ngoại trừ thích hỏa, còn không nên thấy Ất mộc thái vượng. 《 **Thập Đoạn cầm** 》 luận Ất tòng Canh hóa, không nên thấy Bính, thích thấy Nhâm, nhưng trong hiện thực phát hiện, thấy Bính có phú quý, thấy Nhâm Ất mộc sinh căn trái lại không tốt, cho nên chúng ta còn phải đi từ trong thực tiễn mà làm.

Dưới đây là toàn văn 《 **Thập Đoạn cầm** 》 luận Ất tòng Canh hóa, cung cấp để tham khảo.

*Ất tòng Canh hóa, khí bãm tây phương;  
Khó khăn hệ sinh phùng Bính địa,  
Vinh hoa hệ trường ở Nhâm hương;*

*Đinh hỏa đương quyền, tựa hoa xuân gặp mặt trời;  
Tân kim cầm thế, như mùa thu thảo phùng sương;  
Tối hỉ Kỳ lâm, Kim Ngọc mãn đường;  
Thiên nghi Giáp hướng, hòa mạch mãn thương;  
Ngày ngày phí công, bởi vì Câu Trần tác loạn;  
Giờ giờ phí lực, chỉ vì Huyền Vũ gây tai.*

Ất tòng Canh hóa, hóa thần là kim, lấy Tài Quan Ấn là dụng. Hơn nữa, chỗ hợp hóa kim, giống như Canh kim. Mọi người đều biết, Canh kim là lấy Đinh hỏa làm Chính Quan, Kỷ Thổ là Chính Ấn, Nhâm thủy là Thực thần, Giáp mộc là Thiên Tài, đều là Tứ Cát tinh. Bính hỏa là Thất Sát, Mậu thổ là Thiên Ấn, Quý thủy là Thương quan, Tân kim là Kiếp tài, đều là Tứ Hung thần. Cho nên có thuyết pháp phùng Đinh Nhâm Giáp Kỷ là cát, phùng Bính Tân Mậu Quý là hung.

Nhưng cần chú ý là, Ất mộc sinh ra rất thích Bính hỏa, hóa hay không hóa rất khó nắm chắc rõ ràng, *Khó khăn hệ sinh phùng Bính địa*, không đại biểu hành Bính địa không có quý khí, câu nói này thuyết minh có gian nan hiểm trở. *Tối hỉ Kỳ lâm, Kim ngọc mãn đường*, thuyết minh giàu có, nhưng cũng không đại biểu bản thân nhất định là có thành tựu, rất khả năng là thổ đa kim mai. *Vinh hoa hệ trường ở Nhâm hương*, chỉ đại biểu gia đình hoặc là hoàn cảnh không tệ, cũng không đại biểu quá trình sinh mệnh không có tai nạn. Bởi vì Nhâm thủy có khả năng cứu sống Ất mộc, thấu Nhâm đa số là biểu hiện Ất mộc không tòng hoặc là Giả tòng, tòng lại không tòng, hóa lại không hóa đều là tiêu chí vận mệnh nhấp nhô.

Ở trong thập can, nhật nguyên Canh kim rất khó nắm chắc, bởi vì Canh kim giống như sắt thô, tính ngu độn, chế hóa phù hợp mới có thành tựu, chế hóa làm sao mới tính là phù hợp rất khó nắm chắc. Ất Canh hợp hóa giống như Canh kim hóa khí, cho nên, Ất Canh hợp cũng không xử lý tốt. Người không quen thuộc hóa tượng, có thể dứt khoát không xem hóa khí, vẫn là dựa theo chính ngũ hành xem, có thể hiệu quả tốt hơn.

## ***Đệ lục giảng: Lục Ất xu Thử quý, Âm Dương lưỡng tương phối***

### ***Can chi Lục Ất.***

Địa chi Tý giống Thử (con chuột), thiên can Ất mộc cũng sẽ không cùng địa chi Tý phối hợp, tại sao Quý nhân ca viết: Ất Kỷ Thử Hầu hương? Nguyên Tý là dương trong âm, cho nên Ất mộc hỉ dương vậy. Một trụ đơn thuần tức là một tổ can chi, vốn không thể dụng để quyết định nội dung toàn bộ một người nào, nhưng nó dù sao cũng chiếm 1/4, tương đương với một bộ phận lắp ráp động cơ máy móc, đáng được nghiên cứu. Dưới đây là kinh nghiệm cổ nhân tổng kết, giải thích phù hợp.

+ ***Ất Sửu***: Khí thế can chi là ở phá thổ sinh kim, Ất Sửu là ngày Lục Tú, chủ người tú khí xinh đẹp, thân tọa kim khố, Thất Sát không có chế, tâm tự tin thái quá, luôn khư khư cố chấp. Nữ mệnh Ất Sửu, có đủ phong cách nam tính. Ất Sửu nạp âm là Hải Trung kim, bên ngoài ôn nhu, bên trong đầy sát khí, Ất mộc lúc thích hợp, mưu toán thâm sâu. Ngày Ất Sửu là Ngọc Nữ bội châu (Đinh là Ngọc Nữ, Sửu là Châu). Có thơ viết:

*Thân tọa kim khố tài phúc tú,  
Y lộc vinh hoa có mọi thứ.  
Kim thủy tương hàm hảo văn chương,  
Đông phương tây phương đối diện đàm.*

+ ***Ất Hợi***: Có khí thế thủy mộc tương sinh, Ất mộc tuy ở nơi Tử địa, tọa dưới lại có Chính Ấn Kiếp tài trợ thân, cho nên có tượng khô mộc phùng xuân. Ất Hợi, thì Ất mộc là Tử mà có căn khí, giống như cành khô mùa đông. Nam mệnh có nhật chủ Ất Hợi được hiền thê, nữ mệnh có nhật chủ Ất Hợi được quý phu, hơn nữa đối với chồng còn trung thành. Ngoài ra, nữ mệnh Ất Hợi hết sức xinh đẹp. Ất Hợi nạp âm là Sơn Đầu hỏa, giờ mang Ất Hợi, văn lý đều tốt, cũng chủ có tài hoa nghệ thuật. Ngày Ất Hợi là Danh lợi song thành. Có thơ viết:

*Ngọc Thố Nguyệt Quế hỉ Quan tinh,*

*Thân nhân bằng bồi trọng hữu tình.*

*Trúc thanh lưu thủy thơm mùi hẹ,*

*Thái Dương bỏ sông lại trở về.*

+ Át Dậu: Khí thể can chi tọa ở Sát là tiết cước, sinh ở mùa xuân Ất mộc có cứu, sinh ở tháng thổ trợ Sát công thân. Nam mệnh Ất Dậu đa số không có kết cục tốt đẹp hoặc là không cao thọ; nữ mệnh Ất Dậu xinh đẹp, lãng mạn, sớm yêu sớm lấy nhau. Nạp âm là Tĩnh Tuyền thủy, thủy lâm Mộc dục, ngâm tẩm Ất mộc, khí thể chung quy Ất mộc thụ thương. Ất Dậu là ngày Long Phượng trình tường. (sinh ở tháng Dậu là quý, là ngày bị nạn). Thơ viết:

*Xuân hoa giang thủy lạc mây Phượng,*

*Nam Bắc dương danh khuông thiên hạ.*

*Nam phương nhất khứ tọa kim điện,*

*Ngọc thạch ngọc thúy lệ như hoa.*

+ Át Mùi: Khí thể can chi ở mộc khắc thổ, Ất mộc tuy nhu, khuê Dương giải Ngưu. Giáp mộc Kiếp tài nhập khổ, cũng chủ phú, nhưng keo kiệt thương tiền, lại gặp mệnh cục hoặc đại vận lưu niên xung khổ, Kiếp tài cản bặt, tắt phát tài. Ất Mùi là Sa Trung kim, thổ nhuận kim sinh, cũng có quý. Ất Mùi là ngày Tài phúc.

**Thơ viết:**

*Thiên nguyên tọa phúc người thông linh,*

*Đắc Quan phùng Ti tái phú ông.*

*Trên đường tơ lụa buồn cây lựu,*

*Sắc xuân hoa thu mưa phát bay.*

+ Át Tị: Khí thể can chi ở mộc hỏa tương sinh. Ất mộc hướng dương, anh hoa ngoại phát, chủ người thông minh, nhưng tiết khí, chỉ lợi cho người khác, bản thân bất lợi. Trụ ngày Ất Tị, tọa dưới Thương quan, Chính Tài, Chính Quan thuận sinh, có tiền, giàu có. Nam mệnh Ất Tị, đa số vẫn hôn, có được vợ hiền, nhưng gặp Thương quan kiến Quan, quá cương cường, không biết kỷ luật. Vũ tướng, thích khai sát giới.

Nạp âm là Phật Đẳng hóa, 《 **Ngũ Hành yếu luận** 》 nói: Ất Tị hỏa, hàm thuần dương tổn phát khí, quang huy sung túc, xuân đông hướng cát, hạ thu hướng hung. Ất tị là ngày Mộc Hỏa sinh huy.

**Có thơ viết:**

*Cố chấp bảo thủ nhưng thông minh,  
Tài Quan cùng thấy mệnh Công hầu.  
Văn tài vũ lược sợ Thanh Long,  
Hưng vượng thành bại trong một khắc.*

+ Ất Mão: Can chi nhất khí, trụ ngày Ất Mão, tọa Lộc thông căn thân vượng, tọa Tỉ kiên, không có Tài, thanh quý mà không phú quý; trên dưới Ất mộc, tú khí thấu xuất, văn tài giỏi. Nam mệnh có vợ không đẹp, đẹp thì không khoẻ mạnh. Nữ mệnh người tú khí, chân tay nhỏ mảnh. Nạp âm là Đại Khê thủy, nếu thấy Nhâm Dần, Quý Mão kim, thì là giàu có. Ất Mão là ngày Phong Vân tương hội.

**Thơ viết:**

*Thân tọa tước vị người ca tụng,  
Công danh hiển đạt liệt triều ban.  
Châu ngọc xanh biếc hội mưa móc,  
Núi xanh mây trắng nước chảy xa.*

Nghiên cứu can chi Lục Ất, hẳn là đem trọng điểm đặt trên tác dụng ở địa chi đối với thiên can Ất mộc như thế nào. Trước có nói qua, quan hệ can chi trong trụ đồng nhất là vị trí số một, trước là có quan hệ tác dụng can chi bản trụ, mới có những quan hệ khác. Bắt đầu quan hệ Ất mộc cùng tọa chi là như vậy, nhưng quan hệ cuối cùng Ất cùng tọa chi phải tham khảo những can chi khác.

**Đệ thất giảng: Ất mộc thiên đầu tỵ tráng, thị bí trung bí**

**Sắc màu Ất mộc.**

Ở đây nói khởi từ một bát tự:

Khôn tạo: Đinh Mùi - Tân Hợi - **Ất Mùi** - Canh Thìn (Thìn Tị không)

Đại vận: Nhâm Tý, Quý Sửu, Giáp Dần, Ất Mão, Bính Thìn, Đinh Tị.  
04 tuổi khởi vận.

*Năm 2004 tôi bình bát tự này mấy câu:*

- 1, Nữ này ly hôn lại phục hôn.
- 2, Chồng có tình nhân, thậm chí có cháu ngoại.
- 3, Năm nay mệnh chủ rất thương tâm.

Kết quả đối phương trả lời nói với tôi là đã khám phá ra bí mật của cô ta. Hiển nhiên, chỗ đoán ra bí mật này, không phải là chỉ từ một nhật can Ất mộc mà tìm ra đáp án. Đầu tiên, nữ mệnh này là tọa chi Mùi, có quan hệ "Cách cung phục ngâm". Vừa qua khởi năm 2003 là Quý Mùi, cả hai vị cùng lâm Thái Tuế, tin tức chủ yếu hẳn là Phu cung có chuyện. Chuyện gì chứ? Nhìn thiên can có Quan Sát hỗn tạp là biết, hôn nhân bất thuận là chuyện hiển nhiên. Thất Sát ở trước, Chính Quan ở sau, Ất sinh tháng Hợi là Tử địa, gặp giờ Thìn, là Tử mà lại sinh, là theo biến hóa này mà xem hôn nhân, chỉ cần bạo gán nói hôn nhân của cô ấy là tử mà lại sinh. Hai Mùi thổ lấy nguyệt lệnh làm ranh giới, xưng là "Cách cung hoặc là Cách sơn", đại biểu tượng phu có hai nhà. Trụ năm có một Đinh hỏa, đại biểu tượng phu sinh hài tử ở bên ngoài. Như vậy lúc này đoán là đi theo chân cảm giác, trái lại cảm giác được xem miễn phí đối với xem đúng hay sai đều không có nói.

Đối với phép xem Ất mộc trước đây đã nói rất nhiều, nhưng tôi đem Ất mộc phân rõ Tử hay Hoạt thủy chung là đặt ở hàng đầu. Hoạt mộc, sinh ra muốn sinh thoải mái; Tử mộc, Tử muốn tử phải vui vẻ. Giống như ở ví dụ trên Ất mộc ở trong bát tự này, đại vận hành ở Ất Mão, gặp năm Quý Mùi, Giáp Thân, đúng là sống không bằng sống chết không bằng chết, sao không thương tâm.

Chúng ta tiếp tục nói một chút về một vài quyết khiếu tương quan với Ất mộc. Hình trạng chữ Ất (乙) là uốn khúc, nếu như trong cuộc sống Ất mộc nói là có căn, thì bạn chớ quá tin tưởng đối phương nói thẳng. Ất mộc âm nhu, là bản tính của nó, nhật nguyên người là Ất mộc, cá tính nhỏ nhắn mềm mại, khéo chịu đựng, hay cố chấp, có

sức chịu đựng và sức biến thông cực mạnh. Đúng như chỗ 《 **Nguyệt Đàm phú** 》 nói: "*Tháng Dậu ngày Mão, định là xảo trá.*"

*Giáp phùng kim khắc mạo như hoa, Ất mộc có thể không như vậy. Ất mộc đại biểu âm mộc, như loại chậu dây thảo hoa tươi, hoa mặt trời hướng dương (mộc) sớm gặp xuân, Ất mộc thấy Bính hỏa là xinh đẹp. Giáp mộc đắc địa mới luận cao, Ất mộc như dây leo, có Giáp mộc có thể bò lên mới có thể nói là cao. Nhưng Giáp mộc quá nhiều, cũng bất lợi cho Bính hỏa Quý thủy bang trợ Ất sinh trưởng, trái lại là rất nhỏ thấp. Dưới đây là dẫn dụng một đoạn văn chương có liên quan đến Ất mộc:*

Người sinh ở ngày Ất mộc, gặp đến thiên can hỏa hoặc là địa chi, liền sẽ xinh đẹp. Mộc gặp hỏa, ở trong bát tự xưng là Tiết tú, chỗ ở hoàn cảnh tốt đẹp, lại xưng là mộc hỏa thông minh, tiểu thư xinh đẹp sinh ở ngày Ất mộc, tất sinh ở mùa hạ hoặc là giữa Ngọ, thông minh xinh đẹp là tất nhiên, nhưng mộc đại hỏa đa liền sẽ biến thành táo mộc, táo mộc liền sẽ mắng chồng, tỳ khí không tốt, cho nên Ất mộc xinh đẹp, đa số là nhiều truy cầu, nhưng tỳ khí lại không tốt, nói chung đem bạn nam hoặc là ông chồng mà mắng chửi cho mất mặt.

Nữ sĩ xinh đẹp đa số thích phát cáu, nhiều lý bởi vì "Hỏa" tác quái, nhưng gặp đến bát tự có hai chữ "Sửu" "Mùi", thì sẽ tình có duy nhất, nguyên là nhật can Ất mộc thấy đến Sửu thổ thấp nề, có thể dưỡng mộc, thấy Mùi thổ mộc khó, là được bàn căn. Mộc khắc thổ cũng là tài phú, cho nên có tiền tài có thể làm cho nữ tính Ất mộc ký gửi ba đời.

**Cổ thư nói:** "*Hoài Đinh bảo Bính, nháy Phượng cười Hầu*", là chỉ thiên can Ất mộc cần thấy Bính Đinh hỏa, địa chi nên thấy Thân Dậu kim.

Mục đích Ất mộc thấy Bính Đinh hỏa là cần dụng điều tiết khí hậu, mục đích địa chi thấy Thân Dậu kim là muốn dùng cắt xén. Bởi vì Ất mộc giống như đoá hoa ở trong công viên, người làm vườn cần phải đến cắt xén mới xinh đẹp.

Ất mộc sợ nhất là cái gì? Hẳn là Hợi thủy nhé! Ất mộc thấy hàn thủy,

cũng tức là Ất mộc ra đời ở mùa đông, không những không đẹp, mà còn thấp khí quá nặng. Loại bát tự này, đại đa số có bệnh phong thấp hoặc là chứng cảm mạo nhiều năm, nhưng vừa gặp nhị đại đất ( thổ) nóng liền có thể thu hút chỗ có thấp khí, thì có thể chuyển hung thành cát. Bát tự không có tuyệt đối, chân lý là chỗ này!

Nhị đại Thổ nóng chính là Mùi thổ và Tuất thổ.

Mở rộng "Mùi" thổ, bên trong thấy có thiên can Ất mộc, Kỷ thổ cùng Đinh hỏa. Mở rộng "Tuất" thổ, bên trong có Tân kim, Mậu thổ cùng Đinh hỏa, đều có thể làm cho Ất mộc mang đến ấm áp. Nhưng lưu ý bên trong chỗ "Tuất" có tàng Tân kim là tình nhân Ất mộc, nếu như nữ tính Ất mộc cảm thấy không vui, gặp đến nam sĩ "Tuất" thổ, sau khi cảm tình ôn ấm, đa số là sẽ phát sinh cảm tình.

Người Ất mộc tốt nhất là sinh ở tháng Mão, chỗ này gọi là Quy Lộc cách. Cả đời lúc này đắc lệnh, có tài nguyên dung không hết. Ất mộc là thượng mệnh, tất thấy Bính hỏa cùng Quý thủy, Bính hỏa là con cái, Quý thủy là mẫu thân. Ất mộc là nữ tính, đa số rất yêu thương mẹ và con. Hiện tượng này ở bát tự có thể nhìn thấy rõ.

Ất mộc là nam sĩ tất là chuyên gia có văn hoá, là quân tử cách. Nhưng quá nhiều hỏa sẽ quá mỹ mạo, sẽ có chút phụ nữ. Thông thường hình Ất mộc nam tính đều có một mặt nữ tính âm nhu, nhân vật chính trị Clinton cùng Hồ Diệu Bang, đều là người Ất mộc. Nhiều danh gia đều có Ất mộc đa tài đa nghệ; còn ở phương diện nữ tính, rất nhiều người đẹp đều là Ất mộc, như Diana, Mạch Đương Na, Lâm Thanh Hà, Vương Tổ Hiền, thậm chí Từ Hi thái hậu cũng là người Ất mộc.

Người Ất mộc cả đời đều rất thích Bính Quý, Ất mộc sinh ở mùa đông, đa số thích Thái dương dục, kỳ quái là đối với màu sắc tươi đẹp sản sinh hứng thú mãnh liệt, áo quần tất phải màu hồng, lại xe cũng thích xe màu hồng, thích ăn cay, uống rượu và hút thuốc. Nuôi chó cùng ăn thịt dê cừu, đại đa số là người Ất mộc sinh ở mùa đông!

**Cổ thư nói:** "*Hoài Đinh bảo Bính, nháy Phượng cười Hầu*", như trong bát tự có Ất Dậu, tôi không cho rằng đối với Ất mộc là chuyện tốt. Vì

dụ như người có trụ giờ là Ất Dậu, không ít người bị đứt ngón chân tay hoặc tổn thương gân động cốt. **Có thơ viết:** Ất mộc sinh cư Dậu, sợ phùng Tị Dậu Sửu, phú quý Khảm Ly cung, bản cùng Thân Dậu thủ.

Xem tử mĩ sách 《 **Cùng Thông bảo giám** 》, bạn sẽ phát hiện, chỉ có khí số Ất mộc không giống với bất kỳ những thiên can khác. Nhưng chúng ta căn cứ nghiên cứu, Ất mộc đối với hoàn cảnh sinh ra trên tạo hình lại là một nhân tố rất trọng yếu. Như trong bát tự Ất thấy Mão hoặc có Mão mộc đơn thuần xuất hiện, hoàn cảnh đa số là có hoa viên hoặc là loại trúc xanh. Đại vận hành đến Ất, Mão sinh vượng địa hoặc là Bính địa, người này rất dễ dàng dọn vào hoàn cảnh khu dân cư tốt đẹp.

Ất mộc là chất mộc, Ất đến đất Ngọ Mùi là thời cơ tốt nhất thành tài, cho nên Ất mộc cùng Giáp mộc khác nhau, Ất mộc hỉ hành vận phương tây nam. Là đại tài hay là tiểu tài, phải do Ất mộc ở trong nguyên cục cường tráng và suy nhược mà quyết định. Lúc nào thì Ất mộc cường tráng? Ất mộc đắc Lộc, đắc Trường sinh, Đẳng La hệ giáp đều là biểu hiện cường tráng. Chỉ có cường tráng thì Ất mộc mới có khả năng trở thành tài đồng lương.

### 3. Phần Bính hỏa

**Đệ nhất giảng: Bính hỏa là Dương tinh, có mới có thân**

#### **So sánh Bính hỏa.**

Thiên can Bính, ngũ hành thuộc hỏa. Hỏa là cái gì?  
Sách nói: Hỏa, là Viêm Thượng vậy. 《 **Ngũ Hành đại nghĩa** 》 nói: " Vị trí Hỏa cư ở Thái Dương, cháy nóng mãnh liệt, cho nên lấy hỏa làm thể nóng sáng, thành tính viêm thượng." Thiên can Bính hỏa, ở trời là ánh mặt trời, là điện; ở đất là lò lửa, là nung luyện, dẫn thân là nguồn ánh sáng, khí tượng văn minh. Cổ nhân lấy phối quẻ Ly, vị trí cư ở phương nam. Bính là Thái dương, đứng đầu ngũ dương, chất lượng to lớn, có lực hấp dẫn, có thể phóng xạ ra các loại năng lượng. Thuật chiêm tinh ở Tây phương hiện đại thuyết minh đối với Thái

dương: "Thái dương chủ biểu đạt năng lực, quyền lực cùng tinh lực thịnh vượng." Bính hỏa ở trên thân thể con người chi tiết là đôi mắt, là miệng, cùng tiểu tràng.

Bính hỏa cùng những thiên can khác là như nhau, có thể tiến hành loại tượng vạn vật. Nhưng cuối cùng Bính hỏa là cái gì, thực chất tinh thần là ở chỗ nào? 《 **Trích Thiên Tuy** 》 luận đúng: " *Tất cả Ngũ dương Bính dương là đứng đầu.*" Giáp Bính Mậu Canh Nhâm, 5 can dương này, chỉ có Bính hỏa là nắm tinh dương. **Nhâm thị viết:** Bính là hỏa thuần dương, vạn vật đều từ chỗ này mà phát sinh, được chỗ này mà thu lại. Ta tổng kết là: "Bính hỏa chính là một loại năng lượng thiên nhiên mà đang lúc phóng thích mãnh liệt." Trước đây đã nói qua, Giáp mộc thực chất là một luồng sinh khí, lúc luồng sinh khí này sau khi phát sinh ra, tính chất chính là Bính hỏa. 《 **Ngũ Hành đại nghĩa** 》 viết: "Thủy là Tinh, Hỏa là Thần." Người có khí Hỏa không đủ, thần không đủ, trong hiện thực người này đại biểu dễ dàng thất thần, ngu ngốc. Thiên Nhất sinh Thủy, Địa Nhị sinh Hỏa, hai vật thủy hỏa xuất hiện, địa cầu mới có tồn tại sinh mệnh.

Hỏa là đứng đầu ngũ dương, thực chất là một loại năng lượng tiềm tàng, luồng năng lượng này tốt nhất là khiến cho nó phóng thích thuận lợi. Cho nên, người có nhật can là Bính hỏa, tốt nhất là làm cho nó phát ra, thuận theo tính tình của nó, thì chuyện của bạn làm là rất dễ dàng.

*VD 1, Khôn tạo:* Ất Mão - Nhâm Ngọ - **Bính Thân** - Giáp Ngọ;  
Bính sinh tháng Ngọ giờ Ngọ, Nhâm thủy ở trên mặt trời cũng được trường sinh, Nhâm Bính đều vượng, Nhâm Bính giao nhau, Bính hỏa phát sáng rực rỡ, người Bính hỏa này, rất xinh đẹp, có tình cảm mãnh liệt, tràn đầy lòng nhiệt tình, dường như lòng nhiệt tình là không dứt. Lúc hành vận Dậu, trên sự nghiệp không ngừng phát triển, trên tình

cảm cũng là đào hoa ươt át, đây đều là biểu hiện ở Bính hỏa phát ra năng lượng đầy đủ. Người này thì chỉ có thuận theo, mà không thể nghịch, người cùng nó đối kháng chưa hề có trái ngon ăn tốt.

Bính hỏa ở trên thân thể là con mắt, miệng, ở trong là tiểu tràng. Con mắt là bộ phận tiếp nhận, độ lực Bính hỏa thích hợp, chủ đôi mắt xinh đẹp, còn có thể hiểu rõ mọi việc, nhưng lại câu nệ ở tiểu tiết. Miệng là cơ quan ra vào, là công cụ chủ yếu biểu đạt ngôn ngữ, lúc Bính hỏa là Ấn hoặc là Thương quan, hơn phân nửa là hành nghề ăn nói.

*VD 2, Khôn tạo: Ất Tị - Kỷ Sửu - **Bính Tuất** - Giáp Ngọ;*

Vào năm Canh Thìn có người bạn tra hỏi tôi bát tự này, tôi phải từ trong bát tự nhìn ra nghề nghiệp của cô ta, liên quan ở nghề nghiệp, có chỗ tôi còn chưa hiểu thấu, chỉ có thể nói là nói thử xem mà thôi. Khả năng lúc đó chỉ là một chút linh cảm, lại có thể nói đúng nghề nghiệp của bát tự này. Tôi nói tạo này có có chút giống như người phát thanh viên đoàn tàu, lúc này đối phương khá là giật mình, "Trời ạ! Phải chăng là ông đã biết tôi chứ?" Bởi vì dịch hữu là người trên đường sắt, đã nói ho tôi biết hơn một nửa, lại cộng thêm thủ tượng bát tự, trên cơ bản là tôi chỉ đoán mò.

"Ngài có thể nói vì sao mà ngài nhìn ra được hay không?" Lúc đó chủ yếu là tôi theo tượng nhật can Bính hỏa mà liên tưởng đến nhân viên phục vụ trên tàu. Hai đầu của bát tự này là Ất Tị, Giáp Ngọ, trong đó Giáp Ngọ, Giáp là sinh khí, chân tượng Ngọ hỏa là đầu máy xe lửa, tượng Ất Tị lại là con rắn dài chạy uốn lượn, năm tháng ngày giờ nạp âm là hỏa thổ kim liên tục tương sinh, tứ trụ hoàn toàn là hình chữ vuông, giống như hộp xe. Chỗ này làm tôi liên tục liên tưởng, làm cho tôi nghĩ đến khả năng là một nhân viên phát thanh đoàn tàu. Bởi vì nhật nguyên Bính hỏa, trụ tháng Kỷ Sửu là Thương quan, ở trên thân thể con người phần đa là chỉ cái gáy cổ, Thương quan là lời nói, Giáp mộc là Ấn tinh chủ văn thư, chữ Bính (丙) giống như cái miệng, toàn bộ bát tự giống như là cầm bản chữ đọc diễn văn, không nghĩ đến có phải nàng là một nhân viên phát thanh đoàn tàu hay không.

Bính hỏa ở bên trong trên thân thể con người đại biểu là ruột non (tiểu tràng). Ở trụ Bính hỏa, gặp khắc, đa số là mắc bệnh tiểu tràng. Bính hỏa ở bên ngoài là bộ mặt, Quý Bính giao nhau, là hỏa mang theo hao tổn, người này không trọc đầu thì khuôn mặt tất có vết thẹo, có một thông quan là nhẹ hoặc là không ứng nghiệm.

*VD 3, Càn tạo: Nhâm Dần - Nhâm Dần - **Bính Tý** - Nhâm Thìn.*

Tạo này có 3 Nhâm khắc 1 Bính, còn tọa dưới Tý thủy tiết cước, không chỉ có khuôn mặt bị mang vết thẹo, mà bên trong tiểu tràng cũng mắc đại bệnh. Năm 2000 Canh Thìn tiểu tràng bị thủng, may mà có giải phẫu cấp cứu tức thời, nối lại một đoạn ruột non mới cứu nguy tính mạng.

Trước đây có nói qua, Ất là cây hoa cỏ, chân chính lúc hoa nở khoe sắc, thì hoa không phải là Ất mộc, mà là hình tượng Bính hỏa. Bởi vì hình tượng hoa thì giống như Bính. Tiếp theo, hoa nở cũng là Ất mộc ở lúc bắt đầu phát tiết, có một loại nhu cầu tìm bạn đời và tái sinh. Người hàn mộc có Bính thấu ra thiên can, trời sinh là có phú quý, thường luôn có cơ hội ở tại chỗ bụi gấm bôn hoa. Trái lại, người không có Bính thấu ra, cho dù chỗ ở là đại thành thị, cũng là rời xa chỗ phồn hoa lá tốt, hoặc là thích chỗ vào chốn khuê phòng mà không thấy người.

Tổng kết một chút, Bính hỏa ở trên trời là mặt trời, là điện, ở đất là lò lửa nung luyện, dẫn thân là năng lượng nguồn ánh sáng, khí tượng văn minh. Bính là ánh thái dương, đứng đầu ngũ dương. Chất lượng to lớn, có lực hấp dẫn, có thể phóng xạ ra các loại năng lượng. Thái dương chủ biểu đạt năng lực, quyền lực cùng tinh lực vượng thịnh. Bính hỏa ở trên thân thể con người là con mắt, là miệng, cùng tương quan ở bên trong là tiểu tràng. Bính hỏa thực chất là phát tiết ra năng lượng, người này chỉ có thể thuận mà không thể nghịch.

***Đệ nhị giảng: Ninh vi phù mộc tử, bất tố thấp nê nương***

***Thể tượng Bính hỏa.***

Trước đã nói qua, chỗ nói Thể tượng, chính là tượng tổng thể, tượng cơ bản. Bính hỏa vốn có thể tiến hành loại tượng vạn vật, nhưng mà, tượng của nó có rất nhiều, rất dễ dàng làm cho đầu óc con người choáng váng. Cho nên chúng ta chỉ nói đến thực chất tinh thần của Bính hỏa mà thôi, Bính hỏa chính là một loại năng lượng trong tự nhiên đúng đang ở lúc phóng thích ra mãnh liệt, đối mặt với loại phóng thích năng lượng này, chỉ có thể thuận mà không thể nghịch.

《 **Thập can thể tượng toàn thiên** 》 luận Bính hỏa viết:

*Bính hỏa minh minh nhất Thái dương,  
Nguyên tòng chính đại lập cương thường.  
Hồng quang bất độc khuy thiên lý,  
Cự phách vuw năng biến bát phương.  
Xuất thế khăng vi phù mộc tử,  
Truyện sinh bất tác thấp nê nương.  
Giang hồ tử thủy an năng khắc,  
Duy khùng thành lâm mộc tác ương.*

Bính hỏa là Thái dương, dương nhiên có khí phách to lớn. Bát tự hàn thấp, chỉ cần có khí dương tồn tại, thì cũng cần yêu thích có Bính hỏa. người có một khối kim thủy thông thường rất thông minh, nếu như không có (bao gồm chỗ địa chi ám tàng) Bính Đinh hoặc hỏa khí hỏa, vậy thì chỉ có thể nói loại người này là thông minh, hơn nữa còn khó biểu đạt ra ngoài. Là người cũng khó có khí phách to lớn.

Bản tính Bính hỏa chính là muốn phát tiết, phát tiết là một loại hiện tượng tự nhiên. Dưới tình huống bình thường, loại người này rất tự nhiên, không làm bộ, không xảo trá, nghiêm túc làm việc chiếu theo quy luật tự nhiên, làm việc sôi động, tỷ lệ thành công rất cao.

Bính hỏa là Thái dương, một là ánh hồng quang của nó lan tỏa xa, hai là nhiệt năng của nó to lớn. Thông thường người có nhật can Bính hỏa đều khá là cởi mở, tấm lòng rộng rãi, đối nhân khá nhiệt thành. Lúc

Bính hỏa quá suy hoặc quá vượng, cũng dễ dàng chạy hướng phản diện, biểu hiện cụ thể như là một ông cụ non, ngoài lạnh trong nhiệt, lời nói chậm chậm, đặc biệt là lúc hỏa đa thổ tiêu, còn có khả năng nói cà lăm.

Mộc lấy hỏa là con, thổ lấy hỏa làm mẹ. Phát sinh hàn mộc, hoàn toàn dựa vào Bính hỏa. Bản tính Bính hỏa chính là muốn phát tiết năng lượng của mình, luồng năng lượng này đem đi tiết đến chỗ nào? Đó chính là vụn vặt, dựa vào ánh Thái dương vụn vặt sinh trưởng, thực tế chính là vụn vặt tiếp nhận đến ánh sáng và nhiệt lượng của vầng Thái dương. Vụn vặt đều thích thái dương cho nó ánh sáng và nhiệt lượng, cho nên thể hiện ra giá trị của vầng Thái dương. Cho nên, Bính hỏa rất thích phù trợ vụn vặt hàn thấp, trong đó Giáp Ất mộc là được nhận lợi ích rất rõ ràng, Tam Dương khai thái, đến mùa xuân, sức sống bừng lên khắp nơi, đơn giản chính là hoá ánh Thái dương dần dần thịnh vượng, Giáp Ất mộc bắt đầu phồn vinh, Giáp Ất mộc và con của nó đều rất yêu thích.

Nhà nông đều biết, khí trời âm thấp quá lâu, cho dù là xuân hạ, thực vật đều khó mà trưởng thành khoẻ mạnh. Căn bản âm thấp này, chính là do Kỷ thổ là mây tạo thành. Bính là mẹ Kỷ, mặc dù Thái dương cuối cùng cũng là phải hạ xuống phía tây, cuối cùng hỏa được sống ở thổ, nhưng năng lượng bản thân Bính hỏa phát tiết là vì thể hiện giá trị của mình, Thái dương là không hi vọng bản thân phải nhanh chóng hạ xuống núi. Đây chính là chỗ nói hai loại Thể tượng của Bính hỏa: *Xuất thế khăng vi phù mộc tử, truyền sinh bất tổ thấp nê nương*. Đơn giản mà nói, Bính hỏa là không muốn tình nguyện đi sinh Kỷ thổ.

*VD 1, Càn tạo: Giáp Dần - Giáp Tuất - **Bính Tuất** - Mậu Tý.*

Bính sinh tháng Tuất, Bính hỏa vốn không vượng, nhưng trụ năm được Trường sinh, Bính hỏa vẫn là tương đương có lượng khí, đặc biệt

là Giáp mộc thấu ra thiên can, năng nguyên Bính hỏa rất hùng hậu, có năng lực phát tiết. Tháng Tuất ngày Tuất rất khô táo, sinh ở giờ Mậu Tý, vừa đúng giải trừ bệnh táo nhiệt, cho nên mệnh này rất quý. Năm đó sư phụ ở lúc hấn còn rất nhỏ đã toán định tương lai của hấn là có triển vọng, hơn nữa còn là nhân vật kiệt xuất trong nhà thậm chí là trong gia tộc. Một chút không sai, nó rất hiếu thuận, có tiền đồ, trước mắt là trên tiến sỹ, ở quê hương, hấn là người có học lịch cao nhất. Bởi vì Bính hỏa này sinh ra chính là người cũng nguyện ý yêu thích Giáp mộc đi phù khởi, 2 Giáp ở năm tháng, đại biểu tổ thượng và gia tộc của nó. Cũng bởi vì Bính hỏa truyền sinh không làm thấp nề nương, không thể nào thích thổ quá nhiều, trụ giờ Mậu thấu can, đầu tiên biểu hiện ra, thai đầu là một khuê nữ.

VD 2, Giáp Dần - Giáp Tuất - **Bính Ngọ** - Kỷ Sửu.

Tạo này tôi lấy tam hợp cục xem cho hấn, tam hợp cục thành, khí thế tất nhiên là ở trên cục thành này. Vận trình biểu hiện ra hỏa càng thuần càng tốt, mà không phải là thân vượng dụng thổ tiết. Kim mộc thủy hỏa đều không kỵ, duy chỉ có niên vận là không thể nào thích thổ vượng hoặc là Mậu Kỷ thấu can. Trên sự thực ngoại trừ gặp năm thổ vượng hoặc là Mậu Kỷ thấu can ra, thì đều không tệ.

Tạo này hết sức thông minh, cũng là nhân tài ưu tú trong gia tộc cùng bạn bè. Bởi vì không thích Kỷ thổ, trước mắt chỉ sinh ra một nữ nhi. Dù muốn có con trai, cảm giác là rất khó khăn. Chuyện rất khéo, lợi ích của hấn so với bạn bè đều là cầm tinh Hồ Mã Xà, người thổ nhiều cùng với hấn là không có duyên phận gì.

*Tứ quý Bính hỏa giai hi Nhâm*, nguyên nhân là *Nhật chiếu giang hồ, ngũ quang thập sắc*. Hoặc là nói, Thủy Hỏa ký tế là nguồn gốc vạn vật sản sinh. Bính hỏa hi Nhâm thủy, là rất không tình nguyện đi sinh Kỷ thổ, Kỷ thổ hỗn Nhâm, làm cho Bính hỏa thất sắc. Nhật nguyên Bính hỏa, bất tự cần phải dụng Thương quan Kỷ thổ, đa số tầng lớp không cao. 《 **Trích Thiên Tuy** 》 nói: "*Khâm Ly chủ tế trung khí trời đất, thành không chỉ thành, mà có chỗ hỗ tương nhau.*" Thủy hỏa tuy là chiến, không có thổ cũng không thể khắc hỏa. Hỏa Thái dương,

thủy nhiều vẫn không bằng chỗ mộc nhiều đáng sợ. Thầy tôi từng nói qua: "*Giáp mộc ngầm che, là hoạ Bính hỏa.*"

Bài này có một câu cuối cùng trong Thể Tượng toàn thiên luận: "*Giang hồ Tý thủy sao có khắc, chỉ sợ mộc thành lâm làm hoạ.*" **Ý là nói:** Giang hồ Tý thủy không phải là rất dễ dàng khắc mất Bính hỏa, chính là sợ Giáp mộc trùng điệp, che lấp ánh sáng của Thái dương. Trong hiện thực chính xác là có rất nhiều ví dụ như vậy, dưới đây đưa ra một ví dụ Bính hỏa sợ Giáp mộc nhiều.

**VD 3, Khôn tạo:** Mậu Ngọ - Giáp Tý - **Bính Dần** - Giáp Ngọ (Tuất Hợi Không vong)

**Đại vận:** Quý Hợi, Nhâm Tuất, Tân Dậu, Canh Thân, Kỷ Mùi.  
08 tuổi vào vận.

Từ trên khí thế địa chi mà xem, tạo này rất giống mộc hỏa tề huy (cùng chiếu), nhìn như mệnh phú quý. Nhưng mà, Bính sinh tháng Tý, nữ mệnh này 8 tuổi hành vận, là Quý thủy đương lệnh. Tuổi trẻ vào 3 bước vận Quý, Hợi, Nhâm, có 2 Giáp mộc để để hóa thủy sinh mộc, (tựa như thủy sinh mộc, mộc lại sinh hỏa, nhưng đây là tục luận), Quan Ấn tương sinh, hẳn là vận khí rất tốt. Nhưng không biết, nhật can tạo này hoả Thái dương, thiên can trùng điệp thấy Giáp, chính là mộc thành lâm, che lấp ánh sáng mặt trời, mệnh chủ một chút cũng không được nhờ. Thực tế là sao chứ?

Năm 2003 mệnh chủ trả lời: Vận mệnh của tôi dường như bập bồng, gia cảnh lúc nhỏ cũng không quá tốt, trước mắt cũng bình thường, tình cảm năm qua khá là bất thuận, năm nay còn được.

VD 1, 2 ở trên cũng đều có 2 Giáp mộc, xong Bính hỏa sợ Giáp mộc quá nhiều, như vậy thì các bạn nghĩ sao, hai tạo này lúc trẻ và tình huống gia đình lúc nhỏ như thế nào? Vấn đề này, lưu lại cho các bạn suy nghĩ.

## ***Đệ tam giảng: Bính hỏa thuần bất thuần, Tam hợp thuyết phân minh***

### ***Khí thể Bính hỏa.***

Người có nhật can Bính hỏa, không phải cái gì cũng tốt.

### ***Sách viết:***

*Bính hỏa mãnh liệt,*

*Khi sương vũ tuyết.*

*Năng đoán Canh kim,*

*Phùng Tân phản khiếp,*

*Thổ chúng thành tù,*

*Thủy xương hiển tiết.*

*Hổ Mã Khuyển hương,*

*Giáp mộc nhược lai,*

*Tất đương phân diệt."*

Người Bính hỏa nhìn như bình thản, thực tế trong thâm tâm có một loại khí phách, ở bất kỳ trước mặt người tài ba nào cũng đều không khuất phục, nói chung là có một loại dục vọng vượt qua người khác. Người Bính hỏa, bề ngoài rất khiêm tốn, thực tế là vĩnh viễn không thoả mãn, chỉ cần bạn có thể tiếp nhận kiến nghị của hấn, thì hấn có nhiều lý do thuyết phục bạn, cũng yêu thích trợ giúp người khác, bởi vì như vậy càng có thể hiện ra giá trị tồn tại của hấn. Thì giống như Thái dương là không do dự, không chút nào do dự giống như cho bạn nhiệt lượng. Bính hỏa là một sát thủ khắc chế Canh kim, trong hiện thực ở bề ngoài người Bính hỏa không sợ cản trở, rất giỏi xử lý việc cản trở, là người có dũng khí và năng lực chiến thắng. Bính hỏa rất đố kỵ kim bồ tát là kim loại sang lóng lánh, đối mặt với Tân kim thì tôn kim là Bồ tát, cảm giác bản thân Bính hỏa bỗng nhiên mất ánh hào quang. Trong hiện thực, luôn luôn cảm giác đã đánh mất thể diện, phát sinh chuyện thương tâm. Khí thể Bính hỏa ở chỗ là muốn phát tiết, không có chỗ phát tiết là nó rất đau khổ, gặp phải Tân kim hợp bán, thì phát tiết của nó sẽ bị giới hạn.

Người Bính hỏa, lúc bình thường hiển lộ ra sự cao quý của nó, lúc nhu mì thì hiển lộ ra tính kém cỏi của nó. Người Bính hỏa miệng lưỡi rất lợi hại, nếu như bạn muốn nói thủng nó, trừ phi nó nhường cho bạn. Nếu như bạn muốn thăm dò tính khí người Bính hỏa, thuận theo tính khí của nó hành sự, nó sẽ phá lệ có cảm tình đối với bạn. Đặc biệt là lúc hấn nhìn ra bạn cũng là một người có tài năng hoặc có tiềm lực, thì hấn sẽ sẵn sàng liều mình giúp bạn. Bất luận là nam hay nữ, người có nhật can Bính hỏa đều có tình cảm khá là phong phú. Cũng chính là bởi vì tình cảm quá phong phú, thường dung tình cảm mà dụng sự, một khi nhìn sai lầm, thì hấn lại ân hận, liền xoay chuyển nhanh chỗ uốn cong, cuối cùng chính hấn đi tiêu diệt bạn.

Trước đã nói qua Bính hỏa có đặc điểm "*Xuất thế khăng vi phù mộc tử, truyền sinh bất tố thấp nê nương*". Trong hiện thực, người Bính hỏa chính là nguyện ý đối với có tiềm lực là trả công, muốn nó đồng tình với người yếu, trừ phi bạn là một nhân tài, tuyệt đối nó không đồng tình với kẻ lưỡi nhác. Thiên tính của hỏa chính là Viêm thượng, bất luận bản thân vượng cỡ nào, đốt cháy mạnh mẽ cỡ nào, nó đều không thích đi sinh thổ, nếu như nói yêu cầu nó đi sinh thổ, thì vận thế của nó đang ở lúc đi xuống sườn núi. Thái dương là không nguyện ý sớm hạ xuống núi, cho dù mặt trời rơi xuống núi tây, nó vẫn muốn phóng ra một trận hào quang ráng màu xán lạn.

*Thổ chúng thành từ,  
Thủy xương hiển tiết.  
Hỗ Mã Khuyến hương,  
Giáp mộc nhược lai,  
Tất dương phân diệt.*

Bản tính Bính hỏa là Viêm thượng, khí thế Bính hỏa ở chỗ phát tiết, chỉ cần không thấy Mậu Kỷ Tân Quý, thì nó sẽ không còn không

phóng xạ năng lượng bản thân, biểu hiện ra một mặt rất là lợi hại. Một khi trong trụ có Mậu Kỷ thổ quá nhiều, thì bản tính của nó hoàn toàn là trở thành một loại tính cách khác. Lúc thổ quá nhiều quá vượng, năng lượng to lớn của Bính hỏa sẽ sớm đi tiết hết bên trong thổ, thổ là Thực Thương của Bính hỏa, đại biểu trời sinh ra người có tài hoa, mà còn đặc biệt nhân từ thiện lương. Tất cả nhân tố mãnh liệt đều ở bên trong tài hoa tri thức của nó thể hiện ra, trái lại bên ngoài lộ ra có chút vụng về.

**Cổ thư nói:** *Thủy hỏa giao chiến thị phi đa.* Gặp đến lúc Nhâm Quý xung thiên bên địa, người Bính hỏa đặc biệt là bất thuận, thường có thị phi. Đối mặt với thị phi không ngừng, thì phải xem năng lực chịu đựng của Bính hỏa, lúc Bính hỏa có năng lực chịu đựng được những chuyện thị phi này, người này đặc biệt nói nghĩa khí, có khí phách. Một khi hẳn không chịu đựng được những chuyện thị phi này, người này tất nhiên là vô tình vô nghĩa, đối với bản thân là vô đã mẽ lại sứt, đối với người khác cũng sẽ giậu đổ bìm leo.

Bính hỏa rất thích có tam hợp cục Dần Ngọ Tuất, Bính hỏa gặp đến tam hợp cục, thì Bính hỏa thanh thuần không tạp, có đức tính chí cao vô thượng. Dạng người này đa số có tài năng, có trí tuệ, phẩm đức cao thượng, dễ dàng thành tựu một phen đại sự. Trước đây có người hỏi tôi, nói Bính hỏa gặp phải Dần Ngọ, cùng gặp đến Dần Ngọ Tuất, loại tình huống này Bính hỏa càng vượng? Tôi hiểu được người này hỏi là có trình độ, tổ hợp Dần Ngọ, là Bính hỏa gặp Dương Nhận lại phùng sinh, là đầu quá vượng, trạng thái Bính hỏa là cũng không tốt. Còn gặp đến tam hợp cục Dần Ngọ Tuất, mặc dù nhiều hơn một chữ Tuất, nhưng trạng thái của Bính thì tốt hơn nhiều. Nguyên nhân là tam hợp cục là hoá thanh thuần, là duy nhất bảo hộ cục này, Bính hỏa không chỉ sẽ không làm tổn hại Dần và Tuất, mà còn bảo hộ cho Dần và Tuất, nhưng chỉ có tổ hợp Dần Ngọ, thì đối với Dần mộc là bị

tồn hại, đây chính là ý nói "*Hổ Mã Khuyển hương, Giáp mộc nhược lai, tất đương phần diệt*".

Ở trong phần thứ hai luận Bính hỏa, ở hai bát tự VD 1 và 2, một là có tam hợp cục rõ ràng, một là có tam hợp cục ám tàng. Đặc biệt là VD 1, Giáp Dần - Giáp Tuất - **Bính Tuất** - Mậu Tý, bởi vì Tý thủy có thể bay ra một Ngọ, vừa đúng có Dần và Tuất giữ chân, nó chính là một tam hợp cục ám tàng, cho nên hai người có rất nhiều điểm cùng chung, đều rất thông minh, đều rất nhân từ, thời kỳ thiếu niên gia đình đều rất khốn khó, loại đó đều là bản thân tay trắng làm nên sự nghiệp. Tính chất sự nghiệp đều có liên quan cùng thủy hỏa, bởi vì tam hợp cục thành, cho nên đều không có tồn hại đến Giáp mộc, Giáp là tổ phụ của Bính, hai người tổ phụ đều là người cao thọ 80 tuổi hoặc là cao hơn. Lại nhìn bát tự này:

*Khôn tạo: Mậu Ngọ - Giáp Tý - **Bính Dần** - Giáp Ngọ.*

Bởi vì thiếu một chữ Tuất, thì hỏa không thuần, đối với Giáp mộc trái lại là chỗ tồn hại.

**Cổ thư viết:**

*Bính hỏa mãnh liệt,*

*Khi sương vũ tuyết.*

*Năng đoán Canh kim,*

*Phùng Tân phản khiếp.*

*Thổ chúng thành từ,*

*Thủy xương hiển tiết.*

*Hổ Mã Khuyển hương,*

*Giáp mộc nhược lai,*

*Tất đương phần diệt.*

Đây là phép luận khí thể Bính hỏa.

*Nguyên chú:* Hỏa là dương tinh vậy, Bính hỏa dương rất sáng, cho nên mãnh liệt, không sợ thu và khi sương, không sợ đông và vũ tuyết. Canh kim tuy ngu, lực có thể luyện, Tân kim vốn nhu, hợp mà lại nhược. Thổ là con vậy, thấy Mậu Kỷ nhiều mà thành đức từ ái; thủy là vua vậy, gặp Nhâm Quý vượng mà lộ thái độ trung tiết. Về phần chưa đạt tính Viêm thượng, mà gặp đủ 3 vị Dần Ngọ Tuất, lộ Giáp mộc thì khô tảo mà đốt diệt vậy.

*Nhâm thị viết:* Bính là hoả thuần dương, xu thế mãnh liệt, khi sương vũ tuyết, có công trừ hàn giải đông. *Có thể luyện Canh kim*, gặp cường bạo mà thi hành khắc phạt vậy; phùng Tân lại khiếp, hợp nhu thuận mà lấy hòa bình vậy. *Thổ chúng thành từ*, là không xâm phạm dưới vậy; *Thủy xương hiển tiết*, là không phạm thượng vậy. *Hổ Mã Khuyển hương*, là chi tọa Dần Ngọ Tuất, thế hỏa đã quá mãnh liệt, nếu lại thấy Giáp mộc đến sinh, chuyển sang đốt diệt vậy.

Cho nên luận, tiết ra oai, phải dụng Kỷ thổ; ngăn ngọn lửa, tất cần Nhâm thủy; thuận tính, vẫn cần Tân kim. Kỷ thổ thế âm thấp, có thể thu khí nguyên dương; Mậu thổ cao khô, thấy Bính hỏa mà cháy nứt nẻ vậy. Nhâm thủy đức cương trung, có thể chế hoả bạo liệt; Quý thủy âm nhu, phùng Bính hỏa mà khô cạn vậy. Tân kim là vật mềm mại, rõ tác hợp mà thân cận, ám hóa thủy mà cứu nhau; Canh kim cương kiện, cương lại gặp cương, không thể cùng tồn tại. Chỗ này tuy đưa ra luận ngũ hành, nhưng nhân tình thế sự, cũng đều như vậy!

Một bát tự có năm tháng cùng ngày giờ, đều là một loại tổ hợp. Bính hỏa ở trong bát tự, đối với điều hậu là rất có giá trị. Kinh nghiệm cho rằng, Bính hỏa ở năm tháng, tốt nhất là sinh ở mùa đông; Bính hỏa ở ngày giờ, tốt nhất là sinh ở ban đêm.

## ***Đệ tứ giảng: Nhật chiếu giang hồ mỹ, Bính hỏa ngộ Nhâm thủy***

***Khí số Bính hỏa.***

**Quyết viết:**

*Tứ quý Bính hỏa giai hi Nhâm,  
Tham dụng Giáp Mậu Quý Canh Tân.  
Quý nguyệt Bính hỏa kiêm dụng Giáp,  
Xuân hạ Bính hỏa kiêm dụng kim,  
Thu đông Bính hỏa thận dụng Mậu,  
Mạc vong Bính hỏa ái Nhâm Canh.*

Cổ nhân cho rằng, thập thiên can đặc định ở mỗi tháng trong một mùa đều có yêu thích của nó, hơn nữa chỗ ngũ hành yêu thích tốt nhất là thấu ra thiên can, nếu như chỗ ngũ hành yêu thích ám tàng, hoặc là không có, vậy thì người này có tầng lớp sẽ phải lần lượt suy giảm. Những yêu thích đặc định này thì gọi là khí số của bát tự.

Thủy chủ hàn, tính Nhuận hạ, ngoài tối mà trong sáng; Hỏa chủ nhiệt, tính Viêm thượng, ngoài sáng mà trong tối. Nhâm thủy là nước sông hồ, nước màu đen, rất dễ dàng hấp thu ánh sáng và nhiệt của Thái dương, chỗ này đối với cá tính của Bính hỏa mà nói, Nhâm thủy chính là đối tượng phát tiết tốt nhất của nó. Trong hiện thực, Nhâm Bính giao nhau, là hồ sang rục rờ, một khối cảnh tượng đẹp đẽ, đại biểu đáng mạo người này đẹp đẽ, sáng mắt sáng lòng.

Năng lượng Thái Dương cực lớn, phát tiết ra ngoài, tính rất mãnh liệt, duy chỉ có nước biển song hồ mới có đủ chi phối đúng, chúng nó toả sáng với nhau, cộng thành Thủy Hỏa ký tế. Cho nên, Nhâm thủy là yếu tố đệ nhất của Bính hỏa, tức là khí số chủ yếu của Bính hỏa.

Người có nhật can Bính hỏa, chỉ cần có Nhâm thủy thấu ra, trên bản chất người này tất có năng lực, về phần phát huy được năng lực như thế nào, thì xem phối hợp xung quanh Nhâm và Bính.

« **Cùng Thông bảo giám** » luận thuật khí số Bính hỏa rất tinh tế, cũng khá phức tạp, bởi vì quá trình luận thuật biến hóa quá nhiều, khiến cho rất nhiều người đọc tốn hao quá nhiều công sức. Ở đây tôi nêu rõ nội dung cốt lõi, khái quát thành hai câu nói: *Tứ quý Bính hỏa giai hỷ Nhâm, tham dụng Giáp Mậu Quý Canh Tân*. Trong đó câu trước lý giải tốt, câu sau là tiếp tục câu trước, ý là trước tiên chủ yếu là xem Nhâm thủy thấu ra thiên can hay không, sau khi Nhâm thủy thấu ra thiên can, thì mới tham khảo dụng Giáp, hoặc là dụng Mậu, hoặc là dụng Quý, hoặc là dụng Canh Tân kim. Tại sao lúc thì nói dụng Giáp, lúc thì nói dụng cái khác, phải xem trong bát tự chỗ hoàn cảnh xung quanh Nhâm thủy. 4 câu phía dưới chính là giải thích đối với nó:

*Quý nguyệt Bính hỏa kiêm dụng Giáp,  
Xuân hạ Bính hỏa kiêm dụng kim,  
Thu đông Bính hỏa thận dụng Mậu,  
Mạc vong Bính hỏa ái Nhâm Canh.*

Mọi người đều biết, tháng tứ quý là Thìn Tuất Sửu Mùi là thổ vượng, lúc thổ vượng thì phải tham khảo có thể phối hợp dụng Giáp mộc hay không, cũng không nhất định không cần là tháng tứ quý, nói trong cục chỉ cần thổ chế Nhâm thủy là bệnh, đều là tham khảo dụng Giáp mộc chế thổ, mục đích là bảo hộ Nhâm thủy. Nếu như là sinh ra mùa đông, Nhâm Quý thủy thái vượng, thì phải tham khảo là dụng Mậu hay không, dụng Mậu thì là Nhâm thủy không phiếm lạm, Mậu là bờ đê có thể ngăn thủy lấy thành ao hồ. Dụng Kỷ là điền viên thấp thổ, vẫn không phải là sự lựa chọn thích hợp nhất.

Nếu như là sinh ở mùa hạ hỏa viêm thổ tảo, Nhâm thủy thái nhược, thì phải tham khảo có thể dụng Quý thủy hay không, Nhâm Quý gặp nhau, âm dương thủy phối hợp, có lực, đặc biệt là dụng để giải tảo, mục đích dụng Quý chủ yếu chính là điều hậu.

Nếu như là sinh ở mùa xuân, mùa xuân mộc thái vượng, thì phải tham khảo có nên dụng Canh hoặc Tân kim để chế mộc hay không.

Cho dù là sinh ở mùa thu, có kim gốc phát thủy, Nhâm thủy không nhược, lúc này cũng phải cần quan sát những ngũ hành khác nhiều ít. Nói chung, ý ngũ hành ở đây, trên cơ bản là lấy Nhâm thủy làm Thế, Nhâm thủy quá vượng thì phải khắc tiết hao, Nhâm thủy quá nhược thì phải sinh phù hoặc bang trợ Nhâm thủy. Cho nên nói, tham khảo dụng Giáp Mậu Quý Canh Tân. Chính là tham khảo làm sao điều phối đến trạng thái Nhâm thủy là cân bằng trung hòa cùng Bính thủy có đủ lực ngang nhau.

Chỗ nói ở trên là lúc dẫn đến phép xem Bính hỏa không có biến tính, cũng gọi là phép khí số Bính hỏa. Vạn nhất ở trong cục Bính hỏa gặp Tân kim hợp hóa hoặc là những phương thức khác đại xu thế làm nó biến tính (như tam hợp hỏa cục), thì phải xem xét sau khi biến tính. Cũng chính là nói, chỉ có lúc ở dưới tình huống bất tự có đủ một loại khí thế, có thể không cần dụng phép khí số, vậy thì phải dựa theo tông khí thế mà hành sự. Thông thường là lúc Bính hỏa thái cường hoặc là thái nhược cần phải xem xét Bính hỏa là có trải qua biến tính hay không. Kinh nghiệm tôi cho rằng đa số Bính hỏa tông thế vượng, mà ít có cơ hội tông thế nhược. Lúc tông thế nhược, là tông hay là không tông phải xem xét thận trọng. Bởi vì Bính hỏa là dương cương, không phải rất dễ dàng là tông theo thế nhược.

*VD 1, Càn tạo:* Nhâm Tuất - Nhâm Dần – **Bính Dần** - Kỷ Hợi.

*Đại vận:* 7 tuổi khởi vận: Quý Mão, Giáp Thìn, Ất Tị, Bính Ngọ, Đinh Mùi, Mậu Thân, Kỷ Dậu.

Nhật nguyên Bính hỏa sinh ở tháng Nhâm Dần, Nhâm thủy có lực thấu ra, khí số bất phạm, sinh ở giờ Kỷ Hợi, Nhâm thủy đắc Lộc, trong cục có Kỷ thổ phối hợp, đối với Nhâm thủy có chỗ khống chế, khiến cho Nhâm thủy không chảy tràn lan. Tháng giêng Bính hỏa tọa Dần, căn khí Bính đủ, nhưng không vượng, không cần lấy thế vượng hoặc thế nhược xem, phải lấy phép khí số cân bằng trung hòa để phán

đoán, đại để tạo ở trên là bát tự cân bằng, cho nên là tạo cát. Người này trước mắt thì có bằng cấp cao. Từ nhỏ đến nay trên cơ bản là một đường thuận lợi. Năm nay Mậu Tý, can chi thủy thổ giao chiến, Bính hỏa thụ khắc tiết giao gia, kết quả là Bính hỏa càng nhược, tương đối mà nói là đả phá cân bằng giữa Nhâm Bính, cho nên lúc nhỏ có bất thuận, bởi vì là tạo cát, sẽ không có vấn đề quá lớn. Hậu vận Ất Tị, Ất chế Kỷ thổ, Nhâm thủy tương đối được tăng cường, vừa đúng Tị hỏa là Lộc của Bính, Bính hỏa cũng được tăng cường, kết quả cầu thành Thân Sát lưỡng vượng, tất có cơ hội xuất danh.

5 năm trước của vận Bính Ngọ, Bính hỏa ở trong cục bị khắc tiết, trên lý lẽ là sẽ thực hiện, cụ thể biểu hiện là công việc hết sức mệt mỏi, nếu như ở lúc bình thường trên công việc là hết sức mệt mỏi, khả năng sẽ xuất hiện thương tai, nhất là phải chú ý họa thủy hỏa. 5 năm sau là vận Ngọ, tam hợp cục thành, trên sự nghiệp hết sức tốt đẹp. Vận Đinh Mùi, Giáp mộc nhập mộ, Nhâm thủy gặp hợp, Thương quan Kỷ thổ vượng hơn Nhâm thủy, cẩn thận tổn danh, cũng khả năng là bởi vì sự kiện đào hoa.

Vận Mậu Thân là Mã tinh đáo cung, nhiều biến động, nhưng Nhâm thủy được trường sinh, hơn nữa Sát có Thực chế, thanh danh càng lớn, trên lý lẽ là dương danh trong và ngoài nước.

Vận Kỷ Dậu, Nhâm thủy hành đất mộc đục, thân thể có chút suy nhược. nhưng có Dần hợp Dậu hóa giải, không có nguy hiểm quá lớn. Bởi vì tạo này là không tòng khí thế, cho nên một mực lấy Nhâm Bính cân bằng là cát, đả phá cân bằng mới có bất thuận, chỉ vì nguyên nhân hơi có bất thuận, là nguyên cục phối hợp đều tốt, đại vận lưu niên khó mà phá hư nó được.

VD 2, *Càn tạo*: Nhâm Dần - Nhâm Dần - **Bính Tý** - Nhâm Thìn.

Bát tự này cùng VD 1 ở trên đem so sánh, Nhâm Sát ở trên vốn không có chế trụ, vền vền chỉ dựa vào Mậu thổ ở trong Thìn, lúc có thể chế thì có một chút quý khí. Lúc không chế được trụ Nhâm thủy thì có tai họa. Như năm 1992 Nhâm Thân, năm 2000 Canh Thìn, mệnh chủ đều có thương bệnh tai. Bởi vì có Nhâm thủy thấu ra, tài năng người này là không kém cõi. Nhưng Nhâm và Bính không cân bằng, bằng cấp không cao, từ khi sinh ra đến hiện tại cũng khá là bấp bênh. Cùng tạo ở trên phúc khí chênh lệch rất xa.

Khí số Bính hỏa là Nhâm thủy, nhưng tất phải cần Nhâm Bính là cân bằng điều hoà, ở trên cơ sở Nhâm Bính cân bằng, cả hai càng có lực, thì tầng lớp càng cao, phúc khí cũng càng lớn. Ngũ hành niên vận đảo hướng một bên thì đều là lúc không có cát lợi.

*Thu đông Bính hỏa thận dụng Mậu,  
Mạc vong Bính hỏa ái Nhâm Canh.*

Đầu tiên, sinh ở mùa đông, khẳng định là thủy khá vượng, so sánh Nhâm Bính vượng suy, đương nhiên là Nhâm thủy vượng hơn Bính hỏa, cần phải dụng Mậu Kỷ thổ để chế thủy, nhưng Mậu Kỷ thổ cũng có thể tiết khí Bính hỏa, nếu như nói yêu cầu dụng Mậu Kỷ thổ, hiển nhiên đồng thời Nhâm Bính cũng biến nhược, lúc này tầng lớp bát tự thì phải hạ thấp, cho dù đại vận có tốt, cũng sẽ không có khởi sắc quá lớn. Nhâm là khí số của Bính, tốt nhất là có thể làm cho Nhâm Bính ở trong bát tự đồng thời tăng lực, phối hợp như vậy mới là tạo đại cát, cát hung của đại vận cũng có thể dựa theo phép xem này. Tiếp theo, mùa thu kim vượng, thổ sinh kim, mùa thu Bính hỏa dụng Mậu thổ thì cần phải thận trọng, bởi vì xuất hiện Mậu Kỷ thổ, sẽ tham sinh vong khắc, không chỉ không chế được Nhâm thủy, mà còn có khả năng trợ giúp cho Nhâm thủy.

VD 3, *Cần tạo*: Canh Thân - Đinh Hợi - **Bính Thân** - Bính Thân (Thìn Tị không vong)

*Đại vận*: Mậu Tý, Kỷ Sửu, Canh Dần, Tân Mão, Nhâm Thìn, Quý Tị, Giáp Ngọ, Ất Mùi. 6 tuổi khởi vận.

Tháng 10 có tiết tháng 10, nhật nguyên Bính hỏa sinh ở trước Tiểu Tuyết là 3 ngày, lúc này Nhâm thủy dụng sự. Giờ sinh đúng gặp tiết tháng 10, Giáp có khí, Bính Đinh cùng thấu thiên can, Bính hỏa cũng không nhược. Trụ tháng Nhâm thủy ở trong Hợi đương lệnh, trụ năm Canh kim tọa Lộc, nguyên nhân chính là như vậy, người này sinh ở gia đình đại phú đại quý, tổ thượng cùng cha mẹ đều là quan quý hiển đạt. Nhâm thủy ở trong Hợi, nhiều mà còn vượng, Giáp mộc ám tàng trong Hợi vừa phải hóa tiết Nhâm thủy, vừa là Ấn tinh, trở thành vật huyền diệu ở trong bát tự. Nhìn toàn bàn mà xem, kim thủy nhiều nhất, hay là ở ngũ hành không có thổ, Nhâm Bính cùng vượng, Thân Sát lưỡng đình, mệnh chủ rất có năng lực. Hấn ở vận Sửu năm Thân Dậu có thổ kim thái quá, hơi có chút phiền toái nhỏ cho nên mới nhờ tôi toán mệnh. Bởi vì bản thân tổ hợp bát tự rất tốt, vấn đề đều là toán việc nhỏ ngoài da.

Vận trình phía sau đều không có thổ, cho nên tính toán là cả đời phú quý vô lo. Tạo này mặc dù là sinh ra ở mùa đông, nhưng không nên dụng Mậu Kỷ thổ, nguyên nhân là kim quá nhiều, có chút vấn đề kim đa thủy trợ, đi học toán không đến quá đổi rất thông minh, lại phải gặp Mậu Kỷ thổ, thủy càng hỗn trợ, vậy thì khó có thể nói là có quý khí.

VD 4, *Cần tạo*: Mậu Tý - Bính Thìn - **Bính Tý** - Giáp Ngọ (Thân Dậu không vong)

*Đại vận*: Đinh Tị, Mậu Ngọ, Kỷ Mùi, Canh Thân, Tân Dậu, Nhâm Tuất. 5 tuổi khởi vận.

Ở tôi ngày này có lúc quan hệ khí số Bính hỏa rất mau kết thúc, đột nhiên ở trên mạng phát hiện bát tự này có nhật nguyên Bính hỏa. Hẳn sinh năm 1948, bệnh qua đời vào năm 2006, mục đích đưa lên mạng là muốn mọi người nghiên cứu. Tôi phát hiện bát tự này Bính hỏa cũng không nhược, nguyên nhân là sinh ở tháng 3 hỏa tiến khí, còn có một Bính một Ngọ, Bính hỏa vừa không thể nói là thái vượng, cũng không thể nói là thái nhược, có thể luận không có khí thế, chỉ có thể xem khí số. *Tứ quý Bính hỏa giai hi Nhâm*, tạo này vẫn cứ là phải dụng Nhâm thủy, nhưng trong bát tự không có Nhâm thủy, càng không cần nói là thấu Nhâm, trụ có 2 Tý một Thìn, bao gồm cả 3 Quý thủy, bắt đắc dĩ mà dùng, có Quý thủy đều là kỳ thần.

Đã không có khí thế, khí số cũng không có, cho nên tầng lớp bát tự này thì không thể cao, thực tế là một người nông dân cộng thêm nghề sửa chữa nhỏ. Tạo này có tin tức hung khá nhiều: một là, Dương nhận phùng xung (Tý xung Ngọ Nhận); hai là, Cô thần thái trọng (2 Tý kẹp một Thìn, Thìn là Cô thần; Thìn Ngọ kẹp một Tý, tọa chi Tý cũng là Cô thần. ); ba là, toàn bộ Nhàn thần ở chỗ bang phù kỳ thần (Trụ tháng Bính sinh Thìn thổ, trụ giờ Giáp sinh Ngọ hỏa, can năm Mậu thổ cũng là chỗ bang trợ khắc Tý thủy. ); bốn là, vận trình còn gặp đến một tuế vận Kỷ Mùi cùng lâm. Năm Kỷ Mùi đại thương tai, tứ chi cùng bàng quang hoàn toàn bị thương. Tại sao năm Kỷ Mùi không chết, trên mệnh lý hẳn phải là không đến hạn, 6 chữ ở 3 trụ phía trước đại biểu trước 48 tuổi, bất luận hung như thế nào, khứ không hết Thìn Tý thủy.

Khả năng có người sẽ hỏi, vận Canh Thân Tân Dậu tại sao không có thay đổi lớn? Đây là một chỗ khó lý giải đối với người mới học. Bát tự là căn bản, vận trình cho dù tốt cũng cần bát tự không có tổn thương, bát tự cao cường làm cơ sở, trải qua 3 bước đại vận, tầng lớp mệnh chủ đã định, mệnh thương tai cùng khổ đã trải qua định hạ vận mệnh của nó khó có thể vượt qua khuôn mẫu.

Đến vận Nhâm, khí số xuất ra, cũng hẳn là chuyển tốt, tại sao Bính Tuất trái lại mà bệnh qua đời? Tôi cho rằng vận mệnh tốt hay xấu kết

cuộc vẫn là lấy cảm giác bản thân tốt hay xấu để quyết định, Nhâm Tuất thủy không thông căn, Nhâm thủy hư phù, đặc biệt là đại hạn tiến vào Giáp Ngọ, Nhâm thủy căn bản tiến vào không được đến trong bát tự, Nhâm thủy hoàn toàn không có tác dụng.

Có ba cái suy đoán để trả lời đời người, đó là: Thứ nhất, phải chăng là năm Mậu Ngọ tháng Thân hoặc là tháng Sửu kết hôn. Bởi vì Ngọ xung Tý động, Thân Tý Thìn tam hợp, hoặc là Tý Sửu hợp phải là ứng kỳ. Thứ hai, năm Bính Tuất chết, chết là bởi vì phải chăng có chứng bệnh bị truyền nhiễm. Thứ ba, vợ có danh mà vô thực, hẳn là Giáp Ngọ Sa Trung kim, bởi vì ngũ hành nạp âm mới là ngũ hành chân giả. Giáp Ngọ Sa Trung kim có thể dẫn thông khí kim, đại biểu mệnh chủ kết hôn là ở phòng bên phía tây.

### ***Đệ ngũ giảng: Bính Tân thoại thể lương, duy hữu lệ thành hành***

#### ***Bính hỏa hóa tượng.***

Bính Tân hợp hóa thủy, đối với Bính là một loại tự tổn thương. Trụ người có Bính Tân hợp, tình cảm phong phú, lãng lơ vạ người, vì tình mà tổn thương. Ở lúc viết bài này luận Bính hỏa hóa tượng, lần đầu tiên tôi phản ứng chính là nghĩ đến trong bát tự Tô Thức có Bính Tân hợp hóa thủy.

#### ***Bát tự Tô Thức:***

Bính Tý - Tân Sửu - **Quý Hợi** - Ất Mão.

Trụ ngày Quý Hợi là vật xúc tác, trụ giờ Ất Mão bát luận là chính ngũ hành hay là nạp âm ngũ hành đều là chỗ bang trợ Bính Tân hoàn thành hóa thủy, duy chỉ có chi tháng Sửu thổ là bất lợi hóa tượng, đây hẳn là nguyên nhân ông ấy bị loại trừ ra khỏi nơi kinh thành, cũng chính là vị trí trọng yếu ở trụ tháng này lại bất lợi cho hóa tượng. Vì thế chỉ có xuôi nam ở chốn bờ sông, hóa tượng của ông ấy mới là hoàn thành thỏa mãn.

## **Vận mệnh Tô Thức (Một)**

*Chớ nghe xuyên lâm đánh tiếng lá,*

*Ngại gì ngâm nga mà đi chậm.*

*Gậy trúc giày nhọn nhẹ thẳng mã. (Ai sợ!)*

*Áo tơ mưa bụi nhận cả đời.*

*Gió xuân se lạnh thổi tỉnh rượu. (Lạnh lòng)*

*Chiếu nghiêng đình núi lại đón nghênh.*

*Quay đầu hướng về nơi hiu quạnh, (trở về)*

*Cũng không mưa gió cũng vô tình.*

Đây là Tô Thức nói ở trong Sa hồ bỗng gặp mưa lớn, người đồng hành hết sức chật vật, mà ông ấy ở trong mưa lại là lộ ra một kiểu hình khác, một phen tâm trạng khác, chỗ lời đầu 《 Định phong ba 》 là có thể làm bằng chứng.

Tô Thức sinh ở thời Tống Nhân Tông có ghi lại sinh vào năm thứ 3 ngày 19 tháng 12, giờ Ất Mão. (Thứ bảy ngày 8/1/1037 D.L, nhằm ngày 19/12 âm lịch năm Bính Tý). Sinh sau tiết Tiểu Hàn 9 ngày.

### **Bát tự là:**

Bính Tý - Tân Sửu - **Quý Hợi** - Ất Mão.

*Đại vận:* Nhâm Dần, Quý Mão, Giáp Thìn, Ất Tị, Bính Ngọ, Đinh Mùi, Mậu Thân, Kỷ Dậu.

Chúng ta đều biết Tô Thức cũng có một đời khá giàu màu sắc truyền kỳ, liên quan với bát tự của ông ấy, ở trong một bản sách mệnh lý kinh điển đem bát tự của ông và Lý Hồng Chương đặt vào cùng một chỗ, làm luận thuật quá vắn tắt. Các vị có hay không cuộc đời chi tiết của ông hãy chỉ cho tôi?

## **Vận mệnh Tô Thức (Hai)**

*Tà dương thêu màn cuộn, đình hạ thủy liền không.*

*Biết vua vì ta làm mới, cửa sổ âm xanh hồng.*

*Hay nhớ Bình sơn cha mẹ, áo gối mưa bụi Giang Nam, mờ mịt không cô hồng.*

*Nhận được lời túy ông, "Sắc núi có trong không".*

*Mới một ngày, gương cũng sạch, đảo núi xanh.  
Bỗng nhiên khởi sóng, vén mưa một lá chim đầu bạc.  
Có cười Lan đài công tử, chưa giải trang sinh tiếng trời, Cương đạo  
có Thư Hùng.  
Một chút khí trào dâng, nghìn dặm gió mau quá!*

Đây là bài thơ **《Thủy diệu ca đầu》** lúc Tô Thức bị cách chức quan ở Hoàng Châu, ông viết tặng cho người bạn.

Hiện tại tôi đem đại sự chủ yếu trong cuộc đời của Tô Thức bày ra ở đây, để cung cấp cho mọi người tham khảo lúc phân tích mệnh lý:

- 1, 19 tuổi (năm 1054, Giáp Ngọ): Cưới vợ là Vương Phát con gái của Vương Phương làm vợ, ở Mi Châu (nay là phố Mi Sơn tỉnh Tứ Xuyên).
- 2, 20 tuổi (Ất Mùi): Đi đô thành.
- 3, 21 tuổi (Bính Thân): Đậu Tiến sĩ.
- 4, 22 tuổi (năm 1057, Đinh Dậu): Mẹ mất. Cùng với cha về nhà chịu đại tang.
- 5, 24 tuổi (năm 1059, Kỷ Hợi): Rời nhà đến nước Sở.
- 6, 25 tuổi (năm 1060, Canh Tý): Đảm nhận chủ bộ ở huyện Phúc Xương tỉnh Hà Nam.
- 7, 26 tuổi (năm 1061, Tân Sửu): Ứng trúng Khoa đệ vào hàng thứ ba. Mới đầu đến Mật Châu, sau lại chuyển đến phủ Phụng Tường nhận chức Thiêm phán.
- 8, 30 tuổi (năm 1065, Ất Tị): Bãi nhiệm quan từ Phụng Tường. Vợ họ Vương mất.
- 9, 31 tuổi (năm 1066, Bính Ngọ): Đại tang cha.
- 10, 32 tuổi (năm 1067, Đinh Mùi): Tái thú tiền thê đường muội 21 tuổi đích Vương Nhuận Chi (Đồng An) làm vợ.
- 11, 34 tuổi (Kỷ Dậu): Trở về triều làm Giám quan cáo viện.
- 12, 36 tuổi (Tân Hợi): Đảm nhận Giám quan cáo viện kiêm Từ bộ Thượng Thư. Trở về bị Tân đảng bài trừ, đảm nhận làm quan phủ Khai

Phong, sau đó lại bị đuổi ra khỏi kinh thành, đảm nhận Thông phán Thông Châu, Hàng Châu.

13, 39 tuổi (Giáp Dần): Nạp thiếp Vương Triều Vân. Triều Vân lúc này mới 12 tuổi (căn cứ theo nguyên bản khảo chứng, Vương Triều Vân sinh vào năm Quý Mão. Theo nghiên cứu của tôi, Triều Vân họ Sơ làm nô tỳ hầu hạ vợ chồng Đông Pha, sau thu nhận làm thiếp. Nếu không thì ngày ấy ông ấy sẽ tiếp nhận làm Thẩm phán pháp luật. Tôi cho rằng Triều Vân bị đem về nhà sớm nhất cũng ở khoảng 14 tuổi).

14, 40 tuổi (Ất Mão): Đến làm việc ở Mật Châu. Tự nói "Ta làm quan hơn 9 năm, nhà ngày càng nghèo", "Nhà bếp buồn tẻ".

15, 42 tuổi (Đinh Tị): Tri hà trung phủ, sau đổi thành Tri Từ Châu.

16, 45 tuổi (Canh Thân): Chết vấn Hoàng Châu Thông phán.

17, 49 tuổi (Nhâm Tuất): Tự hiệu là Đông Pha cư sĩ.

18, 51 tuổi (Bính Dần): Mặc lấy Thất phẩm vào hầu Diên Hòa.

19, 52 tuổi (Đinh Mão): Là học sĩ Hàn lâm, từ bỏ hầu hạ. Lại dời về Tri Pháp Chế.

20, 55 tuổi (Canh Ngọ): Bị Cựu đảng bài bỏ ra khỏi kinh. Về Hàng Châu nhậm chức.

21, 58 tuổi (Quý Dậu): Vào đảm nhận Đoan Minh, Nhị học sĩ hầu đọc. Cùng vợ kể mất.

22, 59 tuổi (Giáp Tuất): Lại bị đả kích, về Tri Định Châu. Rơi hai chức, cầu một quan, Tri Mạc Châu, vẫn còn nhậm chức, lại mất chức điều đi xa nhận Tiết Độ quân phó sứ, sắp xếp ở Huệ Châu.

23, 61 tuổi (Bính Tý): Triều Vân chết. (sau khi Triều Vân chết, Đông Pha hàng ngày lúc hoàng hôn đều đi đến trước mộ cùng nói chuyện, bị một nữ viên ngoại phát hiện, cũng thâm yêu. Sau bởi vì không có cách nào truyền thư, thiếu nữ tương tư thành bệnh mà chết. Người cha mới đem chỗ tình này nói với Đông Pha, thỉnh cầu được đáp ứng đem chôn gần mộ của Triều Vân. Đông Pha tự oán trách mình nặng nề.)

24, 62 tuổi (Đinh Sửu): Sắp xếp phụ trách nhận biệt giá Quỳnh Châu, quân đội Xương Hóa.

25, 65 tuổi (Canh Thìn): Tháng 5 đại xá. Cuối cùng được nhận mệnh đề cử là quan Phủ Ngọc Cục thành đô, tùy ý ở lại.

26, 66 tuổi (Tân Tị): Trên đường trở về, tháng 5 đến Chân Châu, bệnh trĩ bộc phát. Bệnh bạo phát, dừng lại giữa đường ở Thường Châu. Ngày 28 tháng 7 chết ở Bì Lăng. Trong lúc mê man vẫn còn hoàn thành sáng tác một bài thơ cuối cùng.

### **Vận mệnh Tô Thức (Ba)**

*Mười năm sinh tử đều mờ mịt, không suy xét, tự khó quên.*

*Nghìn dặm cô phần, thê lương không thể nói.*

*Cho dù gặp lại vẫn không biết, đầy bụi trần, tóc như sương.*

*Ban đêm ủ mộng chợt về quê, song cửa nhỏ, đang trang điểm.*

*Nhìn nhau không nói, chỉ có thành hàng.*

*Đoán được hàng năm chỗ đoạn trường, đêm trăng sáng, thiếu đôi thông.*

Đây là Tô Thức thương tiếc nhớ vợ Vương Phát mà viết bài 《Giang Thành Tử》. Tôi luôn nghiên cứu cánh cửa phản cảm từ học tập, cứng rắn đem Tô Thức phân ra làm lời người phái hùng tráng. Dường như Tô Thức chỉ có hiểu được tự đi đại giang đông. Ngay cả lời đầu từ bên trên mà nói, tình cảm uyển chuyển bi ai cấp thiết, chính là làm lời tốt nhất so sánh cùng phái uyển chuyển, cũng có thể nói là thượng thừa. Ở chỗ này dĩ nhiên tôi cũng không phải là thảo luận nghiên cứu từ học, mà là muốn từ trên góc độ mệnh lý học nghiên cứu thế giới tình cảm và hôn nhân của Tô Thức.

Là phương tiện nghiên cứu, tôi đem bát tự Tô Thức lần nữa bày ra như sau:

Bính Tý - Tân Sửu - **Quý Hợi** - Ất Mão.

Đầu tiên, chúng ta phải nhận thức rõ tính đặc thù bát tự của Tô Thức:

Địa chi năm tháng ngày tam hội thủy bắc phương, can năm Bính hỏa cùng can tháng Tân kim hợp hóa thành thủy. Xem từ nạp âm, trụ năm

Bính Tý là Giản Hạ thủy, trụ ngày Quý Hợi là Đại Hải thủy, trụ giờ Ất Mão là Đại Khê thủy, Tân Sửu tuy là Bích Thượng thổ, chỗ này cũng cam chịu nhận phải bốn bề là đại dương mệnh mông mặc sức cọ rửa, bị chìm ngập bao phủ không còn sót lại cái gì.

Như vậy, chúng ta liền tìm đến, mệnh lý ở trên là nguyên nhân Tô Thức sở dĩ thông minh tài trí, tài hoa hơn người mà còn có tư tưởng thâm thúy.

Chúng ta lấy chân ngũ hành làm chỗ đứng, không khó nhìn ra trụ giờ Ất Mão, là được hỉ thần thủy vượng của ông ấy. Chỗ này khiến cho chúng ta lại thấy được Tô Thức phong lưu hào phóng, ở trên mệnh lý phản ánh khí phách danh sĩ. Ông ấy có thể lớn tiếng kêu lên "*Đi Đại giang đông*", cũng có thể khóc mà im lặng khẽ than khiến người mềm ruột đứt từng khúc "*Nhìn nhau không nói, chỉ có lệ thiên hàng*".

Chúng ta nghiên cứu mệnh lý ai cũng biết, người lấy Thực Thương là hỉ, đều là người trọng tình trọng nghĩa, chỗ này cả đời Tô Thức trong lúc hành sự có đủ để chứng minh.

Ông ấy rất yêu vợ chưa cưới của ông ấy cùng sau này cưới vợ kế, chỗ này có thơ văn làm chứng. Trước là đem Triều Vân làm nô tỳ, sau làm thiếp mà nói. Sinh ở năm Quý Mão, cũng chính là ở lúc Tô Thức đã 28 tuổi, mới đi đến trên đời này. Lại qua 12 năm, Tô Thức đã 40 tuổi, nàng là con gái mới có 12 tuổi xuất hiện ở bên cạnh Tô Thức cùng phu nhân, làm nô tỳ kẻ thân phu nhân, tất nhiên thì cũng sớm chiều đắm chìm trong tâm trí của Tô Thức, ở dưới dạy dỗ của vợ chồng Tô Thức, Vương Triều Vân thông minh tài trí được mở mang ra rất lớn. Mà chúng ta lúc nhìn thấy Triều Vân được thu vào thượng phòng, cũng chính là lúc quan trường của Tô Thức rất là không đặc ý, lại gặp lúc Ô Đài thi án tù buộc ở trong ngục. Trong nhà đầy tớ, ca kỹ, đều lánh đi ra ngoài tìm chủ mới, duy chỉ có Triều Vân kiên trì ở lại. Về sau Tô Thức bị cách chức ở Huệ Châu, Triều Vân càng là lấy thân mang bệnh mà khẩn cầu đi theo. Chỗ này trắc diện từ một cái khác, thuyết minh

Triều Vân cũng không phải bởi vì nhà nghèo mà làm thiếp, mà là xác thực yêu chỗ mà người không thể làm cha của mình, hơn nữa còn là một nam nhân đã hết thời "*Đầy bụng không hợp thời*".

Thông qua phân tích bên trên, chúng ta thấy được Tô Thức rất yêu thương thê thiếp của ông, mà thê thiếp của ông cũng rất yêu thương ông ấy. Nhưng mà, chúng ta lại nhìn thấy được ông ấy trước sau có ba vợ, đều chết ở trước mặt ông ấy. Điều cho rằng sau khi kết hôn từng bước là thân thể suy nhược nhiều bệnh, cuối cùng là chết sớm. Ông ấy 19 tuổi kết hôn. Chỗ này ở trên mệnh lý là nói được quá khứ, bởi vì ông ấy có dấu hiệu Thê tinh lập ở can năm. 30 tuổi vợ thứ nhất bệnh chết, lúc 58 tuổi vợ thứ hai bệnh chết, lúc 61 tuổi, năm Triều Vân gần 33 tuổi lại bệnh chết.

Chỗ này đối với Tô Thức là bị đả kích tinh thần quá lớn, ông ấy cả ngày cứ ngồi một mình, đến lúc hoàng hôn càng là không ngừng đi xung quanh phần mộ Triều Vân. Có một nữ viên ngoại bản địa lúc đó chỉ có 18 tuổi vì sùng bái thơ văn của Tô Thức, nàng cứ mỗi ngày đều phải đến bên ngoài nhà của Tô Thức nhìn coi động tĩnh của Tô Thức, nhìn thấy sùng bái mình đến nỗi bị thương như vậy, già yếu bất lực như vậy, cũng âm thầm trở nơi rơi lệ bi thiết, cuối cùng về sau lại là tình thương của Tô Thức.

Chỗ này ở trên mệnh lý lại có hay không có dấu hiệu gì chứ? Phải nói rằng cũng có những dấu hiệu rõ ràng, đó là:

+ Thứ nhất, nhật chủ thân vượng, Tỉ Kiếp cũng vượng. Đây là một dấu hiệu khắc vợ nghiêm trọng.

+ Thứ hai, thì Thê tinh ở địa chi trụ ngày mà nói, là vị trí tuyệt. Thê cung lâm tuyệt địa, lại là một dấu hiệu khắc vợ nghiêm trọng.

+ Thứ ba, Thủy chủ thân. Trong mệnh thức Tô Thức xứ thủy ở trạng thái đại vượng, thuyết minh yêu cầu đối với tính sinh hoạt của ông ấy, cũng không phải chỗ tưởng tượng như người bình thường.

+ Thứ tư, Không biết các bạn có chú ý đến hay không, bát tự Tô Thức

duy chỉ có Bính hỏa Thê tinh có đủ nhiệt lượng bị hợp hóa. Căn cứ chỗ này, chúng ta có thể càng tiến một bước giải thích khát vọng tình yêu thương đối với vợ chồng của ông ấy.

+ Cuối cùng, trước đây chúng ta đã nói Ất mộc làm Thực Thương, ở trên ngũ hành nạp âm đều hóa thành thủy. Chỗ này tiến tới thuyết minh người vợ thứ hai là Vương Đồng An, mức độ rất yêu thương chồng lại đến từ trong tâm đồng ý chồng đưa vào bên trong phòng.

Từ chỗ này, chúng ta còn có thể nhìn thấy chỗ nói vợ chồng khắc nhau, ngoại trừ tình hướng cải nhau, đối kháng, không hòa nhau hữu hình, còn có một loại tương khắc, chính là bởi vì quá yêu nhau mà bị khắc. Loại đặc điểm khắc này là, bởi vì trường năng lượng hai bên là cách biệt nhau quá xa, cuối cùng là một bên suy nhược bởi vì một bên cường mạnh quá yêu, mà có thể hút khô sinh mệnh của mình, Tô Thức cùng thê thiếp của ông ấy thì thuộc về loại tình hướng này.

Cho nên tôi ở lúc nghiên cứu vận mệnh của Tô Thức, cũng ngộ ra được ở chỗ này vì quá yêu thương nhau mà xảy ra chuyện phụ nữ mất sớm.

### **Vận mệnh Tô Thức (Bốn)**

*Lưu lạc chân trời suy vô cùng, vừa gặp nhau, lại vội vàng.*

*Nắm tay người đẹp, hòa lệ rơi tàn hồng.*

*Là hỏi gió xuân thừa bao nhiêu? Xuân đâu ở, và cùng ai?*

*Đê Tuyền thán ba nước mênh mêng, quay về Hồng, đi trong Ngô, trở lại Bành thành, xanh Tứ và nhớ Thông.*

*Ta gửi tương tư điểm nghìn lệ, chảy không đến, Sở Giang đông.*

Đây là lúc Tô Thức cách biệt Từ Châu viết 《 **Giang Thành Tứ** 》, đối với cuộc đời gặp gỡ bi tình dịu dàng thập phần mà tả đầy đủ ở giữa mặt chữ, âm tiết.

Tôi còn có thể đưa ra thật nhiều sáng tác thơ văn của Tô Thức, chứng minh văn từ của ông ấy lấy khái quát lời người phái hùng tráng, thực tại là có mất công bằng. Lần nữa ở đây tôi đưa ra tác phẩm lời thơ của

ông, là muốn nói cho các bạn hữu, có thể chú ý hay không đến các đề tài thơ văn của ông, cũng chính là mượn lời thơ trữ tình của ông để thủ cảnh đối tượng, đa số lấy thủy, mộc làm chủ. Liên lấy 《 Thạch Chung Sơn ký 》 của ông mà nói, tiêu đề là tên núi, nội dung lại là chứng minh núi là vì thủy lên tiếng mà đặt tên.

Tôi muốn công bố mệnh lý là, yêu thích Tô Thức ở trong sinh hoạt hiện thực, vừa là yêu thích mệnh cục của ông ấy.

Bính Tý - Tân Sửu - **Quý Hợi** - Ất Mão.

Mệnh cục như vậy, chính là khí thế cùng ý chí biển nập trăm sông; mệnh cục như vậy, tất nhiên hi Ẩn, càng sinh càng có thể hiện ra bản sắc anh hùng của ông ấy; mệnh cục như vậy, lúc hết sức nguyện ý nỗ lực, đối tượng cây cỏ là tưới nước của ông ấy; mệnh cục như vậy cũng thích ánh sáng của mặt trời và mặt trăng. Mọi người nhất định vẫn nhớ được lúc 41 tuổi (Bính Thìn) ông ấy viết bài 《 **Thủy điệu ca đầu** 》 :

*Trăng sáng có bao lâu, nâng cốc hỏi trời xanh.*

*Không biết cung điện trên trời, đêm nay là năm nào.*

*Ta muốn cưỡi gió đi về, lại sợ điện ngọc Quỳnh lâu, nơi cao không thắng lạnh.*

*Khởi múa biết rõ bóng, ở đâu tại nhân gian!*

*Chuyển lâu son, dưới cửa lụa, chiếu không ngủ.*

*Không phải có hận, chuyện gì dài hướng lúc khác tròn?*

*Người có vui buồn hợp tan, tháng có trăng tròn trăn khuyết, chuyện này xưa nay khó đủ.*

*Chỉ mong người lâu dài, nghìn dặm cùng thiên quyền.*

Từ ngữ Nguyệt quang, Nguyệt sắc, Nguyệt phách trong tác phẩm, được ông ấy viết ra được biết bao điều tươi sáng mà có linh tính nha.

Mọi người vẫn còn nhớ lúc ông ấy 49 tuổi (Nhâm Tuất) viết ra bài thơ 《 **Tiền Xích Bích phú** 》 :

Mùa thu năm Nhâm Tuất, vừa đến tháng 7, Tô Thức cùng khách chèo

thuyền du ngoạn ở dưới Xích Bích. Gió mát thổi chậm chậm, nước không gợn sóng. Nâng ly mời khách, trăng sáng đọc thơ, ca chương yếu điệu. Thoáng chút, trăng đã vượt lên đỉnh núi Đông sơn, bồi hồi ở giữa sao Đẩu Ngưu. Bạch lộ ngang sông, nước phản chiếu toả sáng lên tận trời. Ngẫm giống như một bãi lau sậy, ngỡ ngàng nhìn lãng vạo khoảnh. Mệnh mỏng quá giống như Phùng Hư cười gió đi mà không dừng lại; nhẹ nhàng như lưu lại cõi đời, mọc cánh thành tiên... . .

Phần kế tiếp trong **〈 Tiên Xích Bích phú 〉**, là tham khảo Tô Thức viết ra đối vũ trụ, cuộc đời, có thể nhìn thấy ra tư tưởng cảnh giới của ông đã trải qua quá xa mà vượt qua người cùng ông ấy cùng vui, cùng hưởng 15 cái trăng tròn. Cũng chính là ở một năm này, bắt đầu lấy danh hiệu "**Đông Pha cư sĩ**".

Chúng ta từ trong mệnh cục có thể nhìn ra, Thái dương, Nguyệt lượng chính là vợ của ông ấy. Chúng ta từ trong mệnh cục của Tô Thức có thể nhìn ra thái độ tiền tài đối với ông ấy, cũng là lúc "*Thiếu không lo, nhiều không thoái, không cho cũng được*", mà tuyệt đối không nhận đồng tiền phi nghĩa, cho nên làm quan thanh liêm. Nếu như nói 40 tuổi còn có qua than thở "*Ta làm quan 10 có 9 năm nhà ngày càng nghèo*", đến lúc này, thì đối với tiền tài đã nhận biết đạt đến siêu phàm thoát tục.

Thái dương, Nguyệt lượng cũng là vợ, tình nhân của ông ấy. Chúng ta có thể từ trong tác phẩm của Tô Thức, nhìn ra ông ấy đối với vợ, tình nhân của mình, ngoại trừ chung tình, tâm không hề có bất cứ ý nghĩ nào là chiếm đoạt tư hữu riêng cho mình.

Hiện tại chúng ta nhìn đến chỗ mệnh lý phản ánh ra một quy tắc, giống như mệnh cục của Tô Thức, chúng ta lấy từ lý luận đến thực tiễn, luận thuyết chỗ thích, chỗ tốt của ông ấy. Như vậy, cái gì là chỗ kỳ của ông ấy? Tôi nghĩ các bạn cũng không khó nhìn thấy đề ra kết luận: Thổ là đại kỳ mệnh cục, thổ là Quan vậy.

Như vậy, chúng ta đối với Tô Thức, kẻ sĩ thông minh tài trí như vậy, tại sao lại không thể chu toàn ở trên quan trường, mà là vừa bị Tân phái đả kích, vừa bị Cựu phái bài xích. Theo lý thuyết, bất luận là

Vương An Thạch, hay là Tư Mã Quang, đều là bạn bè rất ca ngợi ông ấy nhé! Như vậy, chúng ta lại công khai mệnh cục Tô Thức lại có một bí mật: Đây chính là thành cũng do bạn bè, bại cũng do từ bạn bè.

Nhìn từ cuộc đời của Tô Thức, mặc dù ông ấy luôn luôn bị bài xích ra khỏi kinh sư, nhưng mà chúng ta thấy, cuộc đời bãi quan, cuộc đời lưu lãng của ông ấy, trải qua cũng không tệ nhé. Bạn thấy ở Hàng Châu, ông ấy có tâm tình tốt: "*Muốn đem Tây Hồ so Tây Tử, đậm mùi nhạt phai cũng phù hợp*". Hơn nữa thân phận đã từng một độ được Hoàng Đế triệu hồi về bên cạnh nhận quan thất phẩm, chuyên làm Đại học sĩ là khởi thảo chiếu thư cho Hoàng đế. Lúc này là thăng chức rất nhanh, mang lại cho ông ấy chỉ là sự lưu đày và sự đả kích ngày càng lớn và càng đi xa. Tại sao Tô Thức nhiều lần bị đả kích chính trị vẫn cứ không hiểu đạo lý bạn bè khinh khi, gần vua như ngũ với hổ? Hay là dùng một câu thơ để thuyết minh bản thân Tô Thức là: "*Không biết mặt thật núi Lư sơn, chỉ vì thân ở trong núi này*".

Xem từ trên mệnh cục, Tô Thức sinh ở tháng Sửu, mặc dù Sửu này bị tam hội thủy cục, nhưng chỉ có thể thuyết minh thế thủy cuộn cuộn, mặc dù Sửu thổ không thể phạm (khắc) thủy, nhưng lại có dấu hiệu hỗn thủy. Như vậy, chúng ta lại có thể rõ ràng mấy điểm như sau:

1, Cả đời Tô Thức làm quan bất thuận, nhưng chung quy vẫn có quan. Chỉ cần trong mệnh cục không khử Sửu thổ, ông ấy không muốn làm quan cũng không được.

2, Tô Thức rời xa quan trường là không phải không có họa, một khi tiến vào trung tâm quan trường, thì đại họa quay gót mà đến.

3, Tô Thức ở đất đông nam làm quan đã từng rất phóng khoáng, vừa đến thành thì không thuận tâm, đây là bởi vì Trung ương là chỗ ở của Mậu Kỷ, mà Tô Thức ở Hàng Châu thì là đất mộc hỏa.

Cho nên, Tô Thức vừa đến 51 tuổi hành vận Lưu niên Bính Dần, lập tức được Hoàng Thượng ân sủng có thừa. Làm quan Thất phẩm, bỗng nhiên được thăng đến chức Học sĩ Hàn lâm, Tri Pháp chế. 54 tuổi hành vận lưu niên Kỷ Tị, lập tức bị cách chức, đuổi ra khỏi kinh thành. Tượng mệnh cục Tô Thức như vậy, không sợ Mậu thổ, rất sợ Kỷ thổ.

Hiện tại Kỷ thổ tọa đất vượng, lực hỗn thủy tang lớn, mà lưu niên địa chi Tị lại xung động địa chi Hợi trụ ngày, khiến cho nguồn tam hội cách cục bị phá, chân chính là đại họa trời giáng, khiến cho mệnh cục biến hóa.

### **Theo Thái Tích Quỳnh:**

Đọc giáo trình La Hán 《 Phần ba mệnh lý Tô Thức 》 , cảm giác sâu sắc giáo trình cũng là một lão nhân tâm huyết tràn đầy cõi lòng uỷ mị, cũng chẳng trách luận đàn của chúng ta nhiều bạn hữu hết sức sùng bái đối với ông ấy như vậy.

Từ trên góc độ mệnh lý của tôi cũng có phép xem đối với bát tự của Tô Thức, ở đây cũng mở rộng tư tưởng đàm chuyện, hi vọng có thể khởi đến tác dụng là tung gạch mà nhử ngọc.

*Cần tạo:* Bính Tý - Tân Sửu - **Quý Hợi** - Ất Mão

1, Thủy chủ trí, đúng như chỗ nói trong giáo trình La Hán, không chỉ có Hợi Tý Sửu hội thủy cục, mà còn có năm, ngày, giờ có 3 trụ nạp âm đều là thủy, Bính Tý Giản Hạ thủy đến Ất Mão Đại Khê thủy, là thoát thể hóa thần, siêu phàm nhập thánh, Quý Hợi Đại Hải thủy, lượng khí nuốt giang hải, tôi nghĩ hẳn phải là một nguyên nhân tài học của mệnh chủ hơn người.

2, Hỏa chủ văn, thủy hàn đông, dựa vào hỏa để giải đông, Bính là Thái Dương, làm ấm áp mặt đất, cho vạn vật sức sống. Là nhân tố Tiên thiên đánh giá chỗ tác phẩm văn học của ông ấy cảm động trời đất, cảm động quỷ thần, thấm vào lòng người.

3, Thế thủy cuộn cuộn, thông thì thông thả. Tứ trụ duy chỉ có một trụ Nguyệt lệnh Tân Sửu, là Bích Thượng Thổ hàn thì không thông. Là xem chính ngũ hành, trụ tháng thổ kim dương lệnh, trụ giờ Ất Mão khắc thổ, ý muốn đi khứ Tân Sửu. Loại này có tháng giờ là không hợp, không chỉ là cổ xưa, chính là người hiện đại cũng như vậy, cùng tư tưởng chính cục khó mà hòa hợp. Tôi nghĩ đây có lẽ là căn nguyên

ông ấy "Đầy bụng khó chịu". Chỉ theo mệnh lý mà nói, bát tự có khí thế, ý ở khử kỳ nghịch thế thổ, trụ giờ Ất Mão mộc khắc thổ, có con đường tác dụng khai thông. Thực Thương là dụng, biểu hiện là anh tài phát tú.

4, 《 **Nguyệt Đàm phú** 》 có nói: "*Bính Tân Mậu Quý tương giao, thâm tình ở dưới trăng.*" Lưỡng tình nếu là lúc lâu dài, tại sao phải yêu đương giao hợp dưới ánh trăng? Ánh trăng ấm áp, bờ liễu nước gợn dập dờn, cảnh giới thú tình con người tối cao cùng đồng lửa với thiên nhiên, mộc dục ở dưới ánh trăng, lửa thế giao hoan vui vẻ, bát tự Tô Thức là có đúng như vậy. Bính là Tài, đại biểu nữ nhân của Tô Thức, Tân là Kiêu, đại biểu thú tình tà trời, thủy đại biểu tài học ông ấy. Đúng như chỗ giáo trình La Hán dạy, mệnh chủ rất yêu thương vợ ông ấy, Bính Tân hợp hóa thủy, bỗng lộ ra tài hoa, ông ấy không thể ly khai nữ nhân, *kim phong ngọc lộ nhất tương phùng*, càng cảm thấy trí tuệ mở ra. Nữ nhân cùng tác phẩm, cả hai đều dụng, văn chương đầy khắp.

《 **Thập Đoạn cảm** 》 luận Bính Tân hóa thủy:

*Bính vi dương hỏa, phùng Tân hóa thủy.*

*Có phúc hệ Mậu thổ tại vị,*

*Thành danh hệ Ất mộc lâm thân.*

*Quan tước vinh thiên, sinh phùng Quý Tị.*

*Gia môn hiển đạt, trường tại Canh Dần.*

*Cường hoành khởi ở Giáp Ngọ, họa bại phát ở Nhâm Thìn.*

*Luôn gặp âm Đinh, dẫu phú quý có được mấy ngày;*

*Trọng phùng Kỷ thổ, tuy vinh hoa cũng tựa phù vân.*

**Giải thích:** Giả hóa cùng Chân hóa, kết quả khác biệt rất lớn, hình thức lại rất khó phân biệt. Bính Tân hóa thủy, lấy cái gì là Thế, đây là vấn đề chỗ một thời gian rất dài không có hiểu rõ. Từ trong đoạn văn này chúng ta không khó phát hiện, ngũ hành nó thích Mậu Quý, Ất

Canh hợp hóa mà thành, dụng hóa khí để đối phó hóa khí, hẳn phải là một điều lộ ra. Thủy lấy thổ làm Quan Sát, kim là Ẩn tinh, hỏa là Tài. Tử Bình luận mệnh bất ly Tài Quan Ẩn, Bính Tân hóa khí, phải chăng bởi vì Tài Quan Ẩn là cát? Lấy chỗ này đã từng hỏi qua lão sư, lão sư nói chỗ này phân tích là có đạo lý. Chẳng qua bát tự chân hóa, lại không giống như nói ở bên trên là "*Cường hoành, họa bại, dầu phú quý có thể mấy ngày, tuy vinh hoa cũng tựa phù vân.*" Lúc hóa được chân thì đa số không lo tứ quý. Chân hóa Giả hóa, vẫn là phải lấy lực lượng Hóa thần để quyết định.

## ***Đệ lục giảng: Lục Bính xu can Quý, Hợi trung hữu Nhâm thủy***

### ***Can Chi Lục Bính.***

#### ***Quý nhân ca:***

*Bính Đinh Trư Kê lập,*

*Nhâm Quý Thổ Xà tàng*

Chữ Trư trong Quý nhân ca, là chỉ địa chi Hợi, trong Hợi có Nhâm, là thủy giang hồ. Ở bên trong khí số Bính hỏa chúng ta nhấn mạnh luận thuật quan hệ Bính cùng Nhâm, Quý nhân trong mệnh lý học không phải là máy móc, mà là hợp tình hợp lý.

Dưới đây là nói Can chi Lục Bính

+ ***Bính Dần***: Khí thể can chi ở mộc hỏa cùng sáng. Bính là Thái Dương, thân tọa Trường sinh, có tượng quang vinh, nhưng tọa dưới Kiêu thần đoạt Thực, là không cát. Sinh ở sau Đông chí đến trước Hạ chí, Mậu thổ trường sinh ở Dần, Thực thần vượng, chủ nhân thông minh, là cát; sinh sau Hạ Chí đến trước Đông Chí, Mậu thổ trường sinh ở Thân, Thực thần nhược, hơi kém. Bính Dần Đinh Mão nạp âm là Lô Trung hỏa, Bính Dần hỏa tiết khí mộc, can chi đồng tâm, so với Đinh Mão là thuận chính. Bính Dần là ngày Hồng Nhật đông thẳng.

#### ***Có thơ viết:***

*Núi sông xinh đẹp cảnh liễu xanh,*

*Cả đời thích nhất cảnh rắng mây.  
Chớ hướng rời tình núi Hồ đi,  
Vừa đi tây nam mệnh xa xôi.*

+ Bính Tý: Có khí thể Nhật chiếu giang hồ. Bính Tý là Lục Tú, chủ nhân thông minh tú khí, gặp Sát lại dễ dàng phá tương. Bính là Thái Dương chủ quang minh, còn Tý này là giao hoạt, Quý thủy trong Tý âm thấp, cho nên tính cách chủ nhân hai tầng. Trụ ngày Bính Tý, thân tọa Chính Quan, một quyền nắm chắc, luôn tự cho là đúng, độc tài cố chấp. Nạp âm là Giản Hạ thủy, dương trên âm dưới, thủy tự vượng. Bính Tý là ngày Li giang chiếu thái.

**Có thơ viết:**

*Chụp ảnh núi sông Phụng cầu cát,  
Thiếu niên thành danh tọa Hoa đường.  
Tà dương giang hà người chịu tổn,  
Đông thái Tây hồng chịu vua muốn.*

+ Bính Tuất: Khí thể can chi hỏa thổ tương sinh. Trụ ngày Bính Tuất, Bính tọa hỏa khố, thân vượng, ánh lửa rực rỡ, xinh đẹp thông minh. Bính Tuất sợ gặp xung, Thìn xung hỏa khố, dễ phạm lao ngục; giờ gặp Thìn xung, hôn nhân con cái gian nan. Bính Tuất nạp âm là Ốc Thượng thổ, có thể hỏa thổ lưỡng vượng. Bính Tuất là ngày Thiên trù Quý nhân.

**Có thơ viết:**

*Ngọc đường hậu lộc hàn môn xuất,  
Kim ngân châu bảo tây phương lộ.  
Tà dương đầm sâu sấm Quỷ môn,  
Kim bảng đề danh hiển song thân.*

+ Bính Thân: Ngày Bính Thân, thân nhược vô căn, hay là ở Bính hỏa Thái dương, tọa dưới Thực thần sinh Tài, Tài sinh Sát, Nhâm thủy Sát vượng, ánh chiếu Thái dương rực rỡ, chủ nhân thông minh linh khí. Nhưng Sát vượng công thân, về già cô độc, gian khổ, không thể ngồi hưởng thành tựu. Bính Thân là Sơn Hạ hỏa, tượng ánh tà dương khuất núi tây, ánh sáng chiếu rọi, chủ người thanh cao. Bính Thân là ngày Hỏa chiếu kim thành.

**Có thơ viết:**

*Thân lâm Tài Quan hiển thanh danh,  
Nên phòng Tỉ Nhận Sát thương lâm.  
Mã phùng đế vượng lâm quan xứ,  
Đôi kim tích ngọc lập đại công.*

+ Bính Ngọ: Khí thể can chi hỏa cực vượng, nạp âm là Thiên Hà thủy, đúng là hỏa cực vượng kết quả lại bình thường. Bính tọa Dương Nhận, quá cương, người thông minh có tài văn chương. Nam mệnh khắc thể, nữ mệnh khắc phu, bất luận nam nữ, sinh ở ngày Bính Ngọ, dễ dàng thụ thương, hoặc là thân tàn, vũ quan thì khó có kết cục tốt đẹp. Bính Ngọ là ngày Thiên Hà lạc thai.

**Có thơ viết:**

*Người phùng Đế tọa thân hiệp sĩ,  
Công danh quan trường người hiển đạt.  
Thanh Long thủy hỏa có nhiều ách,  
Mưa phùn lất phát nhập yển môn.*

+ Bính Thìn: Khí thể can chi ở hỏa sinh thổ, trụ ngày Bính Thìn, thân tọa đất Hà Khôi, chi tàng Chính Ấn, Thực thần, Thất Sát, chủ người thông minh, lanh lợi. Thìn là thấp thổ, Bính là Thái dương, phổ chiếu dương quang, có thành vạn vật, nhân mệnh Bính Thìn thông minh hiếu động. 《 **Ngũ Hành yếu luận** 》 nói: Bính Thìn là Sa Trung thổ, là Chính Ấn, lập đức ngũ phúc cát hội, bĩm trình, đều rất có triển vọng,

không quý cũng phú, duy chỉ phạm xung, đa số là tăng đạo. Ngày Bính Thìn là Hỏa chiếu Long đàm.

***Có bài thơ viết:***

*Nhật tọa Phúc thần nhận Hoàng ân,*

*Cao quan hậu lộc tử tôn hưng.*

*Cả đời hưởng tận nhân gian phúc,*

*Nữ mệnh xuyên kim lại mang ngân.*

Đơn độc một trụ mặc dù không thể nói rõ cát hung họa phúc một người, nhưng bởi ở trong một trụ, quan hệ tác dụng thiên can địa chi là vị trí đệ nhất. Kinh nghiệm cho rằng can chi thông khí, đa số là thông tình đạt lý. Nếu như can chi tứ trụ trên dưới đều không thông khí, đa số người là mệnh trọc loạn thiên khô, ngoại lệ thiếu số là đại quý cách.

Trong ngày Lục Bính có hai trụ Bính Tý, Bính Thân là can chi tương khắc, là tượng trên dưới không thông, người này nếu không phải là người có đức hạnh cao thượng, tất mệnh trở thành cuộc sống hỗn loạn hoặc thương tai. Tứ trụ khác đều là có can chi tương sinh, khí Bính hỏa vượng có thể thuận lợi phát tiết, tương đối khá thuận. Đa số là người thông tình đạt lý.

Bởi vì Bính hỏa lấy phát tiết vượng năng làm chủ, trong thâm thoát bản thân đều ở chỗ tiêu hao, ngoại trừ Bính Dần ra, 5 tổ can chi khác đối với Bính hỏa đều có chỗ tổn hại, nhất là Bính Thìn và Bính Tý. Bính Thìn bởi Thìn là thấp thổ, âm thầm tổn thương Bính, nếu nói trong cục Bính hỏa là dụng, Bính hỏa tùy thời đều sẽ bị tổn hại. Bính Tý tọa dưới là Quý thủy, Quý là nước mây sương, cũng bất lợi cho Bính hỏa, nếu như Bính hỏa thái vượng, sẽ nấu khô Quý thủy, thậm chí phần dưới tứ chi hoặc thận kinh bị tổn hại.

Bính Tuất tọa mộ khố, lúc gặp xung hợp dễ dàng phạm sự, nghiêm trọng thì có họa lao ngục. Mặc dù Bính Ngọ tọa Nhận, nhưng nguyên nhân là vật cực tất phản, cộng thêm nạp âm là Thiên Hà thủy, Bính

hỏa có thể không luận là thái vượng, hơn phân nửa có niên vận sinh phù Bính hỏa cũng không phải là vận xấu.

### ***Đệ thất giảng: Bính hỏa luận hoa như, Giáp thị bí trung bí***

#### ***Màu sắc Bính hỏa.***

*Vượng thì hi Giáp, nhược thì hi Ất.*

Lúc Bính hỏa cường vượng rất thích Giáp mộc, đây là nguyên nhân tại sao chứ? Trên thực tế, Bính hỏa càng vượng, thì năng lượng phát tiết càng nhiều, lúc này cần phải cung ứng năng lượng càng nhiều, mặc dù đối với Giáp mộc là có nguy hại đốt diệt, nhưng đối với Bính hỏa mà nói có thể được đến đầy đủ, có thể làm cho Bính hỏa trường cửu. Đối với điểm này, cũng có thể từ một góc độ khác mà đi lý giải: Giáp là đại thụ, cao lâu, nơi có đại thụ, cao lâu, có thể che lấp ánh thái dương cuồng nhiệt.

Bính hỏa lúc nhược cần có sinh phù, bởi vì Giáp mộc có một mặt là che lấp thái dương, đặc biệt là Giáp mộc trùng điệp, đối với Bính nhược mà nói đơn giản là một loại tổn hại. Cho nên Bính hỏa thiên nhược hoặc thái nhược, cũng không quá thích Giáp mộc nhiều, chỉ thích Ất mộc. ***Phú viết: "Bính Ất giao hội, bình sinh phúc thọ siêu quần, xuất thế thâm thành tài nghiệp."*** Chính là chỉ lúc Bính hỏa nhược rất thích Ất mộc.

*VD như Càn tạo: Canh Thân - Mậu Tý - **Bính Dần** - Tân Mão.*

Tạo này Bính Tân hợp mà không hóa, không lấy hóa tượng luận. Bính sinh tháng Tý, thiên can hết thấy đều là khắc tiết hao, Bính hỏa khá nhược, cần phải bang phù. Nhưng mà, Dần mộc thụ xung lại còn bị Tý thủy tâm thấp, không sinh Bính hỏa, trên lý luận Giáp trong Dần

cùng Ất trong Mão đều là dụng thần, nhưng Dần mộc chính là bận rộn không giúp được, có giá trị chân chính vẫn là Mão mộc. Quả nhiên, mệnh chủ trả lời vận Dần không tốt, lưu niên hợp phá Mão mộc cũng kém. Phùng năm Mão trái lại là tốt.

### *Bính phùng Nhâm chế nhan như ngọc*

Bính là Thái Dương, Nhâm là giang hồ, Nhâm Bính giao nhau, là Nhật chiếu giang hồ, chiếu tỏa sáng ao hồ, sắc đẹp động lòng người. Ngày Bính, tốt nhất là tháng hoặc giờ có một Nhâm thấu ra, Nhâm quá nhiều thì lại dễ dàng đi hướng phản diện. *Bính phùng Nhâm chế nhan như ngọc*, có đủ điều kiện thành công là Nhâm Bính có lực lượng tương đương. Lực lượng cách xa nhau quá lớn, không chỉ không đẹp, mà còn có chút vết tỳ hoặc là phá tướng.

Nhật can Bính ở tình huống không có Nhâm thủy thấu ra rõ ràng cũng xinh đẹp là có 2 loại: Một là sinh tháng Hợi hoặc giờ Hợi; hai là sinh ngày Thân hoặc là giờ Thân. Bính sinh giờ Thân, đa số là rắng chiều trong đẹp, nữ mệnh không chỉ có nhan sắc xinh đẹp, còn có dáng vóc ra vẻ nhu mì. Sinh ở ngày Thân, khá là tốt đẹp, nam nữ đều khát vọng nhận được sắc đẹp dễ chịu.

### *Thà làm phù mộc tử, không làm thấp nê nương.*

Bính hỏa mặc dù bản thân thích phát tiết năng lượng, nhưng lại không nguyện ý đi sinh Mậu Kỷ thổ, bắt đắ dĩ mà dụng Mậu Kỷ thổ, ngoại trừ tổ hợp bát tự rất tốt ra, tầng lớp đều không cao.

Trong trụ lúc có mộc đặc biệt là Giáp mộc, mới có sinh khí, Bính hỏa mới có nguồn năng lượng cung ứng. Bính hỏa nguyện ý bang trợ Giáp Ất mộc phát vinh, thực tế cũng là tự cấp cho bản thân không ngừng mà âm thầm gia tăng năng lượng. Bính hỏa không có nguồn cội mà cứ mãi phát tiết, tất là bắt đầu khốn cùng.

Bính hỏa không nguyện ý đi sinh Kỷ thổ, bởi vì Kỷ thổ là mây, đám mây che ánh sáng, chỗ này khiến cho vật chất luôn cần năng lượng

thái dương, chiếm ánh sáng thập phần bất lợi, vạn vật không có được ánh sáng chiếu đầy đủ, thì sinh trưởng phát dục không hoàn thiện, đây cũng là chỗ chứng kiến Thái dương nguyên ý. Nhật nguyên Bính hỏa cần phải lấy thổ làm dụng thần thì tầng lớp đa số không cao.

*VD 1:* Mậu Tuất - Mậu Ngọ - **Bính Ngọ** - Kỷ Sửu.

Bính hỏa thái vượng, không có chỗ Tài Quan nương tựa, bất đắc dĩ mà dụng trụ giờ Kỷ thổ, bởi vì Kỷ thổ hơi thấp. Nhưng Kỷ thổ là mây, cùng đặt song song Mậu thổ nhất tề hồi hỏa không có ánh sáng, Bính hỏa cuối cùng không có thành tựu lớn, tạo mà một mệnh nô tỳ.

*VD 2:* Nhâm Dần - Đinh Mùi - **Bính Thân** - Mậu Tuất.

Mặc dù có Nhâm thủy, nhưng Thương quan Kỷ thổ đương lệnh thái vượng, cộng thêm Nhâm thủy không tiếp nhận căn khí trên địa chi, Nhâm thủy có cũng như không. Thiếu niên hành vận Mậu Kỷ thổ, chuyển làm khát cái.

*VD 3:* Mậu Ngọ - Kỷ Mùi - **Bính Tuất** - Kỷ Hợi.

Trụ có Hợi thủy, mà ở trụ giờ, giống như Nhâm thủy thấu ra. Vận đầu tây phương kim phát gốc thủy, phát phú. Thế nhưng, chỉ có một Hợi thủy duy nhất, chịu đại thế ép cùng đường. Tạo này mặc dù Nhâm thủy là Khí số, nhưng cũng là một vị dụng thần, kết quả lại chết ở vận Hợi.

Có liên quan đến đoán ngữ Bính hỏa ở trong 《 **Nguyệt Đàm phú** 》 cũng có rất nhiều kinh điển dụng ngữ, như:

*Bính Đinh thái vượng, làm việc không thành;*

*Nhâm Quý vượng mà Bính Đinh nhược, đôi mắt mờ lung;*

*Hỏa la mang Háo, không trọc đầu thì sọc mặt.*

Những nội dung này chỗ tôi đã có giải thích trong 《 Tường giải

Nguyệt đàm phú》, ở đây không nói lại.

Cuối cùng là nói mối quan hệ giữa Bính hỏa cùng những thiên can khác, Tứ quý Bính hỏa giai hỷ Nhâm, Nhâm là khí số Bính hỏa, Nhâm có thể khắc Bính, cũng có thể kích khởi Bính hỏa. Bính hỏa cùng những thiên can khác có quan hệ gì? Bính cùng Giáp vừa có quan hệ hỗ trợ, cũng có quan hệ ngược lại, đây phải lấy mức độ vượng suy làm tiền đề, Bính đa Giáp đốt, Giáp đa Bính ương, cân bằng mới là cùng nhau có ích. Đây chính là: *Giang hồ Tý thủy yên năng khắc, duy khùng thành lâm mộc tác ương.*

+ Bính cùng Ất, Bính là khí số Ất mộc. 《**Thiên nguyên phú**》 có bằng chứng: "*Bính Ất giao hội, bình sinh phúc thọ siêu quần, xuất thế thâm thành tài nghiệp.*" Ở đây chủ yếu là chỉ Ất mộc ngộ Bính hỏa, đương nhiên, đúng chân hay không là có cả đời phúc thọ siêu quần, còn phải xem tổ hợp những can chi khác.

+ Bính cùng Đinh, đa số tình huống là Bính khi Đinh, tức là chỗ nói Bính đoạt Đinh quang. Bính đoạt Đinh quang là lúc Đinh hỏa rất ưu phiền, biểu hiện hiện thực là người này làm việc bị động, có làm nhưng không có công, biết rõ chuyện làm mượn không công, cũng bắt đắc dĩ mà thôi. Bính ở trụ giờ thì Bính đoạt Đinh quang hơi nhẹ.

+ Bính cùng Mậu, Mậu thổ bất ly Giáp Bính Quý, Bính là khí số của Mậu, Mậu không có Bính không ấm, Bính Mậu giao hội, chỉ cần bát tự không phải quá khô táo, với nhau đều có trợ ích, Mậu thổ được ích lợi càng nhiều.

+ Bính cùng Kỷ, Kỷ là thấp thổ, cũng là Thương quan của Bính hỏa, Kỷ thổ là mây, rất dễ dàng ngăn cản ánh sáng Bính hỏa, cả hai gặp nhau, Kỷ thổ thụ ích, còn Bính hỏa thì hết ánh sáng.

+ Bính cùng Canh, Bính hỏa đầu hỷ Nhâm thủy, thứ hỷ Canh kim. Bính hỏa đứng đầu ngũ dương, Canh kim là đối thủ của nó, khắc luyện Canh kim, khiến cho Bính hỏa càng hiển cao quý.

+ Bính cùng Tân, Bính hỏa phùng Tân lại khiếp, Tân kim sợ hỏa nhiều

mà nung chảy. Cả hai hợp lại mà hóa thủy, âm dật tiêu hồn, ai cũng bị tổn.

Bính là thiên can khá nhiều tác dụng điều hậu, người sinh mùa đông, tốt nhất là năm tháng thấy Bính; ngày giờ thấy Bính, thích hợp nhất sinh ở ban đêm.

## 4. Phần Đinh hỏa

***Đệ nhất giảng: Can âm là Chất, can dương là Khí***

***Phân biệt Bính và Đinh.***

***Từ Bình viết:*** " Can dương là Khí, can âm là Chất." Đinh là can âm, ngũ hành thuộc hỏa, là thể chất của hỏa. Cổ nhân nhìn âm dương cùng với người hiện đại chỗ ý thức nhìn đến đều là dương, là không nhìn thấy âm là hai loại khái niệm.

Kinh nghiệm cổ nhân cho rằng: Đinh hỏa ở trời là ánh sáng trăng sao, ở đất là ngọn đèn, là lò lửa. Trong đó, lúc vượng là lò lửa, lúc nhược là ngọn đèn. Đã là ngọn đèn tinh sao chiếu sáng, tất nhiên là trong tối lộ ra ánh sáng. Mọi người đều biết, dưới tình huống bình thường, mọi người đều là ở giờ Dậu lúc hoàng hôn tắt đèn, ánh sáng trăng sao cũng bắt đầu từ giờ Dậu, dần dần sáng tỏ, mặt trời mọc từ buổi sáng tinh sương, ánh sao dần dần mờ tắt. Cho nên, Đinh hỏa trường sinh ở Dậu, tử ở Dần. Đinh hỏa vừa là lò lửa, thì có công năng nung tạo thuộc kim để thành đồ dùng.

Đinh hỏa có hai loại công dụng: Hoặc là lò lửa, nung nóng tạo thành đồ dùng là dụng; Hoặc là ánh sao, chỉ dẫn phương hướng là dụng.

《 ***Trích Thiên Tuy*** 》 viết: "*Vượng mà không gắt, suy mà không kiệt.*" Vượng tuy là không gắt, nhưng lực lượng Đinh hỏa lại luôn luôn rất tập trung, tính chất rất là mãnh liệt, thấy Canh kim rất dễ dàng hiển thị giá trị của nó. Suy tuy là không kiệt, không phải chỗ tối thì

cũng vô công.

Đinh ở ngũ tạng con người đại biểu là tim, là động cơ phát sinh hoạt động sinh mệnh. Tim có công năng chủ yếu là chủ huyết mạch, chủ thần minh. Tim thông với lưỡi, sáng ở mặt, cùng bộ phận tiểu tràng.

**Sách viết:** "Thủy là Tinh, Hỏa là Thần." Ai cũng ó trái tim, Đinh hỏa đại biểu thần khí trong thân thể con người. Người trong trụ có hiện rõ Đinh hỏa, Đinh hỏa không thể tổn thương, Đinh hỏa một khi thụ thương, thì công năng tim dễ dàng gây ra chướng ngại, dẫn tới tâm trí hỗn loạn, nghiêm trọng là thần khí không thanh. Người có thủy nhiều mà không có Đinh hỏa, Đinh hỏa là tránh bị khắc, trái lại là biểu hiện công năng của tim kiện toàn.

Từ trong bát tự nhìn ra thần khí của một người có sung mãn hay không, có thể từ bắt tay xem từ trên ngũ hành Bính Đinh, thủy nhiều hỏa quá ít, tinh có dư mà thần không đủ; hỏa đa thủy ít, thần có dư mà tinh không đủ.

*VD 1, Càn tạo:* Đinh Mùi - Bính Ngọ - **Kỷ Mùi** - Bính Dần;  
Trong trụ là có hỏa nhiều không có thủy, thần có dư mà tinh không đủ. Lấy đến trước thời trung niên hành vận phương đông, không có vợ con, mặc dù tốt nghiệp đại học, nhưng cũng không có thành tựu, độ nhật qua ngày. Sau thời trung niên hành vận thủy phương bắc, mới có gặp gỡ.

*VD 2, Khôn tạo:* Mậu Tuất - Mậu Ngọ - **Kỷ Tị** - Bính Dần;  
Tạo này thổ vượng, ứng đúng thi văn nói về Kỷ thổ "*Hỏa thổ công thành cục tối kỳ*". Người chỉ tốt nghiệp trung cao phổ thông, nhưng lại là một đường tiến thẳng mây xanh, làm quan đến ngũ phẩm. Tạo này bởi vì là thổ nhiều không có thủy, ngũ hành thủy là tránh khắc, không lấy hỏa có dư tinh không đủ để xem. Nhưng tạo trước lại là hỏa qua nhiều, mà không phải là thổ nhiều, thì lấy hỏa nhiều thủy ít để xem.

Người Đinh hỏa sẽ không giống như Bính hỏa hiếu động, nhưng sức

nóng lại không mất hỏa. Người Đinh hỏa thường luôn đem tình cảm chôn sâu trong lòng, đợi có thời cơ mới phát ra; còn người Bính hỏa thì một mực hi vọng phát ra, tình cảm mãnh liệt văng khắp nơi.

Hai loại người Bính Đinh cùng ở một chỗ thì không quá ở dễ dàng, người Đinh hỏa ngoài nhu trong cương, coi trọng bên trong tinh thần, còn người Bính hỏa thì dứt khoát. Một thì thích thu vào bên trong, một thì thích biểu hiện ra ngoài, ý kiến không dễ dàng đạt thành nhất trí. Người Đinh hỏa có nội công, làm việc rất hiện thực, không thích khoe trương, nhưng có dự vọng khổng chế người khác. Chỉ qua là, người Đinh hỏa thích dụng tư tưởng để khổng chế người khác, còn người Bính hỏa thì thời khắc bản thân muốn dụng hành động cụ thể để cảm hóa người khác hoặc chế phục người khác.

Bính Đinh hỏa đều lấy Giáp Ất mộc là nguồn năng lượng, Bính Đinh đều lấy văn minh làm thể, gặp âm dương mộc tương sinh, thì sinh sôi không ngừng. Trong đó, Đinh hỏa dụng Giáp, Bính hỏa dụng Ất. Thư viết: Đinh hỏa, nếu như có mẫu, khả thu khả đông. Lại viết Bính hỏa, Bính Ất giao hội, cả đời phúc thọ siêu quần, xuất thế thâm thành nghiệp mới.

Người Bính hỏa, tinh thần lộ ra ngoài, vui mừng ra mặt; người Đinh hỏa, tinh thần th vào bên trong, lo xa mưu sâu. Sinh ở mùa xuân hạ, lấy vượng luận, đều thích Tài Quan, sinh ở thu đông lấy nhược luận, đều lấy ánh sáng chiếu người. Trong đó, Đinh hỏa là càng tối càng sáng, Bính hỏa thì càng lạnh càng quý.

*VD 3, Càn tạo: Tân Dậu - Kỷ Hợi - **Bính Thân** - Mậu Tý;*

Tạo này là Bính hỏa ở mùa đông, người mặc dù là thích biểu hiện bản thân, nhưng tính tình ôn hòa, nhiệt tình cởi mở, được mọi người yêu thích. Anh chị em có 3 người, là một nhánh xuất chúng. Thời kỳ thanh niên hành kim vận phương tây, lay động bất an; trung niên hành vận phương nam, phù khởi nhật chủ, danh lợi song thu.

### ***Có bài thơ luận Đinh hỏa viết:***

*Đinh hỏa âm nhu nhất chúc đặng,  
Thái dương tương kiến đoạt quang minh,  
Trụ trung nhược phùng Giáp mộc thấu,  
Định hứa thân an phúc tự lâm.*

Đinh hỏa sinh ở mùa thu đông mới là hỏa âm nhu, sánh như ngọn đèn, lúc này thì rất sợ ánh sáng của Bính đoạt Đinh.

VD 4, Càn tạo: Quý Tị - Giáp Tý - **Đinh Dậu** - Giáp Thìn;  
Đinh hỏa ở tháng Tý, ở đất tối tăm, là Tử Vi Mặc Trì, sinh thời loạn thế, dụng tư tưởng Đinh hỏa chiếu sáng, cuối cùng thành tựu một đại quân vương. Năm Bính Thìn niên, tinh thần rơi xuống.

VD 5, Càn tạo: Tân Dậu - Bính Thân - **Quý Sửu** - Đinh Tị; (Mệnh tạo Gia Cát Lượng)

Tạo này có tam hợp kim cục, trong đó ngũ hành thổ đều bị hợp hóa mất, Đinh hỏa còn có thể áp bức kim sinh thủy, cách thành Kim bạch thủy thanh, công Đinh hỏa không thể không có. Mặc dù cũng có ngại Bính đoạt Đinh quang, nhưng can năm Tân kim có thể khử Bính tồn Đinh. Đinh hỏa vừa có công mà còn có trạng thái tốt đẹp. Đinh hỏa đại biểu tư tưởng, học thuật, trí tuệ của hấn, vì trí tuệ của hấn, liền được minh quân 3 lần mời đến, thành tựu anh danh cả đời, đây chính là mệnh tạo Gia Cát Lượng. Sau đến 48 tuổi vận hạn Đinh, vẫn còn ngại tồn tại Bính đoạt Đinh quang, lao nhọc nhưng vô công. Vừa đến vận hạn Tị, Bính hỏa hợp hóa không hết, bệnh chết.

***Đệ nhị giảng: Nói thể tượng và tôn xưng ja lò lửa hoặc là ngọn đèn.***

### ***Thể tượng Đinh hỏa.***

Luận tổng thể hình tượng Đinh hỏa, có bài thơ trong 《 **Thập Can thể tượng toàn thiên luận** 》 viết:

*Đinh hỏa kỳ hình nhất chúc đặng,  
Thái Dương tương kiến đoạt quang minh.  
Đắc thì năng chú thiên kim thiết,  
Thất lệnh nan dong nhất thốn kim.  
Tuy thiếu kiên sài do khả dụng,  
Túng đa thấp mộc bất năng sinh.  
Kỳ gian suy vượng đương phân hiệu,  
Vượng bỉ nhất lô suy nhất kình.*

Đinh hỏa lúc vượng là lò lửa, lúc suy là ngọn đèn, nung tạo Canh kim không thể thiếu, chiếu sáng chỉ dẫn phương hướng ban đêm, Đinh hỏa cần phải chú ý đến phân biệt kỳ vượng suy. 《 **Cùng Thông bảo giám** 》 nói Đinh hỏa tháng mùa hạ, kỳ Bính hỏa đoạt ánh sáng, các tháng còn lại là không kỳ. Thực ra không phải là vấn đề ở tháng mùa hạ hay không, mấu chốt vẫn là xem Đinh hỏa có phải là ngọn đèn hay không. Lúc là ngọn đèn, bất luận mùa nào cũng đều kỳ Bính đoạt ánh sáng của Đinh; lúc không phải là ngọn đèn, thì không tồn tại thuyết đoạt ánh sáng Đinh.

Mộc đa mà còn thấp, không dễ gì mà sinh trợ Đinh hỏa, có đạo là "*Thấp mộc thương Đinh*". 《 **Tạo Hóa nguyên thực** 》 nói: "*Giáp bất ly Canh, Canh bất ly Đinh, Đinh bất ly Giáp*." Nguyên nhân là, Đinh hỏa lúc suy nhược cần có sinh phù, tốt nhất là thấy Canh kim bổ Giáp, để dẫn phát Đinh hỏa, lúc này trạng thái của Giáp mộc rất là trọng yếu. Canh Đinh Giáp có đủ mà cảm giác khốn đốn, thế vận khiếm tốt, một chút Giáp mộc thì không ngại, thấp Giáp thương Đinh, khốn đốn khó thân. Mặc dù như thế, Đinh hỏa vẫn là cần Giáp mộc, Giáp mộc là nguồn năng lượng của nó.

Lúc Bính đoạt ánh sáng Đinh, Đinh hỏa cũng thích có Giáp mộc, bởi vì Giáp mộc có thể che khuất Thái dương, Đinh hỏa mới có thể an nhiên tự tại. Cho nên lại có thơ viết:

*Đinh hỏa âm nhu nhất chúc dăng,  
Thái dương tương kiến đoạt quang minh,  
Trụ trung nhược kiến Giáp mộc thẩu,  
Định hứa thân an phúc tự lâm.*

Đinh hỏa hoặc nếu như thiên nhược, hoặc nếu như thiên vượng, tuyệt đối ở số ít trung hòa. Ở dưới trạng thái thiên nhược, Đinh hỏa là ngọn đèn rất có tiềm lực phát triển. Bởi vì Đinh hỏa có đặc điểm suy mà không kiệt, càng là ở đất âm u hàn lạnh, thì giá trị càng lớn. Ở dưới trạng thái thiên vượng, tốt nhất đầy bàn cầu thành mộc hỏa thông minh, mộc hỏa thông minh là tượng trưng cho bát tự thuần túy, bản thân tất có nhiều đất dụng võ, phú quý song toàn. Bất luận Đinh hỏa là thiên vượng hay là thiên nhược, tuyệt đại đa số là Đinh hỏa phổ thông, hoặc là lò lửa, hoặc là ngọn đèn. Vượng khởi để dụng Tài Quan, hạ suy thì đi dụng Ấn Tì. Đinh hỏa không nên quá vượng, Ngọ thấy Ngọ là tự hình, thực ra chính là Đinh hỏa quá vượng, khó mà có kết quả tốt đẹp.

Đinh hỏa vượng, luyện kim thủ phú, mộc hỏa thông minh mới thủ quý. Mộc hỏa thông minh có lớn có nhỏ, lớn là tam hợp hỏa cục thành công, thì không kỵ Bính đoạt Đinh quang. Đinh hỏa nhược, gặp Đại Hải thủy giống như phao nổi, ngọn đèn hải dăng, đa số thủ quý. Đinh hỏa lúc nhược là đốm lửa nhỏ của ngọn đèn, đốm lửa nhỏ, có thể bốc cháy, lúc này đốm lửa chiếu sáng chỉ dẫn phương hướng mới có giá trị lớn. Đinh hỏa là phát huy năng lượng nơi sâu của tâm linh, đại biểu tư tưởng, văn hóa nghệ thuật tài hoa của một người. Người Đinh hỏa tràn đầy tình cảm, Bính hỏa là ngoại cấp, Đinh hỏa là nội cấp, như người Đinh hỏa sinh ra ở tháng Dần, Tị, Ngọ, loại này tình tự càng rõ ràng.

*VD 1, Càn tạo:* Mậu Tuất - Giáp Dần - **Đinh Mão** - Bính Ngọ;

Đinh sinh tháng Dần, tam hợp hỏa cục thành công, Đinh hỏa thuộc về vượng mà không gắt, cách thành mộc hỏa thông minh, lại còn khí thể hài hùng. Cách cục thuần chính, sinh ra vĩ đại, sau khi chết cũng được thể nhân truyền tụng, sự nghiệp thành tựu ở dưới một người mà trên vạn người.

*VD 2, Càn tạo:* Quý Tị - Giáp Tý - **Đinh Dậu** - Giáp Thìn;

Đinh sinh tháng Tý, Đinh hỏa nhược là ngọn đèn, lâm Dậu đắc Trường sinh, trạng thái bản thân Đinh hỏa hết sức tốt. Tháng Tý là đất Khảm địa, chỗ hắc ám, Đinh hỏa phát huy đến cực điểm, cuối cùng thành tựu là một đại quân vương, mệnh chủ là nhà tư tưởng vĩ đại, cả đời lấy tư tưởng chiếu sáng rất là nổi danh, không hổ là một ngọn đèn sáng trong đêm tối. VD 2 và 1 là một đôi hợp tác trong vũ đài lịch sử, không chỉ là ngẫu nhiên, trong lịch sử cũng có hai vị giống như vậy.

*VD 3, Càn tạo:* Mậu Thìn - Nhâm Tuất - **Đinh Sửu** - Đinh Mùi; (Mệnh tạo Chu Nguyên Chương)

Đinh sinh tháng Tuất, một khối thổ vượng, hỏa thiên nhược là không nghi ngờ. Hỉ lâm Nhâm Tuất là Đại Hải thủy, Đinh hỏa sánh như ngọn đèn, đây chính là mệnh tạo Chu Nguyên Chương. Bởi vì giờ Mùi mang theo Nhận Sát, một giới vũ phu. Ở VD 2 bát tự không có Nhận, mặc dù cũng là thống lĩnh thiên quân vạn mã, nhưng lại là văn chương nho nhã.

**Phụ văn:** Minh Thái tổ Chu Nguyên Chương, là hoàng đế khai quốc vương triều đại Minh. Hán tộc, dân tộc anh hùng. Nguyên danh là Chu Trọng Bát (Chu Bát Bát), sau lấy danh là Chu Hưng Tông, tự là Quốc Thụy. Tổ cư người ở Tứ Châu Hu Di (nay là huyện Hu Di Tỉnh Giang Tô), người sinh ở Hào Châu Chung Ly (nay là An Huy Phượng Dương đông bắc), cửa tổ tịch ở thành Tứ Châu (nay là huyện Hu Di

bên bờ đối diện thành sông Hoài), cả đời tổ phụ chuyển đến Hào Châu Chung Ly (nay là An Huy Phượng Dương đông bắc). Lúc nhỏ nghèo khổ, có một độ vào Hoàng Giác tự làm hòa thượng. Lúc 25 tuổi tham gia quân khản đồ lĩnh đạo Quách Tử Hưng phản kháng chính sách tàn bạo của Mông Nguyên, sau khi Quách Tử thống soái Quách bộ, làm Tả phó nguyên soái Tiểu minh vương Hàn lâm. Tiếp theo giành lấy chiến công liên tục mà thăng thiên, Long Phượng năm thứ 7 (năm 1361) được phong Ngô Quốc công, 10 năm tự xưng Ngô vương. Nguyên là đến năm 1278 (năm 1368), cơ bản ở sau khi đánh tan các lộ quân nông dân khởi nghĩa và sớm san bằng các thế lực tàn dư của nhà Nguyên, xưng đế ở Nam kinh, quốc hiệu là Đại Minh, niên hiệu là Hồng Vũ, tại vị 31 năm (năm 1368 -1398), kiến lập chính quyền phong kiến thống nhất toàn quốc. Trong lúc tại vị, vì mâu thuẫn giai cấp hòa hoãn và sắc nhọn, phức tạp, mâu thuẫn dân tộc và mâu thuẫn giữa các tập đoàn nội bộ giai cấp thống trị, thực hiện chống lại ngoại xâm, đổi mới chính trị, một loạt chính sách phát triển sinh sản, an định dân sinh có lợi cho xã hội tiên tiến, ở phương diện chính trị, kinh tế, quân sự, tư tưởng tập quyền thống trị trung ương tăng mạnh đại lực quân chủ chuyên chế. Chỗ này cùng thích ứng nhau, xét thấy ở trên tư tưởng pháp luật thời nhà Nguyên mật pháp thao túng mà dẫn đến các loại tệ đoan, cho rằng "Trẫm thu bằng Trung Quốc, không làm mạnh là không được" .

*VD 4, Càn tạo: Tân Hợi - Giáp Ngọ - **Đinh Mùi** - Bính Ngọ; (Mệnh tạo Lưu Bá Ôn).*

Đinh hỏa tháng Ngọ, cộng thêm đạo hướng trên giờ Bính Ngọ, cục thành mộc hỏa thông minh. Mộc hỏa thông minh không kỵ Bính đoạt ánh sáng Đinh, hướng chi có Giáp mộc thấu can, đây chính là mệnh tạo Lưu Bá Ôn, phụ trợ Minh Thái tổ Chu Nguyên Chương cuối cùng đại sự nghiệp thành tựu. Tiếc là có Ngọ Ngọ tự hình, cái chết cũng không nhẹ nhàng, truyền thuyết Lưu Bá Ôn bị Chu Nguyên Chương

độc tử.

**Phụ văn:** Lưu Bá Ôn (năm 1311-1375), danh là Lưu Cơ, tự là Bá Ôn. Từ nhỏ Lưu Bá Ôn thông minh khá thường, thiên phú cực cao. Hun đúc ở dưới gia đình, từ nhỏ ông ấy đã thông minh hiếu học, thích đọc sách, đối với kinh điển Nho gia, có đủ thứ loại, đều hết sức thông thuộc. Nhất là đối với thiên văn, địa lý, binh pháp, thuật số càng là chuyên cần nghiên cứu, khá là tâm đắc. Sức nhớ của ông ấy hết sức tốt, đọc sách một lần là thuộc. Hơn nữa tài văn chương rất giỏi, chỗ viết văn chương không giống như kẻ phàm tục. Lúc ông ấy 14 tuổi vào Châu quận học tập 《 Xuân Thu 》 , 17 tuổi theo thầy chỗ danh sĩ Trịnh Phục Sơ ở Châu quận lại bắt đầu học tập lý học Tống Minh, đồng thời tích cực chuẩn bị đi thi khoa cử. Bẩm phú trời sinh và nỗ lực ở Hậu thiên, khiến cho tuổi trẻ của Lưu Bá Ôn rất mau trở hết tài hoa ở đất bản địa, trở thành đại tài tử, đại danh sĩ ở khu vực Chiết Giang, bắt đầu được thế nhân chú ý đến. Thầy Trịnh Phục Sơ liền bèn nói với tổ phụ của Lưu Bá Ôn rằng: "Ngày nào đó đứa bé này sẽ làm quang đại cánh cửa nhà của ông, chấn hưng gia tộc Lưu thị!" Danh sĩ Tây Thục Triệu Thiên Trạch ở lúc bình phẩm nhân vật Giang Tả, đem Lưu Bá Ôn xếp thành đệ nhất, đem ông ấy sánh cùng Gia Cát Khổng Minh, nói Lưu Bá Ôn ngày nào đó sẽ trở thành người tài cứu thế.

Quả nhiên Lưu Bá Ôn là người trung nhân kiệt xuất. Ông ấy thi đậu tiến sỹ ở thời đầu nhà Nguyên (năm 1339), từ đó làm quan, bắt đầu biểu diễn tài hoa ở trong vũ đài lịch sử Trung quốc.

***Đệ tam giảng: Đỉnh hỏa nhược thông minh, Bính dã bất khi Đỉnh***

***Khí thế Đỉnh hỏa.***

Bên trên là công bố chủ yếu hai xu hướng lớn của Đỉnh hỏa ở trong bát tự, thứ nhất là xu hướng ở dưới trạng thái thiên vượng, xu hướng nỗ lực của Đỉnh hỏa ở mộc hỏa thông minh; thứ hai là ở dưới trạng thái thiên nhược, xu hướng Đỉnh hỏa là ở đất hắc ám, thích ban đêm mà không thích ban ngày. Chỗ đêm tối, mới có thể phát huy đầy đủ

tác dụng của Đỉnh hỏa. Hai loại xu hướng này thì đều là để luận toàn bộ bát tự, mộc hỏa thông minh là tiêu chuẩn tối cao, biểu hiện hoàn thành hoặc đạt đến tiêu chuẩn đều là cát, trái lại không đạt đến tầng lớp tiêu chuẩn mộc hỏa thông minh đều là tương đối khá thấp. Người Đỉnh hỏa là lấy ý thức tư tưởng làm chủ thể, sở trường là ở suy xét, lượng hoạt động trong tâm lớn.

Xu hướng Đỉnh hỏa ở mộc hỏa thông minh có luận từ toàn bộ bát tự, cũng có từ cá thể Đỉnh hỏa để luận, nhưng đều là tượng khí thể Đỉnh hỏa. Bát tự nhật nguyên Đỉnh hỏa có hay không có loại tượng khí thể này, mấu chốt vẫn là phối hợp ở xung quanh can chi.

Thể tượng thập can một câu cuối cùng là "Kết quả cuối cùng lúc suy vượng, vượng ví như một cái lò lửa, suy ví như một cái Kênh." ( Kênh, là bộ đèn tức là chi ngọn đèn). Có thể thấy, phân biệt Đỉnh hỏa vượng suy là một mắc xích hết sức trọng yếu.

《 *Trích Thiên Tuy* 》 luận Đỉnh hỏa:

*Vượng mà không gắt,*

*Suy mà không kiệt,*

*Nếu như có Mậu,*

*Khả thu khả đông.*

Ở trước nói khí thể Đỉnh hỏa, phải có một tư tưởng quan niệm chính xác, đó chính là Đỉnh hỏa bất luận suy nhược hay là cường vượng, đều có khả năng sản sinh giá trị to lớn. Cũng chính là nói, bất luận Đỉnh hỏa suy nhược hay là cường vượng, người Đỉnh hỏa đều có thể phát phú phát quý. Lúc cường vượng lấy mộc hỏa thông minh làm tiêu chuẩn, cường vượng mà lại không đạt đến tiêu chuẩn mộc hỏa thông minh, thì khó có phú quý lớn, lúc này, ngũ hành nào đó ở vị trí này ảnh hưởng đến mộc hỏa thông minh thì là khuyết điểm của bát tự. Đỉnh hỏa lúc suy nhược thì lấy ánh đèn làm tiêu chuẩn, ngày xưa lấy ánh sao ngọn đèn để dẫn đường, sắc trời càng tối, ánh đèn càng sáng, thì giá trị càng lớn. Đã là ngọn đèn lại gặp lúc Bính đoạt ánh sáng Đỉnh, thì là Đỉnh hỏa không có chút giá trị nào, Đỉnh hỏa như là

vật chết thông thường.

Lúc không đạt đến tiêu chuẩn mộc hỏa thông minh, thì Đinh hỏa căn cứ vượng suy phổ thông để luận, thân vượng dụng Tài Quan, thân nhược dụng Ấn Tì.

VD 1, Càn tạo: Mậu Ngọ - Quý Hợi - **Đinh Sửu** - Kỷ Dậu;

Đại vận: Giáp Tý, Ất Sửu, Bính Dần, Đinh Mão, Mậu Thìn, Kỷ Tị, Canh Ngọ, Tân Mùi, Nhâm Thân.

Tuổi vận: 9 tuổi bước vào vận.

Đinh hỏa tháng 10, thất lệnh, tọa dưới Sửu thổ làm mờ hỏa, nhưng ở chi năm đắc lộc, giờ được trường sinh, vượng suy Đinh hỏa thuộc về thiên nhược. Như vậy lúc này Đinh hỏa lấy phương hướng nào phát triển chứ? Bởi do Đinh hỏa đắc lộc ở trụ năm, tính linh hoạt của ngũ hành đắc lộc rất lớn, tiến thoái đều thích nghi. Trước 29 tuổi hành vận bắc phương, xu hướng Đinh hỏa ở ngọn đèn, tôi đoán người này thông minh, học nghiệp tốt, có kiến thức, có học lịch chính quy; sau khi tốt nghiệp, trước là cầu tài, làm ông chủ xí nghiệp tư nhân, hành nghề có liên quan cùng ánh đèn, Giáp Thân, Ất Dậu phát tài khoảng thiên vạn. Hiện tại là vận Sửu bắt đầu chuyển sang vận Bính, có chút mờ mịt. Trả lời đều nói đúng.

Tại sao hấn ở lúc vừa tốt nghiệp thì chọn con đường đi làm giàu chứ? Ngoại trừ trụ giờ Kỷ Dậu có hướng đạo Thực thần sinh Tài khởi tác dụng ra, trọng yếu hơn là hấn ở trước vận Bính tất nhiên có nhãn quang rất sắc bén. Chính là bắt đầu từ hai bước vận đất Khảm phương hắc ám, Đinh hỏa hiển quang, việc làm là sáng mắt sáng lòng. Cộng thêm chỗ thời đại, giàu so với quý càng có sức dụ dỗ. Mệnh chủ dựa vào thông minh tài trí của mình, trên đường phát tài quả nhiên vẻ vang to lớn. Bắt đầu vận Bính, thì xuất hiện Bính đoạt ánh sáng Đinh, hành nghề bị đình trệ, bắt đầu công việc càng ngày càng ưu phiền. Sau vận Bính, tạo này lại biến chuyển cách cục, chuyển hướng mộc hỏa thông minh. Tại sao lại có thể chuyển hướng mộc hỏa thông

minh? Tốt là tốt ở Đinh hỏa đắc lộc, khả suy khả vượng, vận Bính Dần Đinh Mão, thì Đinh hỏa xu hướng mộc hỏa thông minh, sau này sẽ tham gia loại hình nghề nghiệp văn hóa nghệ thuật, chỉ qua là có một quá trình vận Bính, 5 năm này lập nghiệp khá là gian nan, chỉ cần kiên trì một chút, sự nghiệp về sau nhất định có thể thành công.

*VD 2, Càn tạo: Quý Mão - Giáp Dần - **Đinh Hợi** - Bính Ngọ;*

Đại vận: Quý Hợi, Nhâm Tuất, Tân Dậu, Canh Thân, Kỷ Mùi, Mậu Ngọ

3 tuổi vào vận: 3 13 23 33 43 53

Tạo này vốn có tư thế mộc hỏa thông minh, nhưng bản thân Đinh hỏa thiên nhược, bát tự lại khuyết một Tuất thổ, tam hợp cục bất thành, mộc hỏa thông minh rất là miễn cưỡng. Đinh thuộc ngọn đèn, lại có Bính đoạt Đinh quang, bởi vì có tổ hợp Dần Ngọ, cuối cùng làm mộc hỏa thông minh hơi tốt. Đã là mộc hỏa thông minh, trụ năm Quý thủy chính là bệnh, tôi đoán tổ thượng của hấn khá kém, lúc nhỏ bản thân cũng không thuận, bắt đầu vận Tuất đến trước 43 tuổi vận Kỷ Mùi một mực khá tốt, nhưng Kỷ vận lại không tốt. Hấn nói với tôi là đúng như vậy. Hấn hỏi: Tại sao Kỷ vận cũng không tốt chứ? Nguyên nhân vẫn là ở chỗ mộc hỏa thông minh sợ Kỷ thổ, Kỷ thổ là mây, Quý Kỷ giao nhau, mây mù dày đặc, không trong không mưa, mộc hỏa ám nhiên thất sắc, sao có thể thông minh? Ở dưới trạng thái nhật nguyên Đinh hỏa thiên nhược, mặc dù Kỷ thổ có thể khử bệnh Quý thủy, nhưng đối với Đinh hỏa cũng bị tổn thương không nhẹ. Vận Mùi thì lại là một cảnh tượng khác, nguyên nhân là Hợi Mão Mùi tam hợp mộc cục thành công, Kỷ thổ Quý thủy đều giảm sút, giống như rút ra khỏi đám mây đen. Sau vận Mùi, mộc hỏa thông minh có thành, tất nhiên sự nghiệp có khởi sắc. Khả năng có người sẽ hỏi, tạo này tại sao Đinh hỏa không xem là ngọn đèn? Nguyên nhân là Bính hỏa xuất can, nếu như xem Đinh như ngọn đèn, thì Bính đoạt Đinh quang, vận mệnh càng thâm. Toàn cục có Dần Ngọ, bang trợ Đinh hỏa nguyện vọng rất mạnh trở thành mộc hỏa thông minh. Trước đây có nói đến một càn tạo: Mậu Tuất - Giáp Dần - **Đinh Mão** - Bính Ngọ, thiên can không chỉ không có Quý thủy phá cách, còn có thêm một

chữ Tuất, tam hợp hỏa cục thành công, cách cục mộc hỏa thông minh rất hoàn mỹ, cho nên tầng lớp cao xa hơn tạo này.

VD 3, *Cần tạo*: Quý Mão - Giáp Dần - **Đinh Mùi** - Canh Tuất;  
Đại vận: Quý Hợi, Nhâm Tuất, Tân Dậu, Canh Thân, Kỷ Mùi, Mậu Ngọ, Đinh Tị.

10 tuổi vào vận.

Đinh hỏa này hoàn toàn là dựa vào Giáp Dần sinh phù, nhật nguyên thiên nhược, bởi vì có Dần Tuất củng hỏa, tượng cục mộc hỏa thông minh. Trụ năm Quý thủy làm âm thấp Giáp mộc, Quý thủy là bệnh, tuổi trẻ hành vận Bắc phương thủy, thấp Giáp thương Đinh, tổ thượng nghèo khổ, sớm mất cha, Nhâm vận mất mẹ. Nhưng bắt đầu từ Nhâm vận, hỏa có thủy cứu, văn chương tốt, công tác xuất sắc. Tuất vận, Đinh hỏa nhập mộ, khốn đốn. Canh vận thăng thiên. Chỉ có vận Kỷ Mùi là không thuận, không bệnh thì khốn. Vận Mậu Ngọ không tệ, văn chương ưu tú lại có một bước triển vọng tiến lên.

Tạo này cùng VD 2 có điểm giống nhau, khác nhau là tạo này có Canh kim thấu can, cho nên công tác sinh hoạt an ổn nhiều.

**Tổng kết**: Đinh hỏa nhược là ngọn đèn, mới kỳ Bính đoạt Đinh quang, là ngọn đèn thì hi đất mờ tối. Mộc hỏa thông minh, thì kỳ mây che ánh sáng. Những trạng thái khác, chỉ lấy cân bằng luận, phù nhược ức cường mà thôi.

***Đệ tứ giảng: Đinh hỏa du tứ quý, Khí Số định hi kỳ***

***Khí Số Đinh hỏa.***

Thập thiên can ở mỗi tháng trong một mùa đều có sở thích riêng biệt, hơn nữa chỗ ngũ hành yêu thích tốt nhất là thấu ra thiên can, nếu như không có chỗ ngũ hành yêu thích, hoặc là ám tàng, như vậy

tầng lớp của người này thì phải suy giảm.

**Tại sao gọi là Khí số?** Ở đây sẽ nói rườm rà một chút, Khí số là một khái niệm rất là mơ hồ, nội hàm của nó chủ yếu bao gồm hai loại tri thức ngũ hành, thứ nhất là ngũ hành bốn mùa, ngũ hành bốn mùa tức là ngũ hành yêu thích một trong 4 mùa xuân hạ thu đông, ví dụ như mùa đông hàn lạnh, mùa hạ viêm nóng, như vậy lúc hàn đông cùng hàn xuân, tốt nhất là dụng Bính Đinh hỏa khử hàn giải lạnh, mùa hạ dụng Nhâm Quý thủy mới có thể giải trừ viêm nóng. Đây là vạn vật yêu thích trong thế giới tự nhiên. Thứ hai là ngũ hành thiên can, tức là chỉ bản thân mỗi thiên can có đặc điểm cá tính của nó, ví dụ như, Giáp bất ly Canh, Canh bất ly Đinh, Đinh bất ly Giáp, Canh Đinh Giáp chính là trời sinh ra một tổ hợp ưu tú. Chỗ nói Khí số chính là chỉ hai phương diện tri thức này, đơn giản mà nói Khí số chính là vật hữu dụng chỉ có bảo hộ một thiên can. Khí số thiên can nhật nguyệt ở trong bát tự khả năng có 3 loại thấu, tàng, không có, như vậy tùy theo khí số "Thấu, tàng, không có", thì tầng lớp của người này cũng tương ứng ở giáng thấp.

### **Đinh hỏa khí số quyết:**

*Tam xuân Đinh hỏa Canh Giáp dẫn,  
Tứ nguyệt Đinh hỏa Giáp Mậu Canh,  
Ngũ nguyệt Đinh hỏa Nhâm tham Giáp,  
Lục nguyệt dụng Giáp thứ dụng Nhâm,  
Tam thu Đinh hỏa nhu Canh Giáp,  
Tam đông tôn Giáp Canh tham Bính.*

Đinh hỏa là can âm, tàng thế vô tình nghĩa, trước đã nói qua khí thế Đinh hỏa, có khí thế thì Đinh hỏa tàng thế. Ở lúc không có đại thế để dựa, thì Đinh hỏa phải trở về nguồn cội, tìm kiếm chỗ ngũ hành mình yêu thích.

Đinh hỏa sinh ở 3 tháng mùa xuân, Canh Giáp là khí số của nó, Canh Giáp cùng thấu, tức là có khí số bất phàm.

*VD 1, Càn tạo:* Đinh Tị - Giáp Thìn - **Đinh Dậu** - Canh Tý;  
Đinh hỏa ở tháng 3 lại cộng thêm Canh Giáp cùng thâu thiên can, Giáp mộc không phiêu cũng không thấp, Đinh hỏa có thể phát huy đầy đủ ánh sáng. Người này từ nhỏ sinh ở gia đình giàu có, đi học thông minh, tốt nghiệp chính quy, văn võ song toàn, sau khi tốt nghiệp 3 năm phát tài 9 thiên vạn, tố chất có thể đảm nhận hàng thượng phẩm.

*Tam xuân Đinh hỏa Canh Giáp dẫn*, đây là nói chung, chính là nhật can Đinh hỏa sinh ra ở tháng 1,2,3, lấy Canh Giáp là khí số, hơn nữa Canh ở trước, Giáp ở sau. Tức là trước phải lấy Canh kim, sau là Giáp mộc, Canh Giáp hoàn toàn không có, lại không có cách cục khác để lấy, tất nhiên khó mà có thành tựu lớn.

Đinh hỏa ở 3 tháng mùa xuân, phân biệt luận khí số đương nhiên cũng có khác biệt. Như Đinh hỏa ở tháng giêng, trong Dần có ám tàng Bính hỏa, gặp Ngọ hoặc Tuất hoặc Ngọ Tuất đồng thời xuất hiện, thì trước phải lấy mộc hỏa thông minh, lúc này thì phép khí số không có phép khí thế trọng yếu.

Đinh hỏa ở tháng 2, mặc dù Canh kim là đứng đầu, nhưng nếu như Canh Ất cùng thâu, thì Canh tham hợp, có Canh cũng như không. Ất mộc không thâu, Canh Giáp mới là hữu dụng.

Đinh hỏa tháng 3, nếu như là Mậu thổ nắm lệnh, thổ vượng trước tiên dụng Giáp, Canh là thứ. Tháng Thìn Đinh hỏa dụng Giáp là Thương quan phối Ấn, không quý cũng phú.

Còn có một loại biến hóa, Đinh hỏa sinh ở 3 tháng mùa xuân, mộc vượng là đại tiên đề, nếu như can thâu Nhâm thủy, Đinh Nhâm hóa mộc dễ thành, lúc hóa tượng tư chân thì người sẽ tất có thành tựu lớn, lúc này lại thâu Canh, Canh kim không chỉ không phải là khí số, trái lại là gốc hung phá cách, triển vọng rất tốt, vì tài mà bại.

## *Tứ nguyệt Đinh hỏa Giáp Mậu Canh*

Đinh hỏa tháng 4, lúc này phải phân ra tam nguyên ở trong Tị thấu ra vật nào thì lấy định khí số. Trong Tị nhân nguyên có Canh Bính Mậu. Nếu như Bính thấu thiên can, lấy mộc hỏa thông minh xem, dụng Giáp để cung cấp nhiên liệu. Lúc này nếu như gặp Quý hoặc Kỷ, tràn đầy mây mù. Nếu như có Mậu thấu ra thiên can, là Thương Quan cách, dụng Mậu sinh Tài làm chủ, Mậu nhiều vẫn phải cần có Giáp dụng để khai thông. Nếu như là Canh thấu thiên can, là Chính Tài cách, nên dụng Canh kim, Mậu thổ, đồng thời cũng không thể ly khai khỏi Giáp mộc dẫn Đinh, Đinh hỏa mới có thể được bù đắp ánh sáng lâu dài. Cho nên viết: *Tứ nguyệt Đinh hỏa Giáp Mậu Canh*.

*VD 2, Càn tạo: Ất Mùi - Tân Tị - **Đinh Dậu** - Mậu Thân;*

Đại vận: 10 tuổi khởi Canh Thìn, Kỷ Mão, Mậu Dần, Đinh Sửu, Bính Tý. Nhật can Đinh hỏa sinh ở trước Mang chủng một ngày, hỏa đúng đang vượng. Nhìn chung toàn cục không có tượng hợp hóa, lại không có tông tượng, nên lấy ngũ hành nhật can làm thế tượng. Tạo này nếu dụng phép bệnh dược, cũng có thể nhận được kết quả giống nhau, nhưng bởi vì bát tự không có đủ một loại tượng khí thế, dụng phép xem trong 《Cùng Thông》 thì là hợp lô gích. 《Cùng Thông》 nhấn mạnh phối hợp theo trên thiên can mà xem, tạo này thiên can không thấu Giáp Canh, nhật nguyên Đinh hỏa cùng trụ tháng Tân kim, đều khó mà phát huy tác dụng. Bát tự hi nhất là Giáp mộc và Nhâm thủy, dụng Giáp là khí số của Đinh hỏa ở tháng 4, dụng Nhâm thủy thì Tân kim không thể thụ thương. Sự thực là có bằng chứng:

Vận Thìn, năm Nhâm Tý mệnh chủ chuyển công việc chính thức ở hợp tác xã mua bán, năm Giáp Dần lần đầu tiên gửi văn kiện thay đổi việc làm;

Vận Mão, năm Nhâm Tuất mệnh chủ chi phí tiền công bồi dưỡng, năm Giáp Tý lần thứ hai lại gửi văn kiện đề bạt làm ông chủ;

Vận Dần, năm Nhâm Thân mệnh chủ điều động bổ nhiệm làm giám đốc bộ phận mua bán của công ti, năm Giáp Tuất điều động đảm nhận chức giám đốc công ti lớn.

Vận Đinh Sửu đến nay 3 năm gặp xui xẻo, không chỉ phá tài, những chuyện khác cũng không có chuyện tốt (năm Đinh Sửu càng nặng). Ngoài ra mệnh chủ ở năm Canh Thân có tang cha, năm Bính Dần tang mẹ, cũng có thể dùng để phân biệt làm bằng chứng thủy mộc là hỉ dụng thần, cùng đạo lý Tân kim không thể tổn thương. Là càng thêm để tham khảo, dụng Nhâm Giáp, 4 thiên can đều có phát huy khá tốt. 《 Cùng Thông 》 coi trọng thiên can, không chỉ là chiếu cố thiên can nhật chủ, 4 thiên can tốt nhất là đều có thể chiếu cố đến. Nếu như can năm tạo này, Ất mộc ở tháng 4, hỉ Nhâm thủy tư phù, gọi là Đẳng la hệ giáp; can tháng Tân kim càng phải có Nhâm thủy tẩy rửa, Giáp mộc khử thổ. Can giờ Mậu thổ ở tháng 4, ngoài hư trong thực, thủ lấy Giáp mộc bổ khai thông.

### *Ngũ nguyệt Đinh hỏa Nhâm tham Giáp*

Tháng Ngọ, Đinh hỏa ở Lộc địa, khả tiến khả thoái, Đinh hỏa vừa có thể là ngọn đèn, vừa cũng có thể là mộc hỏa thông minh. Gặp Dần Tuất phối hợp, tất là mộc hỏa thông minh. Mộc hỏa thông minh, kỵ Quý mà không kỵ Nhâm, Nhâm thủy cứu hỏa hỏa càng thuần. Nếu như không có Dần Tuất phối hợp, thì lấy thân vượng ngay cả thoái đến thân nhược xem, Đinh hỏa quá vượng, dụng Nhâm, Đinh Nhâm tuy hợp, nhưng hóa mộc khó thành, bởi vì hỏa sẵn vượng, mộc là trạng thái tiết khí. Dụng Nhâm tức là dụng Quan để dựa thân, đạt thành Thủy Hỏa ký tế. Nếu như Đinh hỏa chuyển nhược, thì kỵ Bính đoạt ánh đèn, có thể dụng Giáp, dụng Giáp lúc này, vừa có thể ngăn cản, cũng có thể sinh Đinh, kỵ Canh bổ Giáp. Cho nên khí số Đinh hỏa ở tháng 5 dụng Nhâm là ưu tiên, dụng Nhâm làm chủ, dụng Giáp phải tham khảo nhân tố xung quanh.

### *Lục nguyệt dụng Giáp thứ dụng Nhâm*

Đinh hỏa sinh ở tháng Mùi, là hỏa viêm thổ tảo, Đinh hỏa là nhiệt cực sinh hàn, dụng Giáp vừa có thể khai thông thổ dày, cũng có thể dẫn Đinh. Nếu chi thành thủy cực, Giáp mộc phiêu phù, thấy thủy thấu can, thì tính thấp mộc, không thể dẫn Đinh, tất là người bình thường. Đinh hỏa tháng 6, có Giáp thấu thì có tài năng; có Canh thấu, không có hình thương; nếu không có Giáp mộc, thì là hư danh giả lợi.

Đinh hỏa tháng 6, nếu gặp nhiều hỏa, tất dụng Nhâm thủy khử hỏa viêm, cho dù Đinh Nhâm hợp hóa mộc, cũng là trợ Giáp, có ích mà vô hại. Nếu gặp Hợi Mão phối hợp, hóa mộc thành công, thấy Canh thì phá cách, là mệnh cùng khốn. Nếu Đinh, Mùi ở trụ quá nhiều, đây là thuần âm tụ hội, cuối cùng là không có đại dụng. Đinh hỏa tháng 6, Giáp mộc là đệ nhất khí số, Nhâm thủy xét tình hình cụ thể mà dùng.

### *Tam thu Đinh hỏa nhu Giáp Canh*

Tam thu tức là chỉ 3 tháng Thân Dậu Tuất, mùa thu kim vượng hỏa nhược, đây là đại tiền đề. Ba tháng mùa Thu Giáp mộc Canh kim là khí số của Đinh hỏa, tùy theo tháng khác nhau, đương lệnh khác nhau, khí số cũng có phân biệt.

Tháng 7 Canh kim tối vượng, Đinh hỏa hoặc là ngọn đèn, hoặc là lò lửa, đều cần Giáp mộc dẫn Đinh. Thấu Giáp tốt nhất là cũng thấu Canh, thấu Giáp, thấu Canh có lực phạt mộc, là đại phú đại quý. Giáp thấu Canh tàng, cũng có phú quý, nhưng hơi nhỏ. Canh thấu không có Giáp Ất, nếu như không Tòng Tài, thì khó mà nói phú quý. Không có Giáp thấu Ất, thì cần Bính hỏa chiếu mộc, đúng chỗ nói, tuy thiếu củi khô vẫn khả dụng. Phép Khí số là nói tổ hợp thiên can, đại để là Giáp bất ly Canh, Ất bất ly Bính. Dụng Ất không kỵ Bính hỏa, kỵ Bính đoạt ánh sáng, gặp Giáp ngăn cản, Đinh hỏa có cứu.

*VD 4, Càn tạo:* Đinh Mùi - Kỷ Dậu - **Đinh Sửu** - Tân Hợi;

Đinh hỏa tháng 8, Kỷ Tân cùng thấu, Giáp ám tàng, lấy Tòng Tài, không lấy dụng Giáp luận.

Đinh hỏa tháng 9, thâu Giáp tức là Thương quan phối Ấn, là người đại phú đại quý. Lúc nhiều thổ, Giáp không nên thụ thương; lúc ít thổ, mới có thể dụng Canh bổ Giáp; thổ nhiều không có Giáp là người tầm thường.

*VD 5, Càn tạo:* Quý Tị - Nhâm Tuất - **Đinh Mùi** - Tân Hợi;  
Đại vận: (5 tuổi) Tân Dậu, Canh Thân, Kỷ Mùi, Mậu Ngọ, Đinh Tị, Bính Thìn, Ất Mão, Giáp Dần.

Đinh sinh tháng Nhâm Tuất, Mậu thổ Thương quan đương lệnh, Giáp không thâu can, không lấy Thương quan phối Ấn xem, chỉ lấy thân nhược dụng Ấn Tị. Thiếu niên hành Tài vận, thân nhược không thắng Tài, anh em nhiều, gia đình hết sức khốn khó, nhưng Thương quan có hướng đi, là người thông minh hiếu học, kỹ nghệ tài hoa xuất chúng. Trung niên hành hỏa vận, Tị Kiếp bang thân, công việc ổn định. Đinh hỏa này sinh lâm Nhâm Tuất là Đại Hải thủy, sánh như ngọn đèn, tư tưởng tài năng vốn cao, tiếc là trung niên hành hỏa vận, không phải là ngọn đèn mà là lò lửa, cầu tài không bắt được trọng điểm, cả đời làm mướn không công. Năm 2008 vào vận Bính, Bính đoạt Đinh quang, càng khó khăn, nội tâm đau khổ bất kham. Nếu như có thể đi qua vận Bính, hậu vận có Giáp Ất dẫn Đinh, tính cách người sẽ thay đổi lớn, quang cảnh có màu sắc. Chi giờ tạo này có Hợi thủy không phải kỵ, Đinh hỏa vốn là ngọn đèn, thấy Hợi ngọn đèn hiển quang, giá trị có chỗ thể hiện, trụ giờ là cung con cái, con cái có chỗ phát đạt.

### *Tam đông tôn Giáp Canh tham Bính*

Đinh hỏa ở ba tháng mùa đông (Hợi Tý Sửu), đều không đắc lệnh, sánh như ngọn đèn. Bởi vì tháng Hợi Tý Sửu vốn là nơi đen tối, trở thành ngọn đèn khá dễ dàng là mộc hỏa thông minh. Là ngọn đèn, giá trị của nó là ở chỗ chiếu sáng, đại kỵ Bính đoạt Đinh quang. Đã là ngọn đèn, nếu như gặp Bính đoạt Đinh quang, nặng thì nhân mệnh không bảo đảm, nhẹ thì là người hồ đồ, khốn khó.

Đinh hỏa ở ba tháng mùa đông, dụng mộc dẫn Đinh, Giáp là nguồn năng lượng chủ yếu, Giáp Ất hoàn toàn không có, ngọn đèn không có năng lượng, khó mà bền lâu. Mùa đông thủy vượng, thấu Giáp Ất vẫn sợ thủy đa mộc thấp, thủy đa mộc phiêu. Ất mộc là phong, có Ất không có Giáp, Đinh hỏa đúng là gặp gió bị thổi tắt.

*VD 6, Càn tạo:* Quý Tị - Giáp Tý - **Đinh Dậu** - Giáp Thìn;  
Đinh hỏa ở tháng 11, nếu là ngọn đèn, Giáp mộc song thấu, để cung cấp nhiên liệu, khí số phi phạm. Mệnh chủ miệng lưỡi không thể không kén chọn. Mặc dù Giáp có công, nhưng hiện thực cả hai Giáp mộc lại có phản ánh cách biệt khác xa. Trước là nói trụ tháng Giáp mộc, tọa Tý lâm đất mộc đục là bại địa, thấu ra Quý thủy, Giáp mộc bị đông cứng, là Thấp Giáp thương Đinh, Đinh hỏa như trúng gió thổi tắt. Không phải vậy sao? Mệnh chủ từ lúc tuổi trẻ xuất ngoại, bốn bề là nhà, lúc tham gia binh lính loạn hoang mã, một ngày nào đó không phải trải qua sóng gió, thì ngày đó đều có nguy hiểm sinh mệnh. Quý thủy làm đông Giáp, lục thân tổn thương hơn nửa. Nhưng mà, phía sau Giáp mộc tọa Thìn, Giáp mộc ôn như Thái sơn, quý cách Sát Ấn tương sinh được hoàn thiện. Quý là Thiên tử. Là có thú vị, vận hành nam phương hỏa vận, cùng gặp trụ năm Bính Ngọ, Bính đoạt Đinh quang, Đinh hỏa như chớp. Năm Bính Thìn, lần nữa lại bị Bính đoạt Đinh quang, qua đời.

Đinh hỏa ở ba tháng mùa đông, khí số vẫn là Giáp mộc, Giáp không rời Canh, Giáp Canh vẫn là khí số của Đinh hỏa. Nhưng bởi vì mùa đông hàn lạnh, có lúc phải tham khảo Bính hỏa, Bính hỏa mùa đông có ánh Thái dương, cho dù Đinh hỏa sợ Bính đoạt ánh sáng, nhưng vận vật vẫn là cần phải có Bính hỏa khử hàn giải đông. Đinh hỏa sinh mùa đông, không có Giáp dụng Ất, gặp Bính hỏa càng đáng quý, bởi vì Ất không rời khỏi Bính. Mặc dù lúc này có ngại Bính đoạt Đinh quang, nhưng cứu Ất thì là cứu Đinh.

## ***Đệ ngũ giảng: Âm hỏa ngũ dương Nhâm, hỉ Giáp lâm Thiên Xứng***

### ***Đinh hỏa hóa tượng.***

Cổ nhân có luận thuật liên quan đến thiên can hóa khí, tác phẩm chủ yếu có 《 **Thập đoạn cảm** 》. Đinh Nhâm hợp, mộc là hóa thân, sinh ở tháng Dần Mão Hợi, hóa thân vượng, bất luận những cách cục khác như thế nào, đều có thể theo hóa tượng. 《 **Cảm** 》 viết:

*Đinh chúc âm hỏa, hỉ ngũ dương Nhâm,  
Kiến Bính hê, bách niên an dật;  
Phùng Tân hê, nhất thế ưu du;  
Phú quý song toàn, hỉ Giáp lâm ở Thiên Xứng;  
Lộc Tài song mỹ, hân Kỷ cùng với Kim Ngưu;  
Hoạt kế tiêu sơ, đều do Mậu bại;  
Sinh nhai tịch mịch, chỉ vì quý nhân;  
Át mộc trọng trọng, tài lộc quyết không thành tựu;  
Canh kim chói lợi, công danh chớ thiết vọng cầu.*

Luận ngũ hành hóa khí, Đinh, Nhâm đều thuộc mộc, chính là nguyên nhân Đinh Nhâm hợp hóa mộc.

### ***Đinh chúc âm hỏa, hỉ ngũ dương Nhâm.***

Nhâm là Chính quan của Đinh, Đinh Nhâm hợp, là Quan đến hợp với ta, tượng trưng quý khí gia thân, hóa mộc lại trợ giúp Đinh hỏa. Lúc gặp nhiều thủy, Đinh Nhâm hợp, có thể khiến cho Đinh hỏa từ nhược chuyển cường, tức là chỗ nói: Hợp Nhâm nhi trung, cho nên là thích gặp dương Nhâm.

*Kiến Bính hê, bách niên an dật; phùng Tân hê, nhất thế ưu du.*

Bính Tân hợp hóa thủy, Đinh Nhâm hợp hóa mộc, thủy sinh mộc, cho nên, lúc Đinh Nhâm hợp hóa, ở trong trụ gặp Bính hoặc Tân, bản thân nếu không trăm năm an dật, thì là cả đời ưu du. Nhưng nếu trong đó Đinh Nhâm là giả hợp hoặc là cấu hợp, Đinh là ngọn đèn, thì Bính

đoạt Đinh quang, thì người này sẽ là sâu não, kết quả là có cách biệt một trời. Bởi do Nhâm thủy là khí số của Bính Tân, Đinh Nhâm chỉ hợp mà không hóa, đối với Bính Tân lại có bất lợi.

*VD 1, Khôn tạo:* Đinh Tị - Nhâm Dần - **Tân Dậu** - Tân Mão;  
Mệnh tạo này sinh ở tháng Dần đất mộc vượng, năm tháng có Đinh Nhâm hợp, có hi vọng thành hóa. Thành hóa thì hi Tân kim, quả nhiên, cô này thông minh, hiếu thuận, có thành sự nghiệp, là hi vọng cả nhà. Năm Bính Tân cũng đều khá thuận, phùng năm Thân Dậu phá Dần Mão, cộng thêm tam hình, người nhà nhiều bệnh tai. Tạo này quý khí chủ yếu là kim bạch thủy thanh, Đinh Nhâm hợp chỉ vận dụng lấy tính giai đoạn.

*Hoạt kế tiêu sơ, đều do Mậu bại;*

*Sinh nhai tịch mịch, chỉ vì quý nhân.*

Luận hóa khí, hóa thần phải vượng, Đinh Nhâm hợp hóa mộc, Mậu Quý hợp hóa hỏa, hỏa tiết khí mộc, cho nên lúc Đinh Nhâm hợp hóa, thấy Mậu thấy Quý đều sẽ đạo tiết hóa thần, không phải là tượng cát. Lúc Đinh Nhâm hợp hóa, thiên can gặp Mậu Quý Ất Canh, tầng lớp phú quý có hạn, đa số là sinh kế bôn ba.

*Ất mộc trùng điệp, Tài Lộc quyết không thành tựu; Canh kim chói lợi, công danh chớ thiết vọng cầu.*

Ất Canh hóa kim, ngũ hành Ất Canh hóa khí có tổn Đinh Nhâm hóa khí. Ở lúc Đinh Nhâm hợp hóa thành công, gặp Ất gặp Canh hóa khí đều bất lợi, thấy Canh còn là phá cách. Nhất là trong con đường công danh lợi lộc, dừng lại đúng lúc, chuyển tốt hãy thu mới là chính đạo.

Trong 《 **Thập đoạn cầm** 》 lý giải không tốt nhất chính là: Phú quý song toàn, hi Giáp lâm ở Thiên Xứng; lộc tài song mỹ, thích Kỷ cùng ở Kim Ngưu; hai cây nói này, năm đó tôi phải bôn ba vạn lý, hao tổn vô số. Thiên Xứng và Kim Ngưu là chỉ một Tinh tọa, Thiên Xứng tọa đối ứng ở giai đoạn tiết Thu Phân đến Sương Giáng, Kim Ngưu tọa đối ứng ở giai đoạn Cốc Vũ đến Tiểu Mãn. 《 **Cầm** 》 nói: Đinh Nhâm hợp,

thiên can gặp Giáp hoặc Kỷ, đối với mệnh cục là có lợi. Trong đó thích nhất là Kỷ cùng với Kim Ngưu, Thiên Xứng là Thìn, Kim Ngưu là Dậu, ý tứ là Đinh Nhâm hợp hóa, hi gặp Giáp Thìn và Kỷ Dậu. Giáp và Ất khác nhau, Giáp vốn là Khí, Khí đối Khí mới dễ dàng tác dụng, Đinh Nhâm hóa khí, thấy Giáp mộc hóa thần là đại cát.

## ***Đệ lục giảng: Lục Đinh xu thái phượng, Ngọc Nữ tọa Kim Đồng***

### ***Can chi Lục Đinh.***

#### ***Quý nhân ca:***

*Bính Đinh Trư Kê lập,*

*Nhâm Quý Thổ Xà tàng*

Kê ở trong Quý nhân ca, là chỉ địa chi Dậu, Đinh sinh ở Dậu là được trường sinh, báo trước trạng thái Đinh hỏa tốt đẹp. Đinh ở trong thuật số Kỳ Môn là Tinh kỳ, Đinh gia sao cát là Ngọc Nữ thủ môn.

#### ***Thơ viết:***

*Đinh Dậu nhất trụ tối vi huyền,*

*Kim Đồng Ngọc Nữ thị kỳ duyên.*

Can chi Lục Đinh có: Đinh Sửu, Đinh Hợi, Đinh Dậu, Đinh Mùi, Đinh Tị, Đinh Mão.

+ Đinh Sửu: Can chi có đủ khí thể hỏa thổ tương sinh. Đinh hỏa tọa Sửu là vô căn, nhưng Đinh là âm hỏa, vượng mà không gắt, suy mà không kiệt, như có ánh sao, Đinh hỏa không ngại. Sao đèn phát sáng tọa Sửu là lâm Khâm địa, Đinh hỏa sáng rực, là người thông minh; tọa hạ Thiên Tài, Thất Sát, Thực Thần, Thực thần sinh Thiên Tài, Thiên Tài sinh Sát, một khối thuận sinh, là cát lợi. Đinh Sửu tọa hạ Tài khố, có đường sinh Tài, dễ dàng phát phú. Nạp âm là Giản Hạ thủy, thủy thổ hàm súc, không có hỗn trọc. Đinh Sửu là ngày Ngọc Nữ thủ Tài. Có thơ viết:

*Một vòng trăng tròn hạp màu sáng,*

*Vàng bạc đầy kho lộc cao thiên.*

*Mỹ nhân không hành đông nam địa,  
Da thanh thân ngọc chịu dày vò.*

+ Đinh Hợi: Trụ ngày Đinh Hợi, trên biểu hiện là hỏa tọa tuyệt địa, thực tế thượng tọa hạ là Chính Ấn Quan tinh, là Quan Ấn tương sinh, chủ thông minh siêu quần; Đinh Nhâm ám hợp hóa Ấn, tọa quý, chủ quan quý, cung có duyên với đại quý nhân. Nữ mệnh Đinh Hợi, có thể lấy chồng là quý phu. Đinh Hợi nạp âm là Ốc Thượng thổ, lúc nhiều thổ lại có tổn thương quý khí. Đinh Hợi là ngày Nguyệt chiếu Thiên Môn. Có thơ viết:

*Từ Quán Văn Chương vinh thân sớm,  
Dịch Mã Thất Sát người phong trần.  
Tối thích hoa Sen hợp để mở,  
Kim Thủy văn chương phò tá vua.*

+ Đinh Dậu: Tự tọa đất Trường sinh, Thiên Tài, quý ban đêm, Văn Xương, chủ nhân cao quý thông minh, kiến thức siêu quần, được người tôn kính, lại có tính cách phản nghịch sáng tạo. Can chi Đinh Dậu có khí thế ở chỗ hỏa khắc kim, thiên khắc địa, Đinh Dậu ở năm tháng thì bất lợi cho cha, ở ngày thì bất lợi cho chồng. Nạp âm là Sơn Hạ hỏa, chủ có tư tưởng, chiếu người rục rờ. Đinh Dậu là ngày Ngọc Nữ cười Phượng. Có thơ viết:

*Chu Tước cười Phượng hiển anh hào,  
Kim xa Ngọc Phượng phúc thọ cao.  
Quý nhân Long Mã đông phương khởi,  
Thái Dương lúc thăng uông phí công.*

+ Đinh Mùi: Khí thế can chi ở hỏa sinh thổ. Mùi thổ vốn táo, được Đinh hỏa sinh, tính thổ càng khô, Ất mộc trong Mùi cháy khô, rất hay nổi nóng, dễ dàng rụng tóc, người này tỳ khí không tốt, bản thân luôn

cho rằng là người vợ tốt so với nữ nhân khác. Nạp âm là Thiên Hà thủy, hỉ thủy đến giải khô táo. Trụ ngày Đinh Mùi, Đinh hỏa được khó thông căn, tọa dưới Thực thần vượng, đa số là xinh đẹp, nhưng ham ăn, là nữ mệnh hiền huệ.

Người Đinh Mùi, hành sự nhất gan, quá cẩn thận, không biết người khác, đều nói hấn keo kiệt. Tọa dưới Thực thần, có tâm thu tài, Nhưng Mùi thổ sinh Tài khôn khó, kết quả chỗ được đều là tiểu tài. Người sinh ngày Đinh Mùi là ngày Lập hạ Kiềm. Có thơ viết:

*Thực thần sinh vượng thắng Tài Quan,  
Thiên Hà hạ kiềm bái kim điện.  
Tổn phong làm bạn thủy mây mưa,  
Thái Dương đoạt sáng khổ bản hàn.*

+ Đinh Tị: Đinh hỏa tọa dưới có Bính hỏa, là dương thịnh âm suy, ban ngày không có ánh sáng. Giờ sinh Đinh Tị, về già không thể thọ cao. Đinh Tị nạp âm là Sa Trung thổ, thổ sinh mùa thu là tự tuyệt, lại không phải tuyệt. Bởi một thổ cư dưới hai hỏa, ở đất phụ mẫu, loại cưỡi ân trời, cho nên không tuyệt, mộc không thể khắc, hỏa nhiều tốt đẹp. 《 **Ngọc Tiêu bảo giám** 》 nói: Đinh Tị, hàm đông nam hỏa đức vượng số, được, là dung chứa phúc thọ. Đinh Tị là ngày Chu Tước được huy. Có thơ viết:

*Ân nữ tài cao đầy Từ Quán,  
Dễ dàng bằng phẳng bước thiếu niên.  
Tinh kỳ tế Nhật vào Phụng khuyết,  
Hỏa diễm ngựa mệ oán núi cao.*

+ Đinh Mão: Khí thế can chi là ở mộc hỏa thông minh, tọa Ấn thông căn, chủ nhân thông minh có học vấn. Nếu tứ trụ xuất hiện Hợi Mão Mùi hoặc Dần Ngọ Tuất tam hợp cục hoặc Dần Mão Thìn tam hội cục, là đại quý nhân, nhưng thân tọa Thiên Ấn, chỉ có thể làm chức phó, phụ tá người khác. Đinh Mão, khí hỏa tiết mộc, ở trong tâm có lạm

dụng uy quyền. Đinh Mão là ngày Nguyệt chiếu Thiềm cung (hư danh hư lợi). Có thơ viết:

*Nhật tọa Thiên Ấn thân tự cường,  
Gió Tây không thổi ngày phiền muộn.  
Dịch Mã Giao Trì đảo Tài hương,  
Núi Đẩu văn chương thống một phương.*

Can chi Lục Đinh, nếu lâm trụ ngày, đa số bản thân chủ sự, chủ yếu người khác có liên quan đến vợ chồng. Nếu ở năm tháng ứng ở cha mẹ, ở trụ giờ ứng ở con cái. Đinh Sửu, Đinh Hợi, Đinh Dậu, Đinh này đa số là ánh sáng đèn sao, kỵ Bính nhiều đoạt ánh sáng. Đinh Mùi, âm khí quá thịnh, lại gặp âm đa dương thiếu, người này là hư giả, cùng lục thân bất hòa. Đinh Tị, Đinh Mão, đa số là mộc hỏa thông minh, không kỵ Bính hỏa.

***Đệ thất giảng: Mộc Hỏa yếu thông minh, thấp mộc hựu thương Đinh***

***Màu sắc Đinh hỏa.***

***Mộc Hỏa thông minh***

Đinh hỏa có hai loại tình huống mộc hỏa thông minh: Một loại là mộc hỏa thông minh trên đại khí thế, điều kiện là gặp Dần Ngọ Tuất, cho dù thấu Bính, chỉ lấy mộc hỏa thông minh xem, không phải là Bính đoạt Đinh quang, người này văn chương tài hoa, khí thế hào hùng. Loại thứ hai là Đinh gặp Canh Giáp, Canh kim bổ Giáp dẫn thông Đinh hỏa, mục đích chính là làm cho Đinh hỏa cấu thành mộc hỏa thông minh.

Ngoài ra, mộc hỏa thông minh, không phải là Đinh hỏa chuyên lợi, cục có Dần Ngọ Tuất, Bính Đinh hỏa đều là tượng mộc hỏa thông minh, không có Quý Kỷ thấu can là tối diệu.

VD như Khôn tạo: Ất Mão - Nhâm Ngọ - **Bính Thân** - Giáp Ngọ;

Bát tự không có thổ, Nhâm Bính giao nhau, thủy có thể cứu hỏa, bát

tự cấu thành mộc hỏa thông minh, về sau người này làm đế vương, đa tài đa nghệ, cả đời phú quý ưu nhân.

### ***Thấp mộc thương Đinh***

Đinh bất ly Giáp, không có Giáp, Ất cũng được, mục đích đều là sinh Đinh hỏa. Có thể trong hiện thực, Giáp Ất mộc rất nhiều là thấp mộc, hoặc là rừng cây trùng điệp, căn bản không sinh khởi Đinh hỏa, trái lại là mộc đa hỏa tắt, loại hiện tượng này chúng ta quy kết là Thấp mộc thương Đinh. Như mùa đông năm Quý, người sinh tháng 12, 1, 2, nhật can là Đinh hỏa, đều có biểu hiện Thấp mộc thương Đinh. Ngày giờ nếu không được Bính hỏa hoặc là tảo thổ, khó nói lộc thọ. Ngày Đinh hỏa, năm Quý tháng Giáp Tý, Quý thủy làm đông Giáp, lục thân không chết cũng tàn. Canh Đinh Giáp cùng thấu, địa chi là một khối thủy, Giáp mộc phiêu phù vô định, Đinh hỏa giống như ngọn nến trước gió, hư mà không thực.

### ***Bính đoạt Đinh quang***

Cần tạo: Tân Mùi - Bính Thân - **Đinh Hợi** - Nhâm Dần (Mệnh tạo Hoàng đế Quang Tự).

Đề cập đến tạo này, cũng không ít người biết hẳn là ai. Đinh sinh tháng Thân, Canh kim tối vượng, Nhâm thủy đắc Lộc, Nhâm là khí số phía trước 3 thiên can, Tân kim tính châu ngọc hư linh, thích nhất là dương và sa thủy thanh. Tả hữu có Bính Nhâm, dương và sa thủy, không có thổ thấu can, nhất thanh đáo đế, trạng thái can năm Tân kim đặc biệt tốt, đại biểu tổ thượng phú quý. Can tháng Bính hỏa, tối hỉ Nhâm thủy, Nhâm thủy đắc Lộc, trạng thái Bính cũng tốt, đại biểu gia đình phú quý. Tổ hợp thiên can, thuyết minh Nhâm thủy là vật mà các thiên can yêu thích, Nhâm thủy Quan tinh đại biểu cái gì, phải xem nhân tố này là cái gì, là Quan đại biểu quyền lực, là lợi đại biểu núi tựa. Đúng như chỗ nói, Đinh là âm hỏa, hỉ gặp dương Nhâm. Tạo này Đinh Nhâm không hóa, Bính Tân cũng không hóa, Bính

chiếu thì có thể đoạt Đinh quang, Bính đoạt Đinh quang đột xuất ở trong hiện thực biểu hiện chính là cả đời khổ muộn, đây chính là mệnh tạo Hoàng đế Quang Tự.

**Phụ văn:** Cuộc sống Hoàng đế khổ muộn.

Quang Tự sau khi thân lâm triều chính, Từ Hi 53 tuổi, bề ngoài thì biểu hiện như thoái lui về Di Hòa Viên (Là lâm viên cổ điển nổi tiếng Trung Quốc, ở phía Tây ngoại ô Bắc Kinh. Nó nguyên là vườn hoa và hành cung của vua chúa nhà Thanh. Năm 1750 vua Càn Long cho khởi công xây dựng Thanh Y viên ở đây. Năm 1860 bị liên quân Anh Pháp thiêu huỷ. Trước khi Quang Tự lên chấp chính, Từ Hi đã dùng kinh phí hải quân rất lớn để tu sửa lại, năm 1888 đổi tên như ngày nay. Năm 1900 liên quân 8 nước xâm lược Bắc Kinh và đã tàn phá Di Hoà Viên, năm 1903 tiến hành trùng tu. Di Hoà Viên do Vạn Thọ Sơn, Hồ Côn Minh hợp thành, diện tích khoảng 4350 mẫu Trung Quốc, mặt nước chiếm khoảng 3/4 diện tích khu vườn. Hiện nay là một thắng cảnh du lịch nổi tiếng) bảo dưỡng tuổi thọ, thực ra thì quyền thế vẫn như cũ, cân nhắc quyết định chính sự, trước sau như một. Một mặt Bà ta hạn chế quyền lợi Quang Tự khắp nơi, đại sự trọng yếu quốc gia đều phải tuân theo ý chỉ của bà ta mà làm; một mặt lại thông qua cháu gái của mình — Hoàng hậu Long Dụ cùng tên Thái giám thân tín là Lý Liên Anh, âm thầm theo dõi hành tung của Quang Tự. Cũng quy định: Quang Tự cách mỗi ngày, nhất định bản thân phải đi tới Di Hòa Viên hồi báo chuyện chính trị, đợi nghe huấn thị. Đến nỗi hàng ngày Quang Tự chòng ngói sao đến, đỉnh đầu không thấy ánh trăng, chịu đủ bôn ba, gặp có sự tình trọng đại, còn phải xin ý kiến chỉ thị, danh là Hoàng đế, thực ra là một con rối. Tham vọng chính trị của Quang Tự không được thực hiện, ngày tháng lâu dài, tinh thần càng thêm phiền muộn, tình chí càng không khoái khí, bệnh cũ không qua, lại thêm sâu mới.

Xem từ "Mạch án", ở trong một quãng thời gian tương đương, thể chất

Quang Tự tuy không thấy tốt, bệnh di tinh cùng eo lưng đau nặng kéo dài, nhưng số lần chần bệnh và uống thuốc lại tương đối giảm thiểu. Chủ yếu là Quang Tự mưu cầu ở trên trường chính trị có chỗ thành tựu, đã cứu vãn chính quyền ông ta ngày càng nguy khốn, cả ngày bận bịu việc chính trị, chú tâm cải cách chính trị, mặt khác, còn phải tùy thời ứng phó huấn thị của Từ Hi, nhất thời không chiếu cố đến chần bệnh uống thuốc.

Tật bệnh triền thân sau khi Quang Tự chấp chính thì có một đại sự xảy ra, chính là gặp lúc Nhật Bản xâm lược Triều Tiên, tiến vào xâm lược Trung Quốc. Vua Quang Tự làm nghịch ý mẫu hậu, quyết tâm viên triều kháng Nhật, nhưng vì thế chế hủ bại mà dẫn đến chiến tranh thất bại, bị ép ký kết 《 Điều ước Mã quan 》, mất đất đền tiền, lúc này tuy là khiến cho ông ấy bị đả kích trọng đại, nặng hơn là "Mẫu tử" bất hòa, nhưng cũng kích thích tâm chí mạnh mẽ mưu đồ cải cách chính trị của ông, phú quốc cường binh. Vua Quang Tự ở dưới ảnh hưởng của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, ở dưới phản kháng tích cực của Trăn Phi, vào ngày 23 tháng 4 năm Quang Tự 24 (ngày 11 tháng 6 năm 1898), ban bố "Minh định quốc thị chiếu", tuyên bố biến pháp, nhấn mạnh áp dụng rộng rãi Tây học, phổ biến chính trị mới, trao tặng Khang Hữu Vi đặc quyền "Chuyên chiết tấu sự". Lúc đó hoàng thân quốc thích thù cừu sợ hãi Hoàng đế Quang tự ở trong cải cách chính trị xúc động đến địa vị bọn họ, đi nhờ vả tới tấp quan hệ cùng Từ Hi cũng kiệt lực vì chia rẽ tình "Mẫu tử" của họ. Từ Hi cũng rất lo sợ Quang Tự cải cách thành công sẽ ảnh hưởng đến độc tài của bà ta. Nhưng vậy trong triều thần sẽ xuất hiện "Hậu đảng" cùng "Đế đảng", song phương triển khai đấu tranh kịch liệt.

Quang Tự chấp chính 10 năm, là 10 năm mà ông ấy đã cùng Từ Hi tiến hành đấu tranh chính trị và quyền lợi, từ trong ngày vận động cải cách chính trị Giáp Ngọ chiến tranh đến Mậu Tuất, song phương mâu thuẫn ngày càng sâu sắc. Ngày 29 tháng 7 năm Quang Tự thứ

24, vua Quang Tự đến Di Hòa Viên thấy Từ Hi Thái hậu, Từ Hi Thái hậu xác minh rõ ràng là muốn phế bỏ vua Quang Tự, cùng âm mưu theo Tổng đốc Bắc Dương Vinh Lộc, ở đầu tháng 9, Hoàng đế, Thái hậu lúc đến Thiên Tân duyệt binh thì đảo chính, phế trừ vua Quang Tự, tình thế nguy cấp. Cùng ngày vua Quang Tự liền cho nhân vật Đế đảng Dương Duệ phát hạ mật dụ: "Riêng Trẫm thời cuộc gian nan, không cải cách chính trị thì không thể cứu lấy Trung Quốc, không khử đại thần thủ cựu sai lầm, mà dùng kẻ sĩ thông đạt anh dũng, không thể cải cách chính trị. Mà Hoàng Thái hậu không cho là đúng, Trẫm nhiều lần vào khuyên can, Thái hậu càng phẫn nộ. Nay ngôi vị Trẫm không tốt, lệnh cho Khang Hữu Vi, Dương Duệ, Lâm Húc, Đàm Tự Đồng, Lưu Quang Đệ, hãy mau hỏa tốc tìm cách giúp Trẫm. Trẫm vô cùng lo lắng, kỳ vọng rất chờ đợi. Đặc dụ."

Dương Duệ nhát gan, đem mật dụ cất đi không truyền cho người khác, Quang Tự không nhận được hồi âm, cấp bách không lựa chọn, vào ngày mừng một mừng 2 tháng 8, liên tục hai lần triệu kiến Viên Thế Khải, thăng chức cho hắn làm Thị Lang, để cho hắn chuyên làm chuyện luyện binh, muốn cho Viên Thế Khải cảm ân báo đức, thuần phục Hoàng đế. Đồng thời, vua Quang Tự vào ngày mừng 2 tháng 8 còn có một đạo mật dụ cho Lâm Húc, để cho hắn tấn tốc rời kinh chuyển báo cho Khang Hữu Vi. Lâm Húc đem hai đạo mật dụ đồng thời chuyển cho Khang Hữu Vi, nói cùng với con cháu, mọi người xem xong hết sức cảm động, nhưng đều thúc thủ vô sách, cuối cùng cũng hiểu được cũng có Viên Thế Khải kéo dài, nói cùng con cháu ra mặt mời Viên Thế Khải, lập tức cử binh, trước là giết chết Vinh Lộc, hồi binh bao vây Di Hòa Viên. Viên Thế Khải ngoài mặt vẫn đáp lại, ngày 5 tháng 8 trở về Thiên Tân, nhưng ở ngày 6 tháng 8 lập tức nói cho Vinh Lộc biết cáo mật.

Ngày mừng 4 tháng 8, Từ Hi Thái hậu từ Di Hòa Viên hồi thành, ở giữa điện Nghi Loan Nam Hải, ngày thứ hai tế Tầm thần, mới trở về Di Hòa Viên. Khoảnh khắc trở về Viên tiếp nhận mật điện Vinh Lộc, lập tức ngồi kiệu trở lại thành, trở lại doanh trại Nam Hải. Sau khi trở lại

doanh trại lập tức truyền Quang Tự đến kiến, nhìn thấy Quang Tự đến, Từ Hi Thái hậu phá khẩu chửi lớn, chửi ông là đồ vong ân phụ nghĩa, đem ân báo cừu.

Ở dưới sự phản đối và trấn áp của thế lực thủ cựu do Từ Hi cầm đầu, vận động cải cách chính trị cuối cùng thất bại, Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu đào tẩu, "Mậu Tuất Lục quân tử" nói cùng con cháu bị giết hại, bản thân Quang Tự cũng bị quản thúc ở trong doanh đài Nam Hải, cuộc đời chính trị của ông ấy trên thực tế đã đến hồi kết thúc. Sau này, Quang Tự đã trải qua 10 năm bản thân có cuộc sống tù nhân chưa hề tự do.

Mặc dù ông ấy trên danh nghĩa vẫn giữ lấy danh vị Hoàng đế, nhưng thực tế đã không có quyền lực Hoàng đế. Sau khi cải cách chính trị năm Mậu Tuất thất bại, Từ Hi lại đem ái phi Trân Phi của Quang Tự cầm tù ở phía bắc sau Chung Túy cung, đồng thời cho nàng lập dưới một điều quy củ, sau này không được diện kiến Hoàng thượng.

Doanh đài Nam Hải, cùng đảo Thủy Vân Tạ, đảo Quỳnh Hoa phân xứ trong 3 cửa biển đầm Thái Dịch, tượng trưng đảo bồng lai Đông Hải tam tiên, Doanh Châu, Phương Trượng. Bốn mặt Doanh đài toàn là nước, chỉ có một cái cầu ở phía bắc, thông đến bờ, giữa cây cầu chỉ có một đoạn là hoạt động, sau khi Quang Tự bị cầm tù ở đây, Từ Hi Thái hậu liền mệnh lệnh người đem cây cầu phá đi, để tránh cho vua Quang Tự trốn thoát khỏi đảo Doanh đài.

Kiến trúc trung tâm Doanh Đài là Điện Hàm nguyên, sau điện là cửa Hàm nguyên, ngoài cửa là tường loan các, dưới các chính là cái cầu gỗ. Trước Điện là điện Hương Ý, bởi vì điện nhìn từ phía bắc là tầng một, nhìn từ phía nam là tầng hai bên hồ, tên là "Bồng Lai các".

Quang Tự ngụ ở trong điện Hàm Nguyên, Thái giám hàng ngày lúc mang cơm đến thì đỡ cái cầu lên, mang đến Doanh đài, dùng cơm xong, thì rút hết chiếc cầu đi. Tâm tình Quang Tự hết sức phiền muộn, bất đắc dĩ viết xuống câu thơ "Muốn bay mà không có cánh,

muốn vượt mà không có thuyền". Mùa đông các biển kết băng, từ Doanh đài không thông qua cầu gỗ cũng có thể đi lên trên băng mà đến bờ.

Nghe nói có một lần Quang Tự mang theo tiểu thái giám đập băng rời khỏi Doanh đài, sau khi bị phát hiện, Tổng quản Thái giám Lý Liên Anh lập tức hạ lệnh phá băng, để phòng ngừa Quang Tự ly khai. Quang Tự hết sức nhớ đến ái phi Trân phi, kể rằng ông ấy để cho tiểu thái giám âm thầm tuyên tin cho Trân Phi, lén lút gặp nhau. Mỗi lúc đến chỗ này, ông ấy càng thêm căm hận Viên Thế Khải đã bán đứng mình, lúc lâm tử, hấn không nói một lời, đưa tay lên không trung viết ra trong điện treo lên một bức đứng thẳng 《 Tổng Tư Mã Quang dụ đạo dụng người quân nhân 》 , lời văn là: "Quang Tự Bính Ngọ (1906) thượng tuần tháng 10, thần toàn trung kính thư." Còn có một vài tấm biển giống như kẻ ô, chữ ký cũng viết "Thần toàn trung kính thư". Thực ra chỗ này đều là ngụy bút của Quang Tự, sợ dĩ viết như vậy, là bởi vì Quang Tự thí đồ mà xưng thần đối với Từ Hi Thái hậu, biểu thị tỏ tấm lòng trung thành với Từ Hi Thái hậu, để đổi lấy Lão Phật gia thứ lỗi. Nhưng lúc này, Từ Hi Thái hậu lại làm sao có thể để cho Quang Tự một lần nữa chấp chính chứ? Cuối cùng bệnh tình bản thân vua Quang Tự tự trải qua 24 năm dần dần thêm nguy kịch, cuối cùng không biết nguyên do, thực ra là cùng năm Mậu Tuất cải cách chính trị thất bại là có quan hệ trực tiếp. Quang Tự bị cầm tù ở sau Doanh đài, Từ Hi Thái hậu đã từng muốn truất phế mà lập người khác. Quang Tự cũng biết dụng tâm, ngày đêm hốt hoảng lo sợ. Sau này bởi vì đủ loại nguyên nhân, dù chưa có thể thực hiện mưu đồ, có thể Quang Tự cũng khó thoát cảnh giam tù. Hiểu rõ tràn ngập nguy cơ, cũng chỉ có ngồi mà chờ chết, trong lòng hết sức lo sợ. Ông từng ngửa mặt lên trời mà thở dài: Thật không bằng Hán Hiến Đế vậy! Cho nên bệnh tình ngày càng nghiêm trọng, tự không cần nói.

Quang Tự ngày 21 tháng 7 năm thứ 26 (ngày 15 tháng 8 năm 1900), 8 nước liên quân xâm nhập Bắc Kinh. Từ Hi bỏ chạy. Tương truyền trước khi đi còn không quên xử lý Trân Phi, lệnh Thái giám Thôi Ngọc Quý đem Trân Phi đưa tới bên ngoài Ninh Thọ cung hại chết trong giếng. Lúc Quang Tự được biết Trân Phi sau khi bị giết, tinh thần sụp đổ hoàn toàn, bệnh cũ lại phát, ngày càng trầm trọng, không thể nào hồi phục. Cho nên đủ thấy, từ nhỏ Quang Tự nhiều bệnh, sau đến thanh niên bệnh tình từng bước thêm nặng, đều cùng tương quan mật thiết với chỗ cảnh chính trị và cuộc sống tinh thần. Có thể thấy Từ Hi đã trường kỳ áp chế và đả kích, là nguyên nhân trọng yếu dẫn đến Quang Tự mắc bệnh, từ một điểm này mà nói, truyền thuyết dân gian là Từ Hi đưa Quang Tự vào tử địa, thì lại cũng không phải là hoàn toàn không có đạo lý. Nhất là ở năm Mậu Tuất sau khi cải cách chính trị bị cầm tù 10 năm dài, một mặt là ông ấy bi quan thất vọng, tiền đồ mờ mịt, một mặt là ngày đêm lo sợ không an tâm, tâm tình khẩn trương, trên cuộc sống không có người chiếu cố chăm sóc, khiến cho bệnh tình ông ấy ngày càng thêm nghiêm trọng, cuối cùng bất trị. Có điều là, không có luận kết cuộc Quang Tự chết là do nguyên nhân nào, liên hệ trực tiếp đơn thuần đều gặp phải sự khống chế và đả kích, ở trên tinh thần cùng ý chí bị áp chế và tòi tàn, ở trong thân tâm trải qua sự dày vò, thậm chí thân tình cốt nhục cùng với ông ấy cũng bị chia tách. Thật có thể nói là, cả đời Quang Tự không có trải qua được một ngày yên bình. Thực ra, đây cũng chính là căn nguyên nhiều bệnh triền thân của ông ấy. Cho nên có thể cho rằng, Quang Tự chết khi còn trẻ, cùng tương quan mật thiết dưới sự khống chế của Từ Hi vương triều nhà Thanh đầy mờ ám hủ bại.

Nếu như nói Quang Tự vào cung làm vua, là xuất phát từ một loại nhu cầu của chính trị, như vậy cái chết của ông ấy, tất nhiên đơn thuần cũng chưa hẳn không phải là chính trị hủ bại.

## 5. Phần Mậu thổ

**Đệ nhất giảng: Bình thực hiện tinh thần, Khôn nguyên hợp đức Mậu**

**So sánh Mậu thổ.**

**Có người nói:** "Mậu thổ ở trời là ráng mây, là sương mù, ở đất là dãy núi, cũng có thể lý giải là tường thành, thổ dày." **Lại nói:** "Thổ không có khí chuyên, dựa vào hỏa để sinh, ráng mây thể vô định, mượn ánh sáng mặt trời để tồn tại. Biết Bính hỏa là mặt trời, có thể suy Mậu thổ là ráng mây. Ráng mây cùng mặt trời là có liên quan, cho nên không có hỏa thì thổ tử."

Mậu ở trên thân thể con người là da dẻ, ở trong thân thể là dạ dày. Trên dạ dày tiếp cận với thực quản, dưới thông tiểu tràng, công năng chủ yếu là tiếp nhận, khe ủ nước. Ăn uống vào miệng, trải qua thực quản dung nạp vào dạ dày, dạ dày gọi là "Khe chứa nước". Nước dung nạp vào dạ dày, sơ bộ trải qua dạ dày tiêu hóa, dưới truyền vào tiểu tràng, khe nước tinh là thông qua lá lách vận hóa, để cung cấp dinh dưỡng toàn thân. Công năng tiêu hóa đối với khe nước dạ dày là chứa thức ăn, xưng là "Vị khí". Vị khí đối với thân thể sinh mệnh cùng sức khỏe là rất trọng yếu. Trung y cho rằng "Con người lấy vị khí làm gốc", có vị khí thì sinh, không có vị khí thì tử. Đặc điểm công năng dạ dày là lấy thông xuống là thuận, cho nên vị khí chủ giáng xuống. Nếu như dạ dày bất hòa giáng xuống, chỗ vật ăn uống cùng chỗ ủ thức ăn không thể hạ xuống, thì sẽ xuất hiện chứng bệnh bụng dưới căng đau, đại tiện bí kết. Vị khí không giáng xuống mà đi nghịch lên, thì khả năng gây nên buồn nôn, nôn mửa hoặc nấc cụt, ợ. Mậu thổ thì giống như một dạng da dẻ và dạ dày của con người, ở bên ngoài đối với toàn thân đều có công năng bảo hộ và giải nhiệt, ở bên trong có thể tiêu hóa đồ ăn uống. Dạ dày thích ẩm ma sợ khô, Mậu thổ cũng như vậy, thích ướt nhuận, quá khô thì có mất công dụng.

**Cũng có người nói:** Mậu thổ ở trên đất, là đất cứng, giống như tường thành, như bê tông. Có thể kiến trúc thành tựu cao lớn, có thể tải

*nặng vụn vặt.* Nhưng nó cũng có một mặt ngoan cố, không thể cùng người có nhật can Mậu trực tiếp quá xung đột. Người nhật chủ Mậu thổ thường luôn nói một đằng, sau lưng lại nghĩ khác cứ theo nguyên tắc của bản thân mà làm, phải cẩn thận không nên đối đầu với người sinh nhật chủ là Mậu.

《 *Trích Thiên Tuy* 》 nói:

*Mậu thổ cố trọng,  
Ký trung thả chính.  
Tĩnh hấp động ích,  
Vụn vặt ti mệnh.  
Thủy nhuận vật sinh,  
Hỏa táo vật bệnh.  
Nếu ở Cấn Khôn,  
Sợ xung nên tĩnh.*

Người Mậu thổ, bản tính dày nặng, chính trực vô tư. Người Mậu thổ thích yên tĩnh, lười nhác di động. Nhưng một khi hấn bắt đầu hành động, thì có một luồng kích động đặc biệt, ảnh hưởng đối với xung quanh thì phát sinh không nhỏ, nói chung tình thế có thể thay đổi bầu không khí vốn có. Người Mậu thổ thích ăn ngay nói thẳng, trong lúc vô ý dễ dàng mắc tội với người khác, chỗ này đối với mặt phụ tiền đồ sự nghiệp của hấn đa số sẽ mang đến ảnh hưởng.

Sông nước vây quanh, con đê là công dụng không thể không có. Mậu thổ là con đê, Nhâm thủy là nước sông biển, Nhâm thủy ở lúc không phải quá thịnh vượng, Mậu thổ có thể khởi đến tác dụng ngăn chặn dòng nước, nếu Nhâm thủy quá vượng, thì sẽ có họa xông phá con đê. Cho nên lúc Mậu thổ khá nhược, thì rất sợ Nhâm thủy xung kích, lúc này không thương tai thì tất sẽ phá tài. Mậu thổ giống như đồi núi ngăn chặn sông dài, ở lúc sông dài không có chảy xiết, Mậu thổ chỉ là một khối đất đá, sẽ không làm cho người ta hiểu được tính trọng yếu của nó, nhưng lúc nước sông dài dâng lên, lúc này thì Mậu thổ liền sẽ cứu mọi nhà, không để cho nước sông tràn vào dân cư. Thì cái đức của Mậu thổ liền hiện ra. Cho nên ở lúc có tai nạn phát sinh, nhật

nguyên Mậu thổ đặc biệt sẽ thành danh. Rất nhiều người biết tên danh nhân, đặc biệt là rất nhiều liệt sĩ đều là nhật nguyên Mậu thổ.

*VD 1, Càn tạo: Tân Sửu - Canh Tý - **Mậu Tuất** - Quý Hợi.*

Tuất Hợi Tý Sửu nước chảy tràn đầy, Mậu thổ sẽ là con đê, nhưng lực lượng bạc nhược, phùng năm Nhâm đều bất thuận, hoặc là bệnh đau nhiều, hoặc là phá tài. Bình thường không thích tiếp xúc, chỉ ở lúc bằng hữu nguy nan thì ý nguyện sẵn sàng ra tay giúp đỡ.

Tượng Mậu thổ giống như tường thành đất dày, là che chắn Giáp mộc, lại là cơ sở sinh trưởng Giáp mộc. Đặt ở xã hội, đại biểu quần thể nhân dân, đụng chạm Mậu thổ giống như phạm phải dân chúng đáng sợ. Bất cứ vật nào có sinh khí đều lấy Mậu thổ làm cơ sở, ly khai khỏi Mậu thổ, thì sẽ không có sinh khí chống đỡ. Quan lấy dân làm gốc, dân lấy ăn là trời, dân cùng ăn đều là vật đặc trưng Mậu thổ. Quan tốt tất là yêu ân, quan yêu dân như con, thì dân tất sẽ là chỗ dùng cho nó, thì lúc này là quan có sinh khí, có thể phát triển phồn vinh. Cũng giống như Giáp lấy Mậu là Tài, có thể dùng bất cứ lúc nào, nhẫn nhục chịu khó, khắc chế thái quá thì giống như quan ép dân phản nghịch, đại sự không hay.

Mậu thổ có thể thấy khắp nơi, có tượng là Khôn, đứcc dày tải vật, phổ thông mà còn có khắp nơi, bình thường, chất phác, đơn giản, nó là chỗ dựa nền tảng của vạn vật. Tất cả sức sống đều bắt nguồn từ đây, cũng tất sẽ trở lại chỗ này mà đi. Người Mậu thổ rất nói thẳng, lời nói không có hoa văn xảo ngữ.

Người Mậu thổ rất thích tự do, có tập quán lười nhác, có lúc rất tùy tiện, khắc phục được nhược điểm này mới có kỳ vọng thành tài. Sách viết: "*Thổ đắc kim hỏa, mới thành đại khí.*" Mậu thổ lúc gặp phải kim nhiều, thì có phát tiết tài hoa vốn có, mức độ tùy tiện sẽ tiến vào một bước nguy kịch. Nếu như có hỏa ngăn tiết, thì ý tứ sẽ không làm bậy mà loạn phát tiết, thì lúc này có khả năng thành đại khí.

*VD 2, Càn tạo:* Tân Hợi - Tân Sửu - **Mậu Thân** - Mậu Ngọ.

Giờ sinh được Ngọ hỏa, năm tháng là Thương quan Tân kim tiết tú, người này tài hoa lỗi lạc, hai bằng tiến sĩ.

Bản khí Mậu là thổ, Kỷ thổ là đất ruộng vườn tươi xốp, tất cần phải dày, Kỷ thổ có thể biến thành Mậu thổ, như thay thế tường thành, xây đập. Tất cả Mậu thổ đều có đủ tượng ví như đánh nhau, tinh thần Mậu thổ thực chất đều là cao to, dày nặng, vật thể vững chắc hoặc là tượng trưng quần thể.

## ***Đệ nhị giảng: Mậu thổ cường dữ nhược, Thể Tượng ca lai thuyết***

### ***Thể tượng Mậu thổ.***

Trước là nói đến tinh thần thực chất của Mậu thổ, Mậu thổ là núi cao, tượng trưng mặt đất, hết sức to lớn, dày nặng, loại sự vật cơ sở vững chắc, đều có thể dụng Mậu thổ để biểu đạt. Ở nội dung này là nói đến thể tượng của Mậu thổ, trước là xem vài ví dụ.

*Càn tạo:* Nhâm Ngọ - Quý Mão - **Mậu Dần** - Nhâm Tuất (sinh năm 1942)

*Đại vận:* Giáp Thìn, Ất Tị, Bính Ngọ, Đinh Mùi, Mậu Thân, Kỷ Dậu.

Đại để vào một ngày trước đây 20 năm, tôi mang bát tự này đi thỉnh nhờ sư phụ dạy bảo. Trước đây sư phụ là dụng trạng thái vượng suy là thân thái nhược để xem số anh chị em của hấn, mở miệng liền đoán là số anh chị em tổng cộng có 12 bào thai, tổn 5 còn 7. Sự thực là đúng như vậy, chỗ này làm cho tôi tin tưởng là Mậu thổ thuộc về trạng thái nhược. Nhưng mà, nếu nói thân nhược, thiếu niên hành trong vận Giáp Ất sẽ không tốt, nhưng trên sự thực vận đầu lại cũng không xấu, là tại sao vậy chứ? Ngày đó, khí trời rất trong suốt, ban ngày sư phụ có nhiều người, không thể nào để ý đến tôi, tôi lại là đệ tử mới nhận của ông ấy, tôi phải chờ đợi. Không có cách nào, tôi chỉ còn có chờ đợi, lúc này trời đã tối, ông ấy cũng không để ý đến tôi.

Trước đây khi trời sụp tối là tôi thường trở về nhà, cho dù tôi không muốn đi, thầy cũng muốn tôi đi về nhà. Ông ấy thường nói, ở nhà cha mẹ, không nên đi xa. Nhưng hôm nay lại không muốn tôi đi, trong lòng tôi hết sức cao hứng, từ khi ăn xong cho đến khi tắm rửa, tôi đặc biệt thể hiện quan tâm dịu dàng, làm thầy tôi rất vui vẻ. Càng làm cho tôi vui sướng, tối hôm ấy tôi ở lại nhà thầy tôi ngủ, rõ ràng là tôi cảm nhận được sự ưu ái đó. Nằm ở trên giường, tôi sờ vết thương của ông ấy, thầy trò tôi hàn huyên tâm sự với nhau:

"*Thân vượng, nên ức nên tiết; thân nhược, hi sinh hi phù, đây chỉ là phép tắc thông thường.*" Tôi lắng lắng nghe ông ấy nói mà không dám ngắt lời, sợ phải sai sót để mất đi từng chữ.

"*Thế nhưng, bên trong bát tự này có một điểm then chốt, nếu ta không nói thì sợ người sẽ không hiểu rõ.*" "**Người hãy nhớ bài thơ này:**

*Mậu thổ thành tường đê ngạn đồng,*

*Chấn giang hà hải yếu căn trọng.*

*Trụ trung đái hợp hình hoàn tráng,*

*Nhật hạ thừa hư thế tất cùng.*

*Lục bực bát thắng kim lậu tiết,*

*Công thành an dụng mộc sơ thông.*

*Bình sinh tối ái đông nam kiến,*

*Thân vượng đông nam kiện thất trung."*

Trí nhớ của tôi không tồi, tôi nhớ hết, nhưng tôi vẫn còn có nhiều chỗ không hiểu, tôi hỏi sư phụ: "Tại sao nói Mậu thổ là *Đái hợp hình hoàn tráng*?"

"Trong bát tự này không phải là có Quý thủy sao? Mậu Quý hợp nhất, Mậu thổ lập tức khởi cường vượng, Mậu thổ vừa khởi cường vượng, thì có đảm nhận thắng Quan Sát. Mậu thổ yêu Giáp là bản tính của nó, Ất là Chính Quan tinh, Mậu thổ bởi vì hợp mà cường tráng, đương nhiên vận Giáp Ất không xấu."

Đêm đó sư phụ tôi nói rất nhiều về đặc tính thiên can, mặc dù lúc này có rất nhiều chỗ không hiểu, nhưng chỗ Mậu thổ đái hợp hình hoàn tráng, xác thực là khiến cho tôi có gợi ý rất lớn.

Mậu thổ có gọi là tường thành, con đê, đều nói Mậu thổ dày nặng, chấn hưng biển nước, nhiều đất để dựng võ.

VD như, *Càn tạo*: Quý Sửu - Giáp Dần - **Mậu Tý** - Quý Hợi.

Bởi vì Mậu Quý mang hợp hình hoàn tráng, Mậu thổ có thể đảm nhận Quan Sát, hành vận thân vượng Thất Sát đều an nhiên vô sự, năm Bính Tuất tài khí vẫn rất không tệ.

Còn có 2 *Càn tạo*:

1, Quý Tị - Nhâm Tuất - **Mậu Thân** - Mậu Ngọ;

2, Tân Hợi - Tân Sửu - **Mậu Thân** - Mậu Ngọ.

Tại sao đều phải lấy Ngọ hỏa làm dụng? Đúng là bởi vì nguyên nhân "*Lực bạc bất thắng kim lậu tiết*", tiết khí thái trọng, tất phải cần có hỏa đến ngăn tiết.

Mậu thổ lấy thủy là Tài, không có thủy khó mà thành tựu, thủy thái trọng, thì sẽ xung phá bờ đê hoặc là tường thành. Cho nên, Mậu thổ hỉ căn trọng mà vững chắc. Mậu thổ ở lúc quá nhược, rất sợ nước lớn làm vỡ đê, nhưng chỉ cần ở trong trụ có Quý thủy thấu ra tương hợp, thì hình thế sẽ khởi nên cường tráng, Mậu Quý hợp, giống như kết cấu bê tông cốt thép, biến tính chất hết sức cứng rắn.

Trong bát tự có thể làm cho Mậu thổ biến nhược không phải là Quan Sát, mà chính là kim tiết khí. Khí Mậu thổ ở lúc không thông thuận, không thể dụng mộc để khai thông, thấy Quý thủy là tương hợp; thấy Nhâm thủy, là xung động; Mậu không thông khí, vẫn là dụng kim. Chỉ qua là khi dụng kim thì phải đề phòng tiết khí quá nặng, đây chính là ý nói: "*Lực bạc bất thắng kim lậu tiết, công thành an dụng mộc sơ thông*". Mậu thổ sinh ra rất thích mộc và hỏa, hành vận phương đông nam đa số có thể phát đạt, nhưng nếu thân thái vượng, lại hành vận phương nam, cũng dễ dàng mất đi tính cân bằng trung hòa. Chính là chỗ nói: "*Bình sinh tối ái đông nam kiến, thân vượng đông nam kiện thất trung*".

## ***Đệ tam giảng: Tọa Cấn phạm phùng trùng, Tông cường thận ngôn quý***

### ***Khí thể Mậu thổ.***

Mậu là can dương, can dương đều có khí thể. Khí thể Mậu thổ là xu hướng ở tĩnh, vững chắc, không gì phá nổi. ***Trích Thiên Tuy nói:***

*Mậu thổ cố trọng,*

*Ký trung tả chính.*

*Tĩnh hấp động ích,*

*Vạn vật ti mệnh.*

Khí thể Mậu thổ mạnh mẽ, tĩnh như tường đồng vách sắt, động thì sấm vang chớp giạt.

*Thủy nhuận vật sinh,*

*Hỏa tảo vật bệnh.*

*Nhược tại Cấn Khôn,*

*Phạm xung nghi tĩnh.*

Mậu thổ ở trong thân thể con người đại biểu là dạ dày, thích thấp, sợ táo, quá khô táo thì dạ dày không bình thường, tự nhiên sinh bệnh. Mậu thổ trong quả đất cũng là như vậy, núi cao sa mạc lớn chỉ cần có nước, thì thực vật có thể sinh trưởng, trồng hoa màu, đất không có nước thì là đất cằn cỗi. Mậu thổ hữu dụng tất phải cần thấy thủy, có thủy thì có thể sinh mộc, mộc lại có thể làm cho thủy thổ vững chắc. Nói chung khí thể Mậu thổ là phải vững chắc, tọa ở Cấn Khôn (là Mậu Dần và Mậu Thân) đều có dấu hiệu chưa đủ ổn định, gặp đến kim mộc giao chiến hoặc Dần Thân tương xung hoặc là tương hình, thì Mậu thổ có nguy cơ bị giảm mất phúc.

*VD 1, Khôn tạo:* Bính Ngọ - Giáp Ngọ - **Mậu Tuất** - Bính Thìn.

Nữ này đầu tiên là khó kết hôn, sau này kết hôn thật vất vả, nhưng vẫn không sinh con. Nguyên nhân chính là Mậu thổ quá khô táo, trong Thìn có Quý thủy bị xung phá, cả một khối hỏa viêm thổ táo. Căn bản Quý thủy là sinh dục phụ nữ, Quý thủy thụ thương nghiêm trọng, chức năng sinh dục sẽ mất đi. Cũng bởi vì giờ gặp Thìn thổ, can

thấu Giáp mộc, nữ này cũng không phải là người vô dụng.

Bên trên là nói tổng thể khí thể của Mậu thổ, trước đã nói qua "*Can dương tòng khí dễ dàng còn tòng thể thì khó.*" Mậu thổ cũng như vậy, Mậu thổ chỉ cần thấy một chút hỏa, liền có chỗ dựa, hỏa là sinh khí của Mậu thổ, những cái khí thể kim thủy mộc tái vượng, nó cũng tòng khí mà không tòng thể. Cũng chính là nói, có hỏa ở cục, Mậu thổ tái nhược, cũng chỉ có thể xem như thái nhược hoặc là thiên nhược. Nếu nó muốn tòng, trong cục không có hỏa là một điều kiện tiên quyết.

*VD 2, Càn tạo: Canh Tý - Mậu Dần - **Tân Dậu** - Canh Tý.*

Can tháng Mậu thổ gặp được Bính hỏa trong Dần, Bính hỏa là sinh khí của nó, Mậu thổ mặc dù nhược, nhưng vẫn cứ tòng khí mà không tòng thể. Mậu thổ là Ẩn tinh, đại biểu là mẹ, nhìn toàn cục, hoàn cảnh Bính rất kém, quả nhiên cả đời mẫu thân phong hoa tuyết nguyệt, lao khổ bôn ba. Vì muốn có thanh danh tốt, bỏ đi rất nhiều phú quý. Nhìn trước mắt, thể chất rất kém, sợ khó trường thọ. Giả như Bính không khởi tác dụng, thì Mậu thổ tòng theo thể vượng khác, lúc này Bính hỏa trái lại phải lấy hoàn cảnh rất tốt để luận, lúc này thì mẹ sẽ là phú quý có thọ.

*VD 3, Càn tạo: Tân Sửu - Canh Tý - **Mậu Tuất** - Quý Hợi.*

Mậu tạo Tuất thổ, một khối kim thủy tiết khí thái quá. Nhưng trong Tuất có Đinh hỏa, Mậu thổ không tòng thể vượng, chỉ xem là thái nhược. Người này lúc thiếu niên hành vận Kỷ Hợi rất kém, thời trung niên hành vận hỏa thổ không tệ, vận Thân bôn ba. Đinh hỏa Ẩn tinh chủ văn, là chỗ vật mà hấn luôn theo đuổi.

*VD 4, Càn tạo: Canh Thân - Ất Dậu - **Mậu Tý** - Ất Mão.*

Mậu thổ tạo Tý, ngũ hành chính không thấy một chút hỏa, Mậu tòng thể kim vượng, trái lại là rất có phúc lộc. Chỉ vì Mậu Tý nạp âm là hỏa, gặp đến năm vận hỏa vượng thì không chân tòng, lúc không tòng thể thì lại lao khổ, phá tài, cảm giác liền bất thuận. Tại sao thấy hỏa thì bị gãy ngã? Nguyên nhân là Mậu thổ đặc khí thì không tòng, một chút

nạp âm hỏa là lời dẫn. Hoán thành Mậu Thân, thì là chân tông, nguyên cục không có hỏa tinh dẫn hóa, cho dù hành hỏa vận, vẫn cứ an nhiên.

*VD 5, Càn tạo:* Tân Hợi - Mậu Tuất - **Tân Tị** - Mậu Tuất.

Tạo này có nhật can cũng không phải là Mậu thổ, nhưng Mậu thổ thấu ra khẳng định có dấu hiệu trọng yếu của nó. Thu kim vẫn là khí vượng, Mậu Tân song song thấu ra, dụng Chính Quan Bính hỏa. Hai Mậu thổ không chỉ bảo hộ Bính hỏa Quan tinh, còn khiến cho bát tự trở nên rất lưu thông. Hai trụ trước, Mậu sinh Tân, Tân sinh Nhâm thủy trong Hợi, Tuất ngăn chặn thủy khắc hỏa. Mậu thổ phía sau, khiến cho Bính sinh Mậu sinh Tân, quý khí một mực hướng về nhật chủ. Tạo này Mậu thổ, bảo hộ Quan tinh là vị trí đệ nhất, quả nhiên ở thân mệnh chủ có chức, Quan vận không tệ. Trụ giờ phía sau là Mậu Tuất, có thể ngăn cản lưu niên đại vận Thương quan, Quan vận bình ổn.

*VD 6, Càn tạo:* Mậu Ngọ - Nhâm Tuất - **Mậu Thìn** - Nhâm Tuất.

Nhật nguyên tạo này là Mậu thổ, thiên can có hai Nhâm thủy, hai Mậu thổ, khí thế Mậu thổ là muốn nắm lấy Nhâm thủy này, nhưng tính hoạt động Nhâm thủy rất lớn, lại rất khó mà bắt lấy nó. Nhâm thủy là Thiên Tài, tâm người này cầu Thiên Tài rất mãnh liệt, bát tự không thấy Giáp Bính Quý, lộ chính kinh tài không có gì hứng thú, cả đời kinh doanh loại hạng mục cổ phiếu, cầu tài chính là bấp bênh. Tạo này có tài khó tụ, duy chỉ có Thìn thổ cung thê là có công thu thủy, sau khi kết hôn tài khí dần tốt, thấp thổ súc thủy có cơ hội phát tích.

*VD 7, Càn Khôn tạo:* Nhâm Dần - Quý Sửu - **Mậu Thìn** - Nhâm Tuất.

Bát tự này là hai người một nam một nữ, thiên can có một khối Nhâm Quý thủy, Mậu thổ có công chế thủy. Mậu thổ có thể ngăn thủy, cùng với Kỷ thổ và địa chi Thìn thổ không thu thủy. Hai người đều là cán bộ chuyên môn. Tài khí của phối ngẫu đều tốt hơn so với bản thân.

Cuối cùng là nói một chút về bát tự Mậu thổ tông cường, thông thường thiên can tông cường không phú cũng quý, nhưng Mậu thổ

tòng cường, tất nhiên là thiếu thủy không có mộc, Mậu thổ ở dưới tình huống không có thủy và mộc là tòng cường, tất nhiên là cả một khối hỏa thổ, một khối hỏa thổ thì là Mậu thổ quá táo. Cho nên, Mậu thổ tòng cường, cùng những can tòng cường khác có phân biệt rất lớn. Cùng là nói, Mậu thổ chuyên vượng cách, cũng không phải là chân Giá Sắc, mức độ phú quý phân biệt là không đạt đến như bát tự tòng cường thông thường.

*VD 8, Càn tạo: Kỷ Mùi - Đinh Sửu - **Mậu Tuất** - Đinh Tị.*

Rõ ràng Mậu thổ thành thế chuyên vượng, tiếc là kim ám tàng lại còn gặp hình, kết quả chỉ là người tầm thường. Giống như ở VD 1, nếu như không có Giáp mộc, thì tạo này liền tòng cường, trái lại là không có gì thành tựu. VD 5, mặc dù Mậu thổ vượng, nhưng Bính hỏa vẫn cứ hữu dụng. Mậu thổ phát vinh, sinh ra là cần có thủy mộc, còn phải cần có Bính hỏa, tại sao vậy? Dưới đây sẽ kiến giải sau.

## ***Đệ tứ giảng: Mậu thổ du tứ quý, Khí số định hi kỳ***

### ***Khí số Mậu thổ.***

***Khí số là gì?*** ( Xem phần Đinh hỏa, ở đây không nói lại)

### **Quyết viết:**

*Mậu thổ bất ly Giáp Bính Quý,  
Tứ nguyệt Giáp mộc Bính Quý tùy,  
Ngũ lục dụng thủy tham Giáp Bính,  
Thất bát dụng Bính hoàn dụng Quý,  
Cửu thập Giáp tiên Quý Bính hậu,  
Đông tịch tam xuân Bính vi tôn.*

6 câu nói ở trên là tổng quyết khí số của Mậu thổ, nhưng chưa nói khí số của Mậu thổ là cái gì, dưới đây là phần giải thích.

*Mậu thổ bất ly Giáp Bính Quý*, thiên can Mậu thổ (không nhất định là nhật nguyên), trời sinh rất thích Giáp Bính Quý. Trong 《 Cùng Thông bảo giám 》 nói rõ: *Tứ quý Mậu thổ, vô Giáp bất linh; hàn*

*thấp Mậu thổ, vô Bính bất sinh; tảo nhiệt Mậu thổ, vô thủy bất trường.* Tứ trụ lúc có đủ Giáp Bính Quý cùng thấu ra thiên can, thuyết minh khí số Mậu thổ là kiện toàn. Nhưng bởi vì tỷ lệ và mức độ cùng chỗ thứ tự cần Giáp, Bính, Quý của từng tháng là khác nhau, cho nên học giả thì không thể dựa vào mấy câu nói này mà rập khuôn máy móc. Bạn học tập phép xem khí số thứ tự hẳn phải là trước tiên xem tác phẩm 《 Cùng Thông 》 , trước tiên từ trong tác phẩm sau khi lý giải hoàn toàn, mới sử dụng định quyết ở trên mà áp dụng, từng bước nắm vững tập luyện đạt đến mục đích thành thực và vận dụng linh hoạt, học tập phép xem khí số những thiên can khác cũng cùng một đạo lý.

Nhưng từ trong định quyết ở trên cũng có thể nhìn ra, bất luận Mậu thổ ở tháng nào, cũng đều lấu Giáp, Bính, Quý làm khí số, nông sâu cùng khinh trọng cùng thứ tự phân tích dựa theo các tháng như dưới đây.

*Tứ nguyệt Giáp mộc Bính Quý tùy,* trước tiên nói Mậu thổ ở tháng 4 (3 tháng mùa xuân đặt ở phía dưới). Tháng 4 Mậu thổ, dương khí thăng phát, hàn khí nội tàng, ngoài thực trong hư, không lo hỏa viêm, không có khí dương xem như vật không sinh trưởng. Giáp mộc là sinh khí, dụng Giáp trước tiên để khai thông, thứ là dụng Bính Quý. Giáp Bính Quý cả 3 cùng thấu là tầng lớp tối cao, thứ là thấu ra hai vị, cho dù thấu ra một vị, cũng là người hữu dụng. Địa chi ám tàng, không thấu ra thiên can, tầng lớp càng giáng xuống. Nếu như Giáp Bính Quý hoàn toàn không có, lại không thể dựa vào những cách cục khác, cuối cùng cuộc đời chỉ là vô công lao khổ.

*Ngũ lục dụng thủy tham Giáp Bính,* Mậu thổ ở tháng 5, tháng 6, hỏa viêm thổ tảo, là ưu tiên dụng thủy điều hậu, thứ là dụng Giáp mộc Bính hỏa. Tháng 5 hỏa thái vượng, Quý thủy lực nhỏ, có thể dụng Nhâm thủy để tu bổ cho Quý, nhưng khí số vẫn là Quý thủy. Sách viết: Mậu thổ tháng 5, Nhâm Giáp lưỡng thấu, danh quân thần khánh hội, tất nhiên báo trước có quyền cao vị hiển. Dụng rất ứng nghiệm. Tháng 6 chủ yếu dụng Quý thủy, Quý thủy là Mậu thổ yêu thích nhất,

Nhâm thủy mặc dù cũng có thể điều hậu, nhưng Mậu thổ không quá thích. Lý do Nhâm thủy là nước sông biển, lay động không yên, khó mà khởi đến tác dụng làm tư nhuận Mậu thổ. Trong Ngọ có Đinh hợp Nhâm, tháng 5 là khả dụng, tháng 6 thì không. Mậu thổ ở tháng 5, tháng 6, Quý thủy là khí số, tất cả đều xoay quanh Quý thủy mà luận hỉ kỵ. Quý thủy hỉ Tân kim, Mậu thổ ở tháng 5, 6, Quý thủy thấu can, lại có Tân kim gốc phát thủy, ở thân tất có tài hoa kỹ nghệ. Tháng 6 dụng Quý làm chủ, nếu như thổ nhiều, tham khảo dụng Giáp; kim quá nhiều, tham khảo dụng Bính; Bính Đinh hỏa quá nhiều, tham khảo dụng Nhâm.

*Tháng 7,8 dụng Bính vẫn dụng Quý*, Mậu thổ ở tháng 7,8, dương khí nhập, hàn khí xuất. Mùa Thu kim vượng, tiết thân lợi hại, dụng Bính ngăn tiết, Bính hỏa là khí số đệ nhất, Giáp Quý tham khảo mà dùng.

**Thu viết:** Mậu thổ tháng 7, Bính Quý Giáp thấu ra, phú quý cực phẩm. Bính Quý Giáp thấu ra đủ hay không, can chi có hay không, ảnh hưởng trực tiếp đến tầng lớp nhân mệnh. Tháng 8, dụng Bính tham khảo Quý thủy, Giáp mộc bất tất phải xem xét, bởi vì tháng 8 thổ càng hư, ngoại trừ không phải can chi thổ thái trọng, nếu không bất tất phải dụng Giáp.

*Cửu thập Giáp tiên Quý Bính hậu*, tháng 9 Mậu thổ dương lệnh, ưu tiên dụng Giáp, thứ là Quý Bính. Tháng 9 Mậu thổ khí táo trọng, Quý thủy rất là trọng yếu, có được Bính hỏa dưới tình huống khả dụng hay không khả dụng. Cũng chính là nói tháng 9 Mậu thổ, Giáp Quý là trọng yếu nhất, tất cả đều là xoay quanh Giáp Quý luận cát hung. Tháng 10 thủy được vượng địa, Giáp mộc là trọng yếu thứ là dụng Bính hỏa, sinh ở nửa tháng đầu cùng nửa tháng sau tùy theo khí dương khinh hay trọng, Giáp Bính hoán dụng hỗ giao nhau, Quý thủy chỉ lấy làm tham khảo.

*Đông tịch tam xuân Bính vi tôn*. Tháng 11, tháng 12 cùng 3 tháng mùa xuân đều lấy Bính hỏa là đệ nhất khí số. Tháng 11, 12 nghiêm hàn đông lạnh, Bính hỏa là đứng đầu, Giáp mộc là phụ tá. Giáp nhiều cản ánh sáng, Bính hỏa mất tác dụng, cho nên Giáp mộc nên ám

tàng, không nên thấu can kề gần Bính hỏa. Bính là hỏa Thái dương, tháng 1, 2 mùa xuân cũng cần Bính hỏa. Bính hỏa làm ấm thổ, Giáp mộc cũng tự phát vinh. Tháng 3 mùa xuân (tháng Thìn), Giáp mộc mới có thể thấu can. Tháng 3 ưu tiên Giáp trước sau là Bính, Quý thủy cũng nên lấy tham khảo, đây là xem xét đến Giáp mộc thoái khí, cần có Quý thủy sinh phù.

Tóm lại, Mậu thổ bất ly Giáp Bính Quý, trên đạo lý vẫn là "Không có Giáp bất linh, không có Bính bất sinh, không có thủy bất trường." Các tháng cùng ngũ hành trong bát tự khinh trọng đều là xoay quanh Giáp Bính Quý để xem Mậu thổ cát hay hung.

*VD 1, Càn tạo:* Bính Dần - Canh Dần - **Mậu Thìn** - Canh Thân.

Nhật can Mậu tọa Thìn căn dày nặng, Bính thấu Giáp tàng, Mậu thổ không tảo mà không có Quý thủy, khí số bất phạm. Nhưng tứ trụ toàn dương, chỉ có thể là một vũ quý, mệnh tạo của một đại tướng quân.

*VD 2, Càn tạo:* Quý Mùi - Ất Mão - **Mậu Dần** - Bính Thìn.

Mậu tọa đất Dần, được năm giờ có thổ dày bang trợ, gốc rễ không nặng cũng không nhẹ, có thể đảm nhận thăng Chính Quan Ất mộc. Trong trụ Bính Quý thấu can mà Giáp ám tàng, là quan văn. Tạo này có khí số bất phạm, được lợi ở Giáp mộc không thấu, Mậu thổ không đến nỗi bị tổn.

*VD 3, Càn tạo:* Quý Mùi - Bính Thìn - **Mậu Thân** - Đinh Tị.

Tháng 3 Mậu thổ vốn dày, còn được Mùi thổ bang trợ, Bính Đinh tương sinh, thổ càng dày, tất dụng Giáp mộc ở trước tiên. Mặc dù Bính Quý cùng thấu thiên can, một dạng nhân tài, trí thức phi phạm, nhưng không có Giáp bất linh, kết quả tạo thành đối với phán đoán thời thế có sai lầm, đại sự không thành, để lại tiếng xấu.

*VD 4, Càn tạo:* Tân Hợi - Quý Tị - **Mậu Ngọ** - Bính Thìn.

Tạo này Mậu sinh tháng 4, tọa Ngọ là đất vượng, sinh gặp giờ Thìn là rất vi diệu, không chỉ có thể súc thủy dưỡng mộc, còn có thể ức chế Bính, Ngọ tảo khí. Mậu Quý hóa hợp, vượng mà không gắt, thành thủy hỏa ký tế, quả nhiên mệnh này bất phạm, ngọc đường danh quý. *Có một tạo khác:* Quý Sửu - Đinh Tị - **Mậu Ngọ** - Đinh Mùi, bởi vì không

có Giáp, chỉ được một hàn sĩ mà thôi.

*VD 5, Càn tạo:* Tân Mùi - Giáp Ngọ - **Mậu Dần** - Nhâm Tý.

Mậu sinh tháng Ngọ, dụng Quý không bằng dụng Nhâm có lực, Nhâm Giáp lưỡng thấu, còn có Tân kim nguồn phát thủy, khí sò có đủ, quả nhiên người này xuất tướng nhập tướng, nổi danh khắp nơi. Tạo này nếu đổi thành giờ Quý Sửu, Quý thủy không có lực cứu hỏa, tất nhiên tầng lớp giáng mạnh, thân thể còn có vấn đề xảy ra.

*VD 6, Càn tạo:* Mậu Tý - Kỷ Mùi - **Mậu Thìn** - Đinh Tị.

Mậu sinh tháng Mùi, thổ dày không có Giáp, nhưng có Tý thủy, Quý thủy ám tàng, Mậu thổ sinh ở tháng 6 chỉ cần không táo khô, chính là cách thành Giá Sắc, đây là một phú mệnh.

*VD 7, Càn tạo:* Mậu Dần - Ất Hợi - **Mậu Ngọ** - Bính Thìn.

Mậu sinh tháng Hợi, Bính thấu Giáp ám tàng, khí số cũng bất phạm, là một người dạy Trung y, hôn nhân bất thuận, vẫn khó có con nối dõi. Dần Hợi hợp Giáp mộc khó xuất, Quý thủy cũng không thấu ra, cả đời thanh quý. Có một Càn tạo khác: Tân Sửu - Kỷ Hợi - **Mậu Thìn** - Nhâm Tuất, Giáp mộc ám tàng, bởi vì không có Bính, chỉ là một trung chuyên, vận Giáp Ngọ hơi có khởi sắc, là một mệnh tạo bình thường.

*Vd 8, Càn tạo:* Tân Sửu - Canh Tý - **Mậu Tuất** - Quý Hợi.

Quý thấu Giáp tàng, mùa đông Mậu thổ chủ yếu dụng Bính, bởi vì trong trụ không có Bính hỏa, may mắn có Mậu Quý hóa hỏa, cuối cùng có học lịch chuyên khoa, vận Bính đắc danh, vận Giáp cờ hiệu thành Rõng.

*Vd 9, Càn tạo:* Tân Sửu - Tân Sửu - **Mậu Ngọ** - Nhâm Tuất.

Mậu sinh tháng 12, Giáp Bính Quý hoàn toàn không có, may mắn có Ngọ hỏa, sau 40 tuổi hành hạn Ngọ đắc danh. Về sau tài lợi phong hậu, phần phát.

***Đệ ngũ giảng: Hợp hữu lưỡng bàn thoại, Mậu Quý lão thiếu phối***

***Mậu thổ hóa tượng.***

Ở trên chúng ta đã nói qua khí số của Mậu thổ: Mậu sinh tháng Ngọ, dụng Nhâm không dụng Quý. Đây là từ góc độ cân bằng trung hòa để luận thuật. Bởi vì, Mậu Quý hợp hóa hỏa, tháng Ngọ hỏa vượng, Mậu Quý gặp nhau, tất nhiên hóa hỏa là đầu tiên, Quý thủy điều hậu là thành bong bóng. Ở phần thứ hai nói thể tượng Mậu thổ có nói đến, *Mậu thổ đái hợp hình hoàn tráng*, đây là tình huống nhằm vào bản thân Mậu thổ thái nhược, Mậu Quý vừa gặp nhau, hóa hỏa sinh Mậu, thì Mậu thổ có thể từ nhược chuyển sang cường.

Ở trong thiên can ngũ hợp, Mậu Quý hợp hóa rất dễ dàng, điều kiện của nó là thấy hỏa thì có thể hóa, hóa được chân thì luận chân hóa. Cho nên, mỗi khi gặp Mậu Quý tương phùng, đều được xe xét là có thể hợp hóa thành công hay không, nếu như hợp hóa thành công, tất phải từ góc độ hóa khí mà luận hi kỵ bất tự.

Liên quan đến Mậu và Quý hợp hóa khí cách, hi kỵ có thể tham khảo **《Thập Đoạn cấm》** luận thuật.

*Mậu tòng Quý hợp, hóa hỏa thành công.*

*Kiến Ất hệ chung năng hiển đạt,*

*Phùng Nhâm hệ cũng tự phong long.*

*Chúng Lộc củng trì, hi Đinh lâm ở Tị vị;*

*Lục thân không đủ, bởi Giáp vượng vu Dần cung.*

*Bính hỏa viêm viêm, khó tìm phúc lộc;*

*Canh kim chói sáng, dễ thấy hanh thông.*

*Thê tử tổn bởi do Kỷ vượng,*

*Mưu kế vụng bởi vì Tân hùng.*

**《Trích Thiên Tuy》** nói:

*Quý thủy chí nhược,*

*Đạt vu thiên tân.*

*Đắc long nhi vận,*

*Công hóa tư thành.*

Thiên can hợp hóa nhất định phải thấy Thìn Long hay không chứ? Từ

chỗ này nhìn thấy trong đoán ngữ, cũng không có yêu cầu này. Mọi người đi lĩnh hội một chút, từ trong thực tiễn cũng không nhất định không thể không thấy Long, hóa cùng không hóa trên cơ bản là lấy lực lượng Hóa thần mà định. Cho nên đối với bát tự giả hóa, tất phải lấy sinh trợ hóa thần làm hi vọng. Như vậy nhìn ra, nếu như bát tự là Giả hóa, chỗ phép xem ở Thập Đạo cấm còn phải chú ý. Ví dụ như, trong thuyết bên trên Mậu tông Quý hợp, phùng Nhâm cũng tự phong long, phùng Bính khó tìm phúc lộc, lúc ta xem thì không có chính xác. Mậu và Quý hợp, thiên can thấy hỏa là hóa. Có rất nhiều bát tự Mậu và Quý hợp, nguyên bản thiên can không có hỏa, vận trình trở ngại. Vừa hành hỏa vận, tựa như khô mộc phùng xuân bột nhiên mà thịnh.

*Vd 1, Càn tạo:* Quý Mão - Ất Sửu - **Mậu Thân** - Quý Sửu.

Bát tự mặc dù đầy bàn không có hỏa, nhưng có Mậu Quý tương hợp, hóa hỏa sinh thân, Mậu thổ cũng không hàn lạnh, mùa đông Mậu thổ không hàn thì có cơ hội phát vinh, quả nhiên người này lấy quan làm quý, trung niên hành vận nam phương, làm quan đến chức án sát.

*Vd 2, Càn tạo:* Quý Mão - Quý Hợi - **Mậu Thìn** - Mậu Ngọ.

Thiên can có 2 Mậu 2 Quý, ở dưới Ngọ hỏa dẫn biến, Mậu Quý có thể hợp hóa, nhật nguyên từ nhược chuyển cường, có thể đảm nhận Tài Quan, quả nhiên người này chức cao vị trọng, làm đến Y phủ. *Còn một Càn tạo khác:* Đinh Hợi - Canh Tuất - **Mậu Tuất** - Quý Hợi, bởi do Mậu Quý tương hợp hóa hợp trợ thân, chỉ lấy Tài đến tự thân mà xem, thân vượng Tài vượng, kết quả chỉ có phú mà không có quý.

Nói Mậu Quý liền hóa rất dễ dàng, cũng yêu cầu là có một đôi Mậu Quý kề gần, hợp hóa mới dễ dàng. Hoặc là bị ngăn cách, lại không phải là hóa thần, hợp hóa thì là giả. Thiên can ngũ hợp chân chân giả giả, xác thực không dễ dàng phân biệt. Mậu Quý hợp, chính là lão thiếu phối, nam tử cưới vợ già, nữ tử lấy chồng già. Hơn nữa cảm giác rất hạnh phúc, thì thào tình cảm. Nam nữ có Mậu Quý hợp, lại gặp tuế vận Bính Tân hợp, tất nhiên phải nhiễm đào hoa. **Có đạo là:** *Bính Tân Mậu Quý tương giao, thâm tình dưới ánh trăng.*

## ***Đệ lục giảng: Lục Mậu phú hoặc quý, Can chi lai lý hội***

### ***Can chi Lục Mậu.***

Can chi cùng Mậu thổ kết hợp có 6 tổ: Mậu Tý, Mậu Tuất, Mậu Thân, Mậu Ngọ, Mậu Thìn, Mậu Dần, đem chúng nó xưng là can chi Lục Mậu.

+ Mậu Tý: Khí thể can chi ở thiên địa khắc hợp, là ngày Lục tú. Chủ nhân thông minh tú khí, tọa Chính Tài, được hiền thê, vì vợ làm giàu, can chi Mậu Quý hóa hỏa sinh thân, chủ cao quý. Nạp âm là Phích Lịch hỏa, ám sinh Mậu thổ, thân tài lưỡng vượng, chủ cả đời phú quý. Đã từng có người hỏi: Mậu và Tý quan hệ như thế nào? Mậu thích Tý, Tý thích Mậu. **Tàng can ca viết**: Quý thủy trong Tý độc phong long. Quý là khí số Mậu, Mậu hỉ Quý tương hợp, hóa hỏa sinh thân, có tình với Mậu. Quý thủy mềm dẻo tinh tế, thích bị Mậu thổ hấp thu. Người sinh ngày Mậu Tý, dễ dàng nhiễm tình, mà còn khó bỏ khó chia, Tý sợ Mão hình, niên vận gặp Mão, song phương đều rất ngã lòng mà đi, một Mậu thổ rơi rớt chỉ còn một mình tương tư.

Người có trụ ngày là Mậu Tý, giỏi quản lý tài, bởi vì Mậu đối với Tý rất quan tâm, rất tinh tế, Tài Quý thủy quản lý ở dưới Mậu thổ rất thuận lợi, sổ sách rất rõ ràng. Mậu Tý là ngày Sơn hoàn thủy bão. **Có thơ viết**:

*Thủy quây quanh núi trăng chiếu sáng,*

*Pháo hoa trong cảnh phúc cao hưởng.*

*Chớ tham quan thành mộng núi hòe,*

*Giang hải phù vân không bó buộc.*

Ngày Mậu Tý sinh ở tháng Tý, hỉ hành hỏa vận, chủ có phúc. Tháng Sửu, thông minh, chủ phú quý. Tháng Dần Mão, nhược, bệnh hoặc yếu vong, hỉ hỏa thổ. Tháng Tị Ngọ, Tị Lộc, Ấn, Ngọ Nhận, hỉ hành Thực thương phú quý. Tháng Thân, Thực vượng, quý. Tháng Dậu, tổn thương danh vọng. Tháng thổ đắc tài, phú quý. Tháng Hợi, hư tú, tài bạch không tụ.

+ Mậu Tuất: Khí thể can chi ở thổ nhiều tự vượng, ám trung Đinh hỏa tương sinh, văn minh ám tàng ở bên trong. Tọa khổ thông căn, thổ quá táo, cát mang hung. Khôi Cương tâm chủ nhân nhanh miệng nói thẳng, lâm sự quả đoán, cũng chủ thông minh, văn chương chấn phát, nhưng sẽ không dùng âm mưu, thường đắc tội với người. Nạp âm Bình Địa mộc, mộc ở trong thổ, kỵ trọng thấy thổ, nếu nạp âm thổ nhiều, cả đời trắc trở, kim không thể khắc, bởi khí kim đến Tuất là tán, gặp kim là có thể phát phúc, lợi thấy thủy đa mộc thịnh, mà thành quý cách. **Diêm Đông Tâu nói**: Mậu Tuất mộc, cô căn độc lập, cùng lấy thủy hỏa vượng khí, thì có đức anh minh tú thực. Nhập cách thì văn chương tiến đạt, phúc lộc thủy chung, nhưng cười khí thiên tướng, chủ bị trải qua gian hiểm, tiết tháo không dùng, mới thấy văn phúc. Mậu Tuất là ngày Khê nhiều họa đình. **Có thơ viết**:

*Nhiệt tình phúc hậu tâm tựa biển,  
Bạch đố Ngọc nữ phùng ẩn lai.  
Suối cuộn họa đình mới hương danh,  
Điền viên đồng bằng ngoài mây trời.*

Ngày Mậu Tuất sinh ở tháng Tý, hiển quý tự tài. Tháng Sửu Mùi Tuất, hình tai, có phá tổn. Tháng Dần Mão hợp Ấn, thi văn thành chương. Tháng Thân Dậu, đôi kim tích ngọc. Tháng Hợi gặp xung, tâm thần bất định, lập nghiệp nơi khác.

+ Mậu Thân: Khí thể can chi ở thổ sinh kim. Trụ ngày Mậu Thân, tiết khí quá trọng, rất cần có hỏa thổ bổ túc nguyên khí. Thổ hậu cô độc, nữ mệnh tảo hôn là dễ chia tay, hoặc là cô độc. Nam mệnh hơi tốt, bất luận năm tháng đều là xinh đẹp, nhưng ái tình không chuyên, thậm chí tác phong bất chính. Nạp âm là Đại Dịch thổ, cục nghịch kim thủy tương sinh (Thân tàng Canh Nhâm kim thủy tương sinh), có thể là quý cách.

Ở trong thể tượng Mậu thổ chúng ta đã nói qua một câu: "*Lục bạch bất thắng kim lậu tiết*", chính là chỉ Mậu Thân. Còn có khí thể ở trong Mậu thổ nói qua "*Nếu ở Cấn Khôn, sợ cung nên tĩnh*." Trong đó ở đất Khôn, cũng là chỉ Mậu Thân. Cũng chính là nói, một trụ Mậu Thân có

thể làm cho Mậu thổ cường ngạnh lại nhuỷễn nhược xuống. Nếu như hoàn cảnh xung quanh là thổ nhược, vậy thì Mậu Thân làm cho Mậu thổ rất giòn yếu. Tình huống thông thường, tất phải dụng hỏa ngăn tiết, mới có thể bảo chứng Mậu thổ bình an. Mậu Thân gặp phải Dần xung Thân, thì Mậu thổ hầu như phải sụp đổ.

Mậu Thân là ngày Hà lạc hương hoa. **Có thơ viết:**

*Nhật tọa Phúc tinh thanh danh hiển,*

*Vạn quyển thi thư triều thiên quan.*

*Cưỡi lừa cưỡi ngựa Lô Trung hòa,*

*Phong vân lôi vũ bước điện vàng.*

Tháng Dần, xung lộc, Tài vượng. Tháng Tý, Tài vượng, Ấn vượng, quý. Tháng Sửu phúc, thích tửu sắc, cố chấp. Tháng Mão, hợp Thực, danh lợi song hiển. Tháng Thìn Tuất Mùi, khí thổ chuyên vượng, không tụ tài, bệnh thận. Tháng Tị Ngọ, sự nghiệp trầm phù bất định nhiều biến động. Tháng Thân Dậu, làm giàu chuyên nghiệp. Tháng Hợi Tý, đại phú.

+ Mậu Ngọ: Khí thể can chi thành hỏa vượng thổ tảo. Trụ ngày Mậu Ngọ, tọa Nhận thái vượng, nam mệnh khắc thê, nữ mệnh khắc phu, dễ bị thương tai. Mậu thổ quá khô tảo, chủ nhân tính cách tảo bạo. Nạp âm là Thiên Thượng hỏa, là hỏa tự vượng, chứa khí Ly minh viêm thượng, vô tình trị vật, động không tuân theo chúng, gặp thu đông, lấy thủy thổ vượng khí cứu tế, thì độ lượng cao minh, phúc lực cường tráng. Xuân hạ nhận lấy kim mộc, tuy đăng quang tấn tốc, nhưng mệnh không có lâu dài.

Trụ ngày Mậu Ngọ, tọa Nhận là thái vượng, cũng có không là hung. Điều kiện là Mậu thổ thiên nhược, mà Quan Sát trọng, phù hợp Dương Nhận giá Sát. Loại tình huống thứ hai, chính là Dương Nhận không phùng sinh, cũng không phùng xung, an an tĩnh tĩnh cũng không hung. Loại tình huống thứ ba, bên cạnh Ngọ hỏa có thấp thổ điều phối, chỗ này cũng giống như một người ở lúc muốn phát cáu, bên

ạnh có người khuyên răn hoặc chế ngăn hấn, việc ác tính cuối cùng sẽ không có phát sinh.

Ví dụ như ở trong phân thứ 4 có nói ví dụ 4, Càn tạo: Tân Hợi - Quý Tị - **Mậu Ngọ** - Bính Thìn. Bởi vì Thìn là thấp thổ, ức chế Dương Nhận, kết quả không chỉ không có hung, trái lại là đại quý. Thêm một ví dụ, Càn tạo: Tân Sửu - Tân Sửu - **Mậu Ngọ** - Nhâm Tuất, bởi vì Sửu thổ thấp khí có thể ức chế Ngọ hỏa, cả đời cũng không có tai nạn lớn.

Mậu Ngọ là ngày Mã bồn Ngọ môn. **Có thơ viết:**

*Nhật nguyệt phân tú phúc khí long,  
Sát Quan tương kiến chủ vũ công.  
Bình xuyên nhất khứ tiền trình viễn,  
Nhưng mã tây châu sánh Đào công.*

Tháng Tý, danh lợi song thu. Tháng Sửu, Tài vượng. Tháng Dần Mão thâu can, là trọng thần triều đình. Tháng Ngọ Mùi, gặp Ấn, văn tự cầm tú, thâu Quan hiển quý. Tháng Thân Dậu, thành viên quản sự tổng công ty tài chính. Tháng Tuất ít Tài, bình thường, cô khắc. Tháng Tý, ra ngoài lập nghiệp, tổ nghiệp không có nơi nương tựa, lục thân lạnh nhạt. Tháng Hợi, đại phú, Nhận vượng, tính cường, người tuy quý, nhưng nhiều hung hiểm.

+ Mậu Thìn: Can chi thành vượng, thông căn thân khó, tọa Tài Quan Tị kiên, nhưng trong Tị kiên Tài tinh hóa hỏa thành Ấn, biến thành Quan Ấn tương sinh, cho nên chủ cao quý. Trong chi có Mậu Quý hóa hỏa sinh thổ, mà Thìn vốn là thấp thổ, bên trong có hỏa, ôn hoãn trung hòa, có thể sinh vạn vật, tất nhiên rễ sâu lá tốt, có thành tú khí. Mậu Thìn nạp âm là Đại Lâm mộc, khí tượng thành vạn vật sức sống tràn đầy.

Mậu Thìn là ngày Thương Long xuất hải. **Có thơ viết:**

*Nguyệt sát cao sơn giang sơn tú,  
Bình sinh tối hỉ đông nam du.  
Nhất sinh tân cần quý bất hiển,*

## *Vi nhân nhiệt tâm phúc khí hậu.*

Tháng Tý, Tài vượng, mắt mù; không có hỏa, hư mà không thực. Tháng Sửu, Tài thiếu, người thông minh. Tháng Dần Mão, Quan tinh, thân vinh. Tháng Thìn, tài không tụ, cô khắc. Tháng Tị Ngọ, học nghiệp hai lần thành danh. Tháng Thân Dậu, nghệ danh tứ phương. Tháng Tuất, xung, thiếu niên xuất chúng. Tháng Hợi, đa tật. Tháng Tý, vô căn, phiêu đảng, kỹ nghệ siêu quần.

+ Mậu Dần: Khí thể can chi tùy theo mùa mà biến hóa. Sinh ở mùa đông xuân, thì tọa dưới Thất Sát thái trọng, cả đời lao khổ, đa số là tạo phúc cho người khác. Mậu dần sinh mùa xuân là ngày Thiên Xá, trong sáu có giải. Sinh mùa hạ, Bính hỏa vượng, khí thể ở Sát Ấn tương sinh. Sinh ở mùa thu, Dần phùng tuyết, Mậu thổ cũng bất ổn. Mậu Dần nạp âm là Thành Tường thổ, Thành Tường thổ đến đất mộc mà sáu thương, thuyết minh khí thể Mậu Dần vẫn là ở mộc khắc thổ.

*VD, Càn tạo: Nhâm Ngọ - Quý Mão - **Mậu Dần** - Nhâm Tuất.*

Trụ ngày Mậu Dần sinh ở đất mộc vượng, làm nghề thầy giáo, cả đời là tạo phúc cho học trò, bản thân lại lao đao thành tật. Vận Mậu Thân, Kỷ Dậu tình trạng kinh tế mặc dù có chuyển tốt, nhưng thân thể lại mỗi lúc càng hạ xuống, về già cũng không nhàn hạ.

Mậu Dần là ngày Hồ khiêu sơn cốc. **Có thơ viết:**

*Tướng tinh nhập mệnh lập vũ công,*

*Mãnh hổ tung hoành hiển anh hùng.*

*Ấn thụ Tài Quan huyền thiên môn,*

*Nam chinh bắc chiến ngựa mã hành.*

Tháng Mão, Dần, Quý vượng, đa tật hoặc yếu. Tháng Tị Ngọ, Ấn, thi văn hội hải, binh quyền vạn lý. Tháng Thân Dậu, mất lộc, tổn thương công danh. Tháng thổ, phú. Tháng Hợi Tý, kinh thương đại phú.

***Đệ thất giảng: Mậu thổ lưỡng Trường sinh, hoa như tôn diệu luận***

***Mậu thổ hoa như.***

Phía trước có nói đến Giáp Ất Bính Đinh, Giáp là chủ soái, Ất Bính Đinh là đại tướng, còn Mậu thổ thì sao chứ? Mậu thổ chính là dân chúng, dân chúng thì có thể thấy khắp nơi. Phổ thông bình thường, thực thực tại tại, không có tư thế. Giáp ở trên thân thể con người đại biểu đầu óc, Mậu ở trên thân người đại biểu cái bụng, cái bụng chính là bao tử, bất luận là thực vật hay là dược vật, ăn vào nó phải chứa đựng, cho đến khi xác thực là nó không chịu đựng được nó mới trả lời.

Đối diện Mậu thổ, thực tế là rất thích yên ổn, chỉ cần đem nó điều hòa, có thủy thấm nhuận là được, cũng giống như vị khẩu con người, vị khẩu lấy được điều hòa, không cần sơn hào hải vị, chỉ cần trà thô đạm bạc, nó vẫn cứ giúp bạn cung cấp dinh dưỡng.

Mậu thích Giáp, Giáp thích Mậu. Mậu thích Giáp, là nó có cảm giác được người khác tôn trọng. Giáp thích Mậu, là bởi vì Mậu có thể làm che chắn cho Giáp, điều khiển nghe theo nó.

Giáp khắc Mậu thổ, nhìn qua, Giáp là Sát tinh của Mậu, thực ra Mậu thổ chính là rất thích Giáp mộc khai thông, Mậu thổ không Giáp thì không linh. Cho dù Mậu thổ thiên nhược, thấy Giáp là áp lực, nhưng cũng là một loại áp lực tốt có tác dụng thúc đẩy. Mậu cũng rất thích Ất Bính Đinh, Ất là Chính Quan của Mậu, đối diện Ất mộc, chỉ cần Mậu có năng lực chịu đựng, tuyệt đối Mậu thổ sẽ không phản loạn. Người làm vườn thông minh, nói chung là không ngừng mà điều hòa, tư nhuận Mậu thổ. Đương nhiên mục đích chân chính của nó không phải là ở thổ, mà là ở bông hoa, chỉ qua là so với người bình thường lại hiểu được đạo lý tưới hoa không bằng bồi thổ. Mậu thích Bính Đinh thì tôi không nói thêm cũng biết. Tóm lại, Mậu là dân chúng phổ thông, Giáp Ất Bính Đinh đều là cao quý hơn nó, Mậu thổ chỉ cần có thủy điều hòa, cái gì cũng có thể thu nạp.

Có đạo là, vương hầu tướng lĩnh, ai cũng có dũng khí chằng? Bất luận con người cao quý như thế nào cũng đều đến từ dân chúng phổ thông. Mậu thổ muốn thoát thai hoá cốt, ngoại trừ trời sinh là Tông cách, đại cách, quý cách ra, thông thường đều không ly khai khỏi Giáp Bính Quý, tác dụng Bính Quý chính là điều hòa, tác dụng Giáp

là dàu dất.

Tục ngữ nói: Ăn không tận, uống bất tận, tính toán không được nghèo cả đời. Mậu thích Tý thủy, tọa dưới Tý thủy, giống như vò bọc vàng ngọc. Người Mậu Tý, rất biết tính toán, trong bình thường xuất hiện thông minh. Chẳng trách cổ nhân nói, thiên hạ không có Mậu Tý nghèo. Nghe người nói Đặng Tiểu Bình vĩ nhân cũng là ngày Mậu Tý, quả nhiên đem một nước Trung quốc nghèo nàn lạc hậu kiến thiết thành một nước Trung Quốc giàu có cường thịnh.

Mậu thích Dần mộc, trong Dần có hai Bính Giáp hữu dụng, Dần là phương Cấn, chỉ cần không bị xung, lại không hành mộc địa, người này tất có cơ sinh phát. Mậu Dần Kỷ Mão là Thành Tường thổ, hành mộc địa mà phải thương sầu. Nhưng cổ nhân lại nói, Mậu Dần sinh mùa xuân là ngày Thiên Xá, gặp chuyện có thể phùng hưng hóa cát. Có thể thấy Mậu vẫn là thích tọa đất Dần.

Mậu ở trên thân còn đại biểu là da dẻ, Mậu thổ quá âm thấp, dễ dàng mắc bệnh ngoài da, bên trong nóng mà bên ngoài hàn thấp, rất dễ dàng nhiễm cảm. Thiên can lại thấu ra Thương quan, bệnh ngoài da còn rất nghiêm trọng.

Thương quan của Mậu là Tân kim, Mậu thổ gặp Tân kim, chính là sánh như cầm tảng đá và kim loại, mặc dù Mậu thổ có thể sinh kim, nhưng người ngoai chỉ thích vàng của nó sinh ra, nhưng không thích Mậu thổ. Mậu gặp Tân kim, mặc dù có tài hoa, nhưng tâm kiêu ngạo, khó mà hợp quần. Nếu như gặp kim được hỏa, thì có thể ngăn tiết, tài hoa có sáng lộng, người cũng khiêm tốn, đây chính là đạo lý "*Thổ đắc kim hỏa, mới thành đại khí*".

Không ở núi cao, có tiên thì linh, thổ không cần dày, có kim thì tú. Mậu gặp Canh Tân, anh tài phát tú. Chẳng qua chỉ là tài năng đao bút, thấy hỏa mới là có phúc.

Mậu là bờ đê, có công phòng ngừa nước chảy tràn. Mậu thổ trời sinh đối kháng với Nhâm thủy, Nhâm thủy là Thiên Tài của Mậu, Nhâm thủy chấn động, Mậu thổ dù mạnh cũng khó giữ vững. Không tin bạn xem, người có Mậu Nhâm cùng thấu, đại tài chỉ gặp thoáng qua. Nếu

như Mậu thổ nhược, càng sợ Nhâm thủy, Nhâm thủy hợp trăm sông chảy xiết, một chút cũng không lưu tình xông phá bờ đê. Bờ đê bị phá, không thương tai thì là quan ti lao ngục. Mậu Quý hợp, lại thấy Quý, thì vốn là hợp hại, bất luận nam nữ, gặp tất là có phần nộ, thậm chí đánh nhau, tính cách cũng có ngã xuống thương khổ.

Mậu thổ có 2 Trường sinh: Một là Trường sinh ở Dần, một là Trường sinh ở Thân. Theo xu thế tư duy bình thường, cùng một thiên can lại có 2 Trường sinh, đây đúng là chuyện không thể. Mệnh thư Kinh điển **《 Trích Thiên Tủy 》** có nói một câu: *Mậu đắc Lộc ở Tị Hợi*. Mậu đắc Lộc ở Tị, chỗ này thấy khắp nơi, nhưng đắc Lộc ở Hợi, thì rất ít thấy. Người nghiên cứu mệnh lý nhiều năm, đối với Mậu đắc Lộc ở Hợi, khả năng lý giải là không rất khó, bởi vì dốc lòng mà suy thì hiểu ngay, Mậu đắc Lộc ở Hợi vốn chính là Mậu thổ Trường sinh ở Thân.

Mậu là cao sơn, thổ dày, là tượng trưng cho tất cả hàm nghĩa vững chắc. Tính Mậu thổ vừa nhiều lại có khắp nơi, Mậu thổ quyết định có đủ tính ỷ lại rất mạnh. Thiên Nhất sinh Thủy, Địa Nhị sinh Hỏa, Mậu thổ có tính lệ thuộc, nếu như nó không phải là vật lệ thuộc ở số thiên địa số 1, số 2 lại đi lệ thuộc vào với ai chứ? Lệ thuộc ở hỏa thì lý giải rất tốt, bởi vì hỏa sinh thổ, đây là từ trong quá trình sinh trưởng của Mậu thổ để mô tả. Lệ thuộc vào ở thủy, thì là từ trong ý nghĩa giá trị của Mậu thổ mà mô tả. Ví dụ như một tòa đập nước vững chắc, lúc bình thường nước không nhiều, bạn sẽ thường không chú ý đến bất cứ ẩn hàm giá trị của nó như thế nào. Nhưng mà, một khi lũ bất ngờ tràn đến, những cái đập nhỏ khác đều bị phá vỡ, mà nó sừng sững bất động, ngăn cản nạn hồng thủy giống như mãnh thú vậy, sau khi cứu nguy tính mệnh của bạn, bạn mới có cảm giác thấy đến sự vĩ đại của nó. Phán đoán Mậu thổ dựa vào ở ai, thì xem nguyên cục thủy nhiều hay là thủy ít, lại nói rõ thêm một chút, liền xem Mậu thổ này khởi ở nguyên cục là có tác dụng gì. Thế thủy bất tự hung dữ, trong đó Mậu thổ chính là núi cao đập lớn trời sinh dựng để ngăn lại cũng

cổ dùng thủy. Mậu thổ lúc này, là dựa vào mức độ thủy vượng để quyết định độ dày của thổ. Thủy của người có nhiều sâu bao lớn, Mậu thổ của ta thì sẽ có vũng vàng bấy nhiêu. Trong hiện thực, loại người này rất có nguyên tắc, cũng sẽ rất nắm chắc thời cuộc.

*VD Càn tạo:* Giáp Thìn - Nhâm Thân - **Mậu Tý** - Nhâm Tý.

Đây là bát tự của một vị vĩ nhân, trong đó Mậu thổ, thì có hình tượng là một bức cao sơn hậu thổ, trụ cột vững vàng. Nguyên cục là một khối thủy vượng, trời sinh Mậu thổ dựa vào ở thủy. Rất đáng mừng là Mậu sinh tháng Thân, khiến cho Mậu và Nhâm thủy cùng khởi được một Trường sinh, liền dùng chỗ này, thủy của bạn có sâu bao nhiêu, núi của ta cũng cao bấy nhiêu, thủy của bạn có cuồn mãnh bao nhiêu, thổ của ta cũng sẽ có dày bấy nhiêu. Nói chung hòn đá có thể ngăn chặn biển mênh mông. Triều lên, như thủy tràn Kim Sơn tự, Triều xuống, biển cả lại biến thành ruộng nương, tư tưởng Mậu thổ thủy chung đại biểu ý nguyện của dân chúng mọi nơi. Đây là lúc xã hội công nhận Vĩ nhân, sử dĩ ông ấy vĩ đại, vốn là do giờ sinh ở trong bát tự của ông ấy, đã sớm phân bố có bông tượng ở Tiên thiên.

Lại nói một chút về nữ mệnh có nhật can là Mậu thổ.

Gặp phải một cô gái ở trên mạng, sau khi toán bát tự cô ấy, tôi còn phải toán cho bát tự toàn nhà của cô ấy. Lúc bày ra bát tự người mẹ, vốn là có nhật can Mậu thuộc mệnh cách trung hòa. Tôi vừa nhìn thấy có nhật can là Mậu, liền không có suy tư, trực tiếp đoán: "*Mẹ của người giống như nam nhân.*" Cô gái này trả lời: "*Mẹ tôi không chỉ giống như nam nhân, mà còn hơn nam nhân bình thường.*" Lại có một lần tôi gặp đến một nữ nhân có ngày Mậu Ngọ xin cầu trắc, bởi vì cô ấy có năm Mão tháng Mão Chính Quan thấu can, tôi hỏi thăm dò trước, bạn giống như nam nhân chứ? Cô ấy nói không giống, tôi rất ôn nhu. Câu nói này của cô ta làm tôi bưng tĩnh, làm cho tôi đoán phúc quý đối với bát tự của cô ấy. Xác thực nữ mệnh có nhật can là Mậu tối thiểu đều có mang theo một chút tính cách của đàn ông, nữ sinh ngày Mậu, nếu như không giống nam nhân, trái lại là có phúc khí

lớn, đa số là mệnh quý phu nhân. Nữ nhân giống nam nhân cũng đều có năng lực, nhưng khá là gian khổ.

## 6. Phần Kỳ thổ

**Đệ nhất giảng: Nhược vô tần nhất thống, thiên địa hựu hà tồn**

### **Thuyết khởi từ Kỳ Mão.**

**Nạp âm ca viết:** Mậu Dần, Kỳ Mão thành tường thổ.

Mậu tọa Dần, Kỳ tọa Mão, theo lý luận của Trương Thần Phong thì đây đều là tiết cực, lúc xem Mậu Kỳ thổ suy nhược bậc nào, tại sao nạp âm lại là Thành Tường thổ chứ? Trước đây, một mực tôi suy xét ở vấn đề này, thật lâu mà vẫn không có đáp án vừa ý. Cho đến cách đây vài năm đệ tử Hiếu Minh ở Bắc kinh mang người nhà của tôi đến Vạn Lý trường thành du ngoạn, trèo lên đến tám bậc núi, tay tôi sờ từng cục đá xanh, thứ nhất là tâm tư không có nhìn về cảnh đẹp trong ngoài của Trường thành, mà là đang tìm kiếm Thành tường thổ ở trong hiện thực. Rất hiển nhiên, thành tường này ngoại trừ là tảng đá, cái khác đều là từng cục đá xanh xây nên. Nhìn theo khí thế hào hùng của trường thành kia, cháu tôi nhất thời hứng thú, háo hứng ngâm nga một bài thơ, đề tài là leo lên trường thành: "*Xưa nghe bát đạt lĩnh, nay trên cổ trường thành. Trường thành trắng gió tốt, thiên cổ bao nhiêu tình. Xuân thu ngũ phách loạn, chiến quốc thất hùng tranh. Không có Tần nhất thống, thiên địa làm sao tồn.*"

Vật ở trời đất, cũng không phải là dựa vào tương sinh tương hợp mà tồn tại, như Mậu Dần, Kỳ Mão là loại tổ hợp thiên địa tương khắc, trái lại cứng như tường thép. Tôi tinh tế suy nghĩ, Kỳ Mão cùng Mậu Dần là một âm một dương, dương hiển mà âm tàng, Mậu Dần là tổ hợp can chi mộc hỏa thổ, trong khắc có sinh, tương đương với vẻ bên ngoài, thực thể là Thành Tường thổ; Kỳ Mão thì bao hàm toàn bộ quá trình

kiến trúc thành tường.

Lúc nhỏ tôi đã từng thấy bản thân nông dân chế thổ thành gạch, trước là rửa sạch đi một tầng đất đen ở trong ruộng, đào ra tầng bên dưới một lớp đất màu vàng cứng ngắt, hòa với nước, thêm lớp rơm tạt lên trên, dùng trâu đập luyện, cho đến khi nước, cỏ, đất hoàn toàn hòa hợp với nhau, thì có thể chế thành gạch. Tôi hỏi bác nông dân chế luyện, tại sao phải bỏ thêm rơm rạ vào chứ? Ông lão trả lời tôi nói, đó là dùng làm "Cốt", thì phải có rơm rạ, đất nung gạch mới không bị tán ra. Xem ra lớp rơm rạ này không phải là tầm thường, không có mộc, thì thủy thổ không hòa hợp. Lại xem xây tường, tất phải có giàn giáo, nếu không thì gạch khó xây thành tường. Vì vậy mới nói, thổ trên thành tường, tất cần mộc để chống đỡ, Mậu Dần Kỷ Mão mộc, khởi tác dụng chống đỡ mà thôi. Đặc biệt là Kỷ Mão, Kỷ là đất ruộng vườn phân tán, tất cần có Mão để chống đỡ, Kỷ thổ mới có thể phát huy tác dụng của nó.

Có một ví dụ làm bằng chứng, *Cần tạo*:

Canh Tý - Mậu Tý - **Kỷ Mão** - Quý Dậu.

Bát tự này có 2 Tý hình một Mão và Mão Dậu xung, địa chi toàn lực đối phó Mão mộc, nếu như nói Mão là kỵ, người này tất phú quý, nhưng sự thực cũng không phải là người phú quý. Từ trên ngũ hành sinh khắc mà phân tích, thủy sinh mộc có tốt cũng có xấu, Tý thủy quá nhiều, không phải là đất tốt mà sinh Mão mộc, Tý thủy nhiều lại là bệnh. Mỗi khi phùng năm Tý thủy, mệnh chủ nói chung là lay động bất an, lúc đi làm công việc không an tâm, sau năm Tý nghỉ việc thì lại chạy đông chạy tây. Cơ hội năm Tý vẫn là có, nhưng đều không có thu lợi ích. Nhưng mà, phùng năm Hợi thủy, mặc dù cũng có chút lay động, nhưng thu lợi khá tốt, ví dụ như năm Ất Hợi vẫn nâng chức tăng lương. **Thư viết:** *Dần cung bất phạ thủy nguyên thâm*. Tạo này phùng năm Dần đều không tệ, năm Sửu hợp trụ Tý thủy cũng có tài khí, năm Mão hoặc Dậu đã phá cân bằng Mão Dậu, không thương tai thì phá tài. Mão là trụ của Kỷ, Mão không thể tổn thương. Tạo này Mão mộc là chi trụ Kỷ thổ, còn có một chứng cứ, sau khi mệnh chủ nghỉ việc, trên

kinh tế chủ yếu dựa vào nỗ lực của bà vợ, mặc dù bà vợ không thể nào thấu tình đạt lý, nhưng đối với mệnh chủ mà nói lại là chỗ nương tựa.

Nếu như đem Mậu thổ xem thành quần thể, vậy thì Kỷ thổ chính là cá thể ở trong quần thể, nhiều cá thể thì có thể tổ thành một hay là nhiều quần thể. Trên đời mệnh có nhiều nhật can Kỷ thổ là điền viên, Kỷ là thổ điền viên, có người gọi nó là bùn nhão. Dẫn đến, có thể làm thành bồ tát; nghiền nát tinh hoa, cũng có thể vùi lấp chặn bả. Sóng lớn nghịch cát, có thể tìm ra chân kim, hỏa thổ thành công, tức là đồng lương. Kỷ thổ linh hoạt, có thể rất mềm dẻo. Có thể đắp thành bờ đê, có thể tích thành núi cao, là càng phổ biến, trải qua cày bừa vạn vật có thể sinh trưởng. Lấy thổ là điền viên, mộc là cái cày, kim là lưỡi cày, đắc kim gặp mộc, tất có triển vọng, đắc kim gặp hỏa, mới thành đại khí. Có kim không có mộc hoặc có mộc không có kim, thì là thường nhân. Tích thành núi cao hoặc là thành tường, tất cần có thổ dày, còn cần hỏa để nung luyện, mới có tiền đồ lớn.

Mậu thổ là vật thể tượng trưng tinh thần hết sức cao lớn, dày nặng, bền vững. Còn Kỷ thổ là âm thổ, vật bao dung thủy, hỏa, kim, mộc. Là tượng trưng cho đất âm ruộng vườn. Người có nhật can Kỷ thổ, hạ thấp khiêm nhường, năng lực bao dung người khác cực mạnh, là người thứ hai cai quản lực lượng tứ phương tốt nhất, nhưng nếu như người Kỷ thổ làm thủ lĩnh, liền khiếm khuyết phong cách lãnh tụ, có chút lộ ra không quả quyết. Kỷ thổ ôn nhu, dáng mặt có vẻ như tươi cười, nhưng bên trong mang lòng nghi hoặc, bởi vì nhiều nụ cười, không cười thì nhìn rất khó coi, có lúc giống như đồng bằng khởi mưa gió, tình cảm thay đổi rất nhanh.

Kỷ thổ rất thích xem khí sắc Mậu thổ, Mậu thổ là quần thể của nó, có lúc cũng đại biểu là đồng bọn trong quần thể này, Mậu thổ lúc mạnh hơn Kỷ thổ, tất nhiên Kỷ thổ hướng theo Mậu, thậm chí không tiếc nhân cách bản thân.

Kỷ thổ ở trên trời là mây, là sương mù, ở đất là ruộng vườn, đất đai, ở trên thân thể người là tỳ vị. Tỳ vị ở trong bụng, công năng chủ yếu là

chuyển hóa, chủ ống máu, chủ cơ thịt, tứ chi, thông với miệng, sáng ở môi, cùng liên quan đến dạ dày. Dạ dày sợ khô táo, tỳ sợ thấp, táo thấp không điều hòa, tỳ vị tổn thương, ngoại thương da dẻ. Trong bát tự Kỷ thổ là bệnh, có thể đoán mặt mũi có tật.

*VD, Càn tạo: Giáp Dần - Bính Tý - **Nhâm Dần** - Bính Ngọ.*

Nhâm thủy thông hà, chung quy đại hải, đem mặt trời tỏa sáng, khí xuyên thiên hà. Trong trụ giờ ám tàng Kỷ thổ, là ngọc bích có tỳ. Giáp mộc tuy có lực, khó chế Kỷ thổ, dựa vào điểm này, tiên sinh nếu không có tật trên mặt mũi, định là trong cuộc sống có điều khó nói. Mậu Kỷ thổ là họa hoạn, còn có một bằng chứng. Vận Kỷ Mão năm Mậu Dần, Kỷ Mão, thổ đa hối hỏa, tuế vận cùng lâm, địa đạo mộc đa hỏa tức, 2 Mão hình khắc 1 Tý, môn hộ bị tổn thương, tất nhiên huynh đệ hoặc phụ mẫu có họa sinh tử. 5 năm Kỷ vận, đối với mệnh chủ giống như mây đen che ánh mặt trời, bản thân mệnh chủ nếu không có đại hoạn, thực là tố chất tiên thiên quá tốt, vận trình lưu niên không làm gì được.

Mậu thổ xu hướng ổn định, Kỷ thổ xu hướng linh hoạt, thực chất cũng đều là thổ. Mậu là bản khí thổ, Kỷ thổ là đất ruộng vườn tươi xộp, lúc tất yếu, Kỷ thổ có thể biến thành Mậu thổ, như thay thế tường, bờ đê. Tinh thần Mậu thổ là tượng trưng tất cả vật thể đều cao to, dày nặng, vững chắc, còn tinh thần Kỷ thổ thì chỗ linh hoạt của nó.

## ***Đệ nhị giảng: Hình xung nghi bất nghi, Thế tượng thuyết phân minh***

### ***Thế tượng Kỷ thổ.***

Nói đến thế tượng của Kỷ thổ, thế tượng tức là tổng thế tượng cơ bản, từ trong thế tượng chúng ta có thể cảm nhìn ra phép dụng trọng yếu của Kỷ thổ. Có thơ viết:

*Kỷ thổ điền viên thuộc tứ duy,  
Khôn thâm có làm cơ vạn vật;*

*Thủy kim vượng xứ thân vẫn nhược,  
Thổ hỏa thành công cục tối kỳ.  
Thất lệnh sao có vùi kiếm kích,  
Đắc thời mới thể dụng tư cơ.  
Khoe đầy Ấn vượng kiêm đa hợp,  
Không gặp hình xung tổng bất nghi.*

Kỷ thổ thuộc loại đất cát bùn ở ruộng vườn, phân tán ở 4 góc Thìn Tuất Sửu Mùi, không phải vật thuần ở tứ chính Chấn Đoài Khảm Ly, nhưng có bao hàm kim mộc thủy hỏa. Kỷ thổ là nền tảng vạn vật, vạn vật sinh trưởng tiến hóa không có ly khai khỏi Kỷ thổ. Thì giống như tỳ tạng của động vật, có thể thu hút chuyển hóa khe nước tinh hoa ở trong tự nhiên. Mọi người có thể nhìn thấy khe nước tinh hoa này ở trong dinh dưỡng nuôi thân thể, nhưng rất ít người quan tâm đến con đường trọng yếu của việc thu hút tinh hoa này, cho nên Kỷ thổ và Mậu thổ cũng có đặc điểm giống nhau, đó là nhìn qua rất bình thường, rất phổ thông, lực lao động cá thể. Ai không biết, trước hết là có nhiều cá thể, mới có thể tổ thành một quần thể khả quan.

Đối mặt người Kỷ thổ, muốn làm cho thành tài, trước tiên phải khiến cho hấn cần mẫn, không ngừng khai thác tài năng của hấn, thì cũng như đối mặt với ruộng vườn của nhà mình, tất cần phải qua đổi mới hàng ngày, cần cù mà cày cấy, mới có thành quả lớn lao. Cày cấy ruộng đồng, không ly khai khỏi cày bừa, ngũ hành mộc là cái bừa, ngũ hành kim chính là lưỡi cày hoặc là răng cày. Thông thường mà nói, người Kỷ thổ, tất phải cần hai vật kim mộc, chỉ cần có hai vật kim mộc, tự nhiên sẽ có bản lĩnh sinh tồn. Nhất là người Kỷ thổ thuộc về thân thiên nhược, hai vật kim mộc mặc dù là Thực Thương và Quan Sát của Kỷ thổ, nhưng Kỷ thổ cùng những can khác có chút phân biệt, ở Kỷ thổ muốn có thành tựu, thì không thể ly khai kim mộc, hơn nữa còn yêu cầu có đủ hai vật, có cày không có lưỡi, hoặc có lưỡi mà không có cày, cộng thêm thân nhược, khởi có thành tựu thì rất khó. Lúc nào thì Kỷ thổ thuộc về thiên nhược? Có đạo là: *Thủy kim vượng xứ thân hoàn nhược*. Tứ chính ngoại trừ phương Ly ra, còn lại 3

phương đều là thân nhược. Phương Chấn hỏa được sinh khí, mặc dù Kỷ thổ nhược, nhưng có thể dựa vào khí hỏa. Nhưng mà, Kỷ thổ phải vượng, phải sinh ở đất Thìn Tuất Sửu Mùi. Nếu như chỉ được phương Ly Ngọ hỏa, cũng không nhất định có thể cấu thành kỳ cục hỏa thổ công thành.

Trên có nói qua, tính tố chất Kỷ thổ rất mạnh, lúc nhược có thể là đất ruộng vườn, lúc vượng cũng có thể xây thành tường kiên cố. Kỷ thổ sinh ở tháng tứ quý, lại có hỏa làm chỗ dựa, thì có trở thành bản lĩnh đại khí hậu.

*VD 1, Càn tạo: Đinh Mùi - Bính Ngọ - **Kỷ Mùi** - Bính Dần.*

*Đại vận: Ất Tị, Giáp Thìn, Quý Mão, Nhâm Dần, Tân Sửu, Canh Tý.  
6 tuổi vào vận.*

Nhìn sơ qua tựa như là hỏa thổ thành công, thực ra không phải. Nguyên nhân là Kỷ sinh tháng Ngọ, Đinh hỏa nắm lệnh, cộng thêm thấu ra 3 Bính Đinh hỏa, chỉ có thể lấy hỏa nhiều hỏa vượng xem. Mặc dù Kỷ thổ nỗ lực hồi hỏa, nhưng khó đối địch Dần mộc sinh hỏa. Đã luận hỏa, Dần Ngọ khuyết Tuất, Ngọ Mùi khuyết Tị, hỏa không thành phương cũng không thành cục, hỏa thổ đều không thành cách. Người đi học thông minh, học lịch cũng là chính quy, chính là hơn phân nửa sinh phiêu phù bất định, không có thủy cứu hỏa, Kỷ thổ cháy khét vậy. Vận Nhâm Quý, thủy thái khinh, chẳng tích sự gì, chẳng thấm vào đâu, dẫn đến không có vợ con, hơn cả nửa đời người. Suy xét hậu vận can kim thủy, có lực cứu hỏa, có hi vọng sinh Tài, còn có thể có tiền đồ. Người này là một tiên sinh toán mệnh xử sự lễ phép, văn nhân hoa nhã.

*VD 2, Càn tạo: Bính Ngọ - Ất Mùi - **Kỷ Tị** - Đinh Mão.*

*Đại vận: Bính Thân, Đinh Dậu, Mậu Tuất, Kỷ Hợi, Canh Tý, Tân Sửu.  
10 tuổi khởi vận.*

Tạo này cùng tạo ở trên khác nhau là Kỷ sinh tháng Mùi, bản khí Kỷ thổ nắm lệnh, thấu hỏa tất là sinh thổ, đây mới là bát tự hỏa thổ

thành công. Thiên can Ất mộc mặc dù không thể khiến cho Kỷ thổ trở thành chuyên vượng cách truyền thống, nhưng địa chi ám tàng Canh kim, chính là mộc ở trên, kim ở dưới, có đủ cày và耨. Lúc thân nhược, có thể làm thổ điền viên, để trồng trọt; lúc thân vượng, có thể trở thành vật kiến trúc to cao. Ất mộc quy Lộc, tiến thoái đều hợp. Mệnh này bất phàm, người này quả nhiên là đại quý, 42 tuổi đã là nhân thần.

*VD 3, Khôn tạo:* Mậu Tuất - Mậu Ngọ - **Kỷ Tị** - Bính Dần.

Tạo này cùng VD 1 khác nhau là hỏa được Dần Ngọ Tuất, hỏa biến thuần, không giống như VD 1 thì là quá khô tảo. Thiên can còn có 3 thổ, cũng ức chế hỏa quá viêm. Chỉ lấy thân chủ mà luận, Kỷ thổ được Canh kim ám tàng ở trong, chi giờ Dần mộc, đều có đủ hai vật kim mộc. Người này trước 33 tuổi chỉ là văn minh chất phác, có tướng tài, thẳng đến chữ hạn Kỷ lúc 33 tuổi bắt đầu phát đạt. Bởi vì sinh ở tháng Ngọ, ngọn lửa bay lơ lửng, cho nên tiền đồ sự nghiệp có nhiều phong ba, cùng VD 2 là khác nhau khá xa.

Chúng ta tiếp tục nghiên cứu 4 câu sau trong bài thơ Thể tượng. *Thổ đa kim mai*, là nói ngũ hành kim bị đại hoạn, nhưng mà Kỷ thổ không đắc lệnh, hoặc là lúc nhược thì không cần xem xét có họa vùi kim. Ở lúc Kỷ thổ thất lệnh cũng không dễ dàng sinh trợ Canh Tân kim, cũng chỉ có lúc Kỷ thổ nắm lệnh nó mới có bản lĩnh sinh kim. Thất lệnh sao có thể chôn vùi kiếm kích, đắc thời mới có thể dụng tư cơ. Ở lúc xem bát tự Kỷ thổ vượng suy, trước tiên trọng điểm chú ý là Kỷ thổ có nắm lệnh hay không, sinh ở Thìn Tuất Sửu Mùi cũng phải xem nhân nguyên thổ chủ sự hay không. Khởi lúc vùi được kim mới có thể khởi sinh được kim. Lúc nào thì thuộc về chôn kim? Lúc nào thì thuộc về sinh kim? Lại phải dựa vào kim nhiều ít mà xác định.

*VD 4, Càn tạo:* Mậu Thìn - Kỷ Mùi - **Tân Dậu** - Nhâm Thìn.

Kỷ thổ nắm lệnh, thổ nhiều hơn kim, tức là Thổ đa mai Kim.

*VD 5, Mậu Thìn - Kỷ Mùi - **Tân Mão** - Canh Dần.*

Cũng là Kỷ thổ đương lệnh, nhưng thiên can thổ kim đều cùng trọng, kết quả là thổ sinh kim, mà không phải là chôn kim.

**Hai câu cuối cùng:** *Khoe đầy Ấn vượng kiêm đa hợp, Không gặp hình xung tổng bất nghi.* Ấn tinh Kỷ thổ là ngũ hành hỏa, Kỷ thổ gặp đến hỏa thổ thành công, tất là mệnh phi phạm. Nhưng mà chỉ là Ấn vượng, thổ không nắm lệnh, cũng đừng tùy tiện đem nó xem là hỏa thổ thành công. Kỷ thổ phùng Giáp tất có Giáp Kỷ hợp hóa tượng, Kỷ ngộ Giáp hợp, xu thế vẫn là hóa thổ, hợp hóa là dựa vào thổ hóa sinh, thổ không nắm lệnh, thì hóa tượng không chân. Lúc này thì làm sao xử lý? Câu cuối cùng nói cho ta biết là có một biện pháp hữu hiệu, đó chính là gặp xung gặp hình, trong trụ gặp niên vận có chữ hình hoặc chữ xung thì có thể phát. Hình hoặc xung ở đây trái lại là một loại khó được cát tượng, chỗ gặp xung có thể giải trừ hợp mà không có hóa, gặp hình chính là đem Kỷ thổ tiến hành lập lại. Gặp hình khó bảo toàn những nhân sự vật khác không phát sinh hung sự, nhưng vì Kỷ thổ gặp hình xung đa số là có chuyện tốt, xu thế có bội thu từ phá cái cũ xây dựng cái mới. Trong hiện thực thấy nhiều người thân qua đời, bản thân năm ấy trái lại là thăng quan phát tài.

*VD 6, Càn tạo: Ất Tị - Bính Tuất - **Kỷ Hợi** - Giáp Tý.*

Kỷ sinh tháng Tuất, thổ đúng đang vượng. Can có mộc, chi có ám tàng Canh Tân kim, quyết định tạo này Kỷ thổ có cường có nhược. Lúc vượng có thể trợ Giáp Kỷ hóa thổ, lúc nhược thì có lưỡi cày trồng trọt. Cả đời người này bình thuận, quan chức một mực thăng thiên. Trụ có Tị Hợi tương xung, bản thân cũng rất là nỗ lực, khắc khổ học tập nghiệp dư, tư tưởng tri thức đều có thể theo đuổi tình thế. Công việc gia đình con cái đều khá là bình thuận, nhất là gặp năm xung, năm thân nhân bất thuận, cá nhân lại có khởi sắc lớn.

***Đệ tam giảng: Can không sợ thấy nhược, chi chi sợ thổ thấp***

***Khí thế Kỷ thổ.***

《 *Trích Thiên Tuy* 》 nói:

*Kỷ thổ ti thấp,*

*Trung chính súc tàng.*

*Bất sâu mộc thịnh,*

*Bất úy thủy cuồng.*

*Hỏa thiếu hỏa hồi,*

*Kim đa kim quang.*

*Nhược yếu vật vượng,*

*Nghi trợ nghi bang.*

Kỷ thổ là can âm, là thổ âm thấp, ám tàng có kim mộc thủy hỏa. Kỷ thổ mặc dù là hộ cá thể ở trong thổ, nhưng có tính bao mạnh mẽ. Kỷ thổ có bản tính súc tàng trung chính, giỏi về quan sát sắc mặt, để bảo toàn bản thân, trong bát tự có một loại khí thể ngũ hành rất hưng thịnh thì nó thuận theo với loại ngũ hành đó, thuận thế mà làm là ưu điểm lớn nhất của nó. Thấy hỏa sinh trợ là đắc khí, sinh ở tháng tứ quý thổ chính là vừa đắc khí lại vừa đắc thế. Đối mặt khí và thế, nói chung Kỷ thổ trước tiên là chọn thế, tổng thể khí thể Kỷ thổ thuận theo thế hoặc là tòng thế, loại thái độ này của nó là cơ động linh hoạt là đạo sinh tồn của người Kỷ thổ.

Chính là bởi vì bản lĩnh của nó có tòng thế hoặc là thuận thế, trí tuệ linh hoạt cơ động, cho nên mới có "*Bất sâu mộc thịnh, bất úy thủy cuồng.*" Kỷ thổ ở trên trời là mây, là tay cừ khôi che phủ ánh thái dương, năng lực làm hồi hỏa sinh kim mạnh hơn so với Mậu thổ, kim càng nhiều, Kỷ thổ càng sinh kim.

Mặc dù Kỷ thổ là không lo mộc thịnh, không sợ thủy cuồng, nhưng Kỷ thổ cũng có vật lo sợ, đó chính là Kỷ thổ sợ âm thấp. Kỷ thổ sợ thấp, thực tiễn mệnh lý, trung y luận chứng đều có độ chuẩn xác là tương đương nhau. Dạ dày thích âm thấp, còn tỳ lại thích khô táo. Kỷ thổ sợ thấp, thể hiện chủ yếu ở Kỷ thổ là gặp Sửu thổ hoặc Thìn thổ, đơn thuần thủy vượng nó cũng không sợ, bởi vì nó có thể tòng thế. Kỷ thổ gặp đến một khối Sửu Thìn thấp thổ chính là một bãi bùn nhão, lúc

này thì Kỷ thổ làm trọc thủy, hồi hỏa, thăm thực bì cây cỏ ở trên bề mặt của nó cũng không thể nào sinh trưởng.

*VD 1, Càn tạo: Tân Mão - Canh Dần - **Kỷ Sửu** - Mậu Thìn.*

Tạo này sớm có vận mệnh như thế nào? Vận sau này như thế nào? Dụng Kỷ thổ hi tảo sợ thấp, thì có thể đoán ra cái tổng thể. Dụng lý luận trước đây phân tích tạo này, Kỷ thổ không nắm lệnh, chỉ có thể làm thổ điền viên, thổ điền viên quý ở có người canh tác trồng trọt, hai trụ phía trước có kim có mộc, tựa như là ở cày cấy. Tiếc là, kim ở trên mà mộc ở dưới, giống như đem cái cày đưa ngược lên trời mà hoạt động, cấy cày thuần túy là một cách thức. Đương nhiên tệ hơn vẫn là gặp đến Sửu Thìn thấp thổ, hạn sớm ở trên Canh Dần Tân Mão, có tảo khí, có nạp có giải thấp khí. Trung niên tiến vào vận Kỷ Sửu Mậu Thìn, một khối thấp thổ, Kỷ thổ không có sức sống, đạo lý là có yên mà không bị hãm vào vũng bùn hay sao chứ?. Người này vận đầu quý, vận về sau không vững bền.

Kỷ thổ sợ thấp, nếu như gặp đến tượng một khối thấp thổ ở trên như vậy, làm sao bây giờ? Biện pháp duy nhất chính là phải đi khử thấp, gia tăng khí khô tảo, bát tự có giải thấp là tốt nhất, bát tự không có giải thần, đại vận nếu có giải, hiệu quả cũng không là rất rõ ràng.

*VD 2, Càn tạo: Giáp Ngọ - Mậu Thìn - **Kỷ Sửu** - Quý Dậu.*

Tạo này cùng tạo ở trên là giống nhau có nhật can là Kỷ Sửu, cũng là một khối thấp thổ. Nhưng mà khác nhau là năm Ngọ hỏa, giờ Dậu kim, đặc biệt là Dậu kim cùng Sửu Thìn đều có hợp. Kim chủ khí khô tảo, Ngọ hỏa là làm ấm Thìn, khí khô tảo vẫn rất đầy đủ. Địa chi dần xếp ổn thỏa lại xem thiên can, Kỷ thấy sắc thái Mậu, Mậu thổ tọa Thìn, đắc Ngọ hỏa tương sinh, xu thế hiển nhiên thịnh vượng. Mậu Quý Giáp Kỷ cũng có tượng hợp, vật hợp hóa hoàn toàn là trợ giúp Kỷ thổ. Cho dù về già hành vận thân suy, Kỷ thổ là thổ điền viên, can có mộc, chi có kim, cùng có đủ hai vật, cùng tạo trên tuyệt đối có khá biệt. Quả nhiên, người này quý là Thiên Tử.

*Can dương dễ dàng tòng khí nhưng khó tòng thế, can âm tòng thế vô tình nghĩa. Kỷ thổ cũng không ngoại lệ, kim vượng tòng kim, thủy vượng tòng Tài, mộc vượng tòng Quan Sát, kim thủy mộc cùng vượng thì Tòng Nhược. Bật luận tòng là chân hay giả, một khi hành đến vận trợ thân, thì có khả năng trở mặt không nhận, giống như trời đang nắng chuyển sang mây đen, trong khoảnh khắc trời bỗng mưa lớn khiến cho bạn tránh mưa không kịp.*

*VD 3, Càn tạo: Nhâm Dần - Quý Mão - **Kỷ Tị** - Ất Hợi.*

Tạo này, can có mộc, chi có tàng kim, người này có năng lực không tệ, chính là quá âm hiểm, khuôn mặt có đầu nhọn, hành động dao động như gió. Tọa dưới có Tị hỏa, đắc khí thông căn, không phải là toàn tâm toàn ý mà tòng thế; Hợi xung Tị, hỏa lực không đủ, lại không thể không tòng thế; ngũ hành mâu thuẫn tạo thành tư duy mệnh chủ mâu thuẫn, chẳng trách là một tiểu nhân gian trá. 10 năm Bính Ngọ gặp Quý nhân phát tài, sau đó không nhận lộc thân. Cùng người quan hệ, trước mặt nói khác sau mặt nói khác.

Kỷ thổ là cá thể ở trong quần thể, chỉ cần không nắm lệnh, không thành thế vượng, thì nó phải lấy tòng thế là cát. Tòng càng chân, tính nhân phẩm càng tốt, sự nghiệp thành tựu cũng càng lớn. Ngoại trừ hỏa thổ thành công, thì lấy đại cách mà xem, còn lại Kỷ thổ đều là thổ điền viên, thổ điền viên tất phải cần hai vật kim mộc, có hai vật này, Kỷ thổ dù có nhược, tất cũng có thành tựu.

***Đệ tứ giảng: Kỷ thổ du tứ quý, Khí số định hi kỵ***

***Khí số Kỷ thổ.***

**Quyết viết:**

*Kỷ thổ hàn thấp Bính vi tôn,*

*Thìn Tuất thổ hậu Giáp khả sơ.*

*Nhị nguyệt dụng Giáp dẫn kỵ hợp,*

*Tam hạ tam thu nghi Quý Bính.*

*Càn tạo: Canh Dần - Quý Mùi - **Kỷ Dậu** - Tân Mùi. (Mệnh này là Tổng thống ở Đài Loan).*

Sinh ngày 13/7/1950, giờ Mùi DL, nhằm ngày 29/5 âm lịch năm Canh Dần. Sinh sau tiết Tiểu Thử 5 ngày.

Ba năm trước, một vị bạn ở Đài Loan cầm bát tự này thử trình độ của tôi, bát tự này vô phương vô cực, hiển nhiên là không dùng phép khí thể xem. Biện pháp của tôi là, phép khí thể không được thì dùng phép khí số để phân tích. Kỷ thổ tháng 6 thấu ra là Nhật nguyên, là vật nắm lệnh vượng, Quý thủy là khí số của nó, tất cả đều xoay quanh thân chủ Kỷ thổ và khí số Quý thủy để xem. Quý thủy ở địa chi không có căn khí, tất cần có Canh Tân kim để sinh trợ, vừa đúng Canh kim kê bên trợ Quý thủy, Canh kim là một thanh khí. Kỷ thổ nắm lệnh thiên vượng, Dần mộc có thể khai động Mùi thổ, Dần mộc cũng là thanh khí, nhưng Canh tạo Dần là tuyệt địa, Canh kim thiếu lực, vừa đúng tạo dưới Dậu kim, giờ thấu Tân kim là đắc lộc, bang trợ Canh kim sinh Quý thủy, Tân Dậu kim lại là một luồng thanh khí. Nguyệt lệnh Mùi thổ bị ảnh hưởng chi năm, giờ, khắc tiết có chút hơi quá, vừa đúng sinh ở giờ Mùi, bổ túc thân chủ, chi giờ còn là một luồng thanh khí. Thanh khí đầy cực, khiến cho tôi có cảm giác ra khí số chủ nhân của bát tự này phi phàm, quyết không thể nào là tạo mệnh của người bần thường. Tôi khẳng định mà nói "Bát tự này không phải là bạn." Đối phương nói "Dựa vào cái gì mà khẳng định?" "Bát tự này có tầng lớp rất cao, nếu như là bát tự bản thân của bạn, tuyệt sẽ không thăm dò người khác như vậy." Tôi phải nói cho bạn biết, rốt cuộc bát tự này là ai, hấn nói là một nhân vật trọng yếu làm chính trị, còn hỏi: "Hấn ở năm gần đây có thể làm đến vị trí nào?" Tôi nói trong vòng 3 năm tất làm đến quân vương, về sau hấn nói cho tôi biết, đây là bát tự của Mã Anh Cửu ở Đài Loan. Quả nhiên sau đó Mã Anh Cửu thăng lên làm tổng thống, hấn thường điện thoại đến, mà còn tham gia lớp học tập mệnh lý do tôi giảng dạy.

+ **Có thể xem tiểu sử của Mã Anh Cửu**, qua link:

[https://vi.wikipedia.org/wiki/M%C3%A3\\_Anh\\_C%E1%BB%AD](https://vi.wikipedia.org/wiki/M%C3%A3_Anh_C%E1%BB%AD)

Phía trước đã nói qua, Kỷ thổ rất linh hoạt, lúc dày nặng, lực tranh hỏa thổ thành công, có thể thành đồng lương; lúc thiên nhược, cũng có thể trồng trọt. Khí số của Kỷ thổ và Mậu thổ thực ra là không có phân biệt quá lớn, đều là lấy Giáp Bính Quý làm khí số, tác dụng khí số cũng cùng Mậu thổ như nhau, không có Giáp bất linh, không có Bính không sinh, không có Quý không trưởng. Kỷ thổ sinh ở tháng Hợi, Tý, Sửu, Dần, khí trời hàn lạnh, hoặc gặp Thìn Sửu nhiều, lúc khí âm thấp quá nặng, thì Bính hỏa là khí số đệ nhất. Bởi vì giải hàn khử thấp là gấp, Bính hỏa là tôn quý nhất.

Sinh ở tháng tứ quý Thìn Tuất Sửu Mùi, đặc biệt là tháng Thìn Tuất, thì Kỷ thổ giống như Mậu thổ là dày nặng, thì Giáp mộc là khí số đệ nhất, nhưng cũng phải tham khảo Bính Quý. Nếu như Kỷ thổ cũng không thật dày, chỉ có thể nói là làm thổ điền viên mà dùng, thổ điền viên chủ yếu là dùng để trồng trọt, nếu bỏ qua ánh Thái dương và mưa móc, làm sao thu hoạch?

Kỷ thổ tháng Mão khá là phức tạp, bởi vì tháng 2 khí trời dần ấm, ranh giới vạn vật xuất thổ, phá thổ là vị trí thứ nhất, cho nên Kỷ thổ tháng 2 khí số đệ nhất là Giáp mộc. Không có Giáp, Ất cũng được. Kỷ gặp Giáp, rất dễ dàng hình thành Giáp Kỷ hợp, rõ ràng tháng 2 mộc vượng, cỏ dại cũng nhiều, Giáp Kỷ hợp tất là không hóa, lúc này, không chỉ không thể phá thổ, còn có khả năng khiến cho thổ càng dày thêm. Cho nên, Kỷ thổ tháng 2 dụng Giáp nhưng kỵ Giáp Kỷ gần nhau.

VD như, Càn tạo: Giáp Dần - Đinh Mão - **Kỷ Hợi** - Canh Ngọ.

Giáp mộc thấu ra, Kỷ Đinh đặc lộc, cũng là một mệnh tạo khí số phi phạm. Nếu như sinh ở giờ Giáp Tuất hoặc là Giáp Tý, Giáp Kỷ hợp mà không hóa, tất nhiên cả đời thụ khổ.

Kỷ thổ ở 3 tháng mùa Hạ, trồng lúa ở ruộng, thích nhất là nước ngọt

tràn đầy. Thủ Quý là trọng yếu, thứ là dụng Bính hỏa. Mùa Hạ không có Thái dương, cây trồng không sinh trưởng, cho nên không có Quý viết là Hạng điền, không có Bính viết là Cô Âm. Hoặc cùng thấu Bính Quý, lại thêm Tân kim sinh Quý, cách này là phú quý, danh là Thủy Hỏa ký tế, người làm đế vương, nhưng kỵ Mậu Quý hóa hợp. Có Bính không có Quý, Nhâm thủy cũng được, nhưng không đại phát. Nếu như Bính hỏa quá nhiều, Thái dương chiếu mãnh liệt, cây trồng khô héo, mệnh này là cô khổ. Bính hỏa trùng trùng, không có vận thủy cứu, tất là cô bần đến già. Như có Nhâm thủy, lại thấy Canh Tân, chỗ này thì không lấy cô âm xem, nhưng lo sợ bệnh tật về mắt, tim, thận, can tạng; nếu Nhâm thủy có căn, Tân kim đắc địa, lại không luận như vậy. Hoặc là Nhâm Quý cùng xuất, phá hỏa nhuận thổ, người này thông minh siêu quần, trong phú thủ quý, lại chuyển họa thành phúc. Bởi do yêu cầu điều hậu, Kỷ thổ mùa hạ, Quý thủy là khí số đệ nhất, Bính Giáp thì cần tham khảo thêm tình huống cục diện mà định.

Kỷ thổ mùa thu, ranh giới vận vật thu tàng, ngoài hư trong thực, hàn khí dần tăng, cần có Bính hỏa ấm áp, Quý thủy tư nhuận. Mùa thu kim vượng, Quý có thể tiết kim, Bính có thể chế kim, bổ túc tinh thần cho thổ, thì vật sinh mùa thu tự nhiên xanh tốt, Quý trước Bính sau. Bính Quý cùng thấu, tất nhiên tinh thần Kỷ thổ sung túc, nhận tháp đề danh; không có Quý, có 2 Bính thấu, hiển đạt dị đồ, hoặc là vũ chức quyền cao; có Bính hỏa, không thấy Nhâm Quý, là theo đường văn nhân, cuối cùng không thành thực; có Nhâm Quý không có Bính, cơm áo sung túc, tài năng mà thôi. Hoặc chi thành kim cục, Quý thấu có căn, trong phú thủ quý. Hoặc chi có tứ khổ, Giáp thấu là phú, thiếu Giáp là cô bần; hoặc Giáp xuất, không có quý, thiếu kim, tích đức khả toàn khoa giáp; hoặc có hội hỏa cục, không có thủy cứu, là kẻ đại gian đại ác. Hoặc Bính thấu Quý tàng, gặp kim, rất có tuyến cử; thêm một Nhâm phụ tá, phú quý khảng khái, có tiếng hiển tài; thấy Mậu thấu, chủ gặp hung ách, mà bần. Tháng 8 thành kim cục, không có Bính Đinh xuất cứu, người này linh đình cô khổ; như được Bính thấu Đinh tàng, nguyên thần sinh Kỷ, người này là danh khô thiên

hạ, ngũ phúc đầy đủ. Tóm lại, Kỷ thổ mùa thu, trước Quý sau Bính, thủ Tân phụ Quý. Tháng 9 thổ thịnh, cần Giáp mộc khai thông. Giáp Kỷ hợp dễ hóa, gặp Tân trăm căn Giáp, tất quý hiển cao môn.

**Cổ nhân viết:** *Câu Trần toàn bị, Nhuận hạ, khách lao lục bốn ba; thổ ngưng thủy kiệt, kẻ ly hương bối tỉnh.*

**Có thơ viết:**

*Câu Trần đắc vị hội Tài Quan,  
Không xung không phá tất nhiên đoan;  
Giáp Tý bắc phương Dần Mão mộc,  
Quản giáo vòng khuyên mang kim quan.*

**Đệ ngũ giảng: Phùng Tân năng quý hiển, ngộ Canh khước gia bản**

**Kỷ thổ hóa tượng.**

Trước đây ở trong bài Giáp mộc hóa tượng nói qua Giáp tòng Kỷ hợp hóa tượng, chủ yếu là dựa vào đoạn nói dưới đây:

*Giáp tòng Kỷ hợp, dựa thổ hóa sinh.  
Gặp Ất hệ thế tài ám tổn,  
Phùng Đinh hệ y lộc thành không.  
Quý hiển cao môn, bởi được Tân kim trợ lực;  
Gia ân đại phú, đều vì có công Mậu thổ.  
Kiến Quý hệ bình sinh phát phúc,  
Phùng Nhâm hệ nhất thế phiêu bông.  
Nguyệt ngộ Canh kim, gia đồ tứ bích;  
Thời phùng Bính hỏa, lộc hưởng thiên chung.*

Trong trụ Giáp Kỷ gặp nhau, lúc Giáp mộc nhược mà hỏa thổ cường vượng, thông thường đều lấy Giáp tòng Kỷ hợp mà luận. Điều kiện Giáp tòng Kỷ hợp là Kỷ thổ cường vượng, Giáp mộc tốt nhất là vô căn, thổ càng cường vượng thì hóa tượng càng chân. Đây chính là ý nói "*Giáp tòng Kỷ hợp, dựa thổ hóa sinh*". Ở lúc Giáp tòng Kỷ hợp, trong trụ thiên can thấu ra Ất mộc, đa số là khắc thổ, phá cục, hóa tượng

không chân. Phùng Đình hỏa mặc dù nói là sinh thổ, nhưng chuyện tốt đa số là không hiện thực. Nếu muốn thăng quan, tốt nhất gặp đến niên vận Tân kim. Nếu muốn phát phú, tốt nhất là ở tuế vận Mậu thổ thành vượng. Gặp Quý thủy có thể phát phúc, phùng Nhâm thủy thì bốn ba lao khổ.

*"Nguyệt ngộ Canh kim, gia đồ tứ bích; Thời phùng Bính hỏa, lộc hưởng thiên chung."*

Tại sao Giáp Kỷ hóa thổ, phùng Tân có thể quý hiển, gặp Canh lại gia bản, chỗ này hoàn toàn là chỗ tạo thành hiệu quả tương phản Canh Tân kim tác dụng với Giáp mộc, ở đây lý lẽ quá thâm áo, đành phải để trong phần luận bài Canh kim.

Dưới đây là 《 **Thập Đoạn cảm** 》 luận Kỷ và Giáp hợp, lý cũng như nhau.

*Kỷ năng hóa Giáp, tú tại vu Dân;  
Phùng Đình hệ tha nhân lãng nhục,  
Ngộ Át hệ tự kỷ tao truân;  
Dương thủy trùng trùng, khách bốn tâu hồng trần;  
Thu kim sắc nhọn, người bạch ốc cô hàn.  
Bính nội tàng Tân, tất đặc kỳ quý;  
Mậu lý tàng Quý, bất chí vu bản.  
Nhược yếu quan chức vinh thiên, tiên tu kiến Quý;  
Gia ân cự phú, vụ yếu phùng Tân.*

Trong trụ Giáp Kỷ gặp nhau, đầu tiên phải xem xét chính là Kỷ có hóa Giáp hay không. Có thể hóa hay không, mấu chốt là ở Kỷ thổ vượng hay suy, Kỷ thổ đắc lệnh là vượng, thì Kỷ thổ có thể hóa Giáp. Dần ở đây là chi phương Cấn, đại biểu đất có núi cao, thổ dày. Cũng có tiên sinh cho rằng "Tú ở Thìn", lý do là, Giáp Kỷ hóa khí thiên tinh ở vị trí sao Giác và sao Chân, mà sao Giác ở Thìn, sao Chân ở Tị, ở trụ có Giáp Kỷ, hơn nữa người sinh ở giờ Thìn Tị, Kỷ có thể hóa Giáp.

**Có một bài thơ có liên quan với Giáp Kỷ hợp:**

*Giáp Kỷ trung ương hóa thổ thân,  
Thời phùng Thìn Tị thoát trần ai;  
Cục trung tuế nguyệt xu hỏa địa,  
Mới hiển công danh phú quý nhân.*

**Còn có thơ viết:**

*Giáp Kỷ can đầu sinh ngộ xuân,  
Bình sinh tác sự mạn lao thân;  
Bách bàn cơ xảo phiên thành chuyết,  
Cô khổ linh đình tẩu bất đình.*

Từ chỗ này có thể biết, "Tú ở Dần", ý nói Dần tuyệt đối không phải là chỉ sinh ở tháng Dần mùa xuân, càng không phải là thích phương đông mộc.

Sau khi Kỷ hóa Giáp là chân thổ, lại gặp Giáp Ất đều không tốt, trong đó Ất càng xấu, Ất mộc khắc thổ vô tình, đối với hóa tượng là phá hư cực lớn. Gặp đến Tân kim giống như dụng cái cuốc làm cỏ, không đứt căn khí Giáp mộc, mới là dấu hiệu đại cát. Phùng Đinh Nhâm cũng không cát, bởi vì Đinh Nhâm hợp hóa mộc. Mùa thu kim sắc nhọn là chỉ Canh kim, Ất và Canh ở trong hóa khí là một tính chất, khiến cho Canh kim cùng, khiến cho Ất mộc khốn. Đây bởi vì Canh kim là khí, không phải là kim thành khí, tối đa khiến cho cành nhánh Giáp Ất giảm thiểu, nhưng chỉ là giảm thiểu cành lá, căn khí Giáp mộc vẫn còn, nếu Giáp gặp Canh Giáp càng vượng (Đây là tính đặc thù của Canh kim, tiết sau sẽ nói), đối với Kỷ thổ hóa Giáp rất là bất lợi.

Thấy Bính khá tốt, bởi vì Bính hỏa còn có thể sinh trợ hóa thân, Bính hỏa còn có thể hợp Tân kim (tức là trong Bính có tàng Tân). Kỷ thấy Mậu mặc dù là Kiếp tài, nhưng ở lúc Kỷ Giáp hợp hóa, Mậu thổ có thể bang trợ hóa thân, Mậu thổ có thể đến hợp Quý thủy (tức là trong Mậu tàng Quý), có Mậu thì không đến nổi bản cùng. Ở dưới tình huống Kỷ có thể hóa Giáp, thấy Quý giống như thấy hỏa, bởi vì Mậu Quý hợp hóa hỏa, cho nên có thuyết pháp "*Nhược yếu quan chức vinh thiên, tiên tu kiến Quý; gia ân đại phú, vụ yếu phùng Tân.*".

Dưới đây là chuyển tải một đoạn 《Luận Vận hóa khí》 có nội dung tương quan, để cung cấp tham khảo:

**Nói về ngũ vận hóa khí:**

Giáp Kỷ hóa thổ Ất Canh kim,  
Đinh Nhâm hóa mộc tẩn thành lâm,  
Bính Tân hóa thủy phân thanh trọc,  
Mậu Quý nam phương hỏa diễm xâm.  
Giáp Kỷ hóa thổ, hợp trung chính,  
Thìn Tuất Sửu Mùi toàn viết Giá Sắc, Câu Trần đắc vị.  
Ất Canh hóa kim, hợp nhân nghĩa, Tị Dậu Sửu toàn viết Tòng Cách.  
Mậu Quý hóa hỏa, hợp vô tình, đắc hỏa cục viết Viêm Thượng.  
Bính Tân hóa thủy, được Thân Tý Thìn thủy cục viết Nhuận Hạ.  
Đinh Nhâm hóa mộc; đắc Hợi Mão Mùi toàn viết Khúc Trực nhân thọ.

Thiên can hóa hợp là tú khí; Địa chi hợp cục là phúc đức.  
Hóa là chân, danh công cự khanh;  
Hóa là giả, cô nhi dị tính.  
Phùng Long tức hóa, biến làm Rồng bay trên trời, lợi kiến đại nhân.  
Nguyệt lệnh sinh vượng, nơi Dưỡng Khố Lâm quan là hóa.  
Âm Dương đắc hợp, phu phụ thất phối,  
Khí trung hòa mà hóa, thái quá bất cập đều không thể hóa.  
Có Phu tòng Thê hóa, Thê tòng Phu hóa, Chính hóa, Thiên hóa, nhật hạ tự hóa. Chuyển giác hóa, là Mùi Khôn Thân, Sửu Cấn Dần.

***Kinh nói:*** Đông bắc tang bạn, Tây bắc gặp bạn.  
Ngày Giáp thấy Kỷ tự hóa thổ, Kỷ kiến Giáp cũng vậy, là hóa chân, gọi là chính hóa.

Hóa chân, danh công cự khanh, là cách phú quý.  
Hóa giả, cô nhi dị tính, hoặc là tăng đạo. Thập can hiệu quả chỗ này mà suy.

Nhưng Mậu Quý hóa hỏa, nam không hóa Ngọ, bắc không hóa Tý.  
Ngọ là Thiếu Âm vua hỏa, cho nên không hóa. Dần Thân là hỏa Thiếu Dương, là hóa.

**Kinh nói:** Hóa cách cục, trong huyền lại huyền, trong diệu càng diệu, không thể miêu thuật. Lúc xem Thiên nguyên 《 **Thần Thú bát pháp** 》 tử tế suy tường: Phản, Chiếu, Quý, Phục, Loại, Chúc, Tòng, Hóa.

## **Đệ lục giảng: Giang hồ có cao thủ, Kỳ tòng trên Khôn tẩu**

### **Can chi Lục Kỳ.**

Cung Khôn có Mùi Khôn Thân, can chi phối hợp có Kỳ Mùi, là thiên địa chân thổ, Thân hầu là đất Quý nhân của Kỳ, cũng vớ là Thân cư ở Khôn, là phúc địa của Kỳ thổ.

Cùng kết hợp với Kỳ thổ có 6 tổ, phân biệt chúng nó là: Kỳ Sửu, Kỳ Hợi, Kỳ Dậu, Kỳ Mùi, Kỳ Tị, Kỳ Mão. Kỳ thổ linh hoạt, sau khi cùng phối hợp với địa chi khác nhau công dụng đều có phân biệt, phân biệt rõ đặc tính từng tổ can chi, đối với ý nghĩa chỉ đạo đoán bát tự là có khá lớn. Trước tiên là nói Kỳ Sửu.

+ Kỳ Sửu: là thông căn đắc địa, tốt hơn so với Đinh Sửu. Giờ sinh đắc lệnh, là cường, là hỏa thổ thành công, cục tượng kỳ diệu; giờ sinh thất lệnh, cũng có anh em bạn bè giúp đỡ. Nạp âm là Phích Lịch hỏa, khí thể chung quy ở hỏa sinh thổ vượng.

Ngày Kỳ Sửu, danh là Kim Ngưu bái Kim điện. Có thơ viết:

*Nhất trụ Phật hương bái kim điện,  
Cần sơn lưu thủy phương danh hiển.  
Kim thi khai đắc Sửu qua khó,  
Phú quý vinh hoa túy quân huyền.*

Tháng Hợi, Thương quan tận, quý, có quyền uy. Tháng Dần, quý hiển. Tháng Mão, hiển hách binh quyền. Tháng Thân, lại là bồi lộc, giáp tuyệt địa. Tháng Mùi, xung, phát tích, bệnh thận. Tháng Ngọ, xung, vợ có tai ách. Tháng Tị hợp kim, kinh thương cự phú. Tháng Thìn, cô thân. Tháng Tý, kho tàng sung mãn.

+ Kỳ Hợi: Khí thể can chi thổ khắc thủy, nhưng sợ thủy nhiều thổ sụp, can chi Giáp Kỳ hợp có tính ỷ lại. Trụ ngày Kỳ Hợi, tọa Chính Tài Chính

Quan, đa số là Tài Quan song mỹ, chủ quý. Nữ mệnh Kỷ Hợi, cũng có lấy chồng quý phu. Nạp âm là Bình Địa mộc, sách viết: Đắc thời thì thanh quý, thất thời thì gian khổ. Thuộc can chi hàng thượng đẳng. Kỷ Hợi danh là ngày Bình Xuyên lưu thủy.

**Có thơ viết:**

*Lộc Mã đồng hương bái Ngọc đường,  
Thiên tiệm thông đồ văn tinh dương.  
Trầm ảnh bất tùy lưu thủy khứ,  
Sát tinh xung động mã vô cương.*

Tháng Hợi, Tài hiển, Quan vượng, quý. Tháng Dậu, Thực thần, Tài vượng. Tháng Thân, can thâu Ấn, đại quý. Tháng Mùi hợp vũ chức. Tháng Tị, xung, nỗ lực phát tích ở bên ngoài. Tháng Tý, đa bệnh, huyết tật. Tháng Dần Mão, trong chi có Quý vượng, cả đời khó thành đại sự, Ấn thâu là đại quý.

Người sinh ngày Kỷ Hợi, hơn phân nửa là ngẩng đầu lên cao. Kỷ Hợi dễ mắc bệnh bao tử hoặc bệnh ngoài da, nguyên nhân là Hợi thủy, khiến cho Kỷ thổ quá thấp.

+ Kỷ Dậu: Khí thế can chi ở thổ sinh kim, trụ ngày Kỷ Dậu là tự tọa Trường sinh, Văn xương, chủ nhân thích văn học, thông minh có văn tài; còn thổ kim tương sinh, chủ thân thể tốt; nhưng can sinh chi, tắt lại tiết khí, cho nên được mát đều có. 《 **Tam Mệnh thông hội** 》 cho rằng, Kỷ Dậu nạp âm là thổ là thổ tự bại, không đủ khí, mượn hỏa để tương trợ, thấy Đinh Mão, Đinh Dậu hỏa là cát, thiết kỵ tử tuyệt, sợ Tân Mão Tân Dậu mộc, tai họa yếu chết.

Kỷ Dậu danh là ngày Phượng phi lục châu.

**Có thơ viết:**

*Nhất luân mãn nguyệt xuất thương hải,  
Kim Phượng triển sí phi thiên ngoại,  
Tần sơn Côn Lôn tuyết ngai ngai,  
Long Phượng trình tường Ngọc châu lai.*

Tháng Hợi, thân nhược, bần. Tháng Dần Mão, có hỏa, vũ chức. Tháng Dậu, mệnh cao quý, Dậu nhiều là thuật sĩ tha phương. Tháng Thân,

không có Quan hiển quý. Tháng Mùi, đại phú. Tháng Tị, phú quý sánh  
Đào Chu. Tháng Tý, Thực phá, bần hàn.

+ Kỷ Mùi: Can chi đồng khí, trụ ngày Kỷ Mùi, thông căn thân vượng,  
tọa dưới có Sát Ấn, bản thân chủ nhân có ý thức mạnh. Nữ mệnh Kỷ  
Mùi dáng vóc đẹp, nam mệnh Kỷ Mùi về già phát đạt. Nạp âm là  
Thiên Thượng hỏa, Kỷ Mùi là tháng, mùa rất sáng.

Kỷ Mùi danh là ngày Đan Quế phiêu hương.

**Có thơ viết:**

*Nguyệt trung Quế tử thu phiêu hương,  
Giang hà Nhật Nguyệt giao tương ánh,  
Mạc đạo cao sơn phương khí tán,  
Nhị nguyệt xuân phong luận đoản trường.*

Tháng Hợi, văn chương khoa được, thanh cao. Tháng Dậu, đại quý.  
Tháng Tuất, chức nhỏ, cận vệ. Tháng Thân, tài phúc đầy đủ. Tháng  
Mùi, tài kim tán thất. Tháng Ngọ, hợp, nho nhã thanh bần. Tháng Tị,  
hỉ Quan hiển quý. Tháng Thìn, tướng sĩ hàn môn.

+ Kỷ Tị: Khí thế can chi ở hỏa thổ tương sinh. Trụ ngày Kim thần, chủ  
nhân cương nghị, thông minh. Tọa dưới Chính Ấn, Kiếp tài, Thương  
quan, là Thương quan bội Ấn, quý không thể nói, có hỏa thấu càng  
quý, không có hỏa thì không cát. Nhưng Thương quan ngộ Kiếp, dễ bị  
tiểu nhân hãm hại. Kỷ Tị nạp âm là Đại Lâm mộc, gió động mộc, căn  
nguy bị nhổ bật, cùng lấy thổ kim, vận hành đông nam, mới thành vật  
dụng.

Kỷ Tị danh là ngày Mã được bình xuyên.

**Có thơ viết:**

*Nam triều Thiên tử thụ Ngọc Ấn,  
Thiên lý trường giang túy du nhân.  
Tuyết sơn thảo địa Mã nan hành,  
Xuân phong đặc ý tọa thượng khách.*

Tị là Ấn, tháng Tị vượng, ngày Kim thần, kỵ Tài, hỷ Thực Thương. Tháng Ngọ, hiển quý. Tháng thổ, mệnh bá hầu. Tháng Thân Dậu, hỷ Ấn vận, thương tận là vũ chức. Tháng Hợi, quan nhất phẩm, có binh quyền. Tháng Tý, vận Thực Thương đại phú. Tháng Thìn, trước bản sau phát. Ngày Kỷ Tị, nhân quý.

+ Kỷ Mão: Khí thế một phương diện là tọa Sát tiết cước, phương diện khác là Kỷ đều lập, còn phải có Mão mộc đến chống đỡ. Nhân mệnh Kỷ Mão, dễ tàn tật, thụ thương, cả đời lao khổ. Trụ năm Kỷ Mão, tổ thượng thương tàn, không có kết quả tốt; trụ tháng Kỷ Mão, phụ mẫu không đoàn viên; trụ ngày Kỷ Mão, thời kỳ thanh niên mệnh nguy; trụ giờ Kỷ Mão, về già không có kết quả tốt đẹp, con cái không tốt. Trong đó thì trụ ngày là rất ứng nghiệm. Kỷ thổ mặc dù tọa Sát tiết cước, nhưng Mão mộc không thể tổn thương, lại kỵ trùng điệp. Kỷ Mão nạp âm là Thành Tường thổ, giống như phòng nguy, chỗ ở rất không an toàn.

Kỷ Mão danh là ngày Vũ khóa tương đàn.

### **Có thơ viết:**

*Tướng sĩ bội cung khóa chiến mã,  
Mộ vũ phong nguyệt độ niên hoa.  
Văn tinh phúc lộc nhược hữu tình,  
Bắc quốc hồi thủ tự đáo gia.*

Tháng Dậu, Mão Dậu xung, cả đời nhiều di dời, xa vợ. Tháng Thân, sớm phát tích. Tháng Hợi, quý. Tháng Mùi, hợp, ngũ cốc phong đăng. Tháng Ngọ, thơ đầy Càn Khôn. Tháng Tị, văn tú. Tháng Thìn, có thể kiến công lập nghiệp. Tháng Tý, vô lễ, hung bạo. 《 **Nguyệt Đàm phú** 》 có câu nói: "Tý Mão tương hình môn hộ, toàn vô lễ đức." Mặc dù không đủ nghiệm, nhưng cũng có 8,9/10.

**Đệ thất giảng: Nại bách bản biến hóa, duyên Kỳ thổ thị vân**

**Kỳ thổ hoa như.**

Kỷ thổ ở trên trời là mây, là sương, ở đất là điền viên, thổ nhượng. Thổ rời rạc dùng thì linh hoạt, hòa cùng với thủy, có thể niết thành Bồ tát; hòa cùng thủy mộc, thêm hỏa ôn ấm, cũng có thể nung tạo thành tường; ngộ kim đắc mộc, chính là có người cày cấy, tất có thành tựu.

Người Kỷ thổ có tiền đồ hay không, đương nhiên phải theo toàn bộ bát tự mà luận. Luận Kỷ thổ, chia ra hai loại lớn là thân vượng, thân suy, lúc thân vượng, là hỏa thổ thành công; lúc thân nhược, đắc kim ngộ mộc. Người Kỷ thổ trời sinh tiếp cận người tốt hơn Mậu thổ, giống như thổ phân tán dễ dàng di động hoán đổi hình dạng.

*Kỷ giao Bính hệ, tượng Long đắc thế phong vân.*

Kỷ thổ thành vượng, được dương hỏa sinh âm thổ, cách cục càng cao, như tượng cha sinh con gái. Bính là cha mình, nói như được sự che chở của cha mẹ, như Long được thế gió mây, đảm nhận thoải mái, tượng trưng đại phú quý. Kỷ thổ nhược, làm điền viên cũng không ly khai Bính hỏa, có Thái dương cao chiếu, điền viên ngũ cốc bội thu.

*Canh phùng Kỷ thổ, Quan lộc hữu dư.*

Dụng Canh kim, Kỷ thổ sinh rất thuận, Canh lấy Kỷ thổ là mẹ. Kim phùng hỏa địa, thì bại sinh mệnh. Muốn có thổ để sinh, Mậu thổ quá táo, Kỷ thổ thấp, sinh Canh kim thì là phúc vậy. Kỷ thổ vượng mà Canh kim nhược, thì là thổ đa vùi kim, không thấy hình xung kim tất bại.

*Dục vận cao thiên, toàn lại Kỷ gia Tân địa.*

Kỷ thổ linh hoạt cũng có nhược điểm, gặp Giáp mộc tham hợp, mà không thay đổi nhiều. Giáp Kỷ hợp mà không hóa, giống như cỏ dại theo sinh trong ruộng, cây lúa, hoa màu trái lại khó mà trưởng thành. Gặp Tân kim, cuộc trừ cỏ dại, cây lúa dần lớn lên. Có đạo là, quý hiển cao môn, bởi gặp lực Tân kim.

*Thiên nguyên chính bại, Bính kiến Kỷ nhi thương tàn.*

Kỷ thổ là mây, rất có lực che lấp Thái dương, dụng Bính gặp Kỷ, danh là *Thiên nguyên chính bại*, là dấu hiệu thương tàn. Nếu như Bính hỏa viêm táo, thấy Kỷ trái lại là phúc.

Kỷ thổ sợ thấp. Thấy Nhâm Quý thì khí thấp tăng nặng, hung nhiều

cát ít. Kỷ thổ gặp thủy nhiều, cũng có thể Tòng Tài, không tòng thì là Thân nhược Tài đa, nếu thấu ra Mậu thổ bang phù, mới có tài khí. Lúc thủy đa thổ sụp, gặp Mậu Canh là phúc khí, lập tức có thể bảo hộ tính mệnh.

*Giáp Ất vượng nhi Mậu Kỷ hư, diện bì hoàng thũng.*

Kỷ thổ sinh mùa Xuân, đất hư thấp, lại gặp Giáp Ất thấu can, thì thổ càng hư, nếu không gặp hỏa, tất nhiên tỳ vị hư nguy, biểu hiện bên ngoài đa số là da mặt vàng thũng. Ất mộc kề gần Kỷ thổ, danh là Can đầu mang Quỷ.

## 7. Phần Canh kim

***Đệ nhất giảng: Trên trời có Thái Bạch, Dưới đất có Canh kim***

***So sánh Canh kim.***

Cổ nhân phát hiện đầu tháng 3 mỗi tháng đến phương Canh, mùa thu kim tối vượng, trăng mùa thu rất sáng, mùa thu trăng sáng gió thanh, kim và trăng đều là màu trắng. Cho nên có người cho rằng Canh kim ở trên trời là trắng, là Thái Bạch kim tinh, ở đất là cục sắt, thép cùn, chỗ này đều là cổ nhân dùng để so sánh. Tinh thần Canh kim thực chất là cái gì? Chỗ này tôi suy nghĩ rất lâu, cũng có thời gian rất dài không có đáp án. Thẳng đến hiện tại làm sao để biểu đạt Canh kim ở trong mắt tôi cũng là một khó khăn. Sư phụ dạy tôi, nói gặp đến vấn đề khó, có thể từ nhân thân của mình, tình huống xung quanh đi nghiên cứu ở trong bất tự là hết sức rõ ràng. Ở chỗ Huyền Quan nhất khiếu hiểu ra, hiểu ra chính là suy xét. Suy nghĩ thời gian dài, khiến tôi trở lại thời thơ ấu. Thời kỳ thơ ấu, ấn tượng sâu nhất là dung nhan cha mẹ, khuôn mặt mẫu thân hiền từ, phụ thân lại rất ít khi cười, sắc mặt nghiêm túc nói chung dường như là để ức chế tôi ham chơi, nhắc nhở tôi phải nỗ lực học tập. Phụ thân lúc không ở nhà, tôi thường đi chơi không biết sớm tối, nghe nói phụ thân trở về

nhà, thì khẩn cấp chạy đi học tập. Người lớn ngắm ruộng vườn, trẻ con ngắm năm mới. Đến mùa năm mới, cha mẹ là muốn cho chúng tôi vui vẻ, phá lệ chiều theo, xem như là mở rộng đèn xanh, nguyên tắc là học tập một quãng thời gian thì có thể chơi một quãng thời gian. Tôi không hiểu chuyện, nhân cơ hội mặt dày mày dạn hướng về mẹ đòi tiền đi mua pháo hoa. Cho đến khi có một lần không cẩn thận làm cho lửa pháo bắn bị thương bàn tay, cha lại nghiêm sắc mặt, về sau không còn cho tôi chơi như vậy nữa. Hiện tại mỗi khi viết chút gì, đều đặc biệt nhớ đến cha nghiêm khắc nét mặt "Đáng sợ", cảm giác khi đó có thể bảo tồn bí mật là đọc xong tiếp quyển sách 《 Dịch 》 , xác thực là làm cho tôi thu lợi không nhỏ.

*VD 1, Càn tạo:* Mậu Ngọ - Tân Dậu - **Canh Thân** - Giáp Thân.

Nghĩ đến sắc mặt của cha như vậy, liền liên tưởng đến thân thể và giờ sinh bất tự của ông ấy. Mậu Ngọ là Thiên Thượng hỏa, thời kỳ thiếu niên ông ấy có gia cảnh không đáng nói là đại phú, nhưng ở thôn xóm có mấy chục gánh ruộng, còn có đầy tớ, cũng không tính là nghèo. Nhân dân một làng xã, đại quý càng không nói đến, nhưng ở nhà ông nội của tôi, đến mừng tiệc đại thọ 60 tuổi của bà nội, Huyện lão gia đưa đến một tấm biển hiệu hương mộc "Song tinh sáng rực", đến nay vẫn còn bảo tồn, người đời sau nhìn thấy đều có cảm giác vinh dự. Nguyên ông bà nội tôi, là cùng năm cùng tháng cùng ngày cùng giờ sinh, sinh nhật đại thọ 60 tuổi đương nhiên là ở một ngày. Nghe nói qua thời kỳ thiếu niên của cha là hết sức vui sướng, lúc mới lập gia đình vẫn giống như là một thiếu gia, chưa bao giờ làm qua một việc nào nặng. Có tiên sinh cao minh toán mệnh cho ông ấy, nói ông ấy là một người bại gia tử, mà còn thích ăn chơi lê lủng. Ban đầu cũng không hiểu rõ ý là như thế nào, cho đến khi gần lúc cải cách ruộng đất mới đột nhiên hiểu rõ cội nguồn trong đó. Thế là tan hết của cải gia đình rất nhanh, khiến phải đi làm đầy tớ. Đã từng quen cuộc sống thiếu gia, làm người nghèo đặc biệt là không thích ứng, mấy tháng liên tiếp, cảm giác không chịu được. Một vị ăn chơi gần nhà thấy bộ dạng ông ấy không làm gì được, kéo ông ấy vào nơi đánh

bạc, vốn là nghĩ thắng ít tiền rồi về, không ngờ, trong một đêm, đem chỗ tiền nhà còn không nhiều lắm thua sạch trơn, từ đó triệt để biến thành bần túng. Cải cách ruộng đất, cha là người bần cùng thì là tốt, bản thân không có ai đấu, con cái cũng không bị khinh khi, so với những người bị ai phê đấu " Phản phá địa chủ", chẳng phải là may mắn.

Cha là người có nhật can Canh, từ giàu đến nghèo, bản thân cảm nhận, vận mệnh chính là vận mệnh. Sau khi cha làm cho cả nhà bần cùng, triệt để kết thúc cuộc sống thiếu gia từ tiền, hơn nửa đời làm nông, cho đến khi con cái lập gia đình mới có chút tiền đồ, sau đó mới được thanh nhàn.

*VD 2, Khôn tạo: Kỷ Tị - Đinh Sửu - **Canh Ngọ** - Canh Thìn (sinh năm 1929)*

Đây là một nhật can Canh, tiểu thư đài các, tài học xuất chúng. Trước giải phóng, từ Tổ thượng đến Phụ mẫu đến Huynh đệ đều là những người phú quý có tiền có thế. Thời kỳ chiến tranh Giải phóng, dòng họ tử thương hơn phân nửa. Sau khi cải cách ruộng đất, cô ấy làm qua giáo viên vài năm, sau đó lại bị đuổi ra khỏi nhà. Trong thời gian cải cách văn hoá bị người phê bình thuộc loại "Phản phá địa chủ". Trước và sau 20 năm cải cách văn hoá, di dời liền 5 chỗ ở, phiêu bạt nghèo khổ, cho đến thời kỳ sau khi mở cửa mới được kết thúc lay động bất an. Tôi đoán giờ sinh Canh Thìn của cô ấy là tốt, bởi vì phía trước nhật can Canh đại biểu từ giàu đến nghèo, phía sau chữ Canh thì thay đổi cùng cực. Quả nhiên về già người này mới có tiền đồ, bản thân còn có tác phẩm văn học để đời, về già rất nhàn hạ thanh tĩnh.

*VD 3, Càn tạo: Kỷ Dậu - Ất Hợi - **Canh Dần** - Mậu Dần.*

Người này có Tổ thượng cùng khổ rất lâu, tối thiểu ở hai đời trở lên, nhiều anh chị em, cũng đều tầm thường, duy chỉ có bản thân hắn là tay trắng lập nghiệp, tài sản trước mắt không quá nghìn vạn, lão sư bình bát tự của hắn, nói là "*Thiên địa trung phân, kỳ tài dĩ sản*" (trời đất phân chia, sản sinh tài năng), ở trong đất liền có thể phát triển hơn nghìn vạn, nếu ở khu vực duyên hải kinh doanh, có thể hơn một

ức, quả nhiên người này dời đến khu vực duyên hải phát triển, tình thế rất tốt, hơn một ức là nắm trong tầm tay. Đây là bát tự của một người bạn gần nhà, nhật can Canh, từ nghèo đến giàu.

*VD 4, Càn tạo: Đinh Dậu - Quý Mão - **Canh Dần** - Canh Thìn.*

Đây cũng là bát tự người bạn, thuật số Kỳ Môn của hắn rất lợi hại, đối với thập thiên can cũng có lý giải khá tốt. Bản thân anh ta có nhật can là Canh kim, đối với tính chất của Canh kim, lĩnh hội càng sâu sắc, Canh kim là một luồng khí tức sát, cản trở, là thần thay đổi, lúc tiến gặp Canh tất là thoái, lúc thoái gặp Canh thì thay đổi. Từ thân thế của anh ta cũng có thể thuyết minh một điểm này, cha mẹ cùng Tổ thượng nghèo khổn mấy đời, lại không có người nào có văn hóa. Đến đời anh ta, cha mẹ anh ta sinh ra 11 bào thai, chỉ còn 5 người, duy nhất chỉ có anh ta là có nhật can Canh, bản thân trở thành người văn hoá có thanh danh, con cái cũng có người học đại học duy nhất ở trong thôn. So sánh cùng Tổ thượng cùng anh chị em, điều kiện gia đình của anh ta căn bản đã phát sinh thay đổi.

*VD 5, Càn tạo: Nhâm Dần - Tân Hợi - **Canh Ngọ** - Đinh Sửu.*

Người này có nhật can Canh, cha mẹ cùng mấy anh trai đều là quan viên, có hai vị ngồi trên vị trí không tề, duy chỉ có anh ta là thích hành nghề kỹ thuật, theo nghề y học, kỹ thuật không tề, tài vận cũng khá tốt, tư tưởng khí thế của anh ta hoàn toàn đả phá cảnh làm quan ở trong gia đình. Người này thời kỳ thanh thiếu niên, khuôn mặt tràn đầy nụ cười, sau khi thành gia lập nghiệp có con cái, đối với vợ con thì hết sức nghiêm túc, hậu bối thấy anh ta, đa số có cảm giác kính sợ.

Trời tốt, thì trăng sáng. Hạ đi thu đến, gió thu hiu quạnh, vạn vật bắt đầu thu tang mà chuyển thành thuần thực. Không có khí mùa thu xơ xát, tất nhiên là vạn vật phát tiết không dừng. Nếu như con người không có quản thúc, tất khó mà nói thành tài. Canh kim ở trời là ánh trăng, là gió mùa thu, ở đất là kim loại, cục sắt, ở trên thân người là đại tràng, đại tràng nối liền tiểu tràng, dưới tiếp hậu môn, công năng chủ yếu là bài tiết ra chất cặn bã. Đại tràng tiếp nhận thức ăn cặn bã

truyền xuống tiểu tràng, truyền xuống phía dưới, đồng thời hút lấy bộ phận thủy dịch ở trong đó, hình thành phân và nước tiểu, qua hậu môn bài tiết ra bên ngoài cơ thể. Công năng đại tràng mát điều hoà, đa số là biểu hiện sự truyền dẫn thất thường. Bởi do Canh kim có đủ tác dụng truyền dẫn, cũng có nói Canh kim là đại lộ. nhưng ở đây đều là theo bộ phận đặc trưng của nó mà mô tả, là một luồng khí túc sát ở giữa trời đất, là thần thay đổi, mới là thuộc tính bản chất của Canh kim, tất cả mọi vật cứng rắn mang sát khí đều là tượng trưng cho Canh kim.

## ***Đệ nhị giảng: Canh kim quý điều đình, Thể Tượng thuyết phân minh***

### ***Thể Tượng Canh kim.***

Thuộc tính bản chất Canh kim là khí túc sát, là thần biến cách. Cổ nhân nói "*Canh kim đái Sát*", tùy theo tình thế phát triển, gặp Canh thì tất phải thay đổi. Bản thân Canh kim thì giống như điều tiết khí, thích làm người khác thay đổi, coi trọng hoàn cảnh, nhưng đối với bản thân thì làm sao mới có thể phát huy tốt chứ? Dưới đây là nói Thể tượng Canh kim, trong đó tự có áo diệu.

### ***Có thơ viết:***

*Canh kim ngu độ tính khăng khăng,*

*Hỏa chế thành công sợ hỏa hương.*

*Sinh Hạ đông nam qua nung luyện,*

*Sinh thu tây bắc càng rục rờ.*

*Thủy sâu lại thấy nó tương khắc,*

*Mộc vượng có làm nó tổn thương.*

*Can chi Mậu Kỷ trọng kiến thổ,*

*Không phùng xung phá cũng vui chôn.*

Ở trong tất cả bát tự, cảm giác bát tự có nhật can Canh kim rất là khó đoán. Phân tích nguyên nhân bên trong, vấn đề chủ yếu là Canh kim có điểm đặc biệt, đối với sinh khắc chế hóa, nặng nhẹ nhanh chậm, đặc biệt rất là chú trọng, bài thơ cũng đã thể hiện ra điểm này." *Canh kim ngu độn tính khăng khăng, Hỏa chế thành công sợ hỏa hương.*" Canh kim ngu độn, khăng khăng, cần phải có hỏa để nung luyện, nhưng mà lại sợ nung luyện quá mức, độ lửa cháy này đặc biệt khó mà nắm chắc. Trong bài thơ 8 câu nói này thuyết minh một vấn đề mang tính then chốt, đó là Canh kim rất thích hỏa luyện. " *Sinh Hạ đông nam qua nung luyện, Sinh thu tây bắc cũng rục rờ.*" Canh kim sinh mùa hạ lại hành vận phương đông nam, tất có mang họa nung luyện thái quá. Canh nung luyện thái quá là có biểu hiện gì? Chủ yếu là mất đi bản tính Canh kim vốn có, bản tính kiên cường trở nên rất là nhu nhược, cũng có nhiều vấn đề phương diện thân thể, như gân cốt đau nhức, đại tràng không thông, nghiêm trọng là mất máu, thiếu máu, còn ảnh hưởng đến sinh dục. Canh kim sinh mùa thu lại hành vận phương tây bắc, tất nhiên người này là thông minh, lại gặp hỏa chế, tất là kẻ sĩ trí thức hiền đạt; không có hỏa nung luyện, mặc dù có tài, nhưng khó có đại phú quý. Hành vận phương tây bắc chủ yếu là vận thủy, Thủy chủ Trí, Canh kim tham sinh không nhớ thu lại, đa số là người có kỹ nghệ cao siêu. 《 **Cùng Thông bảo giám** 》 nói: "*Thu kim sắc nhọn tối vi kỳ, Nhâm Quý cùng gặp vốn không nên, nếu gặp mộc hỏa lại thành cục, xem thử phúc thọ cùng ngang trời.*" Canh kim sinh mùa thu tuy vượng, thấy Nhâm Quý thủy mà thiếu hỏa, khó có đại phúc thọ.

Canh chủ khí tức sát, cản trở, là thần biến cách, rõ ràng là tất phải nghịch thế. Cho nên, người có nhật can Canh kim nhiều trắc trở, bất luận là từ giàu đến nghèo hay là từ nghèo đến giàu, rất ít khi không có trắc trở. Nhật can Canh kim muốn nghĩ đến phát đạt, thì điều kiện khá nhiều, điều kiện chủ yếu nhất là ngũ hành cân bằng, bất cứ ngũ hành lệch nhiều hoặc là quá nhiều, đối với Canh kim đều sẽ mang đến ảnh hưởng hết sức rõ ràng. Ví dụ như, Canh kim tham sinh Tý

thủy, Tý thủy thái vượng, liền trở thành thủy đa kim trầm, thương tai, răng, cốt đau nhức, nghiêm trọng sẽ còn có xa họa tử vong. Lại như mộc quá nhiều, mộc đa kim khuyết, cho dù là có Ất Canh tương hợp, trong hợp cũng có khắc, đa số có loại thương tai gãy xương. Nếu như thổ quá nhiều, thì liền bị họa thổ đa vùi kim, nếu như không có Giáp mộc khai thông, thì Canh không có sinh khí. Thổ đa vùi kim biểu hiện rất đột xuất là cuộc sống khốn đốn. **Có câu đoán ngữ nói:** "Kim sinh mùa thu thổ trùng điệp, bản cùng không một tác sắt." Canh kim mùa thu đều sợ thổ chôn, càng không cần nói Canh kim ở các tháng khác. Kim bị chôn vùi, bản thân sẽ bị khốn đốn.

8 câu nói Thể Tượng Canh kim, trình bày nhấn mạnh hỉ kỵ của Canh kim, hơn nữa cùng thủy mộc hỏa thổ đều có liên quan, nguyên nhân là Canh kim đối với những ngũ hành khác nhiều ít là rất miễn cảm. Từ xưa đến nay khí tức sát ở giữa trời đất, muốn phát huy tác dụng của nó, tất cần phải ở dưới điều kiện vận hành hết sức bình thường, bất cứ ngũ hành nào của nó quá nhiều hoặc là quá ít, Canh kim luôn luôn là tự lo không xong, thì đương nhiên là rất khó phát huy ra bản thân cố chấp của nó.

Người Canh kim chỉ cần bản thân vững vàng, thì đặc biệt có tinh thần sáng tạo. Bản thân vững vàng, ở phương diện mệnh lý biểu hiện chủ yếu là ở ngũ hành cân bằng hoặc là lưu thông, không trọc loạn thiên khô. Có tinh thần sáng tạo chủ yếu là bởi vì Canh kim có khí tức sát, đối với hiện tượng thay đổi quá khứ bất lương thì có lòng nhiệt tình cao ngất trời dễ như trở bàn tay. Canh kim cầu thay đổi, ở dưới tình huống hình thế ép người, khả năng cũng từ giàu thành nghèo. Ở bên trong nhân vật nổi tiếng, Tổng thống nước Mỹ là Nixon cũng có nhật can là Canh kim.

*Cần tạo:* Nhâm Tý - Quý Sửu - **Canh Dần** - Bính Tuất.

Trước tiên xem ngũ hành nguyên cục của ông ấy mà làm ví dụ so sánh: Có 3 kim, 3 hỏa, 4 thủy, 1 mộc, 3 thổ. Ngũ hành mộc mặc dù là

ít một chút, nhưng thủy nhiều, thủy có thể mượn thổ dưỡng mộc. Thủy thiên nhiều một chút, nhưng thổ nắm lệnh, lại được chi Dần, thủy nhiều không phải là hoạ. Kim được thủy hỏa, kiên cường không có gì sánh bằng, như vậy Canh kim mới có thể phát huy ra ưu thế của nó. Tổng thống Nixon, lúc tại vị có rất nhiều sáng tạo to lớn, đã phá rất nhiều cái cũ, sáng lập đầu tiên trên lịch sử nước Mỹ. Khá là kỳ quặc, bản thân là tổng thống, xuất thân cũng bình thường, dưới đây là giới thiệu sơ qua về ông.

***Tham khảo thêm:***

[https://vi.wikipedia.org/wiki/Richard\\_Nixon](https://vi.wikipedia.org/wiki/Richard_Nixon)

(Sinh ngày 9/1/1913 DL- nhằm ngày 3/12 âm lịch năm Nhâm Tý, sau tiết Tiểu hàn 3 ngày)

***Đệ tam giảng: Canh Sát hung bất hung, Tạo hóa hiển thần công***

***Khí thể Canh kim.***

Canh là can dương, mà còn mang Sát, Sát ở trong thuật số đại biểu Hung tinh. Nhưng không phải là nói người có nhật can Canh là rất hung, cũng không phải nói Canh thì là vật phá hư. Chủ yếu là nói Canh kim có loại tính cách kiên cường, bầu không khí nghiêm túc. Ưu thế Canh kim là ở chỗ nó có khí thể bẻ gãy nghiền nát cấp tốc mãnh liệt, lực cầu biến cách nhanh chóng. Tạo hóa trời đất, bốn mùa thay đổi, biến hóa cương nhu, tác dụng Canh là đại hiển thần uy.

Có người nói Canh là kim loại búa rìu, ví như cây búa. Năm Canh kim ví như búa rìu rất hình tượng, búa rìu bổ mộc, hoặc là làm công cụ gia đình, hoặc là để bửa củi, bất luận là loại vật nào, nó đều là ở trạng thái thay đổi nguyên dạng. Canh kim cho dù già rồi không thể động đậy, nhưng tư tưởng người này vẫn rất linh hoạt, vẫn muốn thay đổi, đây là khí chất nội tại của Canh kim. Khí thể loại Canh kim này có lực cầu thay đổi, trọng điểm là hoàn cảnh thay đổi, hơn nữa lực tranh giành người khác thay đổi, cho nên bản thân cũng thay đổi theo.

Người Canh kim, đối với người khác rất nghiêm túc, hi vọng người khác đều nhanh chóng thành tài, đương nhiên đầu tiên có thể khẳng định, bản thân hẳn là khối chất mới thiết tạo của trời đất. Là có thể làm cho thân nhân hoặc bằng hữu hoặc đồng chí của nó mau thay đổi, nó có thể không tiếc tất cả những gì bản thân của nó có, cam tâm tình nguyện đem bản thân làm cầu thang hoặc là đại lộ để đi tới.

Nhật can Canh kim đều có mấy phần sát khí, nam tử đa số có mắt to lông mày đậm, nữ tính đa số thô kệch ít xinh đẹp, tính tình bất khuất, có khí phách, lực lượng tinh thần rất sung túc, sĩ diện hảo, chăm chỉ quả đoán, vũ quý là uy phong lẫm lẫm, sát khí đằng đằng, càng gian hiểm thì càng thể hiện ra tài năng của nó. Trong đó lấy người sinh ở tháng Thân Dậu là rất nghiêm. Nghe nói có một tướng quân là Canh kim sinh mùa thu, bát tự của ông là:

*Càn tạo:* Mậu Tuất - Nhâm Tuất - **Canh Thân** - Mậu Dần.

*Đại vận:* Quý Hợi, Giáp Tý, Ất Sửu, Bính Dần, Đinh Mão, Mậu Thìn, Kỷ Tị, Canh Ngọ.

5 tuổi khởi vận.

2 Mậu thâu can, bát tự có họa thổ đa vùi kim. Tuổi trẻ là đại hạn Mậu Tuất, vận Quý thủy, gia đình bần khốn, xuất thân thấp hèn. Trung niên hành vận mộc hỏa, tài hoa đột hiện. Sau 55 tuổi, lại là thổ đa kim mai. Thổ đa kim mai, chỉ thích hợp thoái ẩn, lại cầu tiến lên, còn khó hơn lên trời. Tị vận gặp tam hình, mệnh căn bị nhổ, kết quả là chết ở năm Dần. Dưới đây là giới thiệu sơ lược về ông ấy:

Thuở nhỏ đi học qua hai năm, vì nhà nghèo bỏ học làm nông, làm công dưới hầm mỏ đá. 15 tuổi tham gia bán lương thực cho dân đói, bị quan phủ lòng bất, chạy đến Động Đình Hồ (Hồ nước ngọt lớn thứ hai của Trung Quốc, phía bắc Hồ Nam) làm công xây đập. Năm 1916 tham gia quân ngũ, hận chủ nghĩa Đế quốc xâm lược và quân phiệt hắc ám thống trị, nảy chồi tư tưởng Phú quốc cường binh. Năm 1919 ở Liên đội bí mật tổ chức "Hội Cứu bản", sau vì phái hội viên giết chết một cường hào mà bị bắt, trong đường áp giải ông đào thoát. Năm 1922 thi vào trường Sĩ quan Lục quân Hồ Nam Giảng vũ đường, sau

khi tốt nghiệp trở về đảm nhận Trung đội trưởng, Đại đội trưởng, Tiểu đoàn trưởng. Tháng 1 năm 1928 thăng làm Trung đoàn trưởng. Tháng 6 năm 1945 trúng tuyển làm Ủy viên Cục Chính trị Trung ương, cùng được bổ nhiệm làm Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương kiêm Tổng Tham Mưu trưởng. Năm 1949 bổ nhiệm làm Bí thư thứ nhất Trung ương Cục tây bắc, Chủ tịch hội Quân chính Ủy viên Tây bắc, Tư lệnh viên Quân khu Tây bắc. Tháng 9 năm 1954 đảm nhận Phó Thủ tướng Quốc Vụ viện kiêm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Phó chủ tịch Ủy viên hội Quốc phòng. Năm 1956 được chọn làm Ủy viên Chính trị Trung ương Cục Trung Cộng khóa 8. Năm 1959 miễn trừ chức vụ Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. 14 giờ ngày 29 tháng 11 năm 1974 vì mắc bệnh ung thư trực tràng chết ở Bắc Kinh. Tháng 12 năm 1978 Trung Cộng khóa 11 tam trung toàn hội sửa lại án sai cho ông, khôi phục lại danh dự.

《 **Trích Thiên Tuy** 》 nói:

*Canh kim đái Sát,  
Cương kiện vi tối,  
Đắc thủy nhi thanh,  
Đắc hỏa nhi duệ,  
Thổ nhuận tặc sinh,  
Thổ kiên tặc thúy.  
Năng doanh giáp huynh,  
Thâu tình Ất muội.*

Canh kim được hỏa luyện, mới thành dụng cụ. Canh kim gặp Nhâm thủy, liền có dung nhan thanh tú, đặc biệt là nữ tính nhật nguyên Canh kim, sinh phùng Nhâm thủy thấu can hoặc là tọa dưới Tý thủy, cinh đẹp, tất có mị lực. Canh kim thấy Đinh hỏa, liền có thể bộc lộ tài năng, được người tôn kính, nếu không thì chỉ là một đồng sắt vụn vô ích. Canh kim thấy Sửu Thìn có thể sinh, nếu như Canh kim thân cường, nếu thấy hai thổ như vậy chỉ là phản ứng trì độn. Gặp 2 thổ Mùi Tuất, Canh kim quá nóng thì sẽ giòn đứt, Canh kim thấy Ất mộc,

như cường nam gặp nhược nữ, sẽ có tình cảm tốt, rất nhiều nữ giới sinh ngày Canh kim là nữ tính một phương nam tính yêu nữ giới đồng tính (đồng tình luyện ái).

Liên quan với đặc tính Canh kim kiên cường, tôi dùng ví dụ để thuyết minh.

*Càn tạo*: Bính Thân - Quý Tị - **Canh Tuất** - Bính Tý.

Địa chi bát tự có Tị Thân hợp nhất, Canh kim và Bính hỏa đồng thời biến nhược. Mà bởi vì Canh tạo Tuất, kết cục Thân thiên vượng, dụng hỏa là không nghi ngờ. Tị thân hợp, trong hợp có hình, nhưng Canh kim vững chắc, đối diện hình xuyên nhưng không sợ chút nào.

Đây là mệnh tạo Thừa tướng Văn Thiên Tường thời Đại Tống. **Có ghi lại**: Làm quan đến Thừa tướng, phong tước Quốc Công. Lúc Lâm An nguy cấp, ông ấy ở quê hương chiêu tập nghĩa quân, kiên quyết chống lại quân Nguyên xâm lược. Sau đó không may bị bắt, dù ở trong tù, hiên ngang lắm liệt, cuối cùng bị hại, Văn Thiên Tường trung liệt danh truyền hậu thế, trong lúc bị bắt, Nguyên Thế Tổ lấy cao quan hậu lộc khuyên hàng, Văn Thiên Tường thà chết không khuất phục, ung dung phó nghĩa.

***Đệ tứ giảng: Canh kim du tứ quý, Khí số định hỉ kỵ***

***Khí số Canh kim.***

Canh kim là công cụ sắc bén để điêu khắc Giáp mộc, mà Đinh hỏa là ngọn lửa nung luyện Canh kim, ba thiên can này có quan hệ day dưa không rõ. Ở trong bát tự, Nhật chủ Canh kim thấy Đinh Giáp song thấu thì có nhiều hiển quý, như minh tinh màn ảnh *Arnold Schwarzenegger* nổi danh ở Hollywood chính là người Canh kim điển hình, Đinh Giáp song thấu, có thể trở thành quyền thế rất mạnh cấp siêu sao thế giới.

***Tham khảo:***

[https://vi.wikipedia.org/wiki/Arnold\\_Schwarzenegger](https://vi.wikipedia.org/wiki/Arnold_Schwarzenegger)

Nhân mệnh Canh kim rất nhiều người là mệnh gian khổ. Xưa hành xử ở mùa thu, xưng là Thu Canh, mệnh Canh kim sinh ở mùa thu, vốn là lúc đắc lệnh, nhưng tính kim quá cường, sẽ dẫn đến đau khổ. Mệnh người Canh kim, đại đa số là không vui vẻ. Trong nhà có người Canh kim, chỉ cần thấy đến hai tổ này, thì người này tất là phú quý:

1, Đinh hỏa, người Canh kim có nhiều ngọn lửa có thể dùng tất là quý. Như trong nhà có đặng hỏa thông minh, là ông chủ bóng đèn, đều là ông chủ công ti điện ảnh. Nếu như người Canh kim ngay cả đèn trong nhà cũng không nhiều, điện khí thường xảy ra vấn đề, đều đại biểu khiếm vận.

2, Giáp mộc, người Canh kim có nhiều cây cối hoa cỏ ở bên cạnh mới quý. Như đại thụ chọc trời, Giáp mộc cũng là trúc tiêu, sách giấy đầy bàn, Giáp mộc cũng là miêu vậ, người Canh kim ở trong nhà có nhiều sách, lại rất thích mèo, tất quý.

Có một sự tình rất kỳ diệu, người thuộc Canh kim không đủ Canh kim, đều không giải thích được ở trong nhà có tập quán đặt búa rìu, tấm chắn, cửa điện, đối với dụng cụ sắt thép, rất có duyên phận.

Nay nói đến khí số Canh kim, luôn nhấn mạnh một quan điểm: Cụ thể đoán bát tự, trước tiên muốn phán đoán bát tự này có thích hợp dùng phép khí số hay không, như bát tự có khí thế, thì trước tiên phải dùng phép khí thế để luận, không có khí thế, lại tham khảo khí số, cũng chính là nói phép dùng khí số không phải là vạn năng. Nhưng mà, phép khí số ở trong bát tự là không ít hữu dụng, mặc dù có chút cứng nhắc, nhưng mà nếu như không rõ phép khí số, vậy thì có rất nhiều bát tự sẽ khiến cho bạn bó tay.

Khí số Canh kim chủ yếu là Đinh và Giáp, tùy theo mùa và can chi phối hợp khác nhau, Đinh Giáp cũng có chỗ bỏ hoặc lấy, dùng rất linh hoạt.

## Quyết viết:

*Chính nguyệt Canh kim Bính Giáp thượng,  
Nhị tam lục thất bát Đinh Giáp,  
Tứ nguyệt Canh kim Nhâm Bính tham,  
Ngũ nguyệt canh kim Nhâm Quý thiên.  
Cửu nguyệt Canh kim nghi Giáp Nhâm,  
Tam đông hỉ Đinh hoàn hỉ Bính.*

*Chính nguyệt Canh kim Bính Giáp thượng*, vừa mới nói xong, khí số Canh kim là Đinh Giáp, như vậy tháng giêng Canh kim làm sao dụng Bính Giáp chứ? Chỉ cần bạn lĩnh hội một chút khí hậu ở tháng giêng thì không khó nghĩ ra. Trung quốc đại đa số địa phương, năm tháng giêng gọi là Hàn xuân, dụng Bính là vì khử hàn, điều hậu là gấp. Đổi một góc độ, lấy Giáp mộc làm Thế, Giáp ở tháng Dần là chân thần đương lệnh, thấu ra tức là dụng thần. Tháng giêng Giáp mộc, Bính so với Đinh càng có công năng điều hậu. Cho nên trước tiên dụng Bính hỏa, sau mới dụng Giáp mộc. Trong Dần có Bính, không có Bính có Đinh Giáp thấu can, cũng là tạo có khí số phi phạm.

Tháng giêng khí số Canh kim là Bính Giáp, nhưng phải là tổ hợp bát tự hoàn chỉnh, mới luận biến hóa. Tháng giêng kiến Dần, bát tự hoàn toàn có khả năng cấu thành Dần Ngọ Tuất hoặc là những hình thức hỏa cục khác, lúc này, hoặc là dùng phép khí thế, thủ dụng tông thế, hoặc là vẫn cứ dùng pháp khí số. Dùng phép khí số, thì là dụng thủy cứu hỏa, thành Thủy Hỏa ký tế. Trong đó Nhâm tốt hơn so với Quý. Còn có tình huống thủy nhiều hoặc kim nhiều hoặc thổ nhiều, cho thuốc đối chứng, đều có biến hóa. Nhưng Bính Giáp vẫn là khí số chủ yếu của Canh kim tháng giêng, cả hai cùng thấu thiên can, là tầng lớp cao nhất; thấu một tầng một, tầng lớp giảm hơn; cả hai đều ám tàng nhưng không thiếu, tầng lớp giảm hơn, nó cùng thấu một khuyết một thì tầng lớp kém nhau không nhiều; cả hai đều không có, thì tầng lớp thấp nhất.

*Nhị tam lục thất bát Đinh Giáp*, ý câu này nói rất rõ ràng, là Canh kim ở tháng 2, 3, 6, 7 và 8, lấy Đinh Giáp làm khí số. Chẳng qua là nói

quá đơn giản, tùy theo tổ hợp khác nhau, còn có rất nhiều biến hóa. Ví dụ như, Canh kim ở mùa thu, thì rất dễ dàng thành thế, thành thế thì phải theo thế mà luận, có lúc bất đắc dĩ mà phải dụng thủy. Chẳng qua, tầng lớp dụng thủy thì đa số không cao. Muốn bát tự trở thành tầng lớp cao, vẫn là cần có Đinh Giáp cùng thấu mới tốt.

### **Có thơ viết:**

*Thu kim sắc nhọn tối vi kỳ,  
Nhâm Quý gặp nhau vốn không nên,  
Như phùng mộc hỏa đến thành cục,  
Xem thử phúc thọ sánh trời cao.*

Được Đinh Giáp thấu can, tức là có mộc hỏa đến trợ giúp. Còn có, tháng hai Canh kim cũng có chỗ đặc biệt, bởi vì tháng hai Ất mộc tối vượng, Canh tất lưu tình với Ất, Ất Canh hợp, Canh có thể ám cường.

**Cổ thư nói:** Tháng hai Canh kim, như một lý thu kim. Thu kim sắc nhọn, Bính Đinh hỏa rất là trọng yếu. Nhưng mà, tháng 3, tháng 6, đều là thổ vượng, Giáp mộc khai thông thổ là rất trọng yếu, mặc dù khí số là Đinh Giáp, nhưng Giáp càng trọng yếu hơn so với Đinh, Giáp thấu tức là tạo tốt. **Sách viết:** Thổ khô thì giòn. Trong đó tháng 6, Mùi thổ quá khô tảo, dụng Thủy giải tảo là luôn cần gấp. Trong Mùi có Đinh hỏa ám tàng, không thấu Đinh dụng thủy mới thích hợp. Thấu Đinh lại thấu thủy, chính là trợ khí, là không tốt.

*Tứ nguyệt Canh kim Nhâm Bính tham,* tháng 4 kiến Tị, Tị gọi là Xà, học thuyết ngũ hành lại xưng là Tắc kè hoa. Tháng 4, tổng thể khí số bất biến Canh kim là Đinh Giáp, nhưng tùy theo tổ hợp khác nhau, còn phải tham khảo Nhâm thủy và Bính hỏa. Như gặp Dậu hoặc Sửu, Tị hỏa hóa thành kim, thấu Đinh tốt hơn so với Bính, dụng Bính thiếu lực, nguyên nhân là bởi vì căn Bính hợp hóa mà thụ thương. Như gặp Dần Ngọ, Tị lại hóa thành hỏa, thì phải tham khảo dụng Nhâm thủy để cứu hỏa, lúc này thấu Đinh lại không bằng thấu Bính, bởi vì Đinh sẽ đi hợp Nhâm thủy. Như gặp Thân Tý, Tị còn có thể hóa thủy, lại nếu có

Nhâm Quý thấu ra, thậm chí phải tham khảo dụng thổ. Cũng chính là nói, tháng 4 khí số Canh kim là Đinh Giáp bất biến, nhưng tùy theo Tị hỏa mang đến các loại biến hóa, tham khảo thủ dụng lại càng phức tạp.

*Ngũ nguyệt Canh kim Nhâm quý thiên.* Canh kim sinh ở tháng Ngọ, Đinh hỏa càng vượng mãnh liệt. Dụng Nhâm Quý điều hậu là gấp, Nhâm Quý thấu phủ, thậm chí còn trọng yếu hơn so với Đinh Giáp thấu can. *Sách viết:* Canh kim tháng 5, không có Nhâm Quý tất không phải là Thượng cách. Viêm thượng hoặc là những loại tòng cách khác không nói ở đây.

*Cửu nguyệt Canh kim nghi Giáp nhâm,* Canh sinh tháng 9, Tuất thổ táo khô, dụng Giáp khai thông thổ, dụng thủy là giải táo. Đinh vốn là khí số thứ nhất, ám tàng ở Tuất, vẫn đẹp hơn so với thấu ra. Bởi vì Đinh thấu hợp Nhâm, bất lực giải táo, dụng Quý cũng không thích hợp, bởi vì tháng Tuất Mậu thổ thành vượng, khác với Đinh hỏa ám tàng ở trong khố. Mậu Quý hóa hợp, Quý thủy thực tế là không còn, chỉ trợ táo mà không giải táo, cho nên Canh kim tháng Tuất, giải táo dụng Nhâm mà không dụng Quý. Dụng Nhâm địa chi cần thấy kim, kim phát nguồn thủy, Nhâm thủy mới có lực. Ở lúc có Tân thấu can, Quý mới khả dụng.

*Tam đông hỉ Đinh hoàn hỉ Bính.* Tam đông tức là chỉ 3 tháng Hợi Tý Sửu. Canh kim ở mùa đông, thủy lạnh kim hàn, không có Bính không ấm, không có Đinh không tạo thành. Đinh Giáp là chủ khí số của Canh, hỉ Bính là bởi vì điều hậu, ở lúc lực hỏa không đủ, dụng Đinh còn phải dụng Bính. Mùa đông hàn thấp, không có Bính mộc ấm thấp, mộc thấp thương Đinh, tuy có Đinh giáp cùng không dễ phát đạt. Cho nên nói, *Tam đông hỉ Đinh hoàn hỉ Bính.* Bất tự sinh mùa đông, dễ dàng xuất hiện cục diện thủy quá nhiều, lại thấu Nhâm Quý, tất phải có Mậu Kỷ xuất can chế thủy, Canh kim mới có đất lập thân. Nếu không, thì lo sợ có họa thủy đa kim trầm. Lúc này, mặc dù có

Mậu hoặc Kỷ thấu can, nếu như chi thành thủy cục, lại thấy Bính hỏa cũng không phải là chuyện tốt, bởi vì Bính có thể giải đông, thủy càng chảy xiết, thổ kim cũng nguy hiểm. Thấu Bính tức là nghịch thế, đương nhiên là không tốt. Chẳng qua, loại tình huống này đa số thuộc về phạm vi phép khí thế.

### ***Canh kim hóa Tượng.***

Rất nhiều thuyết pháp như "*Canh kim đái sát, cương kiện vi tối.*" "*Canh kim đái sát tính thiên cương*", đều là muốn nói cho chúng ta biết bản tính Canh kim phải cứng. Nhưng mà, Canh kim cũng có lúc khí nhược, lúc khí Canh kim nhược, nếu như gặp Ất mộc cường hoặc vượng, thì Canh kim có thể mượn thế phát huy, từ nhược biến cường. Ất mộc trời sinh ra hỷ Bính, có thể tích cực hướng lên, gặp đến Canh hợp hóa, tâm tính khởi biến hóa lớn, lúc này Ất mộc toàn tâm toàn ý vì Canh kim mà phục vụ, khiến cho Canh kim lập tức kiên cứng. Nếu như bản thân nguyên cục là mộc nhược kim cường, như vậy Ất Canh tự nhiên là Ất tàng Canh hợp, hóa tượng là kim, Ất tàng Canh hợp, cũng là làm cho Canh cường, nhưng đối với Ất mộc là một loại tổn thương.

Chủ yếu nói Canh tàng Ất hóa. Sách nói Canh kim, "*Có thể thắng Giáp huỳnh, bại bởi Ất muội.*"

Ở đây nói bại bởi Ất muội, thực tế chính là Canh tàng Ất hóa. Thiên can hợp hóa là xu hướng bản chất của thập thiên can, xuất hiện thiên can ngũ hợp, bất luận có hóa hay không, đầu tiên đều phải xem xét hợp hóa, hơn nữa lúc hóa đắc chân thì chỉ luận hóa. Điều kiện Canh tàng Ất hóa, đầu tiên Ất mộc là phải có căn hoặc là nắm lệnh cường vượng, Canh tàng Ất hóa mới có ý nghĩa.

《 **Thập Đoạn cầm** 》 luận Canh tàng Ất hóa:

*Canh tàng Ất hóa, chất kim càng kiên.*

*Tối kỵ Tân kim ám tôn, càng sợ Bính hỏa rán khô.*

*Ngộ Đinh Quan hệ, tựa như Giao Long được mây mưa;*

*Phùng Kỷ Ấn hệ, như Bằng Ó ở mùa thu.*

*Quý thủy vượng hệ, điền viên trôi rữa;*

*Giáp mộc thịnh hệ, Tài Lộc tăng thiên.*

*Ngộ Mậu tương xâm hệ, không thành cự phú;*

*Phùng Nhâm trợ lực hệ, vĩnh viễn trường niên.*

"Canh tòng Ất hóa" nghe ra dường như là Canh kim biến thành mộc, thực ra không phải vậy, bạn nhìn đoạn sau nói "Chất Kim càng cứng". Ý là nói nếu Canh gặp đến Ất mộc cường vượng, đối với Canh kim là một sự kiện tốt. Bởi vì Ất mộc cũng có thể khiến cho Canh nhược cường vượng trợ lại, đây mới là ý nói "*Canh tòng Ất hóa, chất kim càng cứng.*" Canh tòng Ất hóa, gặp đến Tân kim, thương tổn Ất mộc cũng xem như là ám tổn Canh kim. Gặp đến Bính hỏa, tổn thương Canh kim, Ất mộc đại phát nhu tính, cũng làm cho Canh kim khó chịu. Cho nên nói "*Tối kỵ Tân kim ám tổn, thiên hiềm Bính hỏa rán khô.*" Gặp Đinh Nhâm và Giáp Kỷ đều có lợi, phùng Mậu Quý thì có hại. Bởi vì Đinh Nhâm hóa mộc lợi Ất, Giáp Kỷ hóa thổ mà sinh kim. Mậu Quý hóa hỏa, thì tiết mộc thương kim. Canh tòng Ất hóa là Ất vượng đi trợ khiến cho Canh vượng, chỗ này cùng với những chỗ tòng hóa khác có phân biệt rất lớn.

*VD 1, Càn tạo: Giáp Ngọ - Ất Hợi - **Canh Thìn** - Kỷ Mão.*

Ất mộc đắc Lộc, cùng có Đẳng la hệ giáp, trạng thái Ất mộc hết sức tốt, có thể nói là Ất mộc cường tráng. Canh kim thiên nhược, mặc dù có thấp thổ sinh kim. Nhưng đây chỉ là căn nhược, lấy Canh tòng Ất hóa luận. Thiên can gặp Giáp, Kỷ, là mệnh phú quý song toàn, đây là mệnh tạo Tống Tử Văn.

*VD 2, Càn tạo: Kỷ Dậu - Ất Hợi - **Canh Dần** - Mậu Dần.*

Canh sinh tháng Hợi, ngày giờ khí mộc rất vượng, thành lập Canh tòng Ất hóa. Canh tòng Ất hóa, tất là trạng thái Ất mộc phải tốt. Trụ năm Kỷ Dậu, trụ tháng gặp Hợi, năm tháng làm cho trạng thái Ất mộc không tốt, thờ gian năm tháng đại biểu Tổ phụ và mệnh chủ lúc nhỏ,

Tổ thượng người này có ba đời đều nghèo, bản thân lúc nhỏ cũng cùng khổn lao đao. 23 tuổi năm Nhâm Thân, Canh đắc Lộc, Mã tinh động, mệnh chủ bắt đầu cầu biến, đi Quảng Đông, trải qua 8 năm rèn luyện, tư tưởng và diện mạo tinh thần thay đổi rất nhiều. Vừa tiến vào vận Mùi, năm Nhâm Ngọ bắt đầu khởi bước, thời gian có mấy năm phát tài nghìn vạn. Lúc này, năm Ất Dậu và các năm Đinh Hợi, Mậu Tý hơi có phá tài, đều là nửa năm sau của năm Ất Dậu, Đinh Hợi. Toàn năm Nhâm Ngọ, Giáp Thân đều không tệ, nửa năm đầu Quý Mùi làm ăn không tốt, nửa năm cuối đổi nghề. Cuối năm Bính Tuất và nửa năm đầu Đinh Hợi tốt nhất. Mậu Tý là một năm bất thuận, tài khí bình thường. Năm Kỷ Sửu lại tập hợp. Cho đến Canh Dần, Tân Mão năm Tùng Bách Mộc đại phát.

*VD 3, Càn tạo: Canh Ngọ - Tân Tị - **Canh Ngọ** - Ất Dậu,*

Tạo này mặc dù có Ất Canh, nhưng tháng Tị Ất mộc chỉ là nhìn tốt bên ngoài, bên trong một chút căn khí cũng không có, Ất tòng Canh hóa không chân, Canh tòng Ất hóa cũng chỉ là Giả tượng, Ất Canh rốt cuộc chỉ lấy hợp bán luận. Ất Canh hợp, hoặc là kim vượng hóa kim, hoặc là mộc vượng hóa mộc. Vận đầy và trung vận, từ nam chuyển sang tây, không phải vận tốt, tương đối cùng khổn. Ất mộc thụ thương nghiêm trọng, bị chặt đứt một ngón cái. Về già hành vận bắc phương, đặc biệt là tiến vào vận Tý, nhất cử thành danh, trong đó năm Ất Hợi là tốt nhất. Người này quý lớn hơn phú.

Cả ba ví dụ ở trên đều có Ất Canh hợp, Canh tòng Ất hóa càng chân thiết, thì người này càng giàu có.

Lại xem một bát tự Canh tòng Ất hóa:

*VD 4, Càn tạo: Mậu Thìn - Ất Mão - **Canh Thìn** - Đinh Hợi.*

Ất Canh hợp, hóa tượng vốn là kim, gặp đến Ất mộc cường vượng, Canh kim thiên nhược, Canh theo Ất. Mượn thế Ất mộc mà cường vượng, giống như cáo mượn oai hùm. Tạo này Canh kim sinh ở tháng Ất Mão, Ất mộc đang nắm lệnh, Canh tòng Ất hóa, rất chân thiết,

Canh kim theo Ất mộc mà biến vượng. Trụ năm thấy Mậu, xuất thân thành thị; giờ thấy Đinh hỏa, làm quan Tể tướng. Ất mộc nắm lệnh thâu ra, Canh tàng Ất hóa, không phải bản thân Canh kim có bao nhiêu năng lực, mà là Ất mộc nắm lệnh đặc biệt rất thích Canh kim. Đây là mệnh tạo đại gian thần Ngụy Trung Hiền thủ hạ của Hi Tông Hoàng đế triều Minh. Thú vị là, Hi Tông Hoàng đế là một kỹ nghệ "Thợ Mộc" cao siêu. Ất Canh hợp, Ất mộc biến thành kiên cứng, Canh kim là lợi khí, cả hai cùng nhau tâm đắc.

**Tham khảo:**

[https://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%E1%...g\\_Hi%E1%BB%81n](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%E1%...g_Hi%E1%BB%81n)

**Đệ lục giảng: Canh Thân Hồ giao trì, Vũ Lộ Mộc chu y**

**Can chi Lục Canh.**

Canh chủ biến cách, tính mạnh mẽ như Bạch Hổ, ở trên can phối hợp nhau, có Canh Thân và Canh Dần đều là đôi Bạch Hổ, còn gọi là Bạch Hổ giao trì. Chi cần trong trụ thủy hỏa điều đình thỏa đáng, Canh kim chính là luyện mãi thành thép, thành tựu rất lớn.

**Can chi Lục Canh có:** Canh Tý, Canh Tuất, Canh Thân, Canh Ngọ, Canh Thìn, Canh Dần.

+ Canh Tý: Khí thế can chi ở kim sinh thủy, có hoạn thủy đa kim trầm. Trụ ngày Canh Tý, tọa Thương quan, nữ mệnh khắc phu. Can chi kim thủy tương sinh, người thông minh xinh đẹp, ngay thẳng, nói nghĩa khí. Nạp âm là Bích Thượng thổ, có ý là cung vàng điện ngọc. Ngày Canh Tý là Kim Ngọc xuất hải.

**Có thơ viết:**

*Năng lực giỏi ca múa bút mực,  
Giống như Bạch Hổ đùa sông nước.  
Xung ở Lộ Mã đặng khoa giáp,  
Hoa trúc mưa phùn lệ tình thương.*

Tháng Tý, suy, Thương quan vượng, không có thổ vận, tức là Quý

vượng, yếu tiện ngắn ngủi. Tháng Sửu, hư danh, khinh tài. Tháng Dần, Thiên Tài, bất lộc. Tháng Mão, hợp tài, vàng ngọc đầy mắt. Tháng Thìn, lợi đường kinh thương. Tháng Tị, vũ chức hiển dực. Tháng Ngọ, quan văn cận vệ. Tháng tứ quý, Ấn vượng, phú mà có danh. Tháng Hợi, phiêu bồng, tăng lữ.

+ Canh Tuất: Khí thể can chi ở kim xuất thổ. Trụ ngày Canh Tuất, tọa khổ thông căn thân cường, ngày Khôi Cương, thông minh cương nghị, có tài văn, trung nghĩa song toàn. Canh Tuất nạp âm là kim thành khí, không thể thấy hỏa, sợ tổn thương, nếu gặp thủy thổ trợ nhau là quý.

Canh Tuất là ngày Lộc Mã quý nhân.

**Có thơ viết:**

*Tướng quân bách chiến bất luận công,*

*Cao sơn lưu thủy lại xuất chinh.*

*Tây khứ dương quan tri âm thiếu,*

*Trước lộc sau phúc hai ba lần.*

Tháng Thìn, xung, mệnh bình thường. Tháng Mão, hợp, nhờ vợ phát phúc. Tháng Dần, mệnh Hầu vương. Tháng Sửu, Tài vượng Quan thăng. Tháng Tị, hỏa Quan, vũ chức thao quyền, có kinh hiểm. Tháng Ngọ văn chức, khó tiện chung. Tháng Thân Dậu, tài đến lại đi, tán tụ theo nhau. Tháng Hợi Tý, văn bút siêu quần.

+ Canh Thân: Can chi nhất khí, trụ ngày Canh Thân, tọa Lộc thông căn, thân thể tốt, có một đoạn phú quý. Tháng Sửu, là Thiên Nguyệt lưỡng đức, chủ nhân khỏe mạnh cả đời ít tật bệnh. Nữ mệnh Canh Thân mang Thiên Nguyệt lưỡng đức, tất sinh quý tử, thông minh đại khí. Nạp âm là mộc, mặc dù khí nhược, nhưng có thể dẫn thông mộc khí, không kỵ mộc.

Canh Thân là ngày Song Hồ hôn tri. Lâm quan lộc, tọa chi Tì kiên, Thực thần, Thiên Ấn, còn gọi là ngày Hồ luyện Ngọc Nữ.

**Có thơ viết:**

*Bạch Hồ giao trì hướng nam hành,  
Tước nhậy giang hà sớm thành danh.  
Lộc đáo Trường sinh Quan đắc địa,  
Cửu trọng lộ vũ tẩm Chu y.*

Tháng tứ quý, thấu hỏa, mệnh đại quý. Tháng Hợi Tý, thơ từ nổi tiếng. Tháng Thân Dậu, không có Quan tinh, bản mà tiện. Tháng Dần Mão, tiền đầy ba học. Tháng Tị Ngọ, làm quan Thị Lang, Thất Sát là dụng, tư thế hào hùng.

+ Canh Ngọ: Khí thể can chi ở hỏa cháy rực luyện kim. Thân tọa Chính Quan Chính Ấn, khí chất thanh thuần, tất chủ quan quý, nhưng kim tọa hỏa địa, phải qua hỏa luyện, gọt giũa nhiều lần, cho nên đường quan sáng lạn, có thành tựu lớn cũng có thất bại. Canh Ngọ nạp âm là Lộ Bàng thổ là Ấn, khiến cho Canh kim nguy mà không tổn thương, can chi hàng thượng đẳng.

Canh Ngọ là ngày Hỏa chú Kim Ấn.

### **Có thơ viết:**

*Một cái bút sắt thủy làm mực,  
Nhật màu nồng mây vẽ dưới bút.  
Học uyển tướng sĩ hai kiểu mệnh,  
Sơn dã Chu Tước ngậm đá quý.*

Thánh Sừ có thanh danh. Tháng Thìn, tự hình, phú mà có hình phạt. Tháng Dần Tị Ngọ, hỏa vượng, mang tàn tật, phé lại có tật hoạn. Tháng Mão, Tài vượng, người đại phú. Tháng Tý xung, tài nghệ vang xa. Tháng Thân Dậu, ngày Nhật quý, bông tay lên mây xanh.

+ Canh Thìn: Khí thể can chi ở thổ sinh kim. Canh Thìn là Khôi cương, hỉ thân vượng, kỵ Tài Quan. Trụ ngày Canh Thìn, thân tọa Chính Tài, Thương quan, Thiên Ấn, chủ nhân có tài lộc, thông minh có học thức, trong chi có Thương quan mang Thiên Ấn có quý khí, còn trong Thìn có Mậu Quý hóa hỏa là Quan Sát, biến thành nhật tọa Tài Quan, có thể làm quan, nhưng ẩn chứa Thương quan, khả năng thích khai sát

giới. Nạp âm là Bạch Chá kim, có thể trợ thân vượng.

Canh Thìn là ngày Phúc Đức quý nhân.

**Có thơ viết:**

*Mệnh mang Khôi Cương tính cương cường,*

*Không tin thần quỷ thần ở bên thân.*

*Ngọc bội kiêu dương đến nhập mệnh,*

*Cầm giáo lên ngựa phò Cao hoàng.*

Tháng Sửu, phú mà có danh. Tý Sửu, văn tài xuất chúng. Tháng Dần Mão, tài phúc thọ ngắn. Tháng Ngọ, phát tích có bệnh tật. Tháng Tị, cả đời gian khổ. Tháng Mùi Thân, tài vận phát tích. Tháng Dậu hợp, thâu Quan tinh, vinh hiển. Tháng Hợi Tý, Thực thần vượng phát tích khó thọ. Canh Thìn, quý mà phong lưu, danh trọng lợi khinh.

+ Canh Dần: Khí thế can chi ở kim khắc mộc, Canh kim tọa tuyệt địa, vô căn, cái đầu (can khắc chi). Nữ mệnh khắc phu tái giá, có thể làm vợ lẽ; nam mệnh Canh Dần chết không yên, nhưng tọa Sát Ấn có khai thác tinh thần, làm quan thanh liêm, chi tàng Thiên Ấn chỉ làm chức phó. Nạp âm là Tùng Bách mộc, mộc vượng khiến kim tự khuyết, sinh mùa xuân có thể là tài năng trụ cột.

Canh Dần là ngày Bạch Hổ trấn sơn.

**Có thơ viết:**

*Bình xuyên mãnh Hổ quy sơn lâm,*

*Gió thu là rơi thời không yên.*

*Tối hi đại tuyệt lúc phong sơn,*

*Tam hạ nùng ấm ngọa Khổng Minh.*

Tháng Tý, Thực vượng, thân suy, Tị Kiếp phù là cát. Tháng Dần, thanh tú, mệnh cao. Tháng Mão, phú không bền. Tháng Thìn, phú quý. Tháng Tị, quý ám tàng, có Ấn, chức vinh. Tháng Thân Dậu, tiền tài tụ tán phù trầm. Tháng Tuất Hợi, quản trị tập đoàn tài chính.

**Đệ thất giảng: Canh là điều tiết khí, Tiên thoái biết đầu mối**

## **Canh kim hoa như.**

Canh kim là khí tức sát, cản trở, là thần biến cách. Cùng cực gặp Canh có thể phát phú, cực vui gặp Canh lại sinh biến. Trong bát tự, có Canh kim, là có ức chế hoặc cản trở, ức chế hoặc cản trở là chỉ tác dụng đối với bát tự có tốt có xấu.

*VD 1, Càn tạo:* Đinh Hợi - Canh Tuất - **Kỷ Tị** - Canh Ngọ.

Đây là bát tự Tướng chủ tịch Quốc Hội, nhật can Kỷ thổ, vốn là hỏa thổ thành công. Không chịu nổi có 2 Canh treo hai đầu bên cạnh, người này lúc đang đương vị, tất nhiên nói chung là tình thế khó xử, hoặc là nói sách lược của người bên cạnh đối với ông ấy là có phản nghịch. Chi năm Hợi trong có Giáp mộc ám tàng một luồng sinh khí, luồng sinh khí này cũng không vượng, hơn nữa ở bên cạnh đại hải. Giáp mộc ở tháng Tuất rất suy nhược, phía trước trụ tháng Canh kim đối với Giáp mộc có tác dụng ngang nhau, nhưng mà Kỷ thổ ở dưới cực diện là hỏa thổ thành công, tối kỵ là vượng mộc tạp ở trong thổ. Cho nên, trước một Canh kim đối với toàn bộ bát tự khởi tác dụng phá hư, Canh thứ hai đối với trước mặt là chỉnh sửa, Canh kim thứ hai mới là khởi tác dụng tốt.

Lại xem một bát tự đoán nghề nghiệp:

*VD 2, Càn tạo:* Canh Thìn - Kỷ Sửu - **Đinh Tị** - Bính Ngọ.

Ngũ hành bát tự này là từ hỏa chảy hướng về kim, đến kim thì dừng lại. Kim là Tài, là công việc thu hoạch của nó, cũng là thể hiện tài năng. Nhất là Canh kim ở trước mặt, chỗ hướng đi không tốt, chỉ thích trực tiếp tạp hướng Thìn thổ, cũng chính là nói công việc người này có liên quan cùng Thìn thổ. Thìn ở trên thân đại biểu dạ dày, ở đất đại biểu bệnh viện, tác dụng Canh kim chính là cứu tử phù thương. Đồng thời, toàn bộ bát tự là lấy Thực thần sinh Tài làm chủ tuyến, hành nghề kỹ thuật, vốn là anh ta chủ trì bác sỹ của một bệnh viện lớn.

Hai VD bên trên đều không phải là nhật chủ Canh kim, nhưng chỗ Canh kim khởi tác dụng là bất biến. Dưới đây là nói một bát tự Thánh nhân có nhật can là Canh kim.

VD 3, *Mệnh tạo Khổng Tử*: Canh Tuất- Mậu Tý - **Canh Tý** - Giáp Thân. Ngày Canh Tý sinh ở tháng Tý, vốn có hoạn thủy đa kim trầm, may mắn có Mậu thổ thấu ra, thủy đa, có chỗ cường thổ chế. Trong Tý có Quý thủy phong thịnh, Quý thủy là Thương quan, Thương quan vượng mà có chế, đại biểu người này là có tài hoa, hơn nữa còn phát tiết không loạn. Tuất ở trong nguyên cục có một chút Đinh hỏa thâm tàng ở trong khố Tuất, khí số không có thấu ra, ở triều đình tại thế khó mà có tiền đồ. Nhưng mà, hay là ở trụ giờ. Trước có nói tác dụng trụ giờ đối với Mậu thổ, ở dưới cục diện thủy nhiều, Mậu chủ yếu là dựa vào thủy, Mậu chính là Trường sinh ở Thân. Quý thủy cùng Mậu thổ đồng thời được Trường sinh, thủy có thâm sâu, thổ cũng có bề dày. Đại biểu tài hoa người này là sâu không thấy đáy, năng lực tu luyện cũng là núi cao ngãng mặt, Đinh hỏa đại biểu tư tưởng của ông ấy, là một ngọn đèn sáng ở trong đêm tối. Giáp mộc đại biểu là một luồng sinh khí, Thân tọa lại thấy thủy, là Tuyệt xứ phùng sinh. Giáp mộc là vật hữu dụng, Giáp mộc trong nguyên cục có chút phù trôi, đại biểu người này ở lúc tại thế có chút phiêu đảng. Trụ giờ là cung con cháu, đại biểu con cháu hậu thế có thành tựu. Giáp mộc chịu ân huệ Quý thủy ở trong Tý, đại biểu truyền nhân và hậu nhân chịu ảnh hưởng của ông ấy rất lớn, đương nhiên cùng đại biểu con cháu đời sau tất có thành tựu. Theo giải thích, lúc Khổng Tử tại thế cũng không có quan chức lớn gì, cũng không giàu có, đi khắp các nước kinh tế cũng phải dựa vào học trò duy trì. Thế nhưng học trò của ông lại đem vật của ông chỉnh lý lại mà lưu truyền hậu thế, đây chính là 《 **Luận Ngữ** 》. Lại có con cháu hậu thế là Khổng Dung, sau khi đắc thế nắm quyền ngành càng phát huy, cho đến hơn hai nghìn năm đến nay vẫn được tôn làm Khổng Thánh nhân.

Canh gặp Giáp hoặc Giáp gặp Canh đều là như vậy, Giáp mộc thái vượng hoặc lúc phát tiết thái quá, thì Canh đến ức chế nó quá vượng,

giống như gió thu quét cành lá. Lúc Giáp mộc thái nhược, Canh kim cũng sẽ xuất ra cản trở, lúc cản trở này, là cản trở Giáp mộc tiếp tục suy lạc, thực tế là hợp tác đối với Giáp mộc. Ví dụ như 《 **Thập Đoạn cầm** 》 ở lúc luận Giáp Kỷ hợp hóa, có câu nói: "*Tháng gặp Canh kim, gia đồ tứ bích.*" Giáp Kỷ hợp hóa thổ, tại sao "*Phùng Tân có phú quý, ngộ Canh lại gia bần*" chứ? Đơn giản mà nói, chính là Canh kim có thể hợp tác Giáp nhược. Ở lúc Giáp Kỷ hợp hóa, Kỷ thổ phải vượng, Giáp mộc phải nhược, Giáp mộc không nên trường căn, càng không thể vượng. Nhưng mà, xuất hiện Canh kim, thấy cường liền ức, thấy nhược liền phù, đây thì đối với Giáp Kỷ hợp khởi tác dụng phá hư. Nhưng Tân kim lại không như vậy, Tân là cái cuốc xẻng, không chỉ có thể chặt cỏ, còn có thể trừ căn. Có ích cho Giáp Kỷ hợp hóa thổ.

Canh gặp Ất là có quan hệ tương hợp, Ất lúc so với Canh nhược, Ất tòng Canh hóa; Ất mộc lúc nắm lệnh, thì Canh tòng Ất hóa. Nhưng Ất Canh hợp cùng Giáp Kỷ hợp khác nhau, Ất Canh hợp, lúc độ Canh vượng mạnh xa hơn so với Ất mộc, Ất mộc tự có như không, hóa khí cũng là bản khí của Canh, hợp hóa không có ý nghĩa đặc biệt, chỉ là một loại hình thức mà thôi. Ất mộc rất cường, lúc Canh tòng Ất hóa, giống như một mảnh gỗ cứng cần phải có người thợ lành nghề để điều khắc, người có Canh tòng Ất hóa đa số là miễn cưỡng cầu toàn, nhưng đa số là có thành tựu.

Canh gặp Bính, Bính lại là thiên địch của Canh. Canh hỉ Đinh luyện, là làm cho Canh kim càng thêm vững chắc. Bính thì không như vậy, nó có thể hoàn toàn khống chế sát khí của Canh kim. Đánh một phương, đến mùa thu, khí âm vốn là phải chuyển tốt, trải qua mùa hè oi bức, chúng nó đều mong mỗi khí trời sớm chút mát mẻ. Thế nhưng, hết năm này năm nọ gặp phải cuối thu nắng gắt, chậm chạp không hạ nhiệt độ, mỗi ngày vẫn cứ càng nóng thêm, đây chính là Bính hỏa chế trụ Canh kim.

Canh gặp Mậu Kỷ đều là thổ sinh kim, chẳng qua Canh thái nhược cũng sẽ bị thổ đa vùi kim. Lúc thổ đa chôn kim rất thích phùng xung, địa chi có cung giống như có người khai thác quặng, Canh kim mới có

ngày xuất đầu lộ diện. Mậu thổ táo cứng, trong sinh có khắc; Kỷ thổ ẩm thấp, sinh trợ Canh kim là hi mà còn thuận.

Chỉ một nhật can Canh kim cũng không thể quyết định vận mệnh bất tự tốt hay xấu, nhưng mà, người sinh ngày Canh, nếu như trong trụ mang hình, hoặc là đại vận lưu niên gặp hình, trung niên về già tất có họa sinh tử bất ngờ. VD như trước đây có nói đến một Càn tạo: Mậu Ngọ - Tân Dậu - **Canh Thân** - Giáp Thân chết ở vận Tị, năm Mậu Dần. Mệnh tạo Tương quân: Mậu Tuất - Nhâm Tuất - **Canh Thân** - Mậu Dần, cũng là chết ở vận Tị năm Giáp Dần. Liêu Trọng Khải: Mậu Dần - Bính Thìn - **Canh Thân** - Tân Tị. Trong trụ có mang tam hình, chết ở họng súng. Trương Tác Lâm: Ất Hợi - Kỷ Mão - Canh Thìn - Tân Tị, đạn bắn chết.

## 8. Phần Tân kim

***Đệ nhất giảng: Tân là chất Canh, Kim ngọc bất vi bằng***

### ***Phân biệt Tân và Canh.***

*Có người nói:* Canh là búa rìu, Tân là đao nhỏ; Canh là sắt thô, Tân là châu ngọc, kim bồ tát. Đối với bên ngoài mà nói, so sánh như vậy dường như cũng được. Nhưng mà, đối với một người nghiên cứu mệnh lý mà nói, không nên chấp nê dưới sự so sánh của cổ nhân, mà phải hiểu rõ thực chất của Tân kim. Muốn hiểu rõ thực chất chỗ Tân kim, phải bắt đầu từ đâu chứ? Trước đây có nói qua nhiều lần, can dương là khí, can âm là chất. Bất cứ tổ hợp thể của vật chất nào đều là khí và chất giống nhau, đồng nhất ngũ hành khí và chất vừa có quan hệ cũng có phân biệt, lúc chúng ta hiểu rõ chỗ quan hệ giữa Tân và Canh, thì không khó lý giải thực chất của Tân kim.

Thực chất Canh kim khí tức sát, là thần cản trở và biến cách. Giò mùa thu tức sát cũng tốt, cản trở, hoặc là biến cách cũng được, chung quy cũng có phương thức biểu hiện cụ thể. Đến mùa thu, mùa

hạ viêm nhiệt bắt đầu thoái lui, đây là tác dụng của Canh kim, nhưng chân chính khiến cho vạn mộc điêu tàn là mùa Hàn lộ và Thu sương, có đạo là "*Hàn Lộ trọng sương áp thiên căn*". Túc sát và cản trở là khí thể lớn, cản trở túc sát rõ ràng mà cụ thể đó là Tuyết vũ băng sương. Khí cản trở túc sát là Canh kim, Tuyết vũ băng sương chính là Tân kim. Khí trời cản trở túc sát, được ích lợi ở Canh kim, thủ đoạn thực thi cụ thể là Tân kim. *Cổ nhân nói*: Tân kim ở trời là trắng là sương, ở đất là kim thành khí. Tân kim là kim mang thủy cho nên trường sinh ở Tý. Sương vũ băng tuyết bên nào lại phải ly khai thủy chứ? Người ngoài nghề có thể lý giải là châu ngọc, kim bồ tát, cần phải thường dụng thủy tẩy rửa tro bụi, để tránh thổ đa vùi kim. Người trong nghề thì muốn hiểu rõ, Tân kim là thực thể của Canh kim, hóa thân làm vũ tuyết băng sương.

Tân kim ở trên thân thể chủ phế, phổi nằm ở trong ngực, thông lên yết hầu. Công năng chủ yếu của phổi là khí, nắm thông vào bên trong, thông điều thủy đạo, chủ da lông. Thông với mũi, cùng đại tràng (Canh chủ đại tràng). Canh còn gọi là đại lộ, thích Kỷ thổ tương sinh. Muốn cho Kỷ thổ có thể bổ sung thông đại lộ, nhất thiết "Dụng cụ" đều là Tân kim, Tân kim có thể thực hiện nguyện vọng của Canh kim, như vậy Tân và Canh chính là một đôi âm dương, tăng thêm sức mạnh, không thể tách rời.

Tân kim thuộc âm kim, còn gọi là kim trang sức, đương nhiên Tân kim cứng không bằng Canh kim, nhưng bên trong thì cứng, tâm cường tiến lên, tâm không cầu hư vinh và biểu hiện đột xuất. Nhưng Tân kim đúng là Tân "Gian khổ", cùng Canh kim giống nhau, đầy màu sắc bi kịch. Ở trên lịch sử Trung Quốc, Quốc phụ Tôn Trung Sơn chính là nhân mệnh Tân kim, cả đời vất vả, là nhân sĩ thành công, nhưng lại là nhân vật bi kịch. Ở bên cạnh tôi có một cô gái, thường ngâm ca một đoạn ca từ ở trong **《 Hồng Lô mộng 》** : "*Thu hoa ảm đạm thu cỏ vàng, cảnh tượng đèn thu đêm thu dài, cảm giác cửa thu thu bất tận, nào kham mưa giò giúp thê lương.*" Nghe ra rất là thê lương, tra bát tự của hắn, vốn hắn người Canh kim cũng thích Tân kim. Nhật can

Tân kim đối với mục tiêu truy cầu không bằng Canh kim đại đao búa lớn, nhưng lại có sức chịu đựng day dưa!

*VD 1, Càn tạo: Kỳ Hại - Tân Mùi - **Tân Hợi** - Kỳ Hại.*

Đây là một Tổng giám đốc công ty tư doanh, văn hóa cơ sở của hắn cũng không tốt, rất nhiều đồ phương diện văn kiện là khiến cho tôi đến trợ hắn hoàn thành. Tình huống của hắn tôi rất quen thuộc, có rất nhiều ưu điểm, nhưng làm cho tôi rất phục ở hắn là tính kiên nhẫn. Nghiệp vụ Công ti tất phải cầu người, cầu người cần phải nhẫn nại, thông thường viên chức thấy người khác không thèm nhìn hạng mục, đều có khả năng bỏ đi, nhưng ở trên tay của hắn, chưa hề bỏ đi, rất nhiều lúc hắn sẽ dùng lòng nhẫn nại này để cảm động lòng "Thượng đế".

Tân kim so với Canh kim mà nói, là mềm mại, nhưng nói chung hắn có một mặt khéo léo. Nhẫn nại cùng người khác câu thông, thì dễ dàng được người khác phát hiện, vốn là một khối "Vàng". Tân kim nếu như không có nhẫn nại, thì giống như dùng dao khắc tượng, khẳng định làm không ra tác phẩm như ý muốn.

Tân kim và Canh kim đều sợ thổ vùi, mệnh thư gọi là thổ đa vùi kim, bất luận Canh Tân kim đều gọi là dương kim, chỗ nói dương kim, chính là cục sắt thô khoáng thạch không có chế luyện và nung tạo. Đem sắt thô khoáng thạch nói sánh như Canh kim, trải qua chế luyện đao kiếm chính là Tân kim; nói đem đao kiếm sánh như Canh kim, dụng đao kiếm mài thành kim chính là Tân kim, Tân kim nói chung là xinh đẹp hơn so với Canh kim. Chính là chỗ cổ nhân nói, Tân kim là thành kim khí, thông thường không cần có hỏa, hoặc là sợ hỏa. Còn Canh kim muốn thành vật dùng, thì không thể thiếu hỏa. Tân kim khá dễ dàng thành tài, bởi vì bản thân nó thì có một luồng tú khí, chỗ yêu cầu cũng rất đơn giản, đó chính là thủy. Chỉ cần có thủy, thì Tân kim có thể phát huy tài năng của nó.

Canh Tân kim đều có thể sinh trợ Nhâm Quý thủy, nhưng nếu so sánh, Tân kim sinh Quý thủy thì có đủ bản lĩnh được trời ưu ái. Bởi vì Tân kim vốn chính là hóa thân vũ tuyết băng sương, Tân kim sinh Nhâm thủy, có thể làm nguyên đầu hoạt thủy cho Nhâm thủy. Thu kim sắc bén chủ yếu là chỉ Canh kim, trước có nói qua "*Thu kim sắc nhọn tối vi kỳ, Nhâm Quý tương phùng vốn không nên.*" Ý ở trong là nói Canh kim và Nhâm Quý thủy cùng ở cũng không hài hòa, tối thiếu một chút này cùng Tân kim là không sánh được. Nhưng Canh kim ở trên khí thế mạnh hơn so với Tân kim, Canh kim coi trọng tư tưởng và phương pháp tư duy, thích lãnh đạo và thống soái người khác. Tân kim thì phần đa chú trọng kỹ xảo và kỹ năng, Tân kim khá mềm mại, ôn hòa, thích hợp thao tác cụ thể. Cho nên, nhìn qua khổ hơn so với Canh kim.

*VD 2, Càn tạo:* Mậu Thìn - Kỷ Mùi - **Tân Mão** - Canh Dần.

Đây là một nam mệnh có nhật can là Tân kim, sinh năm 1988, bản thân từ trường mạo đến học nghiệp đều khá ưu tú, cán bộ hội học sinh, tích cực ở trong dạy học, năm thứ nhất là vào đảng, nguyên nhân căn bản là hẳn được bạn đồng học và thầy đều thích. Canh kim đại biểu em trai của hẳn, thời kỳ thiếu niên của em trai, thì cùng hẳn cả một trời một vực, mơ tưởng hảo huyền. Mặc dù tư tưởng linh hoạt, nhưng khó mà thao tác cụ thể được một chuyện tốt. Tân kim nam nhân bình thường khá là ôn thuận, nhìn không ra có cái gì là ưu sâu khổ muộn, nhưng em trai thì cả ngày lolắng ưu sầu, nguyên nhân chỉ là Canh kim rất cần có hỏa, mà mệnh cục không có hỏa thấu can, thì Tân kim không có chỗ nói. Tạo này chủ yếu dụng mộc thông thổ, thần nắm lệnh là Kỷ thổ, mộc so với hỏa càng trọng yếu hơn, ngày giờ là Canh Dần Tân Mão Tùng Bách mộc, trên lý luận là người đều có thể thành tài, trước mắt là một lý một văn. Xem ra, xác thực là một người trọng kỹ thuật, một người trọng tư tưởng.

Canh kim tức sát và cản trở cần phải có Tân kim đến trợ giúp nó thực hiện, không có Tân kim thì không cách nào thực thi lý tưởng của Canh kim. Tân kim mặc dù là hóa thân vũ tuyết băng sương, nhưng

đối với vạn vật đều là quản chế hợp lý hóa, giống như Tân đối với Giáp, là Chính quan, bát tự nếu cần dùng Giáp, thì nó từ góc độ yêu thương đến quản chế, trong khắc có trợ ích; nếu như bát tự không cần Giáp, nó cũng có thể trăm thảo trừ căn. Cho nên, cổ nhân nói Tân kim "*Có thể phù xã tắc, có thể cứu sinh linh*".

## ***Đệ nhị giảng: Tân kim hỉ dương hòa, còn muốn sa thủy thanh***

### ***Thể tượng Tân kim.***

#### ***《Thập can Thể Tượng》 thơ viết:***

*Tân kim Châu ngọc tính hư linh,  
Tối thích dương hòa sa thủy thanh.  
Thành tựu không nhọc viêm hỏa đoán,  
Tư phù thiên ái thấp nê sinh.  
Mộc đa hỏa vượng cần tây bắc,  
Thủy lạnh kim hàn cần Bính Đinh.  
Tọa Lộc thông căn thân vượng địa,  
Lo gì thổ dầy không hình hài.*

Thể tượng chính là tượng đại thể, trên đại thể Tân kim có thể xem như là loại châu ngọc, kim bồ tát, bởi vì so sánh như vậy thì dễ lý giải. Châu ngọc lấy lấp lánh dễ thấu ra là tốt, hỉ thuần khiết, kỵ tỳ vết. Tân kim giống như Bạch lộ, cách cục tối cao chính là kim bạch thủy thanh. Kim, thủy, mộc đều sẽ không mang đến vết tỳ cho Tân kim, duy chỉ có ngũ hành hỏa thổ rất dễ dàng phá sự. Nhất là thổ, tảo thổ giòn kim, thổ dầy vùi kim, thổ mỏng làm bán kim. Chỉ có thấp thổ sinh kim, nhưng thấp thổ sinh kim cần có rất nhiều điều kiện, như lúc Tân kim nhược cần phải tư phù, còn phải có thanh thủy ôn nhuận, giống như đãi cát lấy vàng.

Tân kim hơn nửa đều có linh tính, có văn hóa và không văn hóa chỉ cần phát triển ở phương diện huyền học, thông thường đều có linh tính vượt hẳn người bình thường. Rất nhiều đại sư không có nhật can Tân kim, chính là ở trong trụ có nhiều Tân kim.

VD 1, Càn: Tân Sửu - Tân Sửu - Mậu Ngọ XX

Người này có nhật can không phải là Tân kim, nhưng có 2 thiên can Tân kim thấu ra, đặc điểm Tân kim nhất định sẽ có chỗ thi triển. Giờ sinh không rõ, nhưng chỗ so sánh rõ là người có tạo nghệ Dịch học rất sâu, rất có linh tính, thường hay đoán thẳng sự việc.

VD 2, Càn: Tân Hợi - Tân Sửu - **Mậu Thân** - Mậu Ngọ.

VD 1 và 2 đều là người rất có linh tính, VD 2 là giờ Ngọ, sinh ra lúc Thái dương ở giữa trưa. Khác nhau là, trụ năm gặp Hợi thủy, dương minh thanh thủy đều không khuyết, Tân kim bị thủy tẩy rửa càng thanh tú, cho nên tần lớp rất cao, tiến sỹ Y học, thành tựu phi phàm. VD 1 không kể trụ giờ, không thấy Nhâm thủy, lúc trẻ rất kém. Nếu là giờ Hợi, về già tất có thành tựu.

Tân kim đại biểu là Kim bồ tát, hẳn là có linh tính, nhưng rất thích là trời im dương quang sáng rực là rất tốt, như vậy thì có người đến triều bái. Bồ tát trên thân không thích tro ngu, nếu như tro ngu thuyết minh là bồ tát này bị lạnh nhạt, nếu như phải phát huy lần nữa linh tính của hẳn, ít nhất trước phải xóa đi vết dơ bụi ở trên thân. Cho nên thơ viết Tân kim:

*Tân kim châu ngọc tính hư linh,*

*Rất thích dương hòa sa thủy thanh.*

Dụng thủy tẩy rửa bụi trần là rất trọng yếu.

*VD như hai tạo dưới đây:*

1, Càn: Ất Sửu - Giáp Thân - **Tân Sửu** - Bính Thân;

2, Càn: Ất Sửu - Giáp Thân - **Tân Sửu** - Nhâm Thìn.

Hai nam nhân này sinh cùng năm tháng ngày, Càn 1 được một Bính, là dương hòa khí túc; càn 2 thì có Nhâm thấu có thể nói là thanh thanh sa thủy. Thiên can hai người đều không có thổ ô nhiễm, kết quả là tầng lớp của hai người đều không tệ, đều có bằng cấp chính

quy. Thứ vị là Nam Càn 1, ở trên mạng hiểu được có hơn 20 người sinh ra trong ngày này, ngoại trừ hai giờ sinh này, còn lại giờ sinh khác có tầng lớp xuất thân đều thấp.

Làm thầy dự trắc huyền học, mặc dù không phải là Kim bồ tát, nhưng tốt nhất là đem quét sạch hoàn cảnh bản thân, làm thần tiên càng không thể khiến cho bản thân lấp kín chỗ nhờ.

Tân kim là sợ hỏa, bởi vì nó vốn là kim thành khí, lại thấy hỏa luyện, thì sẽ đổi hình. Đinh hỏa là lò lửa nhân gian, Bính là hỏa Thái dương, bất cứ thái vượng như thế nào, đối với Tân kim đều là một loại thương hại, nhất là Đinh hỏa. Ở càn 1, Bính thấu thiên can, nhiều bệnh, suyt chút nữa là tàn phế. Càn 2 mặc dù là có Thương quan thấu can, nhưng Tân kim thích nhất chính là Nhâm thủy, trái lại là không có bệnh tai gì.

Tân kim chỉ có lúc nó chịu khắc, mới thích Kỷ thổ. Mậu thổ tính táo, thông thường là khó mà sinh Tân kim. Kỷ thổ là mây, là hảo thủ che lấp ánh sáng. Tân kim thích nhất là Nhâm Bính, nếu như nói cần có thổ đến sinh phù, Tân kim đại biểu tầng lớp người sự vật đều không cao. Mộc đa hỏa vượng thì nên hành tây bắc, cũng là nói lúc mộc hoặc hỏa thái vượng tốt nhất là dụng kim hoặc thủy, dụng thổ là bất đắc dĩ mà thôi. Thủy lạnh kim hàn thích Bính Đinh, nguyên nhân căn bản vẫn là điều hậu. Tân thích ôn nhuận, nếu như quá hàn lạnh, thì phải dụng Bính Đinh hỏa khử hàn giải đông, lại dụng Nhâm thủy tẩy rửa, Tân kim mới có sáng bóng. Thủy lạnh kim hàn, lúc dụng hỏa giải đông thì không thích Mậu Kỷ thổ. Đặc biệt là Kỷ thổ, một khi giải đông, thì rất dễ dàng trở thành bùn đen. Tân kim rất thích là kim bạch thủy thanh, bùn đen thấu can giống như thổ đa vùi kim, thì Tân kim khó mà có sinh khí.

*VD 4, Càn tạo:* Giáp Dần - Đinh Sửu - **Tân Mùi** - Nhâm Thìn.

Tạo này có Giáp mộc, Đinh hỏa, Nhâm thủy thấu can, Tân kim tổng thể là ôn nhuận mà thanh, bằng cấp chính quy, đơn vị và hoàn cảnh

công tác cũng đều ở trong tầng lớp thượng đẳng. Chính là có một điểm, thổ hơi nhiều, lại hàn lạnh, mỗi lần gặp hỏa Thái dương, có Quý thủy trong Sửu giải đông, thủy thổ vẫn đục, Quý thủy Thực thần đại biểu lời nói con người, nói chung lời nói con người không có cẩn thận, phá hư hình tượng bản thân. Loại hiện tượng này, thời gian chủ yếu là ở hạn vận chữ Sửu. 32 tuổi xuất vận hạn Sửu, chuyển vào vận hạn Tân kim, trưởng thành nhiều.

*Tọa Lộc thông căn thân vượng địa, sao lo thổ dày không hình hài.*  
Tân kim có Mậu hoặc Kỷ thấu can, bất kể Mậu Kỷ thổ dày hay mỏng, đối với Tân kim đều là một loại thương hại, nhưng nếu như thiên can kiến mộc, vấn đề có thể giải. Mộc là Tài, loại tình huống này đa số là người, sự vật đại biểu Tài tinh là quý. Còn có một loại tình huống, chính là Tân kim tọa Dậu, tức là người ngày Tân Dậu, loại Tân kim này danh là kim xuất thổ, cổ nhân cho rằng kim xuất thổ không sợ thổ vùi. Nhưng trong hiện thực có rất nhiều VD để thuyết minh, chỉ cần có thổ quá nhiều, kim xuất thổ vẫn cứ bị tai. Bởi vì, thổ đa tất khắc thủy, thủy thụ thương, Tân kim vẫn là có có tỏa sáng.

*VD 5, Càn tạo:* Mậu Thìn - Kỷ Mùi - **Tân Dậu** - Nhâm Thìn.

Tân kim tọa Lộc thông căn, nhưng Mậu Kỷ thổ thái vượng, tổn thương Nhâm thủy, kết quả là trung niên thụ khổ. Chẳng qua lúc trẻ tuổi vận Canh Thân, Tân Dậu rất tốt, toán là danh lợi song thu. Bởi vì vận Canh Thân, Tân Dậu có thể trợ giúp nhật can Tân kim xuất thổ. Về già Nhâm thủy thụ khắc, lục thân bất hòa.

*VD 6, Khôn tạo:* Đinh Tị - Nhâm Dần - **Tân Dậu** - Tân Mão.

Đinh Nhâm thấu can, dương hòa sa thủy đều không khuyết. Từ trên đại thế mà xem, tạo này là kim bạch thủy thanh. Nhưng mà ám tàng Mậu thổ, đối với Tân kim vẫn có ảnh hưởng, 2 mộc vốn có thể khử thổ hộ kim, bất đắc dĩ có Dậu kim vượng trụ Dần Mão, che bụi Tân kim. Nữ này thiên tư thông dĩnh, bằng cấp khá cao, có linh tính, chính là phu quân không cho nàng tranh khí, nửa cuộc đời bị hôn nhân khổ

nhiều.

Tại sao Tân kim sợ hỏa thổ, chúng ta trở lại nói một chút thực chất của Tân kim ở trên, Tân kim là thực thể của Canh kim, là hóa thân vũ tuyết băng sương, thấy thổ liền đục, thấy hỏa liền hóa. Thổ đục thụ khốn, hỏa hóa gặp nạn. Nhâm là thủy sông hà, duy chỉ có thâu Nhâm, vấn đề hỏa thổ hoàn toàn có thể giải trừ. Nhưng ngũ hành hỏa cũng không thể hoàn toàn không có, đầy bàn không có hỏa, thiếu khuyết ánh sáng, Tân kim cũng khốn.

**Đệ tam giảng: Cường có thể phù xã tắc, Nhược có thể cứu sinh linh**

### **Khí thể Tân kim.**

《 **Trích Thiên Tuy** 》 luận Tân kim:

*Tân kim mềm mại,  
Ôn nhuận mà thanh.  
Sợ thổ trùng điệp,  
Vui thủy đầy đủ.  
Năng phù xã tắc,  
Năng cứu sinh linh.  
Nhiệt tắc hỉ mẫu,  
Hàn tắc hỉ Đinh.*

Tân kim nhược phải dùng thổ để sinh, nhưng thổ quá nhiều liền rất dễ vùi kim."Thổ đa vùi kim" là Tân kim rất dễ dàng phạm mao bệnh, Tân kim bị vùi, tối thiểu làm cho người làm biếng, Canh kim bị vùi, người khốn hoặc gặp bội. Thổ đa vùi kim sẽ làm cho Canh Tân kim một chuyện không thành. Cổ thư nói: "Tân kim hỉ Nhâm thủy tẩy rửa", nhược tất phải dụng thổ để sinh, sinh quá nhiều liền phải dụng thủy để tẩy rửa sạch. Đã cần thổ sinh lại cần thủy tẩy rửa là tại sao? Đây là đãi cát lấy vàng. Đúng như chỗ 《 **Trích Thiên Tuy** 》 nói: "*Tân kim mềm mại, ôn nhuận mà thanh. Sợ thổ trùng điệp, vui thủy đầy đủ.*"

Tân kim là kim trang sức, lúc rất nhiều đúng có liên quan cùng kim

khí. Một bát tự thiếu 2 kim Tân Dậu, đối với trang sức đặc biệt yêu quý, cho nên mang kim trang sức, hành vận đúng chân. Có một vị khách nhân, rất ham mê chính là mua kim khí, kết quả quen thuộc hành kim, mỗi ngày ăn cơm đúng Ngọ, liền nhất định đến hành kim ngồi tọa, xem bát tự rút cuộc thiếu 2 kim Tân Dậu, là dụng thần vậy. 10 năm qua, hành vận một Tân Dậu, lập tức chán ghét mỗi ngày hành kim này, hành kim xem như là mất một khách quen, nguyên nhân chưa rõ, thực ra là bát tự tác quái.

Tân kim bị thổ dày chôn vùi, phải dụng Giáp mộc để khai thông, dụng Nhâm thủy để tẩy rửa. Còn có một vị khách, bị thổ dày vùi kim, thổ đục ở trên da rút cuộc biến thành rất nhiều tàn nhang, có thể thấy thổ dày chôn kim vốn là nguồn gốc sinh tàn nhang.

Một người Tân kim cần Nhâm thủy, gọi hắn đi bơi lội, mà còn đi bãi thác nước, lúc mệnh hành vận, kết quả bơi một tuần, liền đến mở tờ đặt hàng, làm cho hắn ba năm sợ hãi thất kinh không dùng lại, vốn là mở công xưởng nước khoáng. Tại sao người thiếu thủy đúng là đi bơi sẽ đổi vận? Thực ra không phải là thần kỳ, người thiếu thủy không bằng nói về tính cách thủy, thủy là vật mềm mại, nhưng tàng lực bên trong hùng hồn, bản thân thủy có thể uốn khúc, dụng cụ nằm ở trạng thái nào đều có thể thay đổi hình dạng, là đại biểu năng lực thích ứng. Thủy đại biểu cơ trí, người thiếu thủy tính thủy nhiều tập luyện, thực ra chỉ là gia tăng tính cách thủy một chút, để thay đổi điểm mù của tính cách bản thân.

Canh Tân kim còn có một loại phân biệt dễ dàng bỏ qua, đó chính là lúc thủy quá nhiều. Đạo thường nói "Thủy đa kim trầm", như vậy nhìn bát tự dưới đây một chút, thủy nhiều hay không nhiều? Trạng thái Tân kim như thế nào chứ?

*VD 1, Càn tạo:* Nhâm Tý - Tân Hợi - **Quý Mão** - Quý Hợi.

Nhật nguyên Quý thủy đại biểu mệnh chủ, Quý thủy sinh ở sau Lập Đông một này lẻ 6 giờ, tra gặp ngày là Mậu thổ nắm lệnh (tháng Hợi

sau tiết Lập Đông Mậu thổ 7 ngày, Giáp mộc 5 ngày, còn lại 18 ngày đều là Nhâm thủy). Vốn là mệnh tạo này Mậu thổ là chân thần, căn bản Mậu thổ là định dừng nước chảy cuồn cuộn. Lại xem khí thế đầy bàn bát tự, rõ ràng là thủy quá nhiều, thủy mộc tương sinh, ngoại trừ Mão mộc hiện rõ, còn có Giáp mộc ở trong Hợi. Giáp mộc là sinh khí, đặc biệt là Giáp mộc ở trong nguyệt lệnh, đại biểu mệnh chủ có cơ sinh phát trong toàn bộ gia tộc, Nhâm thủy ở trong Hợi là chị gái của hấn, Hợi là cung vị chị gái, Mậu là chồng chị gái, Tân kim chính là năng lực chồng của chị gái. Chị gái người này rất phát đạt, chồng chị gái càng là ở trên cao nhìn xuống, người ở trong phú quý, mệnh chủ được chị gái và chồng chị gái trợ giúp không nhỏ. Đặc biệt là, mệnh chủ phùng năm Tân kim đều rất tốt, xem ra Tân kim này không có bị chìm trong nước. Đối thành tháng Canh Tý, Canh kim tất là chìm rồi. Tại sao như vậy chứ? Vẫn là trở về chỗ ban đầu chúng ta đã nói, Tân kim vốn là hóa thân vũ tuyết băng sương, vũ tuyết băng sương rơi vào trong nước thì tất nhiên là không thể không chìm. Còn Canh kim thì là vật thô chưa hề nung tạo.

*VD 2, Càn tạo: Tân Hợi - Canh Tý - **Kỷ Hợi** - Quý Hợi.*

Chỗ tôi nói bát tự này, là người đã không ở trên nhân thế nữa, chỗ năm đó mắc tật bệnh chủ yếu là ở phương diện nào chứ? Có thể thử đoán xem. Tạo này quá hàn thấp, Canh kim tọa Tý, Canh kim không chìm, Tân kim không có ngại lớn. Mệnh chủ mắc bệnh chủ yếu là mũi và đại tràng, phổi cũng không có mao bệnh gì.

Tân kim là kim bảo châu ngọc, không sợ thủy nhiều, nghe chỗ này thì không thể tưởng tượng được. Nhưng mà nhĩ một chút thật tốt, hoặc cho phép có thể nghĩ ra. Ví dụ như một khối sắt bỏ mất rơi xuống trong nước khẳng định không bị chìm, nhưng một khối vàng rơi vào trong nước, khẳng định sẽ có người muốn đi vớt ngay. Xưa có câu chuyện, Đổ Thập Nương giậm bị chìm một hộp nữ trang, nói là có một nữ phong trần Đổ Thập Nương cùng một thư sinh yêu nhau, thật vất vả không dễ dàng rời khỏi nhau. Thế nhưng, lúc ở trên thuyền về nhà, Đổ Thập Nương phát hiện chồng đem mình bán cho người nam nhân

khác. Đổ Thập Nương dưới cơn phẫn nộ, ngay trước mặt thư sinh, mở hộp nữ trang cất giữ nhiều năm, đem toàn bộ báu vật trong hộp ném vào trong nước. Ở trước mặt thư sinh và người bình thường, đó là một phần tài sản lớn đến dường nào, nhưng ở trong lòng của Đổ Thập Nương, những tài sản này đều không có giá trị gì. Chính là một lúc phẫn nộ, châu báu đầy hộp một lúc trở thành thành phế liệu. Hộp châu báu đó có chìm hay không, tôi không được biết, lưu lại cho độc giả tìm hiểu.

### ***Đệ tứ giảng: Tân kim du tứ quý, Khí số định hi kỵ***

#### ***Khí số Tân kim.***

*Chính ngũ Tân kim dụng Kỷ Nhâm,*

*Nhị thất bát nguyệt Nhâm thủy tôn.*

*Tam nguyệt Nhâm Giáp kỵ Bính hợp,*

*Tứ nguyệt hi Nhâm hoàn hi Giáp.*

*Lục nguyệt Tân kim dụng Nhâm canh,*

*Cửu nguyệt Tân kim hỏa thổ bệnh.*

*Thập nguyệt Tân kim Nhâm hậu Bính,*

*Đông tịch Tân kim Bính hậu Nhâm.*

Tân kim là thực thể của Canh kim, Tân kim là can âm, cùng những can âm khác giống nhau, xem màu sắc can dương, luận khí số Tân kim có trạng thái tất yếu lại phức tạp hơn một chút đối với Canh kim ở mỗi tháng.

Tháng giêng kiến Dần, trạng thái Canh kim là ở xứ tuyệt địa, Canh kim ở xứ tuyệt địa lại có hai loại xu thế: Một loại là không thấy Chính Ấn Kỷ thổ, Canh kim vô khí; một loại là thấy Chính Ấn Kỷ thổ, Canh kim là Tuyệt xứ phùng sinh. Hai loại Canh kim này có xu thế khác nhau, ảnh hưởng trực tiếp đến hình thể Tân kim. Trước có nói Canh kim vô khí, thì Tân kim là vật thành khí chân chính. Thì giống như tuyết tích ở trên mặt đất, bầu trời không có áng mây, tuyết tích sẽ

không tăng thêm nữa, Tân kim trở thành vật thành khí chân chính. Tiếp theo là khiến cho Tân kim trở thành vật sinh trưởng, bởi vì Kỷ thổ là cát bùn, được Nhâm thủy tẩy rửa chính là Tân kim còn ở trong quá trình tẩy chế. Tháng giêng Tân kim, được Kỷ phùng Nhâm, Tân kim là Hoạt kim, vẫn có thể sinh trưởng, đây là Tân kim tháng giêng ở trạng thái lý tưởng. Loại người Tân kim này, trong cuộc sống có cương có nhu, ân huệ đều có, tỷ lệ sự nghiệp thành công càng cao. Tháng giêng Tân kim được Kỷ không phùng Nhâm, thì giống như tuyết rơi đầy đất, trời lại không có mây tạnh, tuyết không thể hợp hóa thành thủy, vạn vật kết băng. Trong hiện thực loại người này thường luôn nguy khốn, sự nghiệp đình trệ không tiến. Tháng giêng Tân kim, không có Kỷ mà được Nhâm, thì giống như hết tuyết rơi, trời quang áng mây thổi lui, băng tuyết hóa nước có thể sinh dưỡng vạn vật. Trong hiện thực loại người này, là tâm bồ tát chân chính, làm người khác khắp nơi lo nghĩ, cũng rất có tài năng kỹ thuật, là người giỏi tay nghề làm việc. Nhưng khuyết điểm là nhu mà không cương, ân nhiều uy không đủ.

Tóm lại, tháng giêng Tân kim, Nhâm thủy là khí số đệ nhất, có Kỷ hay không có Kỷ là ranh giới của Tân kim tử hay hoạt. Thiên can Kỷ Nhâm cùng thấu có tầng lớp tối cao, thứ là không có Kỷ thấu Nhâm, Nhâm Kỷ đều ám tàng thì hạ thấp, có Kỷ không có Nhâm càng thấp, Kỷ Nhâm hoàn toàn không có chính là không có được khí số. Bát tự có khí thế không ở chỗ này.

Tháng 5 khí số Tân kim giống như khí số ở tháng giêng, bởi vì tháng Ngọ Canh kim ở bại địa, dụng Kỷ là vì bảo hộ Canh kim, Canh kim không có tổn thương, Tân kim mới có thành tựu, tác dụng Nhâm thủy thì không cần nói đến. Cho nên khí số viết: *Chính Ngũ Tân kim dụng Kỷ Nhâm*.

VD 1, *Khôn tạo*: Đinh Tị - Nhâm Dần - **Tân Dậu** - Tân Mão.

Đây là một VD Tân kim tháng giêng, sinh ở giờ Tân Mão, thần năm

lệnh cũng là Giáp mộc, ngũ hành mộc có khí thế, thủ dụng Giáp Bính Nhâm mà làm thuận thế. Là khí số mà nói, không khó phát hiện đây là một ví dụ điển hình không có Kỷ thấu Nhâm, người này chính là có tâm bồ tát, suy nghĩ vì người khác đủ điều, cũng rất có tài năng kỹ thuật, là người giỏi tay nghề làm việc. Khuyết điểm là nhu mà không cương, ân nhiều uy không đủ. Trước mắt là hành vận Bính, hóa tiết tài năng, gặp năm Kỷ Sửu, công việc lay động. Thuyết minh chỗ này Mậu Kỷ thổ và Canh Thân kim đối với mệnh cục có Nhâm không có Kỷ trái lại bất lợi.

Tháng hai Tân kim, dương hòa khí đủ, tháng 2 Ất mộc vượng, đề khởi khí Canh kim, Canh kim theo Ất mộc mà vượng, Tân kim đại kỵ Mậu Kỷ thổ sinh. Tháng 2 Mậu Kỷ tuy nhược, nhưng rất dễ dàng ô nhiễm Tân kim, thấy Mậu hoặc Kỷ thấu can tất cần Giáp Ất cứu, mệnh cục có Mậu hoặc Kỷ mà không có Giáp Ất thấu can tầng lớp đều không cao, hoặc là nhiều bệnh không dậy nổi. Tháng 2 Tân kim, Nhâm thủy là dụng thần, Giáp Ất mộc là thần bảo hộ Nhâm thủy, Nhâm Giáp cùng thấu thứ tầng tối cao. Nhâm là khí số thứ nhất, Giáp mộc là khí số thứ hai. Lại xem Tân kim tháng 7 và tháng 8, bởi vì tháng 7,8 Canh kim vượng, Tân kim khí đặc vượng mà thành hình, lại cũng không cần Mậu Kỷ thổ đến sinh trợ, chỗ này cùng Tân kim tháng 2 rất giống nhau, cho nên tháng 2,7,8 đều là Nhâm thủy là khí số thứ nhất, có bệnh thì tìm dược, không có bệnh chỉ dụng Nhâm thủy. Cho nên Quyết khí số viết: *Nhị thất bát nguyệt Nhâm thủy tôn*. Ý là Tân kim ở 3 tháng này, lấy thấu ra Nhâm thủy là rất tôn quý.

Đáng giá là nhắc tới Tân kim tháng 8, ranh giới tiết Bạch Lộ, Thu Phân, Nhâm thủy là khí số thứ nhất, chỉ cần trong cục khí Nhâm thủy đủ, thì có thể Kim bạch thủy thanh. Kim bạch thủy thanh, là một loại tượng đẹp trong tự nhiên. Cách cục có chút ưu tú thì dễ dàng gặp quý nhân đề bạt mà phát gia.

*VD 2, Mệnh tạo gia phụ:* Mậu Ngọ - Tân Dậu - **Canh Thân** - Giáp Thân. Lúc năm 1948 cha 30 tuổi, đang ở hạn vận chữ Dậu, trụ tháng Tân kim tọa Dậu, là rất dễ dàng phát tài. Đang lúc xã hội rất hỗn loạn, hai

đảng tranh đoạt trung nguyên, thì ở quê hương chúng tôi người đến ta đi, phụ thân đã cứu Bát Lộ quân, cũng đã cứu đào binh Quốc Dân Đảng, ai tới đều có đủ khả năng mà làm chuyện tốt. Ông đã từng nói với chúng tôi, lúc đại quân xuôi nam thì một vị Tiểu đoàn trưởng rất ngưỡng mộ tài năng của ông, cho ông chức vị, hơn nữa còn làm văn bí của ông, ông ấy ốm bệnh không đi. Tôi nghĩ có thể phát tài chính là bởi vì chỗ Tân Dậu, lại không thể phát tài, chính là Mậu thổ thấu can, nhật can Canh vẫn không nghèo tận. Hiện tại con cháu đầy nhà, sau khi con cháu có tiến sỹ, tôi nghĩ nguyên nhân hẳn phải là can giờ Giáp mộc ở lúc phá thổ.

Tân kim tháng 3, tháng 3 là Thìn chân thổ vượng, Tân kim hỉ Nhâm sợ thổ là bản tính, thủ yếu dụng Giáp chế thổ, Nhâm thủy mới không đến nỗi tổn thương. Nhưng mà tháng Thìn dụng Giáp, rất sợ Kỷ thổ thấu can hợp trụ Giáp mộc, bởi vì Giáp Kỷ ở tháng Thìn rất dễ dàng hợp hóa thành thổ, như vậy không chỉ Giáp mộc không thể giải trừ thổ nhiều bệnh làm hoạn, thậm chí gia tăng ở thổ dày. Cho nên Quyết viết: *Tam nguyệt dụng Giáp nhưng kỵ hợp.*

Tháng 4 thấy Tị, là Canh kim ở đất trường sinh. Tân kim là hoạt kim trong sinh trường, Nhâm thủy là khí số thứ nhất, Giáp là thứ. Bởi vì tháng Tị Mậu thổ không nhược, kim tàng ở dưới đại sơn, không có Giáp, khó ra vàng. Tháng 4 có 3 khả năng nắm lệnh, Mậu thổ nắm lệnh, Giáp là đứng đầu; Bính hỏa nắm lệnh, Nhâm xem xét đầu tiên, không có Nhâm có Quý, cũng là khí số bất phạm; Canh kim nắm lệnh, chỉ cần Nhâm thấu, liền có phú quý. Tháng 4 Tân kim, có Giáp hộ vệ, không quý cũng phú. Cho nên Quyết viết: *Tứ nguyệt hỉ Nhâm hoàn hỉ Giáp.*

Tháng 6 Tân kim cùng tháng 9, đều là hỏa thổ thành bệnh. Tháng 6 Kỷ thổ quá táo, Kỷ thổ không sinh Canh kim. Thư viết: "*Tháng 6 Tân kim, Kỷ thổ đương quyền, phụ trợ quá nhiều, sợ yếm kim quang.*" Thực tế chính là thổ đa vùi kim. Tháng 6 thổ vượng tại sao không dụng Giáp, nguyên nhân là Giáp nhập mộ địa, có Giáp cũng là Giáp Kỷ hợp hóa thổ, không giải quyết vấn đề. Vẫn không bằng trực tiếp

dụng Canh, Giáp nhược dụng Canh là nói khắc. Lúc qua tháng 6 là tháng Thân, Canh phát thủy nguyên, thuận theo thời lệnh đi, so với dụng mộc càng tốt hơn. Tháng 9 là đất Tuất thổ, hỏa thổ tảo liệt. Hỏa thổ là bệnh, lại xem trạng thái ở trong cục, hỏa nhiều dụng Nhâm Quý thủy, thổ nhiều dụng Giáp Ất mộc, Kỷ thổ thấu ra, Ất tốt hơn so với Giáp. Quyết viết: *Lục nguyệt Tân kim dụng Nhâm Canh, cửu nguyệt Tân kim hỏa thổ bệnh.*

Tháng 10 kiến Hợi, Nhâm thủy vượng địa, nhưng Tân kim trời sinh hỷ Nhâm, vẫn là thủ dụng Nhâm thủy. Tháng 10 có chút dương xuân, nhưng hàn khí dần thảnh, trước tiên dụng Nhâm thủy, thứ phải dụng Bính hỏa, Bính Tân hóa thủy càng tốt, không hóa cũng có thể trừ hàn giải đông, Nhâm thủy không đông thì có thể tẩy rửa Tân kim. Tháng 10 thổ nhược, Tân kim là chân kim bạch ngân, không kỵ thủy vượng, không sợ kim trầm, rất có hi vọng trở thành kim bạch thủy thanh. Thiên can có Nhâm Bính cùng thấu là tầng lớp tối cao.

Tân kim tháng 11,12, nếu như là Quý thủy nắm lệnh, tối kỵ có Quý thủy thấu xuất mà làm đông băng kim. Cho nên thủ dụng Bính hỏa phòng đông băng, thứ là dụng Nhâm thủy. Một khối thủy vượng, là Nhuận Hạ cách, không nói ở chỗ này. Tháng 11,12, Nhâm thủy đều là quy đàn, Bính hỏa cần nhất, có Bính chiếu ấm mới có phú quý, không có Bính là thường nhân. Cho nên Quyết viết: *Thập nguyệt Tân kim Nhâm hậu Bính, đông tịch Tân kim Bính hậu Nhâm.*

## **Đệ ngũ giảng: Chân Hóa là tài hoa, Giả hóa bị giày vò**

### **Tân kim hóa Tượng.**

Mọi người cùng xem ví dụ:

*Cần tạo:* Giáp Thìn - Bính Tý - **Tân Hợi** - Mậu Tý.

Tạo này 3 tuổi hành vận, Quý thủy đương lệnh.

Tuổi trẻ mệnh chủ tìm tôi xem qua, năm ngoái Mậu Tý, đặc biệt hẳn lại hỏi chuyện con trai lên lớp. Tôi tham khảo bát tự của bản thân hẳn,

trụ giờ Mậu Tý, năm Mậu Tý hỏi chuyện, cát hung đương nhiên phải theo hỉ kỵ Mậu Tý ở trong mệnh cục mà luận. Tôi kết luận là, con trai người nhất định có thể thuận lợi đi thi đại học, mà còn đi càng xa càng tốt, thậm chí có thể đi ra nước ngoài mà học. Sau đó tiếp đến hẳn điện thoại mấy lần, thứ nhất là con trai hẳn đi qua một tuyển, thứ hai là nói con trai hẳn đi Mỹ quốc.

Mệnh chủ là lãnh đạo ngành giáo dục, hơn nữa rất có tài hoa nghệ thuật, tính tình phóng đãng, là người tùy hòa, là chí sĩ văn nhân tài mạo song toàn. Lúc tôi dùng là Bính Tân hóa khí cách, bởi vì tôi biết tầng lớp của hẳn rất cao, hoàn toàn đủ hóa khí cách, đây là một tình huống hiện thực cũng khiến cho tôi đủ tin kiên định dụng hóa khí cách xem bát tự này.

Liên quan với hóa khí cách, tôi căn cứ là **《Thập Đoạn cầm》**, ở lúc phân tích bát tự của hẳn, tôi là dụng một đoạn ở dưới đây:

*Tân có hóa thủy, được Bính mới thành.*

*Tứ trụ tối cần thấy Mậu, cả đời chỉ thích phùng Canh.*

*Thấy Kỷ hề, năm nào phát phúc;*

*Gặp Nhâm hề, ngày nào thành danh.*

*Quý thủy vượng hề, dù khốn mà không khốn;*

*Giáp mộc vượng hề, tuy vinh mà không vinh.*

*Phú quý vinh hoa, trùng điệp thấy Ất;*

*Thương tàn cùng bách, lần lượt gặp Đinh.*

Đoạn văn này không phải là lý giải rất tốt, tất phải có đủ hai điểm tri thức: Thứ nhất, thực chất của Tân kim. Thứ hai, ngũ hành hóa khí cùng hóa khí sinh khắc nhau. Thực chất của Tân kim, là thực thể của Canh kim, là hóa thân của vũ tuyết băng sương. Tân kim hóa thủy, giống như băng tuyết tan rã. Núi cao tích tuyết, tất phải dụng hỏa Thái dương. Đã được nói qua trong khóa địa lý trước đây, thủy trường giang cuồn cuộn, phát nguồn ở núi cao tích tuyết, mỗi khi mùa hạ đến, giang hà tất to ra. Tân là kim, Bính là hỏa Thái dương, cả hai thấy nhau ngũ hành hóa khí là thủy. Điều kiện Tân kim hóa thủy là Bính hỏa, ôn độ càng cao, năng lực hóa thủy càng mạnh. Hỏa kim đều

vượng, thì tương đương với tuyết dày gặp hỏa Thái dương mãnh liệt, năng lực hóa thủy càng mạnh. Cho nên 《**Thập Đoạn Cấm**》 luận Tân kim hóa khí, có thuyết pháp "*Tứ trụ tối cần thấy Mậu, cả đời chỉ thích phùng Canh.*" Và "*Quý thủy vượng hề, dẫu khốn mà không khốn; phú quý vinh hoa, trùng điệp thấy Ất.*".

Nhưng mà Giáp Kỷ hóa thổ, Đinh Nhâm hóa mộc, cả hai đối với hóa thần Bính Tân là thủy không khắc thì tiết. Cho nên cũng có thuyết pháp nói "*Kiến Kỷ hề, năm nào phát phúc; gặp Nhâm hề, ngày nào thành danh. Giáp mộc vượng hề, tuy vinh mà không vinh; thương tàn cùng bách, lần lượt phùng Đinh.*"

*Trở lại bát tự ở trên:*

*Cần tạo: Giáp Thìn - Bính Tý - **Tân Hợi** - Mậu Tý.*

Tạo này Tân kim sinh ở mùa đông, Quý thủy nắm lệnh, Bính Tân, Mậu Quý Đắc Long nhi vận mà hóa thành công, trụ giờ Mậu thổ thấu ra thiên can là hay nhất. Có người nói Mậu thổ không vượng, không phải vậy, tạo này Mậu thổ dựa vào ở thủy, thủy có sâu nhiều, thổ cũng dày nhiều. Người này tài hoa, chỗ chúng tôi biết là sâu không thấy đáy. Bính Tân Mậu Quý giao nhau, thâm tình ở dưới trăng, theo hấn nói xác thực là phong lưu. Dựa vào Mậu thổ cư ở can giờ mà vượng, tôi đoán con trai hấn ở năm Mậu Tý tất nhiên có thể thủ đại học lý tưởng. Can năm thấu Giáp, Giáp Kỷ hóa thổ, mà Giáp này chính là tính chất thổ, người này lúc trẻ cũng không phải phong thuận, thiếu niên mất cha, gia cảnh khá kém. Năm là căn Thổ khí, Giáp đối với Mậu là một loại phá hư, cho nên, con trai hấn rời xa tổ cư càng thích hợp.

*VD 2, Cần tạo: Ất Sửu - Giáp Thân - **Tân Sửu** - Bính Thân.*

Tạo này cũng có Bính Tân hợp, nhưng mà hóa thần bất lực, thuộc về bát tự Giả hóa. Đặc biệt là trụ tháng phùng Giáp, vận hạn Giáp (16~24 tuổi) tất có đại tai. Lúc nào là có thể chân hóa? Lúc 24 tuổi năm 2008 có điều kiện chân hóa, tiếp theo chính là sau 48 tuổi có thể chân hóa, cũng chính là vận hạn Thân có thể chân hóa. Không thể

chân hóa chính là Bính Tân liền nhau, lúc chân hóa, cuộc đời tất có biến hóa trọng đại. Tạo này Giáp mộc Chính Tài là kỳ, thê cung không đẹp. Ất mộc thâu can Ất ý nghĩa trọng đại, đại biểu cha có tài năng.

**VD 3, *Châu Tinh Trì***: Nhâm Dần - Bính Ngọ - **Tân Mão** - Nhâm Thìn.

*Đại vận*: Đinh Mùi, Mậu Thân, Kỷ Dậu, Canh Tuất, Tân Hợi.

(5 tuổi khởi vận)

Đây là một bát tự sinh mùa hạ có Bính Tân hợp hóa. May là ở giờ Nhâm Thìn, đắc Long nhi vận, công hóa tư thành. Mọi người đều biết, Châu Tinh Trì danh khí lớn. Trong **《Thập Đoạn cầm》** có câu nói: "*Gặp Nhâm hê, ngày nào thành danh.*" Xem ra Bính Tân hợp, gặp Nhâm cũng có thể thành danh. "*Thấy Kỷ hê, năm nào phát phúc*" Mệnh chủ chính là ở lúc 25 tuổi vận Kỷ bắt đầu phát phúc, xem ra gặp Kỷ tuy khó phát phúc, nhưng cũng có khả năng phát phúc. Nói như vậy **《Thập Đoạn cầm》** không linh sao? Không phải vậy, mấu chốt là tượng Tiên thiên xác định nguyên cục chân hóa, Hậu thiên lại hướng đến phương hướng này nỗ lực, người bình thường khó có danh lợi cũng đều có thể được. Tạo này nếu theo phép khí số đoán, cũng là nguyên cục tốt, vận Mậu Kỷ đối với nguyên cục không thể tránh được.

**Tham khảo:**

[https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%A2u\\_Tinh\\_Tr%C3%AC](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%A2u_Tinh_Tr%C3%AC)

**Đệ lục giảng: Lục Tân xu Hồ Mã, Can chi truyền giai thoại**

**Can chi Lục Tân.**

Can chi Lục Tân có: Tân Sửu, Tân Hợi, Tân Dậu, Tân Mùi, Tân Tị, Tân Mão. Ở trước có nói, Tân kim chủ yếu có 3 loại trạng thái: Loại thứ nhất là Chân kim bạch ngân, vật thành khí, hoặc là cao sơn tích tuyết; loại thứ hai là vật sinh trường đang ở trong lúc vo chế, thì giống như trời đang rơi tuyết, hoặc là gió tuyết cùng đến, không biết còn rơi bao lâu; còn có một loại là phế vật, Đổ Thập Nương của báu nhiều năm, trong nháy mắt không đáng một đồng, như là cặn bã.

Tân kim ngoại trừ luận khí số ở nguyệt lệnh khá là trọng yếu ra, lại chính là cùng tọa chi phối hợp cũng rất trọng yếu, tọa chi đối với Tân

kim có ảnh hưởng trực tiếp.

+ **Tân Sửu**: Nạp âm là Bích Thượng thổ, có ý là cung vàng điện ngọc. Kiền chi khí thế tại vu thổ sinh kim vượng, thông căn kim khó. Nhật trụ tân sữu, tọa dưới có Ấn, Tị, Thực thần, chủ người linh tú. Nữ mệnh Tân Sửu có dáng vóc đẹp, tú khí, quản gia. Tọa dưới Sửu lực tác dụng đối với Tân kim là hỷ là kỵ đều mạnh. Tân Sửu tọa dưới được Kỷ thổ, Kỷ là Chính Ấn của Canh, bát tự thấy Kỷ chính là Canh được sinh khí, thì Tân kim là Hoạt kim, thuộc về loại hình thứ hai chỗ nói trước đây. Trong Sửu có Kỷ là bùn cát, nếu như lại có Nhâm thủy, thì Tân kim sẽ không ngừng mà tích tụ, giống như Bạch ngọc tích tụ như núi, cho nên có người nói ngày Tân Sửu là ngày Bạch Ngọc sinh huy.

**Có thơ viết:**

*Bạch Ngọc sinh huy kim môn khách,*

*Cao sơn được quý tử làm mục.*

*Thân nhập bình xuyên nhiều sâu thán,*

*Can bản trong ảnh bông huân nghiệp.*

Tháng Tý, Thực thần, vinh hoa. Tháng Sửu, phục ngâm, uyên ương khó hợp. Tháng Dần Mão, Tài tụ Quan vượng. Tháng Tị, sớm toại danh hương. Tháng Thìn hiển đạt, có danh lợi. Tháng Ngọ, hung. Tháng Thân Dậu, phùng Quan tinh, quý, thiếu niên gặp ghen. Tháng thổ, bình thường. Tháng Hợi Thương quan, văn minh nhất thiên hạ.

Nếu nói luận biến hóa, chi phùng Hợi Tý Sửu, trong Sửu có Kỷ thổ đã tận diệt, lúc này Tân kim chính là loại hình thứ nhất. Còn lại những biến hóa khác bản thân tự suy, chỗ hiểm là Canh Kỷ Nhâm.

+ **Tân Mão**: Nạp âm là Tùng Bách mộc, có tài hoa, sinh mùa xuân hạ, có thể thành đồng lương. Tân Mão khí thế can chi nằm ở kim khắc mộc. Trụ ngày Tân Mão, tọa Thiên Tài, Quan lâm Đào hoa, nam mệnh xinh đẹp, đầu cao lớn. Nữ mệnh xinh đẹp, khó cảm phong lưu (người xinh đẹp, lại lẳng mạn, có lực hấp dẫn đối với người khác giới). Mão mộc là dụng, mà không thụ thương, đầu khá cao; trái lại, Mão thụ

thương, đầu thấp nhỏ.

Tân kim tọa Mão, kim nhược mà mộc cường, giống như gió xuân tháng 2, gió xuân tháng hai như cây kéo, mộc phải cắt xén, sinh trưởng càng vượng thịnh, hình thể càng cao to mà xinh đẹp, tương đương với Phượng khuyết (cung điện), cho nên có người gọi Tân Mão là ngày Phượng khuyết tảo bộ.

**Thơ viết:**

*Núi cao khởi hành dòng nước chảy,*

*Chỗ hiểm xa xôi tuyết đầy sương.*

*Phật sơn Ngọc nữ khởi hữu tình,*

*Tuyết sơn chiếu sáng hoa Hải đường.*

Tháng Thìn, là Thương quan thương tận, tự lập tự thành, kỹ nghệ, bốc tướng, y sinh. Tháng Dần Mão, hợp, tài thịnh. Tháng Tị, xung, Văn tinh xuất chúng. Tháng Ngọ, tự hình, trước vinh sau hình. Tháng Mùi, phú. Tháng Thân, bản, cả đời vô định. Tháng Dậu, nhiều tranh luận. Tháng Tý, Thực vượng, phúc vượng. Tháng Hợi, Thương quan, kỹ nghiệp thành danh. Tân Mão, tọa Thiên Tài, là ngày Phúc quý song toàn.

+ **Tân Tị:** Nạp âm là Bạch Tịch kim, Tị là kim trường sinh, tổ can chi này khí kim sung túc, nếu sinh ở mùa hạ thì có khí thế hỏa khắc kim. Trong Tị tàng Mậu thổ, Bính hỏa, Canh kim, là thân tọa Chính Ấn, Chính Quan, Kiếp tài, Tân kim nhu nhược, có Chính Ấn sinh thân, Kiếp tài bang trợ, từ nhược chuyển vượng, mà Chính Quan Bính hỏa chế hành, làm cho can chi trung hòa, tất chủ quan quý, phú vu thành công. Tị là Công tào, là một Mã tinh, cho nên có gọi là ngày Kim Mã đặng điện.

**Có thơ viết:**

*Kim Mã lâm quan hiệu Gió hí,*

*Ngọc Đường bái tướng Hàn Uyển danh.*

*Tối hi cao sơn thủy quây nhiễu,*

*Kiều dương nhật xuất đầy tiêu hồn.*

Tháng Tý, Thực vượng, danh hiển. Tháng Sửu, hợp, ít có duyên với vợ,

tài đạm. Tháng Dần, vì tài hữu hình. Tháng Mão, hoành tài. Tháng Tị, kim trường sinh, hóa thủy danh hiển. Tháng Ngọ, ám quý có tật. Tháng Thân Dậu, trong quý có mất. Tháng Hợi, xung, song quý.

+ **Tân Mùi**: Nạp âm Lộ Bàng thổ, vừa sinh kim cũng vừa chôn kim, thuộc về can chi hàng trung đẳng. Tân Mùi khí thế can chi nằm ở thổ kim, không có thủy là táo, trái lại khắc kim; có thủy không táo, là một khối thuận sinh, chủ quý, cát. Nữ mệnh Tân Mùi, ái tình chuyên nhất, đoạt quyền chồng, quản gia, độc tài.

Tân Mùi là ngày Bạng hà giải đống, gặp suy, chi tọa Kiêu Ấn, Thiên Quan, thường là đa tình vong nghĩa.

**Có thơ viết:**

*Tân nhập Tây quốc quê hương Phật,*

*Vui ca khế múa quản huyền túy.*

*Ngọc Nữ chuyên chở người phong lưu,*

*Cao sơn Nhật xuất vẽ màu mới.*

Tháng Thân, học trò quý nhân là phú. Tháng Dậu, vừa quý lại phú. Tháng Thìn, là khổ Ấn, xung, nho sĩ thanh nhả. Tháng Tị, văn nguyệt, võ nắm trọng quyền. Tháng Tý, phú môn quý hiển. Tháng Sửu, kinh tế kinh thương, dạo chơi. Tháng Hợi, song quý.

+ **Tân Dậu**: Nạp âm Thạch Lựu mộc, mặc dù khí nhược, nhưng có thể dẫn thông khí mộc, không kỵ mộc. Tân Dậu là can chi nhất khí, kim vượng hi thủy mộc hỏa, kỵ thổ chôn kim, kỵ thủy ít mà kim đa thủy trọc. Trụ ngày Tân Dậu, tọa Lộ thông căn, đắc trợ, cách cục không phá hư, tất nhiên lập ở đất bất bại. Thông minh có tài văn chương, có năng lực. Nam mệnh kết hôn sớm khắc vợ, nữ mệnh hôn nhân cũng có tranh đoạt. Dậu là Phượng, Tân tọa Dậu giống như núi vàng, cho nên có người nói Tân Dậu là ngày Phượng ngọ Kim sơn.

**Thơ viết:**

*Lộ mã quý nhân thế thiếu hữu,*

*Phượng ngọ kim sơn tương suất hậu.*

*Nhật xuất triêu dương hoành thiên hành,  
Nguyệt viên kim môn tâm thạch lưu.*

Tháng Thân, Kiếp tài, cả đời tài không tụ. Tháng Dậu, Tỉ kiên, Tài phùng Kiếp. Tháng Tý, phúc thọ danh cao. Tháng Tị, tổn thê. Tháng Dần Mão, Tài khí thông môn hộ. Tháng Thìn, hợp, danh dương tứ hải. Tháng Ngọ can bản ảnh kiếm. Tháng Mùi Tuất, thanh bản. Tháng Hợi, phú mà có hình.

+ **Tân Hợi**: Nạp âm Soa Xuyên kim, vật thành khí. Nhâm thủy thấu hoặc lúc sinh tử, tất nhiên tú khí lưu hành, dễ dàng thành tính phong lưu. Tân Hợi khí thể can chi nằm ở kim thủy tương sinh. Trụ ngày Tân Hợi, kim thủy tương sinh, văn tài tốt (nữ mệnh hơi kém). Tọa dưới Thương quan vượng, nữ mệnh bất lợi chồng; nam mệnh có được thê tài, hoặc là vợ xinh đẹp. Hợi là Thiên Môn, kim là Bạch Hổ, cũng có người nói ngày Tân Hợi là ngày Hổ hành Thiên Môn.

***Thơ viết:***

*Vừa đi Thiên Môn xa cách xa,  
Dứng chân Dịch lộ ải quan lạnh.  
Đảo cười con Lừa đi phía đông,  
Núi cao trời sáng hoa thành đoàn.*

Tháng Thân, phát phúc, mang tật. Tháng Dậu, phá lộc, nhiều cọ xát. Tháng Dần, phú thương. Tháng Mão, tập đoàn tài chính. Tháng Tị, xung, chân trời du khách. Tháng Ngọ, kiến lập vũ công. Tháng thổ, có quan chức. Tháng Hợi, lâm vào thương nghiệp.

***Đệ thất giảng: Trong Tân có hoa như, thông linh có điểm thông***

***Tân kim hoa như.***

Người Tân kim hoặc người có Tân kim nhiều khá là thông minh, nhất là có linh tính, năng lực cảm ứng đặc biệt cường. Cũng thích hợp thao tác cẩn thận cụ thể, đối với tri thức phức tạp khá dễ dàng lý giải và tiếp nhận, đúng có thể nói là có tâm linh một điểm thông, giới nghệ

thuật phần đa có thủ chính là nhật nguyên Tân kim hoặc có Tân kim nhiều.

Nhà âm nhạc nổi danh Niếp Nhĩ chính là người Tân kim, ông ấy sinh ra lúc 12h30 ph ngày 15 tháng 2 năm 1912 DL.

**Tham khảo:**

[https://vi.wikipedia.org/wiki/Ni%E1%BA%BFp\\_Nh%C4%A9](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ni%E1%BA%BFp_Nh%C4%A9)

(Theo wiki thì nói ông sinh ngày 14/2/1912 DL.)

*Bát tự:* Nhâm Tý - Nhâm Dần - **Tân Dậu** - Giáp Ngọ.

Tân kim tháng giêng, song thâu Nhâm thủy, Tân kim tọa Lộc, Nhâm thủy tiết tú. Hay là, trụ giờ Giáp Ngọ chính là Sa Trung kim. Tháng giêng khí mộc vượng, trong Ngọ có Kỷ thổ bị chế trụ, trong Dần có Mậu cùng Quý thủy ám hợp, bát tự không chỉ không có lộ ra thổ, mà thổ ám tàng cũng đều bị thanh lý sạch sẽ, đúng như chỗ nói "Dương hòa sa thủy thanh". Nguyệt lệnh Giáp mộc thâu can ở trong Dần, đồng thời cũng có thể nạp nhiều Nhâm thủy, bát tự không có thổ hỗn cục, thành lập khí thể kim bạch thủy thanh. Kim bạch thủy thanh là Tân kim và Nhâm Quý thủy là cách cục tối cao.

*Bính Tân Mậu Quý giao nhau, Thâu tình ở dưới trăng.*

Ở lúc nói Bính hỏa cũng nói đến câu nói này ở trong 《**Nguyệt Đàm phú**》. *Bính Tân Mậu Quý tương giao*, ý là nói lúc 4 chữ Bính Tân Mậu Quý ở bát tự cộng thêm đại vận hoặc lưu niên đồng loạt chạm nhau, thì người này có chuyện phát sinh ở vận phong lưu. Tùy theo người có tầng lớp cao thấp, mùa độ phát sinh và chốn sân trường cũng giống nhau bất tận, dùng "Thâu tình ở dưới trăng" là hình dung cuộc sống hôn nhân ngoại tình lãng mạn.

Tình nhân trong mắt như Tây Thi, Bính là nguồn năng lượng ánh sáng, Tân là Kim Bồ tát, Tân gặp Bính, kim quang lóa mắt, Bính ngộ Tân, luôn cảm thấy sắc đẹp của đối phương mê hồn. Đồng thời nội chất Bính liếc mắt đưa tình đối với Tân, Tân kim có Bính rất vui thích, cả hai hợp hóa thủy là giang hà, đều là chỗ thích của Bính Tân, cho nên hai người ăn nhip với nhau. Mậu gặp Quý hợp là già phối trẻ, tổ hợp Mậu Quý là cương nhu cứu nhau, ý đến, tình đến, tính đến,

đúng là có tiếp nhận "*Gió thu Ngọc lộ vừa gặp nhau, tiện thắng nhưng nhân gian vô số*". Có một lần, trên mạng nói đến câu này, trong đó không ít người trung niên đều cười, cũng có người tuổi trẻ ở lúc suy đoán bản thân như thế nào có thể vấp phải năm tháng Bính Tân Mậu Quý giao nhau.

《 **Nguyệt Đàm phú** 》 là tổng kết kinh nghiệm thực tiễn của Mạnh nhân, ở thời đại hiện nay vẫn có đủ linh nghiệm, có hứng thú các bạn có thể đọc thêm quyển sách 《 **Chú giải Nguyệt Đàm phú** 》 của tôi.

## 9. Phần Nhâm thủy

**Đệ nhất giảng: Là thủy lại không phải thủy, Lưu động là căn bản**

### **So sánh Nhâm thủy.**

Nhâm ở trên thân con người đại biểu bàng quang, bàng quang công năng chủ yếu là tồn trữ và bài tiết niệu dịch. Thủy tác dụng khí hóa dịch kinh thận, thanh thăng trọc giáng, đem lượng nước và chất cặn bã dư thừa bên trong cơ thể thu xuống ở bàng quang. Nước tiểu tồn trữ bên trong bàng quang đến lượng chứa nhất định, có thể cùng lúc tự chủ bài xuất ra bên ngoài cơ thể. Bàng quang là một quá trình sinh lý gọi là "Khí hóa". Nếu như bàng quang khí hóa bất lợi, thì khả năng xuất hiện công năng chứa nước tiểu và bài xuất nước tiểu thất thường. Nhâm thủy ở trên thân con người đại biểu bàng quang, công năng chủ yếu là vận hóa. Nhâm thủy ở trong ngũ hành chủ lưu động, lưu động mới là bản tính của Nhâm thủy.

Trước đã nói qua, trong Kỳ thổ có chứa kim mộc thủy hỏa, thủy trong thổ ở đây ra chứ? Sai không biết Kỳ ở trời là mây, trong mây có hơi nước. Hình thành trong sách giáo khoa về Địa lý, chủ yếu hơi nước là ở trong biển cả, bốc hơi lên trên trời. Trung y giảng: "Tỳ vốn là Hậu thiên", Kỳ là tỳ, công năng chủ yếu của tỳ là vận hóa, đối tượng vận hóa, chủ yếu nhất là khí thủy, cho nên ở trong Kỳ bao hàm có Nhâm

thủy. Tỳ vận hóa thực tế chính là thông qua thủy lưu động được mà hoàn thành.

Nhâm ở trời là thủy ngân hà, ở đất là đầm lầy, dẫn thân là nước ở sông hồ. Cổ nhân nói: "*Nhâm sinh mùa thu (đất Thân), kiến Đinh hỏa tối hiển, Đinh là dãy ngân hà, Nhâm là thu lộ, nhất tẩy viêm chung.*" 《 **Trích Thiên Tủy** 》 cho rằng: "*Nhâm thủy thông hà, năng tiết kim khí.*" Nhâm sinh ở mùa thu, ở trời cũng là Thu lộ. Chất thể Canh là Tân kim, Tân kim rất thích Nhâm thủy, bởi vì Nhâm thủy có tác dụng tẩy rửa. Trong hiện thực mệnh người Nhâm thủy, đa số thích thanh khiết, bảo trì vệ sinh sạch sẽ là một nhiệm vụ trọng yếu của nó. Nhâm thủy cũng rất linh hoạt, phạm vi hoạt động to lớn, mặc dù tư tưởng khá động đặng, nhưng có chủ kiến. Trong nhà nếu như mệnh lão đại là Nhâm thủy, người này đa số là người quản gia.

*VD 1, Khôn tạo: Quý Tị - Quý Hợi - **Nhâm Thìn** - Ất Tị.*

Đây là một nữ mệnh mà tôi đã bình, Nhâm thủy vượng ở Nguyệt lệnh, thông căn thấu Quý, xung thiên bôn địa, đích xác là có khí chất nam tử hán. Ở nhà là chị cả, bốn đời cùng từ đường, làm quản gia trên dưới 20 nhân khẩu, là Tổng giám đốc công ti. Bình thường đặc biệt thích sạch sẽ, mỗi lần công ti thay đổi nhà, người đi cuối cùng chính là cô ấy và người dẹp vệ sinh, bình thường hoàn cảnh ở nhà mình hoặc là ở nơi công tác khâu vệ sinh càng không cần nói. Cô ấy thích trưng cầu ý kiến người khác, nhưng cuối cùng có chủ kiến của mình, hành sự quả đoán, sạch sẽ nhanh nhẹn.

Nhâm thủy ngoài phương diện linh hoạt ra chính là "*Hóa thì có tình, Tòng thì tương tế*". Mưa xuân muốn gió tới đầy lâu, Nhâm thủy hi mộc, Nhâm thấy Đinh hỏa mộc, mộc là gió, gió lưu động, mang đến khí thủy (hơi nước). Lúc Nhâm thủy nhược, cũng khá dễ dàng tòng, Tòng Tài cũng không phải là đảo hướng một bên, mà là Thủy Hỏa ký tế.

Thủy chủ Trí, ở dưới lúc ngũ hành không thiên khô, người nhật nguyên Nhâm thủy, thông minh chiếm đa số. Kỷ thổ thấp nề, thấy thủy là

trọc. Có sách nói: Thủy thổ hỗn trọc tất đa ngu, hoặc là nói mây mưa mịt mù, không phải là tượng trưng sáng sủa. Nhâm thủy thông căn thấu Quý, là xung thiên bôn địa, dễ thành thế chảy cuồn cuộn, đây là lúc Nhâm thủy rất nguy hiểm, cho nên, cần có Mậu thổ để phòng. Trong hiện thực, rất nhiều người con gái yêu thích con trai Nhâm thủy hoặc ngược lại chính là nguyên nhân này.

Cổ nhân nói, Nhâm thủy giống như thủy đại hải, thủy giang hà, đây chỉ là phép so sánh. Tinh thần thực chất của Nhâm thủy, vừa là thực thể của thủy, vừa là đại biểu tất cả vật chất có tính lưu động, lưu động là thuộc tính bản chất của Nhâm thủy. Nhâm thuộc dương thủy, thông thường giống như thủy giang hà, văn chương trôi chảy, cho nên người sinh có nhật nguyên Nhâm thủy, đều là người to gan bộc trực, hết sức bốc đồng, dễ dàng kích động, có lòng trách nhiệm, nhưng khiếm khuyết mưu cơ, có lúc như cành thô lá lớn.

Mệnh người Nhâm thủy nếu sinh ở mùa thu, đa số là người thân cường, Nhâm thủy quá nhiều, giống như vỡ đê sông hoàng hà, trường giang, phải dụng Mậu thổ để đề phòng lũ lụt, đem thủy dẫn vào tưới nước ruộng, hoặc quy vào đại hải. Người nhật nguyên Nhâm thủy, thân cường tốt hơn so với thân nhược, thân cường chỉ cần đề phòng lũ lụt, thì là mệnh tốt; nhưng nếu nói thân nhược, phải dụng kim thủy để phù, cả đời làm nhiều mà công ít, mà còn đa số là không vui sướng. VD nữ mệnh 1 là rất lao khổ.

Nữ tính có nhật nguyên Nhâm thủy, tính cách đa số giống nam nhân. Như đạo diễn điện ảnh HongKong Hứa An Hoa, cùng danh nhân đài truyền hình tiểu thư Du Tranh, cả đời đều không mặc váy, trang phục như giới nam, hai vị tiểu thư này hết sức bốc đồng, khấn trùm hơn đàn ông, chính là mệnh người Nhâm thủy điển hình. Ở trong giới chính trị Đặng Liên Như cùng Phạm Từ Lệ Thái ở HongKong, đều là mệnh người Nhâm thủy.

VD 2, *Khôn tạo*: Canh Tý - Mậu Dần - **Nhâm Thìn** - Đinh Mùi.

Tạo này có nhật can Nhâm thủy, sinh ở mùa xuân, Đinh Nhâm hợp hóa mộc có đủ một vài điều kiện. Chỉ luận tính cách người này, đích xác là có khí khái nam nhân, thực tế nhận được quan hệ nhân duyên khá tốt, trên đại sự không chịu thua thiệt. Nhâm thủy lúc thiên nhược, giai đoạn trung niên lấy tòng tượng xem, người này cũng là cương nhu tương tế.

VD 3, *Cần tạo*: Mậu Ngọ - Nhâm Tuất - **Nhâm Tý** - Bính Ngọ (Dần Mão không)

Đây là ví dụ mà tôi dự trắc công khai trên mạng, tiện đây đưa ra cho độc giả nghiên cứu.

*Người hỏi nói:*

Xem kĩ tiên sinh phê bát tự của tôi, như được một tri kỷ, cả đời tôi tiên sinh thấy như trước mắt. Tôi rất khâm phục ngài tự đáy lòng, như là thần nhân! Tạ ơn tiên sinh !!!

Tôi vốn thích Dịch, tự học Lục hào nhiều năm cũng không cách nào tiến triển, phù hợp chỗ ông đoán là có hứng thú đối với thần bí, nhưng có thể trở thành cao thủ hay không, thì chỉ có thể hy vọng. Cũng đã từng trên nhiều mạng xem Chu Dịch, mời qua rất nhiều cao thủ hỗ trợ phê bát tự, cũng không có người nào trắc chuẩn như tiên sinh, cũng giải thích cho tôi những chỗ khúc mắc ở trong lòng qua nhiều năm học Dịch.

*Tôi trả lời:*

1, Tôi sinh ra gần bờ nước, có núi ở hai bên, trước cửa có lộ, nơi bên phải khá xa có một tuyến đại lộ, chỉ qua là có hồ chứa nước ở phía sau, mà là ở bên trái, phía dưới núi.

2, Tiên sinh mô tả tính cách đối với tôi cũng hoàn toàn chính xác, lúc nhỏ hết sức nghịch ngợm, tính nóng vội, nhưng mấy năm sau này đã chuyển tốt. Văn minh lễ mạo, đại nghĩa khắc sâu không dám nhận, chỉ vì cùng người ít tranh chấp, cùng nhau hòa thuận, năm đó lúc đi học thường làm cán bộ lớp học, cũng có thể tính là có năng lực tổ

chức tốt.

3, Đối với tình huống gia đình, tiên sinh toán rất chính xác. Trước 24 tuổi trong nhà không chỉ là phá đại tài, mà còn cha mẹ lại liên tiếp qua đời. (Năm 1988 cha mẹ lúc làm ăn thất bại, cho đến năm 1992 mới có chuyển tốt. Năm 1993 cha bệnh qua đời, năm 1994 mẹ lại qua đời.) Ám hận ông trời bất công, tôi cùng đã tò mò và nghiên cứu đối với vận mệnh bản thân.

4, Từ lúc bắt đầu đi học phổ thông thì tôi mắc chứng viêm mũi mãn tính, cũng như chỗ tiên sinh toán, lúc nhỏ quá nghịch ngợm, trên đầu nhiều lần bị thương, đến hiện tại trên trán còn lưu lại mấy vết sẹo.

5, Mấy năm gần đây vận khí cũng như chỗ tiên sinh nói, năm 2000 phá tài; năm 2001 có cơ xoay chuyển, tìm đến một công việc khá thích hợp, đãi ngộ cũng tốt; nửa năm cuối năm 2002 tài vận khá tốt; năm 2003 cũng không tệ; năm 2004 so với năm 2003 vẫn tốt hơn một chút. Nhưng tôi cảm giác mê hoặc là, ở tài vận của tôi đồng thời tốt một chút, nhưng phá tài cũng kèm theo, không biết tình huống như vậy đến lúc nào mới sẽ có chỗ chuyển tốt?

6, Hiện tại tôi cùng mấy người ở bến cảng muốn hùng vốn làm ăn chung mở một xí nghiệp, bởi vì người ở cảng nhất gan, chỗ công ti đăng ký cũng thuộc về xí nghiệp tư nhân, bản thân sinh tính nhất gan, tố chất tâm lý khá kém, một mực không dám cá cược, cũng dựa tựa tiên sinh khuyến cáo.

Tôi họ La, nơi sinh ra ở Hồ Bắc:

1, Vừa sinh ra 3 tháng thì bà nội mất.

2, Năm 1985 hoặc 1986 ông nội mất.

3, Năm 1988 cha làm ăn thất bại, cuộc sống cả nhà quá khó khăn.

4, Năm 1992 cha về nhà tiếp tục làm ăn mua bán, gia cảnh chuyển tốt.

5, Năm 1993 đầu tháng 3 âm lịch cha qua đời.

6, Cùng năm mẹ tôi tái giá.

7, Tháng 8 năm 1994 mẹ, em gái, cha kế có sự cố qua đời.

- 8, Năm 1996 ra ngoài làm thuê.
- 9, Năm 1997 ông ngoại qua đời, đến năm 1999 tài vận bình bình, tạm sống qua ngày.
- 10, Năm 1999 bị bạn bè ở Quảng Đông lừa gạt, đầu đầu năm 2001, thua một đến hai vạn khối, tất cả tiền đi làm thuê bay mất, còn thiếu người tiền.
- 11, Năm 2001 tìm được một phần công việc mới, làm tiêu thụ, công việc cũng tạm, nhưng năm đó tài vận bình bình, thẻ căn cước bị thu.
- 12, Năm 2002 bị điều đến Tô Châu, mở mang vùng đất mới khách hàng mới, lúc làm thẻ căn cước mới đổi tên thành La Tiểu Huy. Nửa năm đầu áp lực rất nặng, phá tài mấy nghìn; nửa năm cuối làm ăn chuyển tốt, tài vận bùng đến; cuối năm về nhà đính hôn, cuối năm vợ mang bầu, bởi vì tình huống kinh tế mà sảy thai.
- 13, Nửa năm đầu 2003 tài vận còn được, nửa năm sau vì đút lót cấp trên mà tốn tiền trên vạn, cuối năm về nhà kết hôn tốn mấy vạn, lại thành không.

## ***Đệ nhị giảng: Ôn dương hợp bách xuyên, Mạn lưu tổng vô biên***

### ***Thể tượng Nhâm thủy.***

*Thiên Nhất sinh thủy, Địa Lục thành chi.* Trong tự nhiên có nhiều thủy, xem như bình thường, thực tế là tất cả sinh mệnh đều không ly khai ra cơ sở vật chất. Người có nhật can Nhâm thủy có tinh thần "*Sinh mệnh không tự kỷ, phấn đấu không dừng*". Nhâm thủy ở trong thập can, đại biểu tất cả thủy có thể thấy và thủy không dễ thấy. Nhâm thủy ôn dương hợp bách xuyên, chảy khắp thiên hạ vốn vô biên, chính là hình tượng đại thể của Nhâm thủy.

Thơ 《 ***Thập can Thể tượng*** 》 viết:

***Nhâm thủy ôn dương hợp bách xuyên,  
Chảy khắp thiên hạ vốn vô biên.  
Can chi đa tự thành phiêu đảng,***

*Hỏa thổ cùng đến thương bản nguyên.  
Dưỡng tính kết thai cần Mùi Ngọ,  
Trường sinh quy Lộc thuộc Càn Khôn.  
Thân cường nguyên tự không Tài Lộc,  
Tây bắc hành trình ách thiếu niên.*

Thủy quá ít, không thể lưu động, có mất bản tính Nhâm, cả đời trì trệ. Thủy quá nhiều, lưu động quá mức. Cuộc đời động đặng, cuộc sống không ổn định. Cho nên Nhâm thủy tốt nhất là làm cho lưu thông, có nguồn cội lại có chỗ dừng.

*VD 1, Khôn tạo:* Nhâm Tý - Bính Ngọ - **Nhâm Thân** - Nhâm Dần.

Tạo này có Nhâm Bính giao nhau, chưa thấy người này thì cũng biết đáng mạo hết sức mê người, sau này mới biết, người gọi là Tiểu Mị nương. Nhưng thấu ra 3 Nhâm thủy, lại không có thổ, người này có cuộc sống công tác đều không ổn định. Phu cung gặp xung, nói bạn trai không ít, nhưng đều đã có gia đình, gia đình đối tượng lại không ổn định. Tạo này không có chỗ dựa Quan tinh, chỉ thích nhìn vào Tài tinh, trước mắt lấy phát tài làm mục đích chủ yếu. nhưng Tài khí cũng không ổn định, bập bênh khá lớn.

Tạo này cùng trước mắt đề cập đến Khôn tạo: Quý Tị - Quý Hợi - **Nhâm Thìn** - Ất Tị, là chị em gái ruột, chỗ khác nhau là, trong bát tự chị gái có một Thìn thổ thu thủy, trên hôn nhân khá hiện thực, phía sau hôn nhân nói chung là tồn tại ảo tưởng. Bởi vì thổ ít, hôn nhân đều một mực treo lơ lửng, trên sự nghiệp không ổn định thường luôn khiến cho bọn họ lo sợ. Đối diện nhân tố Tiên thiên như vậy, tôi kiến nghị vẫn là một chút hiện thực, không nên truy cầu tiêu chuẩn quá cao, giao tiếp đa số người có thổ nhiều. Người có thổ nhiều bề ngoài thật thà, hành sự cẩn trọng, trên cơ bản chị gái cũng thích loại nam giới này, còn em gái thì một mực thích loại người hài hước, khôi hài.

Cùng so sánh với người bình thường trong xã hội, hai chị em gái đều toán là có thành tựu, hai chị em rất ưu tú, mang lại cho người nhà rất là vui vẻ và hạnh phúc. Tra bát tự người nhà, người cha là Mậu Thìn -

Mậu Thìn - **Nhâm Thân** - Nhâm Dần, vốn cha là người có nhiều thố, hai chị em đặc biệt rất yêu cha, người ở cùng trong nhà cũng rất vui vẻ. Ở lúc người trong nhà nói chuyện trời đất, tôi nói bất tự người cha có giờ tọa Thực thần, lợi nữ mà không lợi nam. Quả nhiên, mệnh chủ nuôi hai anh trai đều rất bình thường, lúc bình thường người cha cũng thường hay trách móc mẹ, hiện tại mẹ nghe tôi vừa nói, lập tức hướng về tôi tủi thân kể ra rất nhiều năm ở phương diện này, từ đó quan hệ cha mẹ tốt hơn nhiều.

Cha mẹ muốn tôi tra một chút hai con gái của họ tại sao hôn nhân bất thuận, tôi nói đây cũng là chỗ vận mệnh tác quái. Tôi nói, "*Can chi tụ nhiều thành phiêu đảng*", Nhâm thủy nhiều, thì có vài nhân tố bất lợi, chỉ cần thường cùng hai vị ngồi với nhau một chút, thì vui vẻ vô cùng. Tình huống hiện tại, ngoại trừ hôn nhân, người trong nhà cũng đủ vui vẻ rồi.

Mệnh chủ khá tin tôi nói, nhưng vẫn còn nhiều chỗ chưa thông, cho nên thường luôn điện đến hoặc đến nơi làm việc của tôi nói chuyện. Tôi nói cho cô ấy biết, trong mệnh thư luận Nhâm thủy, còn có câu nói: "*Hỏa thố cùng đến thương bản nguyên*", cô ấy không biết làm sao lý giải hàm nghĩa câu nói này. Tôi nói: "Người đừng nghĩ nhiều đến phát tài và nói luyến ái. Hỏa là Tài của người, thố là Quan tinh của người, chân chính một ngày nào đó đến với người tài phát vạn kim, vợ chồng mỹ mãn, thân thể người khả năng sẽ xuất hiện vấn đề khá lớn, vẫn là giống hiện tại cũng đã không tệ. Cung Dần rất sợ nguồn thủy sâu, con gái người rất có tiền đồ, đối với người cũng giống đối với cha mẹ các người vậy, đặc biệt là hiếu thuận, cảnh về già của người cũng rất hạnh phúc.

Cô ấy thường muốn tôi kết hợp trong bát tự của nàng để chỉ đạo một vài chỗ trong cuộc sống, tôi nhìn trong bát tự của nàng, trụ tháng lâm Ngọ, trụ ngày lâm Thân, sách nói "*Dưỡng tính kết thai cần Mùi Ngọ, trường sinh quy Lộc thuộc Càn Khôn*." Cô ấy đương nhiên không hiểu rõ hàm nghĩa chân chính câu nói này, tôi chỉ thuận thế theo ý nàng mà nói, trong bát tự của cô có chữ Ngọ, nói bạn phải tu tâm

dưỡng tính nhiều, tâm tính càng cao, thì vấn đề hôn nhân càng dễ dàng giải quyết, ông chồng và con trai đều có thể mang lại phúc lộc cho người. Đây là khuyến cáo đối với người không có chuyên môn, ý vốn là đương nhiên không phải là chỉ chỗ này, là nói Nhâm thủy lâm Ngọ Mùi là đất Thai Dưỡng, lâm Thân và Hợi là đất Trường sinh và Lộc. Nàng lại hỏi hai câu cuối cùng ý là cái gì chứ? *Thân cường vốn tự không có tài lộc, hành trình tây bắc ách thiếu niên.* Tôi nói trước mặt bạn trai người phải tập tính ôn nhu, tính cách quá cương cường, đối phương hiểu bạn khó mà đối phó, tất nhiên đối với bạn là bất lợi. Tuổi trẻ của bạn hành vận đông phương, lúc trẻ không chỉ xinh đẹp, mà còn các phương diện đều khá thuận lợi, bạn may mắn là một người con gái tốt, nếu như nam mệnh, lúc trẻ vận chạy tây bắc vậy thì nguy rồi. Là nữ mệnh nghịch hành vận, trung niên về già mới chạy phương tây bắc, người đã trưởng thành, sự nghiệp gia đình đều đã định hình, lại hành vận tây bắc, chẳng qua chính là cơ hội phát tài ít đi, trên cuộc sống bình thường một chút mà thôi.

*VD 2, Càn tạo: Giáp Tuất - Ất Hợi - **Nhâm Thìn** - Đinh Mùi.*

Đối diện bát tự này, không phải là nói cho hắn nghe, mà là mệnh chủ kết hợp với cuộc đời của hắn, giảng giải với tôi thể tượng Nhâm thủy. *Nhâm thủy cuộn cuộn hợp trăm sông, chảy đầy thiên hạ vốn vô biên.* Đây là nói người Nhâm thủy hơn phân nửa là có tấm lòng bao dung, cũng tất phải có tâm khoan dung mới phối được Nhâm thủy ở trên, sự nghiệp mới có thành tựu. Người Nhâm thủy lối sống rất rộng, có thể biển nạp trăm sông, tuyển chọn nghề nghiệp phải đối mặt với trong ngoài cổ kim, nam nữ già trẻ, tầng lớp cao thấp đều tương quan hành nghề thích hợp nhất, chỉ nhìn chăm chăm vào gót chân con người là không đủ tư cách.

Đây là bát tự Bành sư phụ của tôi, mặc dù là mắt mù, nhưng mức độ mang lộc của ông không thua kém gì một trưởng huyện. Xác thực là bất luận tầng lớp người nào đều có thể tiếp cận cùng ông ấy, người có tầng lớp cao nói chuyện cùng ông ấy rất được gợi ý, còn đồ bản địa giao tiếp với ông ấy cũng rất tâm phục, nghe người khác không vào,

nhưng ông ấy nói rất thích nghe. Cảm giác của tôi thì ông ấy là một vùng biển rộng, có thể dung nạp bất cứ vật nào, bất cứ nhân vật nào, bình thường đối tượng phục vụ cũng là trải rộng các nơi trên thế giới. Trước mắt, ông ấy vừa tiến vào vận Ngọ. Bát tự ông ấy là Đinh Nhâm hóa mộc, Giáp mộc là dụng thần thứ nhất. Trước đây tôi nói vào vận Ngọ xứ Giáp mộc tử địa làm sao bây giờ? Ông nói, Thế tượng không phải là xác minh nói cho chúng ta biết, tu tâm dưỡng tính, làm cho bạn hết bận rộn. Hiện tại xem ra, ông ấy ở vận Ngọ điều chỉnh được rất tốt, ngoại trừ bắt đầu một tràng bệnh, trên tư tưởng không có bất cứ gánh vác nào. Mặc dù ông ấy không nói, nhưng tôi rất quan tâm vận Mùi của ông ấy. Vận Mùi là tảo thổ, hỏa thổ cùng đến tổn thương bản nguyên, cho nên các đệ tử chúng tôi nhân dịp ông ấy còn khỏe mạnh, đều tranh nhau hiếu thảo với ông ấy.

Bát tự ông ấy là Đinh Nhâm hóa mộc, rất sợ là ngũ hành nào? Tôi nghĩ độc giả hẳn đã biết, ông ấy rất sợ là chữ Canh, Canh là kỵ thần lớn nhất phá hư Đinh Nhâm hợp. Lúc năm Canh còn trẻ ông ấy tất là phá tài, năm Canh sau này ông ấy đều tự hành hóa giải, trái lại không thấy đại phá. Ví dụ như, năm Canh Thìn một mình ông ấy bỏ tiền ra sửa một tuyến công lộ, một cây cầu, bà chủ vùng lân cận giàu có, phong tục đàn bà có chồng nghiêng mắt nhìn ông ấy, đương nhiên ở đâu hiểu rõ áo diệm ở trong đó. Năm nay là Canh Dần, không biết ông ấy lại chuẩn bị "Phép phá giải" như thế nào?

***Đệ tam giảng: Khí số và Khí thế, Từ đây nói mở ra***

***Khí thế Nhâm thủy.***

***Dịch viết:*** Tập khảm, duy tâm hanh. Khảm là thủy, trung tâm dòng chảy là luôn hướng về phía trước, nó sẽ không dễ dàng thay đổi phương hướng. Nhâm là can dương, tất cả can dương đều là dễ dàng tòng khí mà khó tòng thế. Chỗ nói Tòng Khí, chính là bản thân không thay đổi tính chất, cố gắng bản thân từ sinh đến vượng. Loại người này, rất thích độc lập tự chủ, tự lực cánh sinh. Nhâm tòng thế có nhiều loại tình huống tòng thế, bản thân vừa có cực vượng tòng cách

Nhuận Hạ, cũng có đi theo đại thế của những ngũ hành khác mà đi tòng cách, ngoại trừ Nhuận Hạ ra, những tòng thế khác, bản thân đều có xu thế thay đổi tính chất. người sau này đều khá hiện thực, có thể đặt dưới cái khung này mà đi thích ứng hoàn cảnh. Phàm là can dương, người sau tòng thế đều không phải là bản tính của nó, nhất là Nhâm thủy, Nhâm thủy thông hà, đức cương trung, là chảy mãi không dừng. Nhâm thủy vừa có bang phù thì tòng khí, thấy kim hoặc thấy thủy đều là tòng khí, trong hiện thực loại người này biểu hiện chủ yếu là sẽ không dễ dàng thay đổi chủ ý của mình. Nhâm thủy chỉ cần không qua hỗn trọc, đa số là có chủ kiến, đây đều là biểu hiện tòng khí của nó.

*VD 1, Càn tạo:* Nhâm Dần - Nhâm Dần - **Nhâm Dần** - Quý Mão.

Thiên can bát tự này có 3 Nhâm 1 Quý, là bát tự có khí thế, bởi vì có Nhâm Quý trợ giúp, nhật nguyên Nhâm thủy không hoàn toàn thuộc về tòng thế, cũng có một mặt tòng khí. Tòng khí đại biểu bản thân có năng lực, tòng thế là giỏi về lợi dụng hoàn cảnh, năng lực thích ứng hoàn cảnh khá mạnh.

Hoàn Nguyên Tử lão sư lần thứ nhất đoán tạo này đoán rất hay, ông ấy nói tạo này ra đời trong gia đình bần khổ, song thân mất sớm. Năm 1983 được cơ duyên, từ đây đi trên đại đạo quang minh. Người này lúc nhỏ tình huống gia cảnh cùng cha mẹ xác thực là như vậy, năm 1983 nhập ngũ, năm 1984 thi đậu trường quân đội, sau đó mỗi lần gặp năm Dần Thân Tị Hợi đều có thăng chức, hiện tại có địa vị tướng quân. Chỗ tiếp xúc, ưu điểm chủ yếu của người này là trong nhu hòa là có chủ kiến, thời khắc đều ở tích cực nỗ lực hướng lên, hơn nữa chưa bao giờ quên thời kỳ thiếu niên gian nan. Trên đường làm quan, chỉ trừ năm Bính Tuất hỏa thổ cùng đến thì hơi có bất thuận ra, các năm còn lại đều rất thuận lợi.

*VD 2, Càn tạo:* Nhâm Dần - Nhâm Dần - **Nhâm Dần** - Mậu Thân.

Tạo này giống tạo ở trên là cùng ngày tháng năm sinh ra, chỉ khác giờ là Mậu Thân. Mậu thổ thấu ra vừa có một mặt tốt, cũng có mặt

bất lợi. Mặt tốt là Mậu thổ Thất Sát đại biểu có thể chế trụ Nhâm thủy gợn sóng, đến đời con khá thuận; Mặt không tốt, là chi giờ thấy Thân kim, ý nguyện Nhâm thủy tàng khí càng mãnh liệt, nhưng bởi vì Mậu thổ cách xa nhau, tàng khí cũng bất thuận, tàng thế lại có Dần Thân tương xung, cả hai tàng khí và tàng thế đều không thuận toại. Bất đắc dĩ, Nhâm thủy đành phải tìm kiếm Bính hỏa trong Dần, mục đích là được thế khử kim, kết quả mệnh chủ là được ý nguyện trọn đời.

*VD 3, Càn tạo: Canh Ngọ - Nhâm Ngọ - **Nhâm Dần** - Canh Tuất.*

Nguyên nhân chủ yếu Tàng khí là có thể làm việc theo ý thức chủ quan, Tàng Thế chính là thuận theo đại thế, làm việc theo hoàn cảnh, tàng càng chân càng tốt, Giả tàng, chính là hữu tâm vô lực, tình thế khó xử. Tạo này địa chi có 2 Ngọ 1 Dần 1 Tuất, thế hỏa vượng thịnh, nhưng năm tháng lại có Canh Nhâm, giờ lại thấu ra Canh, cùng đến bang phù nhật chủ. Tạo này lúc nhỏ đặc biệt là ở trước 40 tuổi, có tư tưởng kiên quyết tàng khí, mà quyết không tàng thế. Thế nhưng, địa chi một khối vượng hỏa như vậy lại có thể chứa chấp khí Canh Nhâm sao? Loại ngũ hành này mâu thuẫn tất nhiên dẫn đến cuộc đời nhấp nhô. Người này xuất thân địa chủ, lúc nhỏ đi học thông minh, nhưng lúc trẻ một mực tính cao ngạo, tính cách dẫn đến nhân duyên không tốt. Sau Giải phóng thành phần cao, ở trên xã hội một mực bị người kỳ thị, năm 1954 người bản địa vì nạn lũ lụt bị vỡ đê, gây nên nước đục, năm 1955 giam vào lao ngục. Năm đó vượt ngục đi vào núi sâu, mai danh ẩn tính 6 năm, lúc bình thường thay người đi tu sửa, sống tạm qua ngày yên ổn. Lúc 46 tuổi, sư phụ toán mệnh cho hắn, nói 48 tuổi sẽ có xoay chuyển cuộc đời rất lớn. Lý do là trước một Canh là trắc trở, sau một Canh là chuyển ngoặt. Quả nhiên năm 1978 thay đổi chính sách, hắn là người văn hóa, được giới lĩnh đạo giáo dục vừa ý, sắp xếp đến dạy trường Anh ngữ. Hắn đi vào giới văn hóa giáo dục, như ngư đắc thủy, thành tích công việc đột xuất, tài hoa văn học càng làm cho đồng nghiệp ngưỡng mộ.

Mệnh chủ có một vị đường ca, thời chiến tranh là quan quân Quốc

Dân Đảng, sao đó định cư Brazil, năm Nhâm Tuất trở về nước, vì công việc của hắn chuyển chính thức xác định bằng cấp lại nổi lên tác dụng đầy mạnh. Năm Đinh Mão cuối cùng thực hiện ước nguyện, từ đây trong cuộc sống đã có chỗ nương tựa.

Bát tự này tông khí là đau khổ, tông thế dụng Đinh hỏa ở trong Ngọ rất tốt, nửa cuộc đời trước nhấp nhô cùng tư tưởng của hắn ngoan cố có quan hệ rất trọng yếu. **Thư viết:** *Nhâm thủy, Hóa thì hữu tình, Tông thì tương tế.* Tạo Nhâm thủy này, tông theo đại thế là con đường duy nhất, hướng hồ đại thế là Đinh hỏa ở trong Ngọ, Đinh Nhâm hợp, hóa thì hữu tình, ngoại trừ đại cách mệnh văn hóa thời kỳ đấu tranh giai cấp kịch liệt ra, thời gian còn lại rất nhiều quần chúng và cán bộ đối với hắn cũng không có ác ý, tư tưởng bản thân của hắn là quá kích dẫn đến nửa cuộc đời của hắn là phù vân. Sao không biết, Nhâm thủy Tông Tài, thực tế chính là Thủy Hỏa ký tế, Nhâm thủy vẫn cứ có thể phát huy sở trường của mình, làm việc của mình thích. Một ngày sau 48 tuổi, trên cơ bản chứng minh một điểm này.

Nhâm thủy rất dễ dàng hình thành khí thế xung thiên bồn địa. Xung thiên bồn địa, khó tránh không bị hãm vào nhấp nhô, Khảm là đất hắc ám, đối diện nhấp nhô, phải bắt vào từ hai chỗ, thuận thế mà đi, mới là phương pháp đi ra khỏi khốn cảnh. Tượng mệnh người Nhâm thủy này, nếu như hiểu rõ một điểm này, cả đời phải ít bị rất nhiều tội.

Nhâm thủy tông khí là bản tính của nó, tông thế là bất đắc dĩ mà thôi. Giống như ví dụ 1 Nhâm thủy, tông khí không thấy Canh Tân kim, chỉ có thể dẫn đến là không có cha mẹ nương tựa. Tông khí là được Nhâm thủy Tỉ kiên tương trợ, cùng xung quanh Nhâm thủy dung hòa thành một thể, Nhâm tọa dưới là mộc, thủy sinh mộc là thuận thế, tông khí và tông thế đều không có trở ngại. Loại tượng cục này khiến cho mệnh chủ vừa có nhân duyên, vừa có thuận theo trào lưu, thuyết minh ý thức tư tưởng của mệnh chủ này cùng nhân sĩ xung quanh cùng hình thế quốc gia có quan hệ mật thiết cùng một chỗ, người như vậy đương nhiên là rất thích ứng với xã hội.

VD 3 Nhâm thủy, tông thế gặp Canh gốc phát thủy, tông khí gặp địa

chi một khối vượng hỏa, tòng khí và tòng thế hình thành một loại thế mâu thuẫn không cùng lập. Đối diện loại cục diện mâu thuẫn này, kinh nghiệm cho rằng tòng thế là xuất lộ, tư tưởng con người vẫn là phải thuận theo trào lưu mới tốt. Tòng khí có thể nói là thực hiện bản thân mà phấn đấu, ở trong quá trình đoán mệnh thuộc về phạm vi phép khí số. Tòng thế thì là thích ứng hoàn cảnh mà hết sức nỗ lực, ở trong quá trình đoán mệnh thuộc về phạm vi phép khí thế. Dem so sánh, phép khí thế trọng hơn phép khí số.

### ***Đệ tứ giảng: Nhâm thủy du tứ quý, Khí số định hi kỵ***

#### ***Khí số Nhâm thủy.***

##### **Quyết viết:**

*Tháng giêng Nhâm thủy Canh Bính Mậu,*

*Tháng hai Nhâm thủy dụng Mậu Tân;*

*Tháng ba Nhâm thủy Giáp Canh dụng,*

*Tứ ngũ Nhâm thủy dụng Nhâm Canh;*

*Tháng 6 Nhâm thủy Giáp Tân thuận,*

*Tháng 7 Nhâm thủy dụng Mậu Đinh,*

*Tháng 8 Nhâm thủy nên khứ thổ,*

*Tháng 9 Nhâm thủy Giáp Bính Canh.*

*10,11 Nhâm thủy Mậu tham Bính,*

*Tháng 12 Nhâm thủy thích Bính Đinh.*

Người Nhâm thủy có trước sau như một, cá tính dũng cảm tiến tới, ở lúc không có thể cường phản nghịch, cá nhân thực hiện lý tưởng, bản thân làm việc mình thích, là nguyện vọng đệ nhất của người Nhâm thủy.

***Dịch viết:*** Tập Khâm, duy tâm hanh, hành hữu thượng. Loại người Nhâm thủy có tính cách là đáng được tôn sùng, người quý kiên trì, người Nhâm thủy rất có tính kiên trì vĩnh hằng mà lưu động, là đặc trưng bản chất của nó, bản thân thực hiện thì phải nhìn hoàn cảnh và

điều kiện của nó. Ở đây đang nói về khí số của Nhâm thủy, chuyên chỉ điều kiện bản thân Nhâm thủy thực hiện. Từ trong khẩu quyết ở trên không khó phát hiện, Nhâm thủy muốn độc lập tự chủ, không ly khai vượng khí, bản thân không vượng thì cần có kim gốc phát thủy. Đạo lý này là rất đơn giản, chính là chỉ cần có nguồn thủy sung túc, không đến nỗi khô kiệt, ý Nhâm thủy bồn lưu thì dễ dàng thực hiện. Trước đã nhiều lần nói qua, phép khí số là phương pháp luận mệnh ở dưới tình huống không có đủ khí thế.

*Tháng giêng Nhâm thủy Canh Bính Mậu*, tháng giêng kiến dần, Nhâm thủy thiên nhược, dụng Canh gốc phát thủy, thủy không đến nỗi khô kiệt, Canh kim là khí số thứ nhất. Tháng giêng hàn khí còn tồn, cần có Bính hỏa để trừ hàn, thủy không bị đông cứng, mới có thể hành động, Bính hỏa là khí số thứ hai. Thủy có gốc sung túc, nước sông giải đông băng, thì lại phải có đê ngăn để phòng lũ lụt, Mậu thổ là khí số thứ ba. Tháng giêng Nhâm thủy, khiến cho thủy chảy không kiệt, là bản thân có điều kiện chủ yếu để thành tựu. Dụng Mậu thổ thì là có điều kiện, ví dụ như Nhâm thủy không vượng, Mậu Kỷ thổ xuất hiện chính là trợ khí.

*Tháng hai Nhâm thủy dụng Mậu Tân*; Tháng hai khí dương dần dần tăng lên, nước chảy tan băng, tính xung bồn rất dễ thể hiện, lúc này đề phòng lũ lụt là vị trí số một, cho nên Mậu thổ là khí số thứ nhất. Tháng hai Nhâm thủy nếu không phải núi tuyết băng tan, thì Nhâm thủy không vượng, cho nên lại cũng cần có kim phát nguồn thủy, nhưng dụng Tân mà không dụng Canh, bởi vì tháng hai Ất mộc rất vượng, Canh kim tham hợp vong sinh. Tháng hai Nhâm thủy, Tân phát nguồn thủy chính là lợi dụng núi tuyết băng tan, dụng Tân tốt hơn so với dụng Canh, Tân kim là khí số thứ hai.

*Tháng 3 Nhâm thủy Giáp Canh dụng*, tháng 3 kiến Thìn, Thìn là khổ thủy, lúc này tức là Nhâm thủy ở trong khổ. Thủy đã lưu động lại không bồn cuồn là tốt, Thìn khổ thu thủy, có mất bản tính Nhâm thủy, dụng Giáp khai thông thổ, mở cống thả nước chảy ra rất là trọng yếu, Giáp là khí số thứ nhất. Thủy ở trong khổ cũng có hạn, chỉ tiết

mà không bổ sung, thủy dễ dàng khô cạn, dụng Canh sinh thủy, bổ túc cho thủy mới là hoàn mỹ.

*Tháng 4 Nhâm thủy dụng Nhâm Canh*; Tháng Tị Ngọ Nhâm thủy, hỏa vượng thủy suy, chỉ cần hỏa thổ không thành thế, thì Nhâm thủy vẫn cứ có đủ thế hành độc lập. Tức là nói Nhâm thủy có căn, ý thức bản thân lưu hành sẽ không thay đổi. Dụng Nhâm thủy Tị kiên để trợ, thành Thủy Hỏa ký tế, Tị kiên Nhâm thủy là khí số thứ nhất. Quý thủy rất nhược, gặp hỏa vượng gọi là một bó đuốc không thể cứu bó củi đang cháy (bôi thủy xa tâm), không thể không chỉ cứu hỏa, trái lại là tiêu chí thương tai. Dụng Canh phát nguồn thủy, thủy không khô cạn, Canh kim là khí số thứ hai. Khí số đại biểu cho trời phú một con người, người có khí số bát tự đầy đủ, thì tố chất người này không thể thấp. Giống như tạo Canh Ngọ ở tiết thứ 3 có nói, đúng là Nhâm thủy tháng Ngọ, Canh Nhâm cùng thấu, người này có tài học và năng lực xứng được gọi nhân tài. Chính là địa chi có một khối hỏa vượng, đại khí hậu không có hẳn cơ hội phát huy, dẫn đến cuộc đời trắc trở.

*Tháng 6 Nhâm thủy Giáp Tân thuận*, tháng 6 kiến Mùi, hỏa thổ cực viêm, Kỷ thổ thái vượng, Nhâm thủy hoàn toàn là hơi nước. Giáp là sấm chớp, Tân là khí lạnh, cả hai đều đủ, Nhâm thủy mới có cơ hội rơi xuống đất, thực hiện nguyện vọng bản chất của dòng chảy. Giáp là khí số thứ nhất, Tân là khí số thứ hai, đồng thời thuận theo thứ tự trước là Giáp sau là Tân không thể đảo nghịch. Tháng 6 Nhâm thủy, cho dù có Tân, không có Giáp thấu can, cũng là tượng mây dày không mưa, lúc này chỉ có oi bức. Loại người Nhâm thủy này đa số là ngồi mát ăn bát vàng, vẫn rầu rĩ không vui. Giáp mộc vừa xuất ra thì liền mưa dông gió mạnh, Nhâm thủy mới có đất dụng võ. Ở trong Thế tượng Nhâm thủy chúng ta nói đến qua "*Dưỡng tính kết thai cần Mùi Ngọ*". Nhâm thủy sinh ở tháng Mùi, thích hợp hưu dưỡng ngưng nghỉ, đây cũng là một quá trình vun bồi sinh khí Giáp mộc.

*Tháng 7 Nhâm thủy dụng Mậu Đinh; tháng 7 kiến Thân, đất Nhâm thủy trường sinh, Nhâm thủy tất phải lấy vượng luận, Nhâm thủy vừa vượng cần đề phòng lũ lụt là khí số hàng đầu. Tháng Thân khí Canh kim thịnh, gió thu tiêu điều, nếu không thấy khí ẩm phối hợp, thì Nhâm thủy khó mà thành hình, cho nên Nhâm thủy nhiều thủy dụng Mậu, ít thủy dụng Đinh, Mậu Đinh là khí số của Nhâm thủy tháng 7.*

*Tháng 8 Nhâm thủy nên khử thổ, tháng 9 Nhâm thủy Giáp Bính Canh.*

Tháng 8 Tân kim là đất Lộc, Tân Nhâm phối hợp thành Kim bạch thủy thanh là cách cục tối cao. Mà kim bạch thủy thanh kỳ thần lớn nhất là thổ, tháng 8 mặc dù thổ không dày, nhưng phá hư kim bạch thủy thanh lại rất dễ dàng. Tháng 8 Tân kim nắm lệnh, ông trời đã sinh ra nhật chủ Nhâm thủy, mục đích chính là được một kim bạch thủy thanh là tượng tốt, cho nên tháng 8 Nhâm thủy có nhiều quý mệnh. Lúc suy đoán lấy khử thổ là quý, 10 có 9 là chuẩn.

Tháng 9 kiến Tuất, đất tảo thổ, Giáp mộc là khí số thứ nhất, chỗ này cùng với Nhâm thủy tháng 6 khá giống nhau. Nhưng mà, khác nhau là, tháng Tuất là ranh giới tiết Hàn lộ và Sương giáng, dụng Bính trừ hàn, Nhâm thủy được lưu động, Bính là khí số thứ hai. Tháng 9 Tuất, cũng có hội thế Dần Ngọ, lúc này dụng Canh, gió thu tức sát có thể giải trừ tảo khí.

*Thập đông Nhâm thủy Mậu tham Bính, Tịch nguyệt Nhâm thủy ái Bính Đinh.*

*Thập đông tức là chỉ tháng Hợi Tý, Nhâm sinh tháng Hợi Tý thủy quy đàn, Nhâm thủy tất vượng không nghi ngờ, dụng Mậu ngăn dòng chảy xiết, Mậu là khí số thứ nhất. Tháng 10 có chút dương xuân, tháng Hợi dụng Mậu, thì Bính hỏa chỉ làm tham khảo. Tháng Tý là ranh giới tiết Đại tuyết Đông chí, nhâm thủy cục hàn, đa số là thủy đóng băng tuyết, nếu như Nhâm thủy muốn khởi lưu động, Bính hỏa tất là không thể thiếu. VD như, trước đây có luận qua một tạo: Giáp Thìn - Bính Tý - Nhâm Tý - Giáp Thìn, trụ tháng thâu Bính hỏa, chi giờ Thìn thổ, khí số đều có đủ Bính Mậu, cho nên người này có tầng lớp cao.*

Tháng 12 kiến Sửu, vẫn cứ là đất Nhâm thủy vượng. Trong cục chỉ cần có khí ẩm tồn tại, thì Nhâm thủy có nguyện vọng lưu động, nếu không thì là một khối băng tuyết ngập đất. Cục hàn không có khí ẩm thuộc về phạm vi có khí thế, kỵ dụng Bính Đinh hỏa giải băng. Ngoại trừ chỗ này, tháng 12 Nhâm thủy tất phải có Bính Đinh, thấy Bính Đinh thấu can, thì Nhâm thủy có cơ phát sinh. Hàn mà không hết, Bính Đinh hoàn toàn không có, tất là Hạ cách.

### ***Đệ ngũ giảng: Đinh Nhâm hợp hóa mộc, Canh Sát không thể phùng***

#### ***Nhâm thủy hóa Tượng.***

《 ***Thập Đoạn cầm*** 》 viết:

*Nhâm tòng Đinh hỏa, tú tại đông phương;  
Gặp Giáp hệ, đa số gọi phò mã;  
Gặp Tân hệ, điền trang rất rộng;  
Bính hỏa vui phùng, là anh hùng hào kiệt;  
Quý thủy tương hội, kinh thương vất vả;  
Phối Ấn thừa hiên, Kỷ lâm Quan vị;  
Phiêu bông lạc phách, Mậu mang Sát đến;  
Tóc bạc không thành, đều vì Canh kim thừa vượng;  
Thanh niên không gặp, bởi do Ất mộc là tai.*

*VD 1, Khôn tạo: Canh Tý - Mậu Dần - **Nhâm Thìn** - Đinh Mùi.*

*Đại vận: Đinh Sửu, Bính Tý, Ất Hợi, Giáp Tuất, Quý Dậu, Nhâm Thân.*

Tạo này 10 tuổi hành vận, sinh thời đang lúc Giáp mộc năm lệnh. Đinh Nhâm hợp ở tháng Dần, có đủ điều kiện thành hóa. Bất đắc dĩ, thiên can Mậu thổ và Canh kim cùng thấu, ở hóa thần rất là bất lợi. Canh Mậu ở năm tháng đại biểu lúc trẻ, quả nhiên, nữ này sớm có nhiều bệnh, thân thể kém. Tốt nghiệp phổ thông, vì gia đình có thành phần cao, vô duyên đi vào cao đẳng. Bính vận tham gia công tác, 5 năm phong ba, đặc biệt bạn nam theo đuổi nhiều, Bính vận trong

công việc cũng hết sức thuận lợi. Ất vận lần thứ nhất rời khỏi kinh thương, đặc biệt là năm Quý Dậu xác thực là gian khổ. Chính là có ý: "*Bính hỏa vui phùng, là anh hùng hào kiệt; Quý thủy tương hội, là gian khổ kinh thương*".

Luận về hóa tượng "*Phùng Tân hề, điền trang rộng rãi*"; câu nói này dụng ở trên thân rất là linh nghiệm, người hiện đại không biết ruộng đất, là dùng để xây nhà. Hấn khởi từ lúc 21 tuổi phùng năm Tân đều xây dựng tòa nhà cao to, đến trước mắt là đã xây qua ba lần nhà cửa. Đinh Nhâm hợp hóa mộc thành công, thì Ất Canh là kỳ thần lớn nhất. Canh xuất hiện tạo thành hai kết quả: Một, trụ năm Canh kim đại biểu phá bại tổ thượng, từ giàu đến nghèo, bản thân ra đời là gia đình đại địa chủ, lúc đó vừa tốt nghiệp phổ thông thăng lên cao đẳng dựa vào bản hạ trung nông tiến cử. Bởi vì thành phần quá cao, không có tư cách tiếp tục học tập. Thực ra bản thân của hấn thông minh tài năng, nhân duyên đặc biệt tốt, thành tích học tập cũng hết sức tốt, nhưng ở trên chính trị lúc này bị sản sinh một phiếu đội trưởng phủ quyết, sự kiện này tạo thành nỗi tiếc lớn nhất của cuộc đời hấn. Hai, Canh xuất hiện dẫn đến mẫu tử bất hòa, đến nay quan hệ mẹ con còn hết sức xấu, tra giờ sinh mẹ của hấn, thì vừa đúng là nhật nguyên Canh kim. "*Ngộ Giáp hề, đa số gọi phò mã*;" 38 tuổi năm Mậu Dần thoái vị, 40 tuổi vào Giáp vận nhận thầu cửa hàng quá lớn, mấy năm đó xác thực là gọi nhiều người giúp đỡ.

Tạo này thì khí số Nhâm thủy mà luận, Nhâm sinh tháng giêng, Canh Mậu cùng thâu, Bính hỏa ám tàng, khí số bất phạm. Nhưng mà chỉ có thể nói tố chất người này không thấp, mà nói về hóa tượng, Canh Mậu cùng thâu vừa đúng kỳ thần ngũ ngược hung hăng. Nhất là Canh kim, hóa khí là kim khắc mộc, phá hư hóa khí cách.

Phép xem tạo này ứng với một câu nói ở trong 《 **Trích Thiên Tuy** 》 "*Lúc Hóa đắc chân thì chỉ luận hóa, hóa thần còn có vài cách nói.*" Tạo này cũng có thể nói rằng, ở lúc hai loại phép xem tông khí và tông thế mâu thuẫn lẫn nhau, khí số chỉ có đại biểu tố chất người này, khí thế quyết định vận mệnh cát hung.

VD 2, *Cần tạo*: Giáp Tuất - Ất Hợi - **Nhâm Thìn** - Đinh Mùi.

Đinh Nhâm hợp ở tháng Hợi, hóa thần khí đủ, hóa tượng có thể thành. Mệnh chủ là người mù, thiên văn địa lý, tất cả mọi nhà việc gì cũng đều thông hiểu, ngâm thơ đối tác kham xưng mọi nhà. Sau trung niên, chính là tâm phúc của tất cả người trong gia tộc. Nhân duyên tốt, mà òn không chỉ có như vậy, bất kể người tốt hay xấu trong xã hội, cán bộ quần chúng, đối với ông ấy tất cả đều rất tôn kính. Đối với ấn tượng của tạo này rất sâu là năm Ất Canh, mỗi lần gặp năm Canh kim là ông ấy tất phải phá tài, năm Canh Thìn (năm 1940) đôi mắt mù lòa. Năm Canh Dần cùng khốn, thân nhân qua đời. Năm Mậu Tuất ra ngoài phiêu bạt, thiếu chút nữa là chết đói. Năm Canh Tý, ra ngoài mưu sinh, kiếm tiền vẫn không đủ cho con trai trị bệnh, cuối cùng con trai phải tàn tật. Canh Tuất tiểu phá, Canh Thân đại phá, Canh Ngọ vì con trai đi học, hao phí rất lớn. Năm Canh Thìn, biết rõ sẽ phá tài, chủ động xây cầu đắp lộ ở trong thôn, không tính cá nhân thu hoạch, cam nguyện đầu tư mấy chục vạn. Năm Mậu Quý Ất thân thể cũng không tốt nhiều.

VD 3, *Khôn tạo*: Nhâm Dần - Quý Mão - **Nhâm Tý** - Đinh Mùi.

Nhâm sinh tháng Mão, Ất mộc năm lệnh, Đinh Nhâm có thành hóa mộc, đoán sự nghiệp bản thân hết sức thành tựu. Tôi xem Quý thủy ở trụ tháng thâu can, Tý Mão tương hình, đoán thẳng cô ấy là có chuyện phiền não gia đình, lần này vì chuyện nhà mà đến. Bởi vì trong 《**Thập Đoạn cัม**》 có viết: "*Quý thủy tương hội, vì kinh thương gian khổ*" Năm 2008 Quý thủy đắc Lộc, Mậu Quý hóa khí có tổn Đinh Nhâm hóa mộc, năm 2008 vì kinh doanh bất thuận mà phá tài. Năm nay là Kỷ Sửu, xung nhập cung con cái, năm nay vì con cái có vấn đề, có nên tiếp tục kinh doanh hay không, hai vợ chồng vì thế mà có ý kiến bất hòa.

Tôi xem tạo này có Nhâm Dần, Quý Mão, cách cục Nhâm thủy tòng thế và cách cục Đinh Nhâm hóa tượng đều phải cao hơn tòng khí, kiến nghị thuận thế mà làm, tình cảm không thể xung động. Bởi vì

Dần Mão Thìn có trung khí là Mão, Mão mộc nắm lệnh, chủ chính sách quốc gia, hình thế xã hội phát triển, kiến nghị tham khảo nhiều nghề nghiệp thay đổi, lấy nghề nghiệp thay đổi làm nhân tố quyết định chủ yếu. Nguyên là vợ chồng hai người làm nghề dạy học tư nhân, mấy năm trước phát tài không ít. Năm 2008 không tốt, vì bản thân chiếu cố con cái, nữ sĩ này năm nay có tìm cách không dạy tư nhân nữa. Thực ra, đây chỉ là biện pháp, cuối cùng cô ấy sẽ không vứt bỏ công việc ban đầu. Bởi vì năm tới, năm sau là năm Canh Dần Tân Mão Tùng Bách mộc, tới đa thì là nửa năm đầu còn hơi vất vả nhưng cuối năm đến thời gian còn lại sẽ rất thuận lợi.

Tạo này sử dụng phép Tử Bình thông thường xem là Thực Thương sinh vượng, Chính Tài thấu can, thích hợp ngành giáo dục, nhưng Chính Tài hợp thân, không ứng với truy cầu Thiên Tài. Chính Tài chủ theo hành nghề thu nhập chính đáng theo nhà nước, làm giáo dục tư nhân thiết thực chỉ để làm sự nghiệp, tương lai thành tựu càng lớn. Tý Mão tương hình ở tháng và ngày, tình cảm vợ chồng phải chờ một bước cải thiện.

### ***Đệ lục giảng: Lục Nhâm đều xu Tốn, Không thủy không hướng Đông***

#### ***Can chi Lục Nhâm.***

Thủy chảy hướng đông, Nhâm bên Tốn địa, cung Tốn có Thìn Tị, Thìn là đại hải, Tị là Thiên Át quý nhân, là nơi Nhâm thủy quy về.

+ Nhâm Tý: Can chi nhất khí, trụ ngày Nhâm Tý, tọa Nhận tọa Kiếp tài, thủy thái vượng, xinh đẹp. Nữ mệnh sẽ không quản gia, có bao nhiêu xài bấy nhiêu, vô tư; nam mệnh háo sắc, nếu kinh thương phát tài, mệnh cục nếu phá tổn, phát bao nhiêu thì mất bấy nhiêu. Nạp âm là Tang Chá mộc, mộc nhược thì phú quý, vượng thì bản tiện.

Nhâm Tý là ngày Mã bên thiên hà. ***Có thơ viết:***

*Nhâm thủy cuộn cuộn khắp thiên hạ,*

*Hành nhập đông phương phúc đáo gia.*

*Giang Nam bình xuyên nơi cá gạo,*

*Mây mưa biển nước kính non sông.*

Tháng Tý, không phải là người bình thường. Tháng Sửu, Quan tinh, người thanh tú. Tháng Dần, đại phú quý. Tháng Mão, hình, vợ ly tan. Tháng Thìn, Quan khổ, không xung không phát. Tháng Tị, Ngọ, lợi đường kinh thương. Tháng Thân Dậu, văn chương xán lạn. Tháng Tuất, quyền trọng. Tháng Hợi, bần.

+ Nhâm Tuất: Khí thế can ch nằm ở thủy thổ tranh chiến, Nhâm thủy lâm Tuất địa, thủy không nhược. Trụ ngày Nhâm Tuất, tọa dưới Tài sinh Sát, Sát sinh Ấn, Sát Ấn tương sinh, như báu vật trong biển, chủ đại quý, hoặc vũ quý. Nhưng Đinh Nhâm hóa mộc phùng táo thổ, thường là biến thành kẻ tiểu nhân hoặc là người xấu. 《 **Ngọc Tiêu bảo giám** 》 nói: Nhâm Tuất khí phục mà bất thuận, duy lấy hỏa thổ là tồn ích, chính là thành đại khí. Tuất là Thiên Môn, ở trụ Nhâm Tuất, dễ dàng tiến vào đô thị lớn.

Nhâm Tuất là ngày Long xuất thương hải. **Thơ viết:**

*Thân tọa hỏa khổ thủy đắc phúc,  
Tây hành đông yếu người gian khổ.  
Tráng sĩ khó nâng đến mây xanh,  
Say nhìn thiếu nữ cùng hát ca.*

Tháng Tý, có tật. Tháng Sửu, quý hiển. Tháng Thân, Kiều Ấn, Kiếp tài, thân nhân khó bảo toàn. Tháng Dậu, Ấn thụ, văn ấn cùng đến. Tháng Dần, hợp, phát sinh vinh quang. Tháng Mão, tổn danh, khác đường thì vinh hiển. Tháng Tị, anh hào thấu phát. Tháng Ngọ, song thân quý hiển. Tháng Thìn, Thanh Long bay nhảy. Tháng Hợi, bất lộc.

+ Nhâm Thân: Khí thế can chi nằm ở kim thủy tương sinh, nạp âm là Kiếm Phong kim, đao quang kiếm ảnh, Nhâm thủy cực vượng. Nhâm thủy thân tọa trường sinh, thái vượng, chủ nhân hiếu động bất phục. Nam mệnh can đảm liều mạng đấu tranh, không có kết quả tốt. Nữ mệnh trọng võ hiếu đấu, có phong cách nam tính.

Nhâm Thân là ngày Bạch Hổ vượt sông. **Thơ viết:**

*Mệnh như Bạch Hổ vượt trường giang,*

*Rất sợ mưa gió phông giang thủy.*

*Bước vào sáng rục đất bình nguyên,*

*Cành vàng lá ngọc bồi bên thân.*

Tháng Tý, Kiếp tài, hợp thủy, cả đời bôn ba, bần. Tháng Dậu, thiên vượng, mang tật, cô đơn. Tháng Hợi, hình, phá tài, thấy Quan tinh, đại phú. Tháng Sửu, Quan tinh, hành Tài vận, thanh tú, lộc quý. Tháng Dần, Mão, Thực vượng, phú quý song toàn. Tháng Tị, Ngọ, thân tọa Học Đường, danh lợi có đầy. Tháng Thân, Dậu tài bạch tiến thoái. Tháng thổ, quý.

+ Nhâm Ngọ: Bề ngoài có khí thế là thủy khắc hỏa, trên thực tế là lúc Nhâm thủy nhược, Nhâm cùng Đinh ở trong Ngọ hợp. Trụ ngày Nhâm Ngọ, tọa dưới Tài Quan, không có tạp khí, đa số chủ quan quý, Đinh Nhâm hợp Tài, chủ được thê tài hoặc là nhờ vợ làm giàu. Nhưng Nhâm Ngọ không bằng Quý Tị, Quý Tị là Tài Quan song mỹ không có tạp khí, lại là ngày Nhật quý. Ngoài ra, Nhâm thủy cái đầu có họa yếm hỏa, cho nên tuy có quan quý, cũng khó tránh hời nhấp nhô.

Nhâm Ngọ là ngày Hoa Hồng liễu lục. **Thơ viết:**

*Lộc Mã mời nhau vào thượng giới,*

*Hoa hồng Liễu xanh che cao đường.*

*Xuất Khuyết tối hi hàm Ngọc quan,*

*Nghìn dặm xa xôi Nhận bắc di.*

Tháng Tý, Nhật Nguyệt xung, lập gia bên ngoài, khó đoàn viên.

Tháng Sửu, Lộc vượng, quý. Tháng Dần, quý mà đa tật. Tháng Mão, phú quý song hiển. Tháng Tị, tài vượng, hi Án địa. Tháng Ngọ tự hình, yếu tật, Tị Kiếp phù, cát. Tháng Mùi, đại phú. Tháng Thân, Dậu, đề cử Trạng nguyên. Thổ vượng tứ quý, chủ quyền. Tháng Hợi, thân vượng, tài vượng.

+ Nhâm Thìn: Khí thế can chi nằm ở tọa khố thông căn, trụ ngày Nhâm Thìn, thân vượng, tọa dưới có Kiếp tài sinh Thực, Thực thần chế Sát, thân vượng dụng Sát. Nạp âm là Trường Lưu thủy, khí thế có trợ thân vượng kháng Sát, chủ quý. Ngày Nhâm Thìn là Nhâm kỵ Long bồi, sinh giờ Hợi, là Long quy đại hải, chủ đại quý, giờ Ngọ là Long tử

là Hạ đấng.

Nhâm Thìn là ngày Sơn lưu thủy trường. **Thơ viết:**

*Giang thủy lưu danh đẹp như họa,  
Tiếng than Đỗ Quyên ở khe núi.  
Dưới trăng cười ngựa đi bình xuyên,  
Mỗi ngày ném tặn hoa Mẫu đơn.*

Tháng Tý, trong thành có bại, nhiều hung. Tháng Sửu tháng Thìn Tuất Mùi, đều quý. Tháng Dần, Thực vượng, là Nhân kỵ Long bối, lưu danh, tài vượng. Tháng Mão, người thanh nhã. Tháng Tị, Ngọ, trang viên rộng rãi. Tháng Thân, bốn ba, chạy khỏi quê hương vậy. Tháng Dậu, hợp, có danh văn chương, tài tử. Tháng Hợi, chủ nắm quyền.

+ Nhâm Dần: Khí thế can chi nằm ở thủy mộc tương sinh. Trụ ngày Nhâm Dần, tọa dưới Thực thần sinh Thiên Tài lại sinh Sát, lại là Nhân kỵ Hồ bối, chủ phú quý song toàn, can chi tương sinh, gia đình viên mãn. Nhâm Dần nạp âm là kim, hư bạc, nhưng có thể tiếp nạp kim khí.

Nhâm Dần là ngày Phúc lộc. **Thơ viết:**

*Hồ được thiên hà uy dương danh,  
Giống như Hồ báo xuất sơn cương.  
Lộc đến trường sinh Quan đắc địa,  
Cửu trọng vũ lộ mộc chu y.*

Tháng Mão, phá tài, có thành có bại. Tháng thổ, cát. Tháng Ngọ, Chính Quan, vinh hoa hiển quý. Tháng Thân, xung, thân cô, người bốn ba. Tháng Dậu, phong lưu tài tử. Tháng Tuất, Tài vượng. Tháng Hợi, Tài có căn, phú mệnh. Tháng Tý, vì tài có phá. Nhâm thấy Dần là Thực thần, là ngày phú quý song toàn.

**Đệ thất giảng: Trời quang hộ Ngọc Lan, Lưng Rồng chó xem thường**

**Nhâm thủy hoa như.**

Nhâm thủy thông hà, chu lưu không ngừng. **Thơ viết:** Nhâm kỵ Long

bồi hỉ phi thường. Long tức là Thìn, là khó thủy. Tinh thần Nhâm thủy là chảy dài không ngừng, nếu như thiếu khuyết nguyên đầu hoạt thủy, như vậy thì Nhâm thủy không có thể thực hiện ý nguyện của mình. Thìn Long vừa đại biểu thủy khó, cũng đại biểu biển cả. Cái gì là nguyên đầu Nhâm thủy? Canh Tân kim, cứ Canh tuyệt địa dụng Tân làm nguyên đầu, Tân không đủ dùng thì phối Kỷ thổ. Kỷ thổ là mây, bao gồm nguồn nước vô cùng vô tận. Cho nên, nam nữ là Nhâm thủy, đa số Kỷ sinh Canh Tân con trai. Cũng rất nhiều nữ nhân sinh con là một loại nguyên nhân "Bản thân thực hiện".

Hoạt thủy có nguyên đầu đều xưng là Nhâm thủy, người Nhâm thủy vượng có tính cách rất đột xuất chính là có chủ kiến, tấm lòng rộng rãi, cái gì tạp vật của hắn đều có thể nhận được. Người Nhâm thủy vượng làm việc sẽ không dễ dàng ngưng nghỉ, cá tính không muốn quay đầu trở lại lại tỏ ra cố chấp hoặc "Ngu xuẩn". Nhâm thủy vượng, dễ dàng phóng đảng, rất muốn phối hợp cùng người Mậu thổ, nhất là Mậu thổ dựa vào ở thủy, thủy có sâu bao nhiêu, thì Mậu thổ dày bấy nhiêu. Nhâm thủy vượng có Mậu phối hợp, sự nghiệp hơn phân nửa là có thành công. Bản tính Nhâm thủy là lưu động, Mậu thổ có công ngăn cản thủy phiếm lạm, nhưng Mậu thổ cũng là núi lớn ngăn cản thủy chảy, nếu như Nhâm thủy lại không có chỗ tòng theo khí thế, lại sẽ di chuyển theo hướng trái nghịch. Chính là Thể tượng nói: *Can chi tụ nhiều thành phiêu đảng, hỏa thổ cùng đến thương bản nguyên.*

VD 1, *Cần tạo*: Nhâm Thìn - Canh Tuất - **Nhâm Thìn** - Mậu Thân.

Sinh ngày 27/10/1892.

*Đại vận*: Tân Hợi, Nhâm Tý, Quý Sửu, Giáp Dần, Ất Mão, Bính Thìn, Đinh Tị, Mậu Ngọ.

4 tuổi khởi vận.

Nghe nói đây là bát tự của Trần Quả Phu.

*Nhâm kỵ Long bồi*. Nhâm Thìn, Canh Tuất đều là Khôi Cương, Khôi Cương hỉ vượng mà sợ nhược. Mệnh này Mậu thổ thấu xuất, có tổn thương bản nguyên Nhâm thủy, Nhâm thủy khó tránh Sát tinh chế

ước. Canh kim thâu can sinh Nhâm thủy, Canh kim đắc Lộc, đại biểu Canh được thơm lây nhiều, Canh chủ biến cách, mệnh chủ chính là sinh ra ở thời kỳ xã hội thay đổi lớn. Người Nhâm thủy rất thẳng thắn, cần giúp đỡ mà lẩn Tài tinh. Nghe nói người này vì quá thanh liêm, tấm lòng cũng rất khoan dung. Trước 34 tuổi hành bắc phương thủy vận, Nhâm thủy vượng địa, làm việc thuận theo mệnh trời. Sau 34 tuổi hành đông phương vận, tiết thủy bất lợi cho mệnh cục. Thăng quan phát tài đều là theo đường hỏa thổ, cùng bản thân Nhâm thủy yêu thích là trái nghịch, có tổn thương bản nguyên. Nghe nói, mệnh chủ chết ở cuối Bính vận, đầu vận Thìn, đúng là lúc hỏa thổ cùng đến, khi tuổi chưa đầy 60.

### *Kim bạch thủy thanh*

Nhâm thủy cao quý hơn ở kim bạch thủy thanh. Nhâm thủy tháng 8, rất có đủ điều kiện kim bạch thủy thanh. Thế nhân đều lấy Tài Quan danh lợi làm trọng, duy chỉ có kim bạch thủy thanh thì danh lợi rất đạm bạc. Mặc dù hẳn xem nhẹ danh lợi, nhưng thành tựu của nó thường luôn hết sức cao, người bình thường đối với bọn họ chỉ có thể là ngắm họ ở sau lưng, giữa mặt nhìn núi cao. Ở trời thành tượng, ở đất thành hình, kim bạch thủy thanh vốn là một loại mỹ cảnh trong tự nhiên, nhân mệnh được thì tất là quý. Kim bạch thủy thanh thì giống như trăng rằm trung thu.

VD 2, Một phép xem liên quan đến Nhâm kỵ Long bối:

*Cần tạo:* Canh Dần - Canh Thìn - **Nhâm Thìn** - Giáp Thìn.

Có thể dùng hay không? Tam Mệnh thông hội nói ngày Nhâm Thìn giờ sinh Giáp Thìn, lại sinh tháng Thìn, là Nhâm kỵ Long bối cách, mệnh chủ đại quý.

Phàm người sinh ra ngày Nhâm Thìn, trụ ngày Nhâm Thìn, chi ngày Thìn ở trong 12 cầm tinh thuộc Long, Nhâm tọa Thìn, cho nên viết là Nhâm kỵ Long bối.

Cách cục này, lấy trong tứ trụ thấy nhiều Nhâm Thìn, Nhâm Dần là

tốt. Quý là ở trong có nhiều chữ Thìn, phú thì ở trong có nhiều chữ Dần. Nếu như thuần thấy 2 chi toàn là Thìn và Dần, mà không có những địa chi khác xâm tạp tiến vào, đó là phú quý song toàn.

**Kinh nói:** "*Dương thủy trùng điệp vị trí Thìn, là đất Nhâm kỵ Long bối vậy.*" Loại cách này đại kỵ Quan tinh thịnh vượng, nếu thấy Tuất và Thìn xung, cũng không phải là phúc.

Các bạn hỏi tôi là có thể dùng hay không, lý do hỏi là ở trên là có một cặp lý luận. Trải qua mấy ngày tham khảo, nói chung là có một vài nguyên tắc. Sau đây là phần trả lời:

Trước đây tôi sáng tác 《 **Mệnh Lý huyền cơ tham bí** 》 ở chương thứ 8 có đề cập đến "**Căn âm dương ba đời**", tất nhiên sinh sản giờ sinh bát tự tuyệt đại đa số là phù hợp có hai đặc điểm từ Tổ thượng, Phụ mẫu đến mệnh chủ là "*Khí thế Ngũ hành vận chuyển*" và "*Ngày giờ cách cục giống nhau*". Bởi vì con cái là cha mẹ cùng đời trước kéo dài ra mệnh sống con người. Như vậy, lý do chọn ngày sinh sản, tôi cho rằng đầu tiên vẫn là phải tận lực thuận theo lẽ tự nhiên, chỗ chọn giờ sinh tranh thủ cùng tổ tiên cộng hưởng hài hòa sinh mệnh. Ở trên cơ sở đảm bảo bình an lại xem xét phú quý, trước là tranh thủ đủ cả hai bên, không thể bảo đảm tất cả bình an. (không luận đối diện với thiếu số cá biệt con người nhất định phải phú quý ra)

Tiếp theo là, phương pháp luận mệnh bát tự không phải sinh sản tự nhiên cùng bát tự sinh sản tự nhiên là như nhau. Thời gian đứa bé sinh ra đều là Tiên thiên buông tượng, Hậu thiên sẽ lần lượt hoàn thành chỗ Tiên thiên buông tượng, chỉ có biến hóa ở một vài bé nhỏ cục bộ tồn tại. Đại tượng tiểu tượng ở trong bát tự, thông thường đều sẽ ở trong quá trình cuộc sống đằng sau từng bước biểu hiện ra ngoài, chỗ này nguyên nhân chủ yếu hẳn phải là một mực ứng dụng mệnh lý học có đủ lưu truyền lại. Nhân tạo chọn ngày sinh sản, đối với gia đình có điều kiện mà nói cũng không mất là một phương pháp cải biến mệnh vận hậu thiên. Có thể thay đổi bao nhiêu, cải cát và cải hung đương nhiên phải xem phúc phần của chủ nhân hoặc là có tạo nghiệt bao nhiêu. Người bình thường chọn mệnh vương tử, là cát là

hung cũng rất khó nói cho rõ. Người nhà bình thường không có được mệnh vương tử nói không chừng là tốt hơn. Chủ nhân, thầy chọn ngày đều là con người, đều giống nhau là bị ngũ hành không chế, kinh nghiệm cuộc sống nói cho chúng ta biết càng làm cách chuyện thì kết quả là hung nhiều cát ít.

Tiếp theo, nhìn thấy chỗ tốt thì đồng thời cũng phải chú ý đến có chỗ ám tàng chuyện xấu hay không.

*Cần tạo:* Canh Dần - Canh Thìn - **Nhâm Thìn** - Giáp Thìn.

Bạn xem Nhâm sinh tháng Thìn, Canh Giáp cùng thấu, khí số bất phạm, hơn nữa khí số Canh còn có cùng khí thế Thìn nhiều không nghịch, loại người có bát tự này khẳng định là người tài ba, sự nghiệp có thành sẽ thực hiện. Nhưng mà, đầy bàn khắc chiến, Thìn Thìn tự hình, tượng Tiên thiên hình khắc cũng sẽ thực hiện. Lại đem chỗ xấu tốt của bát tự này cầm đến trong Tinh Tông để tham chiếu, thì chúng ta sẽ phát hiện, nó không chỉ có chỗ xấu, càng không đạt đến chỗ tốt.

Người sinh tháng Thìn ở giờ Thìn, tra Mệnh cung ở Dậu, không có cát tinh không nói quý nhân, vẫn là ở xứ bại địa. Lại xem cung Tật ách của nó ở Dần, cung Tật ách không nên vượng không nên thấy quý nhân, vượng và được cát tinh quý nhân chính là một loại phát triển, chỗ này cùng trên mặt chữ ngũ hành là ăn khớp tương đương hình khắc. Mà Mệnh cung, Quan Lộc cung, Phúc Đức cung, Phụ mẫu cung, Tài Bạch cung rất cần có cát tinh quý nhân, nhưng ngay cả hình bóng cũng đều không có.

Cuối cùng, lý luận của cổ nhân là không thể không dụng, cũng không thể hoàn toàn dụng, phải lý giải lý luận cổ nhân trên cơ sở kết hợp xã hội hiện đại và tình huống thực tế bản thân mà linh hoạt vận dụng.

*Cần tạo:* Canh Dần - Canh Thìn - **Nhâm Thìn** - Giáp Thìn.

*Đại vận:* Tân Tị, Nhâm Ngọ, Quý Mùi, Giáp Thân, Ất Dậu, Bính Tuất, Đinh Hợi.

Nhâm kỵ Long bồi hỉ phi thường. Liên quan đến ngày Nhâm Thìn là "Nhâm kỵ Long bồi", đích xác là có thuyết pháp này, nhưng hàm nghĩa sâu xa thì không thể biết được. Phép xem của tôi là, Nhâm thủy chủ lưu động, cần phải lưu động nhưng lại không thể phiếm lạm thành tai. Trong Thìn có thủy có mộc còn có thổ, hoặc gọi là tọa khổ thông căn, trụ ngày Nhâm Thìn, thân vượng, tọa dưới có Kiếp tài sinh Thực (Ất mộc Thương quan), Thực thần chế Sát, thân vượng dụng Sát, nạp âm là Trường Lưu thủy có trợ thân vượng kháng Sát, chủ quý. Nhưng vấn đề là Nhâm thủy tất phải vượng, chính là hội chỗ bổ sung phía sau? **Kinh nói:** "Dương thủy điệp phùng Thìn vị, là đất Nhâm kỵ Long bồi vậy." Tọa này mặc dù là thuận kiến Dần Thìn, nhưng cũng không phải là dương thủy trùng điệp. Điều kiện Nhâm kỵ Long bồi không thành thực.

Lại xem giờ sinh là Giáp Thìn, Thực thần chế Sát, thủy thổ giữ gìn tốt đẹp, 10 có 8,9 là thành tựu. Hỏi chuyện dường như muốn tán thưởng giờ Giáp Thìn này, như vậy đương nhiên có liên quan cùng Giáp kiện vượng. Nhưng mà chúng ta kết hợp vận trình của nó để xem, thanh thiếu niên có vận Nhâm Ngọ, Quý Mùi, trung niên có vận Dậu, Bính Tuất, Nhâm thủy nhược không vượng, hỏa thổ cùng đến là tổn thương bản nguyên. Thời kỳ thanh niên Giáp mộc từ Tử địa đến Mộ địa, Giáp mộc là không có sức sống. Dụng Giáp mà Giáp nhập mộ, thầy mệnh lý có kinh nghiệm nhất định là lĩnh hội được, đó là trắc trở cỡ nào. Ngọ đến Quý, Mùi đến Giáp, Dậu đến Bính có ba vận mệnh vận xoay khảm, nhất là vận Bính Tuất có một Tuất xung 3 Thìn, muốn qua cửa khẩu nhiều như vậy, tôi nghĩ giá tiền là không thể tưởng tượng. Có người nói bát tự có Canh nguồn phát thủy, Nhâm thủy thì không phải vượng sao? Tháng 3 Canh kim, địa chi không có một chút kim khí, Canh kim đề khởi đến toàn là Ất mộc Thương quan, nhìn không thấy Thương quan lại vượng không thể cản, chỗ này trước tiên là nói chỗ đây bàn hình khắc lại còn nhất trí.

Có bát tự phá tướng, đại cách có thể giải, tra khắp 108 đại cách trong 《 **Lan Đài diệu tuyên** 》, miễn phí câu Hồ ngọa đòi hoang.

Phân tích đến đây, đối với khóa này tôi đa là tôi chỉ có thể nói hấn có tốt mà không may.

## 10. Phần Quý thủy

***Đệ nhất giảng: Ở trời là mưa xuân, ở đất là nước suối.***

### ***So sánh Quý thủy.***

Quý thủy ở trên trời là mưa xuân, ở đất là nước suối, đều là ở trên trọng mô tả Quý thủy. Quý ở trên thân người là thận, thận ở thất eo lưng, hai bên trái phải có một quả, công năng chủ yếu là tàng giữ tinh, chủ sinh trưởng phát dục và sinh dục, là thủy, chủ nạp khí. Chủ xương sinh tủy, ở phát sáng, thông với tai và bộ phận nhị âm (sinh dục), cùng trong ngoài bàng quang.

Nhâm là vật vận hóa ở Hậu thiên, Quý vốn là sinh mệnh Tiên thiên. Trung y cho rằng, thận chủ nạp khí, phế là chủ khí, thận là căn khí, bình thường hô hấp là do hợp đồng phối hợp giữa phế và thận mà hoàn thành. Thận khí không đủ, không có quyền thu nạp, thì sẽ xuất hiện hô hấp cấp bách, thường xưng là trung khí không đủ. Quan hệ Phế và Thận mật thiết, có thể suy ra, Quý thủy rất thích Tân kim.

Cô gái lâu đầu tới kỳ kinh nguyệt, cũng gọi là đến kinh nguyệt, tức là biểu thị đã thành niên. Quý là "Kinh nguyệt", Quý chính là Quý thủy. Quý thủy ở trên thân thể nam nữ đều có thể hiện, hỏa mệnh môn con người thực ra là thận dương, cũng là chỗ thuộc Quý thủy.

Thực thể Nhâm Quý đều là thủy, nhưng Quý thủy tương đối khá nhược. ở trên thân con người, Quý thủy đại biểu những thứ thủy tinh hoa hữu danh vô danh, mà Nhâm thủy bao gồm cả nội dung Quý thủy. Quý thủy nhiều cũng khởi lên lưu động, một tính chất lưu động chính là Nhâm thủy. Trong tự nhiên, Nhâm thủy cuộn cuộn chảy dài không ngừng; Quý thủy lại là thủy có hạn, đặt ở trên chỗ nào thì thành hình trạng đó. Cho nên, Quý thủy đều khá nhu hòa, nhân

duyên khá tốt.

*VD 1, Càn tạo:* Nhâm Dần - Quý Sửu - **Quý Dậu** - Nhâm Tuất.

Tạo này là một cán bộ nhỏ, quần chúng và lãnh đạo đối với hắn đều rất tín nhiệm, nguyên nhân chủ yếu là bởi vì hắn khá là chăm chú, phân phối bất cứ công việc nào đều có thể cùng quần chúng phối hợp hoàn thành tốt. Rất sớm tôi đoán hắn không thể uống được quá nhiều rượu, rượu là loại nước, nhiều một chút, thì Quý thủy biến thành Nhâm thủy, Nhâm thủy động đặng, khó mà thu giữ, đến lúc sẽ không thể khống chế bản thân. Sau có nghe vì uống quá nhiều rượu mà mắc tội với người, bị đình chức mấy năm.

*VD 2, Càn tạo:* Tân Mùi - Nhâm Thìn - **Quý Mão** - Nhâm Tý.

Người này xuất thân là đại địa chủ, nghe nói cha là cải cách ruộng đất bị trấn áp, nhưng bản thân hắn lại là đảng viên cộng sản. Cũng không phải hắn là đại nghĩa diệt thân, mà là bởi vì bốn phận của hắn, cùng người chung quanh rất dễ dàng hòa thành một khối. Ở trên mệnh lý, lúc nhỏ là hạn thổ, hành là vận mộc. Nhâm thủy bị chế tiết, Quý thủy lấy nhược luận, Quý thủy liền thành một loại tinh hoa. Xác thực, đang lúc xã hội thiếu khuyết phần tử tri thức, mệnh chủ xuất thân địa chủ đọc qua sách, là người lão thành, được hợp ý lãnh đạo tổ công tác, tham gia công tác, còn vào đảng. Lúc tuổi trẻ công tác rất xuất sắc, giấy chứng nhận biểu dương cũng không ít. Nhưng mà rốt cuộc không kháng cự vận mệnh, lúc trung niên hành bắc phương thủy vận, vẫn là điều cán bộ xuống nông thôn, sau chứng thực chính sách lại phục chức. Chỗ khác nhau là, về già hành kim vận, hạn ở Nhâm Tý, Nhâm thủy hỗn Quý thủy, thân nhân có chút sợ hắn hồ đồ.

Lúc Nhâm thủy thụ chế (bao gồm cả hợp) người Quý thủy cũng có một vài đặc điểm.

*VD 3, Khôn tạo:* Canh Tý - Mậu Dần - **Nhâm Thìn** - Đinh Mùi.

Tạo này nhật nguyên Nhâm thủy cũng không vượng, bởi vì sinh mùa

xuân còn có Mậu thổ chế ước, tính cách người này mặc dù có mặt hiếu cường, nhưng nhân duyên tốt, thời gian làm việc cùng với thượng hạ cấp đều có quan hệ xử lý tương đương tốt. Sau khi hạ cương bản thân kinh doanh, đều khá thành công.

VD 4, Giáp Thìn - Bính Tý - **Nhâm Tý** - Giáp Thìn.

Tạo này Nhâm thủy hiển nhiên rất vượng, nhưng bởi vì có Thìn khổ thu vào, Nhâm thủy cũng không động đặng, Nhâm thủy không động đặng thì tính cách cũng có thể lấy Quý thủy xem. Quả nhiên, người này khá nhu hòa, cùng bạn bè đồng sự quan hệ khá tốt, cho dù đối mặt khốn cảnh, cũng có thể nghịch chuyển thành thuận.

Mặc dù Nhâm thủy có lúc có thể lấy Quý thủy để xem, nhưng nó tất không phải là Quý thủy, lưu động là bản tính Nhâm thủy, Quý thủy là lấy khí hóa làm căn bản. Ở VD 3 phía trên và VD 4 là Nhâm thủy có chế, đa số thời gian hiển thị đặc điểm là Quý thủy, nhưng lúc khởi thủy vượng thì lại hoàn nguyên thành Nhâm thủy. Loại tình huống đó tương đối càng cát lợi chứ? Tôi cho rằng cục diện trở thành Quý thủy khá tốt, bởi vì Quý thủy là thủy tinh hoa, trời sinh là có quý khí, Nhâm thủy quá động đặng, chỉ hư danh hư lợi.

Nhược điểm Quý thủy là khá bảo thủ, nhất gan mà tiết kiệm. Như thân nhược tất là hướng nội, cũng có chút âm trầm, sắc mặt màu đen, nhật nguyên Quý thủy phải đặc biệt cẩn thận chỗ thân nhược sẽ mang đến tật bệnh. Cả hai VD 3,4 có khuôn mặt đều không trắng.

**Sách nói:**

*Quý thủy chí nhược,*

*Đạt đến thiên tâm.*

*Đắc Long nhi vận,*

*Công hóa tư thân.*

*Không sâu hỏa thổ,*

*Bát luận Canh Tân.*

*Hợp Mậu kiến hỏa,*

*Hóa tượng tư chân.*

Quý thủy còn gọi là trời nước dải, là thủy tinh hoa trong tự nhiên. Mưa móc làm dễ chịu và mầm vươn khỏe, rất nhiều học giả đều đem Nhâm thủy ví là thủy giang hà, còn Quý thủy ví là thủy mưa móc, nhưng tôi cho rằng Quý thủy là bộ phận nước tinh hoa trong tự nhiên. Thìn nhìn từ cơ chế sinh lý ở bên trong cơ thể con người, Quý thủy vốn là thận, thận tàng phách, phế tàng hồn, là một bộ phận hồn phách của con người. Quý vốn là sinh mệnh Tiên thiên, người Quý thủy tựa như có nhân quả Tiên thiên. VD như cố nhân Tô Đông Pha chính là người Quý thủy điển hình, ở trong câu chuyện nói về ông, khắp nơi có thể thấy ông ấy giao tiếp và có tài văn chương, cùng với ý thức tiềm ẩn ở kiếp trước là cùng một nhịp thở. Điện ảnh Thành Long siêu sao ở HongKong, chính là người Quý thủy điển hình, giao tiếp giống như Hoàng Thái tử, tập hợp vạn người sủng ái ở bên thân, truyền kỳ cả đời.

Cách cục tối cao của Quý thủy là hợp Mậu hóa hỏa, Quý thủy đến từ Tiên thiên, có công năng hóa khí rất tốt, loại hóa khí này chính là đem vật chất phổ thông ở Hậu thiên chuyển hóa thành vật chất có năng lượng cao. Khí hóa Quý thủy cũng không khó, cùng Mậu hội hợp, thấy một hỏa liên dẫn hóa. Cho nên, Quý thủy vượng đặc biệt thích hỏa. Mọi người đều biết, tháng Tý là Quý thủy vượng địa, người sinh tháng Tý nói là dụng hỏa điều hậu chỉ qua là một phương diện, một chỗ trọng yếu khác chính là Quý thủy hi hỏa, Quý thủy không thấy hỏa thì rất khó thực hiện nguyện vọng hóa khí. Nếu như bạn là người sinh tháng Tý, Quý thủy nắm lệnh, thần nắm lệnh này không thể không sắp xếp tốt. Như thế nào là sắp xếp tốt? Yếu tố thứ nhất chính là cần hỏa, thấy hỏa thì dễ dàng phát đại dương quang. Rất nhiều người bẩm sinh thông minh, lúc lên lớp học lúc thi cử trọng yếu thường luôn phát huy không tốt, bằng cấp không cao, chính là bởi vì trong bát tự khuyết hỏa.

*Tháng giêng Giáp mộc Bính Quý tề*, đây là Quyết khí số của Giáp mộc tháng giêng. Giáp mộc là tượng trưng sinh khí cho tất cả, tháng giêng chính là lúc sức sống vạn vật bùng phát, mà duy chỉ có hai yếu tố bảo hộ một luồng sinh khí này trọng yếu nhất chính là Bính Quý. Làm sao mới có thể duy trì bảo hộ tốt, Bính Quý cùng có mới tốt. Có Bính không có Quý, cùng có Quý không có Bính đều là khí số bất toàn, tầng lớp đều phải giảm bớt nhiều. Lý giải khá tốt là Quý thủy làm dễ chịu, Bính hỏa thì chiếu ấm, nhưng trong quá trình thực tế là Bính hỏa bang trợ Quý thủy thực hiện tác dụng hóa khí của nó, chứng thực hoàn thành quá trình thủy sinh mộc.

Quý thủy là tinh hoa trong thủy, công dụng lớn nhất là nó có tác dụng hóa khí. Quý thủy hóa khí không ly khai khỏi Mậu thổ, chỗ này cũng chính là chỗ người Mậu thổ cũng rất thích người Quý thủy. Thông thường mà nói, bang trợ người khác hoàn thành một loại lý tưởng là một sự kiện rất cao quý, Mậu thổ thích Quý thủy thì có cảm giác loại thành công. Mậu Quý hợp, già phối trẻ. Quý thủy có rất nhiều chỗ khả ái, tình cảm phong phú, làm việc tế nhị. Chẳng qua bởi vì tình cảm quá phong phú, thường bỏ qua hiện thực, đem hiện thực nghĩ đến quá lý tưởng, dễ dàng bỏ qua rất nhiều cơ hội tiến thủ, nhất là nữ giới Quý thủy. Nữ có Quý thủy rất dễ dàng dụng sự tình cảm, dẫn đến hôn nhân bất thuận. Nữ có Quý thủy ở phương diện hôn nhân còn có một đặc trưng rất rõ, chính là thích bạn nam có tuổi lớn hơn mình.

*Khâm cung Nhâm Tý Quý, Bắc phương có Quý thủy*. Rất nhiều người cần thủy, đều sẽ có khuynh hướng đi về phía bắc làm ăn, đây là do bát tự tác quái. Một vị thương gia bị phán định chết ở đại vận hỏa, ly khai khỏi HongKong, đến Bắc Kinh ở lâu dài, lấy phương vị đến mang Quý thủy nhập mệnh, cai thuốc cai rượu (là hỏa vậy), kết quả hiện tại 10 năm, vẫn còn có tin tức của hắn.

Quý thủy cũng có một mặt nguy hại.

VD 5, *Cần tạo*: Quý Mùi - Giáp Tý - **Đinh Mùi** - Canh Tý.

Tạo này sinh ở tháng Tý, Quý thủy thấu ra can năm. Quý thủy này vừa sinh Giáp mộc cũng dễ dàng làm đóng băng tổn thương Giáp mộc, Giáp mộc bị tảng băng tổn thương sẽ còn truyền nhiễm cho Đinh hỏa, kết quả bản thân có họa lao tù, đây cũng gọi là Thấp Giáp thương Đinh. Quý thủy đóng băng Giáp ở môn hộ, có thể đoán trong nhà có người tàn tật. Lúc đầu tôi cho là mẹ của hấn, kết quả mệnh chủ trả lời không phải là mẫu thân, mà là chị gái.

VD 6, *Cần tạo*: Quý Mão - Giáp Tý - **Quý Mão** - Nhâm Tý.

Tạo này Quý thủy cùng sinh ở tháng Tý, Quý thủy đóng băng Giáp càng lợi hại. Hấp thu dạy dỗ ở VD trên, tôi đoán tạo này chị gái Tiên thiên có tàn tật, quả đúng như vậy. Tạo này toàn là thủy mộc, không có hỏa. Đi học bình thường thành tích tốt, kết quả chỉ đi thi trung chuyên. Quý thủy vốn là tinh hoa trong thủy, đáng tiếc là Nhâm thủy hỗn浊 Quý thủy.

Có mộc tiết thủy, nhìn bề ngoài, giống như là nhân tài, thực tế càng đến càng vô lý, đây là ứng ở trong 《 **Nguyệt Đàm Phú** 》 có một câu nói: *Tý Mão tương hình môn hộ, toàn vô lễ đức.*

**Đệ nhị giảng: Thế tượng luận biến hóa, Hoặc là mưa cũng có thể tạnh**

**Thế tượng Quý thủy.**

Trường giang cuộn cuộn thủy đi đông, cành hoa đến tận anh hùng. Đem thủy trường giang xem như Nhâm thủy, cành hoa chính là Quý thủy. Đem trời mưa xem như Nhâm thủy, dưới lộ chính là Quý thủy, Nhâm Quý thủy là một dương một âm, một lớn một nhỏ, một nhiều một ít, đều giữ chức vụ, đều có thể tượng. Nhưng mà, 《 **Thập Can Thế Tượng toàn thiên** 》 luận Quý thủy có một câu thơ nói: *Quý thủy*

ứng không xem mưa móc, thông căn Hợi Tý là giang hà. Thủy Giang hà không phải là Nhâm thủy sao? Đúng, lúc Quý thủy vượng hoặc lúc khởi nhiều, thì nó tất nhiên sẽ lưu động, khởi lưu động tức là hình tượng Nhâm thủy.

《 **Thế Tượng** 》 lại nói: *Trụ không Khôn Khảm thân vẫn nhược, cục có Tài Quan không còn nhiều*. Không còn nhiều chính là chỉ Quý thủy lúc thiên nhược, bất tất hỏa thổ phải rất nhiều. Quý thủy là tinh hoa trong thủy, nếu như trong bát tự không có Thân kim và Hợi Tý Sửu, Quý thủy đều lấy nhược luận. Quý thủy lúc nhược, không cần phải có rất nhiều hỏa thổ, hỏa thổ tức là Tài Quan, hỏa thổ thiếu chút quý khí trái lại lớn, đây thì là luận ở dưới tình huống thông thường. Quý thủy thấy ít Mậu thổ ở dưới dẫn hóa của Bính hoặc Đinh thì có thể hóa khí, hóa khí là một lý tưởng của Quý thủy. Có thể hóa khí, thì tầng lớp Quý thủy không giống như bình thường. Quý thủy lúc nhiều mà vượng, cũng cần thổ dày để bao vây, Quý thủy nếu đi theo Nhâm thủy bên lưu, đó là một loại đọa lạc.

《 **Thế Tượng** 》 tiếp tục nói: *Thân Tý Thìn đủ thành thượng cách, Dần Ngọ Tuất phải được trung hòa*. Quý thủy gặp đến địa chi Thân Tý Thìn, mặc dù lấy vượng luận, nhưng mà là một loại tượng thuần khiết. Nếu như chỉ thấy Thân Tý mà không có Thìn, Quý thủy vẫn dễ dàng vượng quá đầu. Nếu như là Thìn Tý phối hợp, thông thường Quý thủy không lấy vượng luận, bởi vì thiếu khuyết nguyên đầu, nhưng Quý thủy lúc này cũng không thể lấy nhược luận. Thân Tý, Tý Thìn và Thân Tý Thìn, nếu như bạn xác thực phải đem ba loại tình huống Quý thủy vượng suy này mà lấy làm so sánh, tôi cho rằng tổ hợp Thân Tý khiến cho Quý thủy là vượng nhất. Nói Thân Tý Thìn đủ thành thượng cách, thực tế là chỉ Quý thủy được một cục diện thuần khiết. Quý thủy là thủy tinh hoa, thuần khiết đương nhiên là tốt. Còn có một loại biến hóa tương tự, chính là Quý thủy gặp đến địa chi tam hội Hợi Tý Sửu, tôi cho rằng lúc này Quý thủy cũng là một loại cát tượng, cùng cách cục Thân Tý Thìn đủ không phân trên dưới.

Quý thủy cũng có thể hội ngộ đến tình huống địa chi Dần Ngọ Tuất

tam hợp hỏa cục. Đầu tiên, loại tình huống này muốn sắp xếp tốt hỏa cục, tam hợp hỏa cục là một loại khí thế, bất tự có khí thế nhất định trước tiên phải luận thế. Cùng Thân Tý Thìn là một dạng, Dần Ngọ Tuất hỏa cũng là một loại hỏa thuần khiết, lúc này dụng thủy cũng không thể quá nhiều, duy chỉ có hộ hỏa cục so với hoàn thiện khí số của bản thân càng trọng yếu hơn. Quý thủy gặp đến địa chi Dần Ngọ Tuất là một loại cục tượng khó có được, bởi vì Quý thủy cần hỏa đến hóa khí, Nhâm thủy gặp đến Dần Ngọ Tuất tối đa là Thủy Hỏa ký tế. Lúc Quý thủy không thể thành hóa khí, thì tòng thế, lúc thế cũng không tòng, thì lại xem có phải là Thủy Hỏa ký tế hay không.

Quý thủy nhu thuận, mệnh cục nhược sinh ở mùa hạ, thì Quý thủy có tính hai mặt, tòng cùng không tòng đều có thể sống, đây là ưu điểm của Quý thủy. Chẳng qua, có một loại tình huống dễ dàng hỗn hào, chính là hỏa thổ nấu cạn Quý thủy. Quý sinh tháng Mùi, hỏa viêm thổ tảo, đặc biệt là Kỷ thổ nắm lệnh, rất dễ dàng tổn thương đến Quý thủy, cho dù gặp đến Mậu Quý hợp, bởi do nguyên nhân thổ, mà hóa tượng khó thành, thì tình huống Quý thủy gặp không hay. Bất kể là sinh ở chính hạ, chỉ cần không phải là thổ nắm lệnh, lại hành vận tây bắc thì không có lo thái quá.

Dưới đây là 《 **Thế Tượng Quý thủy** 》 hoàn chỉnh:

*Quý thủy không phải ứng vũ lộ,  
Thông căn Hợi Tý tức giang hà.  
Trụ không Khôn Khảm thân vẫn nhược,  
Cục có Tài Quan không còn nhiều.  
Thân Tý Thìn toàn thành Thượng cách,  
Dần Ngọ Tuất phải được trung hòa.  
Giả như hỏa thổ sinh chính hạ,  
Hành trình Tây bắc sao thái quá?*

Quý thủy không ở chỗ nhiều, mà ở chỗ tinh. Quý thủy nhiều, lúc thông căn ở Hợi Tý rất cần Bính hỏa thấu ra, chỉ có Bính không có

Mậu cũng không được, bởi vì Quý Bính giao nhau dễ dàng phát sinh thương tai. Có Mậu hợp Quý, Bính là ở bang trợ Quý thủy hóa khí, đại cát. Trên mạng có một vị lần đầu kiến diện dịch hữu, không biết từ đâu mà lấy được một bát tự muốn tôi xem phú quý bản tiện cho hắn, mục đích đương nhiên là muốn thử tay nghề của tôi.

*VD 1, Càn tạo: Ất Mùi - Bính Tuất - **Quý Hợi** - Quý Hợi.*

Bình thường tôi không thích giao lưu cùng với những người như vậy, bởi vì thời gian khó mà xem tốt được một bát tự. Chẳng qua bát tự này cũng khá rõ ràng, Quý tọa Hợi, hơn nữa có 2 Quý Hợi, Quý thủy nhiều, đồng thời có thiên can thấu ra Bính hỏa. Bính hỏa thấu được rất đúng lúc, thấu Bính chính là tượng trưng quý khí, cộng thêm tháng Tuất, Mậu thổ cũng vượng, tôi không xem xét kỹ liền nói người này không quý cũng phú. Đối phương còn chưa vừa lòng, truy hỏi đến cùng là quý hay là phú, tôi nhìn Bính thấu đặc biệt, quả đoán mà nói, đại phú, nhờ phú mà thành danh. Bởi vì tôi nhìn chăm chăm chết Bính hỏa, Bính là tài của hắn. Lần này đối phương mới tính là vừa ý, hắn nói cho tôi biết nói đây là so với cái rất hay của người? Bát tự. Thực ra bát tự người ngoại quốc cũng không thấy chuẩn xác, lúc đó là tôi dùng tư duy Dịch học để bổ trợ, cảm giác được cái gì thì nói cái đó, xem ra là linh ứng.

*VD 2, Càn tạo: Nhâm Tý - Tân Hợi - **Quý Mão** - Quý Hợi.*

Bát tự này Quý cũng nhiều, nhưng không có thổ, thủy có khí thế, tôi ban đầu bút phê là dựa theo thế thuận mà đi để luận. Người này có thể phát tài sao? Năm nào gần nhất là phát tài chứ? Quý nhiều hỉ Bính, năm Tân Tị và Bính Tuất là tốt nhất. Trước đây luận Tân kim tôi đã nói qua, tạo này Tân kim là bảo bối, sẽ không thất sự bị chìm. Còn có một chỗ đẹp, chính là Tân có thể mời Bính hỏa xuất ra. Nguyên cục không thấy Bính Mậu, Quý thủy là thanh khiết, Bính không bị khắc. Tân ám mời Bính hỏa, tôi đoán hắn không chỉ có thể phát tài,

đồng thời Tài đến còn khá là thần bí, tối thiểu sẽ có chút cảm giác vui sướng.

***Đệ tam thiên: Hoặ Kim bạch thủy thanh, Hoặ Hóa Tượng tư chân***

***Khí thể Quý thủy.***

***Sách nói:***

*Quý thủy chí nhược,*

*Đạt đến Thiên tân.*

*Đắc Long nhi vận,*

*Công hóa tư thân.*

*Không sâu hỏa thổ,*

*Bất luận Canh Tân.*

*Hợp Mậu kiến hỏa,*

*Hóa tượng tư chân.*

*Thiên Tân có 3 cách giải thích:*

1, Ngân hà.

2, Là chi cây cầu Thiên tân.

3, Tên ngôi sao. Sao Nữ phía bắc ở bên trong sao Thất, là Cửu tinh nằm ở phương bắc. Chi nhánh ở dãy sao Ngân hà.

Tục ngữ nói, người luôn hướng đến chỗ cao, thủy luôn chảy xuống chỗ thấp. Con người sinh ở nhân gian, ai cũng nỗ lực thực hiện lý tưởng cao nhất của mình. Căn nguyên nỗ lực là cái gì? Tôi cho rằng trường năng ngũ hành là quyết định nó. Trường năng ngũ hành có chia ra Tiên thiên và Hậu thiên, Tiên thiên là Khí, Hậu thiên là Thế. Khí thuận theo thế thì con người thực hiện lý tưởng không khó; khí cùng thế nghịch nahu, thì nhân mệnh có khốn khó. Ngũ hành bát tự cùng nỗ lực của con người là thống nhất nhau, cách cục tối cao nói chung là can chi ngũ hành ở nỗ lực đạt đến khả năng cho phép. Hiểu rõ khí và thế của bản thân, thì có thể theo đà phát triển, người có thể theo đà phát triển hoặc là thăng quan tiến chức rất nhanh hoặc là

giảm bớt gian nan.

**Lý tưởng cao nhất của Quý thủy là có hai:** Một là, Hợp Mậu hóa hỏa, lúc hóa được chân thì chỉ luận hóa. Lúc chân hóa, là thoát thai hoá cốt. Hai là, Kim bạch thủy thanh. Trước đây có nói qua Nhâm thủy, chuyên môn nói một loại tượng gọi là "Kim bạch thủy thanh", còn Quý thủy vốn là tinh hoa trong thủy, ở dưới tình huống không thể hoàn thành thoát thể hóa thần, lý tưởng cao nhất chính là hoàn thành kim bạch thủy thanh. Nếu như hai loại cục tượng này đều không đạt đến, vậy thì chỉ có thể chấp nhận lấy cân bằng ngũ hành.

*VD 1, Khôn tạo:* Nhâm Tuất - Đinh Mùi - **Quý Mão** - Mậu Ngọ.

*Đại vận:* Bính Ngọ, Ất Tị, Giáp Thìn, Quý Mão, Nhâm Dần, Tân Sửu, Canh Tý, Kỷ Hợi.

4 tuổi khởi vận.

Đây là một bát tự mà tôi đã bình đoán, lúc vừa cầm đến bát tự này, tôi nhìn Quý thủy sinh ở tháng Mùi, thì lo lắng có một loại là "*Hỏa thổ nấu cạn Quý thủy*". Tra kỳ ngũ hành nông sâu, phát hiện là Ất mộc nắm lệnh, cho nên cảm thấy vui mừng. Chỉ cần không phải Kỷ thổ nắm lệnh, thì tạo này có Mậu Quý hợp, là có hi vọng làm cho Quý thủy hoá khí thành công. Ý thức tư tưởng của mệnh chủ cũng sẽ chiếu theo tiêu chuẩn Hóa khí cách mà nỗ lực thành tựu, về sau phê đoán thì lấy hóa khí chân giả, phá tổn để luận cát hung. Mệnh chủ xem rất vừa lòng, sau đó động tác giao lưu lần đầu đó là đưa ra ngón tay cái. Tiếp tục phân tích tạo này, tôi cho rằng kết cục vẫn là Kỷ thổ ở trong Mùi đối với mệnh cục là bất lợi, năm Kỷ Sửu xung vào mệnh, trước là đoán năm Kỷ Sửu có biến động, lại đoán biến động vẫn không chỉ có một lần, cuối cùng sẽ kinh doanh. Tạo này vận trình tốt nhất là đang ở vận Quý Mão, phá mất Kỷ thổ ở trong Mùi chính là ngày phát đạt.

VD 2, *Cần tạo*: Tân Dậu - Bính Thân - **Quý Sửu** - Đinh Tị.

Ở lúc luận Bính đoạt Đinh quang, tôi đã từng dụng qua ví dụ này. Trong tạo này thổ đều bị hợp hóa, Đinh hỏa bức kim sinh thủy, cách thành Kim bạch thủy thanh, công của Đinh hỏa không thể không có. Mặc dù cũng có sợ Bính đoạt Đinh quang, nhưng can năm Tân kim lại có thể khử Bính tồn Đinh, Đinh hỏa đại biểu tư tưởng trí tuệ học thuật của hấn, bởi vì trí tuệ của hấn, cho nên được Minh quân ba lần chiếu cố mời đến, cả đời thành tựu anh danh. Đây là mệnh tạo Gia Cát Lượng. Sau 48 tuổi vận hạn Đinh, vẫn là sợ tồn tại Bính đoạt Đinh quang, nhọc mà vô công. Vừa đến vận hạn chữ Tị, Bính hỏa hợp hóa không hết, bệnh qua đời.

Nhật nguyên Quý thủy này sinh ở đầu mùa thu, không có Mậu thâu can hợp Quý, lại có Tị Dậu Sửu tam hợp kim cục để sinh thủy, Quý thủy tàng khí, đây là một luồng khí kim bạch thủy thanh. Kim bạch thủy thanh tối kỵ là thổ, hay là ở Sửu bị hợp hóa, bao gồm cả Mậu thổ ám tàng cũng không còn tồn tại. Ở chương Nhâm thủy chúng ta đã từng nói qua kim bạch thủy thanh, "Nhâm thủy cao quý chớ quá ở kim bạch thủy thanh. Nhâm thủy tháng 8, rất có đủ điều kiện kim bạch thủy thanh. Thế nhân đều lấy Tài Quan danh lợi làm trọng, duy chỉ có người Nhâm thủy kim bạch thủy thanh rất đậm bạc danh lợi. Mặc dù hấn xem đậm bạc danh lợi, nhưng mà thành tựu của nó thì luôn luôn hết sức cao, người bình thường đối với chúng nó chỉ có thể nhìn ngắm ở phía sau lưng, ngửa mặt nhìn núi cao. Kim bạch thủy thanh là một loại cảnh tượng đẹp, người cùng tự nhiên là như nhau, ở trời thành tượng, ở đất thành hình, kim bạch thủy thanh vốn là một loại cảnh đẹp tự nhiên, nhân mệnh được tất là quý. Bình thường mệnh Nhâm thủy mệnh đều là thuận lưu mà đi. Chỉ có người thuộc loại kim bạch thủy thanh mới có một loại ánh trăng mùa thu là thanh bạch, hơn nữa vĩnh viễn lưu lại cho nhân gian."

Tạo này luận kim bạch thủy thanh, Sửu thổ hiếu là trợ khí, theo chỗ này có thể đoán vợ hấn có dáng mạo không đẹp, nhưng tài năng của vợ thì lại không phải chuyện đùa. Bởi vì tồn tại Tị Dậu Sửu tam hợp,

hóa ký thành hi.

Quý thủy chủ yếu có hai loại đại cách, về phần Tòng Tài, Tòng Nhi, Tòng Sát cũng là cách cục Quý thủy dễ thành, nhưng đều là dựa vào những thế vượng khác để xác định, không thuộc về khí thế bản chất của Quý thủy.

## ***Đệ tứ giảng: Cùng Thông là Bảo giám, Khí số định hi ký***

### ***Khí số Quý thủy.***

#### **Quyết viết:**

*Chính bát Quý thủy Tân hậu Bính,  
Nhị ngũ Quý thủy dụng Canh Tân.  
Tam nguyệt dụng Bính tham Tân Giáp,  
Tứ nguyệt Quý thủy dụng Tân Canh.  
Lục nguyệt Quý thủy phân thượng hạ,  
Thượng dụng bì kiên hạ dụng kim.  
Thất nguyệt Quý thủy nghi Đinh Giáp,  
Cửu nguyệt Quý thủy Giáp Quý Tân.  
Thập nguyệt dụng Tân Đinh ký kiến,  
Đông tịch Quý thủy chuyên dụng Bính.*

Liên quan đến khí số, chủ yếu là có 3 nội dung: Thứ nhất, khái niệm khí số; thứ hai, phép dùng khí số; thứ ba, nhớ kỹ định quyết khí số. Bài này là bài cuối cùng nói về Quyết khí số thập can, trước đã nói, chúng ta lại tiếp tục xét đến 3 nội dung này.

+ Đầu tiên, liên quan đến khái niệm khí số. Thập thiên can ở mỗi tháng trong một mùa đều có yêu thích đặc định của nó, loại yêu thích đặc định này tức là khí số của mỗi một thiên can.

+ Tiếp theo, phép dùng khí số. Đối với chỗ ngũ hành yêu thích của mỗi thiên can nào đó tốt nhất là cũng thấu ra thiên can, nếu như chỗ ngũ hành yêu thích không có, hoặc là ám tàng, vậy thì tầng lớp của người này là phải giảm xuống. Tùy theo chỗ ngũ hành yêu thích

có thiên can Thấu, Tàng, Không có, mà tầng lớp bát tự nhân mệnh cũng tương ứng ở giáng thấp.

Liên quan đến phép dung ở khí số, trước đây chỉ qua là tôi đơn giản nói cho các bạn biết rõ nếu bát tự có khí thế thì trước tiên phải luận khí thế, không có khí thế mới dụng phép khí số để xem. Đây chính là dung để suy đoán niên vận cát hung mà nói. Đã có tồn tại khái niệm khí số này, vậy thì, cho dù là bát tự có tồn tại khí thế, kiện toàn khí số cùng vẫn cứ là có ý nghĩa hay không. Khí số đại biểu tổ chất Tiên thiên của một người, nhưng không nhất định đều phù hợp với xu thế chung, đã có tổ chất Tiên thiên, lại thuận theo xu thế chung của Hậu thiên thì người này tất là có tiền đồ lớn. Khí số không đủ, có khí thế mà thuận theo xu thế chung, đây là bát tự xem rất đơn giản. Khí số và xu thế chung là trái nghịch nhau, dễ dàng dẫn đến nhân mệnh nhấp nhô. Lúc khí số kiện toàn, nhưng lại lúc cùng xu thế chung trái nghịch nhau, thuận theo xu thế chung so với cá nhân yêu thích thoải mái thì càng trọng yếu hơn, thuận theo xu thế chung thường luôn là lối thoát, đây là bát tự xử lý khó nhất. Cho nên, lý giải bát tự của mình, đối với việc chọn lựa con đường cuộc đời, rất có tác dụng.

+ Cuối cùng, liên quan đến định quyết khí số. Định quyết khí số Thập thiên can đến chỗ này là đã nói công khai toàn bộ, vốn là nội dung sẽ phải dùng ở trong 《 **Cùng Thông bảo giám** 》, trước tiên là phải thuộc lòng, vì thuộc lòng tất yếu là có kết hợp để lý giải nguyên văn. Nội dung chủ yếu rút ra của định quyết khí số từ trong sách này là ở trong biến hóa phức tạp, lúc ứng dụng thì quen tay mà làm.

Dưới đây là bắt đầu nói đến khí số của Quý thủy.

*Chính bát Quý thủy Tân hậu Bính*, ý là Quý thủy ở tháng giêng và tháng 8, Tân là khí số thứ nhất, tiếp theo chính là Bính hỏa. Bính Tân cùng thấu ở thiên can, lúc cách vị trí là không hợp, thì người này có tầng lớp cao. Dụng Tân kim là nơi phát nguồn của thủy, khiến cho Quý thủy không khô kiệt. Dụng Bính hỏa một là để khử hàn lạnh, một

là làm âm kim, âm kim tức là ép bức kim sinh thủy. Chẳng qua là vì Quý thủy ở tháng 8 lý tưởng nhất là trở thành kim bạch thủy thanh, khí số kiện toàn mà lại thuận theo thể kim bạch thủy thanh là vi diệu nhất.

*VD 1, Càn tạo: Canh Dần - Ất Dậu - **Quý Hợi** - Bính Thìn.*

Tạo này là Quý thủy ở tháng 8, Tân vượng Bính thấu, mà con ngăn cách, năm tháng Ất Canh hóa khí để trợ Tân, khí số kiện toàn. Bát tự còn có khí thể kim thủy lưu thông, khí số cùng khí thể kim thủy cũng không làm nghịch, kết quả là một Thái Thú.

*VD 2, Tân Dậu - Đinh Dậu - **Quý Tị** - Quý Hợi.*

Tạo này Quý thủy sinh ở tháng 8, Tân thấu Bính tàng, chỗ tổ chất tiên thiên quyết định người này là rất tốt. Hợi mặc dù xung Tị, nhưng thiên can Đinh hỏa là bù đắp lâu dài. Khí số và khí thể kim thủy cũng không làm nghịch, quả nhiên người này có phúc thọ lâu dài.

*VD 3, Càn tạo: Tân Dậu - Đinh Dậu - **Quý Tị** - Tân Dậu.*

*Đại vận: Bính Thân, Ất Mùi, Giáp Ngọ, Quý Tị, Nhâm Thìn, Tân Mão, Canh Dần, Kỷ Sửu, Mậu Tý.*

(1 tuổi khởi vận)

Tạo này cũng là có Tân thấu Bính tàng, khí số bát tự kiện toàn. Tổ chất Tiên thiên vẫn là không tệ, đại học chính quy, thiên tính thông minh. Cùng VD 2 khác nhau là giờ gặp Tân Dậu, thiếu khuyết thể kim thủy lưu hành, lực lượng Đinh hỏa bức kim sinh thủy lại không đủ, có chút kim bạch thủy không thanh. Cho nên lúc trẻ thường có tính cách cực đoan hóa, công năng tim không tốt, vận Ngọ hơi có khởi sắc.

*Nhị ngữ Quý thủy dụng Canh Tân.* Ý là nói tháng 2 và tháng 5 khí số thứ nhất của Quý thủy đều là Canh kim, tiếp là Tân kim. Nhưng tháng 2, tháng 5 dụng Canh Tân có phân biệt rất lớn. Tháng 2 là Ất mộc vượng, chính là lúc xuân phong đặc ý, Ất mộc tiết khí Quý khá là nghiêm trọng, Ất mộc rất thích Canh kim, có thể khởi lên khí Canh

kim, Canh phát thủy nguyên, còn có thể hợp trói Ất mộc. **Sách nói:** *Quý thủy tháng 2, Canh kim cùng thấu, quý ở khoa giáp.*

Quý thủy ở tháng 5, chí nhược vô căn, tất lấy Canh Tân làm gốc sinh thân. Nhưng bởi vì tháng 5 Đinh hỏa nắm quyền, sợ Canh Tân khó địch Đinh hỏa, dụng đồng thời Canh Tân, còn cần có Nhâm Quý đến phụ tá. **Thư viết:** *Quý thủy tháng 5, như Canh Tân thấu can, lại thấy Nhâm Quý, định chủ gia chung đình. Lại có thơ viết:* Kim thủy hội mùa hạ, phú quý vĩnh vô biên, vận hành hỏa thổ địa, vui vẻ như thần tiên.

*Tam nguyệt dụng Bính tham Tân Giáp, tứ nguyệt Quý thủy dụng Tân Canh.*

Tháng 3 kiến Thìn, Quý thủy ở tháng 3 rất dễ thành hóa, được Bính dẫn, thì Quý thủy có thể thoát thai hoán cốt, Bính là khí số thứ nhất. Đặc biệt là trước tiết Cốc Vũ, Mậu thổ hư nhược, Bính vẫn có thể trợ Mậu, nhất cử lưỡng tiện. Sau tiết Cốc vũ, Mậu thổ dễ dàng quá vượng, lại cần phải tham khảo Tân kim và Giáp mộc. Tháng 4 Quý thủy, Tân là khí số thứ nhất, không có Tân dụng Canh. Tháng 4 chuyên khí không phải là Mậu thổ, Canh kim lại được trường sinh, Quý thủy hóa khí trái lại không dễ dàng bằng tháng 3. Lúc này Quý thủy rất dễ dàng bị hỏa thổ nấu cạn, nhưng mà kim phát gốc thủy là trọng yếu đệ nhất, lại được Nhâm thủy ức chế hỏa thổ, mới là tạo cực quý.

*Lục nguyệt Quý thủy phân thượng hạ, Thượng dụng Tỉ kiên Hạ dụng kim.*

Quý thủy tháng 6 rất phức tạp, nửa tháng đầu là Đinh hỏa vượng, cần có Tỉ kiên Quý thủy chế trụ Đinh hỏa; nửa tháng sau là Kỷ thổ vượng, chỉ có thể dụng kim tiến khí, dụng kim cũng chỉ là thuận thế mà làm. Quý thủy tháng 6 nguyên nhân bởi vì Kỷ thổ thái vượng, rất dễ dàng tạo thành cục diện hỏa thổ nấu khôn Quý thủy, nhưng cầu thân an, không nên chỉ ngắm hóa khí, cạn bằng trung hòa là con đường chủ yếu.

Tháng 7 Quý thủy cần Đinh Giáp, tháng 7 Canh Thân tối vượng, Canh kim chủ khí tức sát, là một luồng thế không thể ngăn cản thế cường. Ở trước mặt luồng thế cường mạnh, Quý thủy nhu nhược, là tinh linh trời đất, chỗ đầu tiên xem xét không phải là bản thân, mà là thần nắm lệnh.

*Thu kim sắc nhọn tối vi kỳ,  
Nhâm Quý tương phùng vốn không nên,  
Nếu phùng mộc hỏa đến tương trợ,  
Xem thử phúc thọ cùng trời cao.*

Đây vốn là luận thu kim, tại sao ở đây lại đề cập lần nữa chứ? Tôi nghĩ rằng tại sao tốt nhất là có Quý thủy trả lời. Bởi vì Quý thủy sinh ở tháng Thân nhân rất rõ ở trong hiện thực ai là trọng yếu nhất, vì chỉ có bảo hộ xu thế lớn, Quý thủy sẽ phấn đấu quên mình. Xã hội hiện đại tôi đụng đến người Quý thủy ở tháng Thân là còn rất ít, trong mắt của tôi chỉ có một mình Gia Cát Lượng trong lịch sử. Gia Cát Lượng có nói một câu rất nổi tiếng là "*Cúi mình khom lưng, chết mà sau dưng*". Ở chỗ này cùng luận Quý thủy tháng Thân, chi bằng là nói Canh kim ở tháng Thân, cho nên khí số cùng Canh kim là một dạng, dụng Giáp mộc và Đinh hỏa.

*VD 4, Càn tạo: Tân Dậu - Bính Thân - **Quý Dậu** - Tân Dậu*

Tháng 7 Quý thủy dụng Đinh Giáp, tạo này Bính thấu ra, bị chỗ Tân đoạt, hỏa lực quá ít, là kim đa thủy trợ, kết quả là một bản tăng.

*Cửu nguyệt Quý thủy Giáp Quý Tân.*

Tháng 9 khí hỏa thổ tảo, bản thân Quý thủy phải lấy nhược luận, lúc này Quý thủy kỳ vọng có Giáp đến phá thổ, thấy Quý đến giải tảo, lại có kim phát nguồn thủy, Quý thủy liền có thể yên ổn. Cho nên, khí số Quý thủy ở tháng 9 là Giáp Quý Tân. Tháng 9 chỗ Quý thủy lo là thân thái nhược, thân cường thì là một loại cục diện khác.

*Thập nguyệt dụng Tân Đinh kỵ kiến,*

Tháng 10 kiến Hợi, Quý thủy nhiều biến hóa. Đầu tiên, tháng 10 Quý

thủy xem như rất cường, thực tế là trong vượng có nhược, lý do là trong Hợi có ám tàng Giáp mộc được Trường sinh, trạng thái Giáp mộc là tốt nhất, Giáp mộc tùy thời đều có thể tiết hao nguyên thần Quý thủy. Dụng Tân chế Giáp khiến cho Quý thủy được yên ổn nhất, Tân kim là khí số thứ nhất. Vừa phải dụng Tân, thấy Đinh thì là đại kỵ. Trong Quyết có đề xuất Tân kỵ thấy Đinh mà không dụng Canh, một là muốn nhân mạnh tính trọng yếu của Tân, hai là không làm cho Giáp mộc sinh trưởng quá nhanh, đây đều là chỉ có bảo hộ lợi ích cho Quý thủy, là đứng ở góc độ của Quý thủy mà nói. Vạn nhất trong cục có Hợi Mão Mùi thành cục, thiên tính của Quý thủy tòng nhược lại được dẫn phát. May mà Quý thủy có năng lực thuận thế cường, cho dù là tòng nhược, Tân sinh Quý nhược vẫn cứ khả dụng. Ở trên một điểm này, cũng những thiên can khác tòng nhược là có phân biệt rất lớn.

*VD 5, Càn tạo: Quý Mão - Quý Hợi - **Quý Sửu** - Quý Hợi.*

Tháng 10 Quý thủy, thấy Hợi Mão mộc bản khí vượng, bắt đặc dĩ không có hỏa thổ chế thủy, cũng không có Tân kim ức mộc, kết quả là thủy dần dần khô, mộc không tốt. Tài Quan mất hết, là người phổ thông.

*VD 6, Càn tạo: Nhâm Thân - Tân Hợi - **Quý Hợi** - Nhâm Tý.*

Giáp mộc trong Hợi có Tân kim ức chế, Quý thủy được Tân phát nguồn thủy, tạo này trái lại là một tiến sĩ. Từ hai tạo ở trên mà xem, có thể thấy tháng 10 Quý thủy bất luận là Quý thủy cường hay nhược, được Tân thấu thiên can là khá tốt, cho nên Tân là khí số thứ nhất. Những biến hóa khác quá nhiều quá phức tạp, nhưng nắm chắc khí số thứ nhất nói chung là có ích mà vô hại.

*Đông Tịch Quý thủy chuyên dụng Bính.*

Trước đã nói qua Đông nguyệt (tháng 11), Tịch nguyệt (tháng 12) Quý thủy thấu ra thiên can là có nguy hại, đã gặp nguy hại gì chứ? Tháng 11,12 nếu như Quý thủy không có Bính hỏa giải băng hàn thì chính là băng tuyết phủ đầy mặt đất. Quý thủy xuất can rất dễ dàng thương hại Giáp, Giáp mộc đại biểu cho tất cả mọi vật sinh trưởng,

Quý thủy làm đóng băng Giáp, vật sinh trường sẽ không phát triển trái lại là thụ thương. Cũng chẳng trách 《 **Trích Thiên Tủy** 》 Luận Giáp mộc nói: *Giáp mộc tham thiên, Thoát thai yếu hỏa*. Tháng 11,12 Quý thủy dụng hỏa điều hậu, thủy không đến nổi đóng băng. Cũng có một tình huống thấy hỏa cũng không nhất định là chuyện tốt, đó chính là Quý thủy tháng 12, thông thường là ở trạng thái đóng băng, băng là trong sáng, thanh bạch. Vừa thấy Thái dương, băng hóa thủy cùng Kỷ thổ ở trong Sửu hỗn thành một đoàn, biến thành thấp nê, nếu Quý thủy là Thực Thương, lời nói người này sẽ thác loạn, sẽ sinh thị phi. Là khí số mà nói, Bính hỏa là yếu tố thứ nhất, nhưng mà nói theo kết quả tổng thể, tháng 11,12 Quý thủy cũng cần phải xem xu thế lớn, thuận thế mà làm so với hoàn thiện khí số là trọng yếu hơn.

**Đệ ngũ thiên: Hợp Mậu nên kiến hỏa, Hóa khí là chân tung**

**Quý thủy hóa Tượng.**

*Quý thủy chí nhược, đạt đến thiên tâm.*

*Đắc Long nhi vận, công hóa tư thành. . . . ,*

*Hợp Mậu kiến hỏa, hóa tượng tư chân.*

Quý là tinh hoa trong thủy, ở bên trong thân thể con người chủ thận khí, thận khí là gốc Tiên thiên, công năng chủ yếu là bang trợ khí hoá thủy (hơi nước) ở Hậu thiên, Quý thủy đối với hóa khí tình có duy nhất. Thực tiễn chứng minh Quý và Mậu hợp, hóa thành khá là dễ dàng. Đúng như 《 **Thập Đoạn câm** 》 có một câu nói luận Quý thủy hóa tượng là: *Quý tòng Mậu hợp, hóa hỏa đương lâm*. Ý là Quý thủy cùng Mậu thổ thấy hỏa là hóa.

《 **Thập Đoạn câm** 》 viết:

*Quý tòng Mậu hợp, hóa hỏa đương lâm.*

*Bính nội tàng Tân, cả đời đa thành đa bại;*

*Trong Giáp ẩn Kỷ, cả đời lao碌 lao tâm;*

*Thương khố phong thịnh, vui phùng Đinh hỏa;*

*Điền tài giàu có, hi được Canh kim.*

*Quan tước vinh thăng, liên miên kiến Ất;*

*Giữ Tài phú quý, trên dưới phùng Nhâm;*

*Tài nguyên được mất, đều do Tân kim thái vượng;*

*Đừng quan lận đận, bởi vì Kỷ thổ tương xâm.*

Lúc Mậu Quý chân hóa, hỏa là Thể tượng, người này tất có văn minh lễ mạo, nho nhã lễ độ. Trong thực tiễn cũng có thể dụng đặc trưng tính cách của người này để kiểm nghiệm Mậu Quý hợp trong bát tự của hần, lúc này là có chân hóa hay không. Bởi vì Quý tông Mậu hóa khá dễ dàng, cho dù ở trong bát tự không phải là chân hóa, đại vận lưu niên thấy hỏa cũng có lúc hóa thành, chỗ này cùng những thiên can khác hóa tượng có chỗ khác nhau.

Hóa thần Mậu Quý là hỏa, thấy thiên can có Bính Tân Giáp Kỷ, thông thường mà nói là không cát. Nguyên nhân là: Bính Tân hóa thủy, Giáp Kỷ hóa thổ. Tân và Kỷ thổ là bất lợi cho Mậu Quý hóa hỏa là bởi vì: Tân là hoá thân vũ tuyết băng sương, trợ thủy, dễ dàng khiến cho Quý thủy bồn cuồng. Kỷ thổ là mây, che ánh sáng Nhật Nguyệt, có tổn hóa thần. Nhưng Bính hỏa thấy nhau cũng không phải là không cát, bởi vì Bính là hỏa, chỉ cần ở trong trụ không thấy Tân, hoặc là cùng Tân có ngăn cách, Bính vẫn cứ là khởi tác dụng tốt. Chỉ qua là lúc Giả hóa, thì phải chú ý Bính hỏa cũng có thể mời xuất ra một Tân kim, nhân tố bất lợi tồn tại ám tàng. Cho nên **《Thập Đoạn cấm》** nhắc nhở chúng ta nói: *Bính trong tàng Tân, cả đời đa thành đa bại; trong Giáp ẩn Kỷ, cả đời lao碌 lao tâm.*

Đinh Nhâm hóa mộc, Ất Canh hóa kim, trên lý luận là có trợ giúp cho Mậu Quý hóa tượng, nhưng trong hiện thực bát tự là thiên biến vạn hóa, hóa tượng cũng có lúc chân lúc giả. Nhâm thủy cuộn cuộn, rất dễ dàng phá hư Quý thủy thuần khiết, trong thực tiễn phát hiện Mậu Quý hợp thấy Nhâm thủy nhiều là không có cát. Nguyên nhân ở trong, đa số là Giả hóa, cũng có Canh kim xuất hiện, Canh kim trước là phá hư Đinh Nhâm hợp, mà không có cơ hội hóa mộc, không chỉ

không trợ giúp cho hóa thân Mậu Quý, trái lại Nhâm thủy trở thành đại kỵ thần khắc chế Mậu Quý hóa thân. Hoặc có rất nhiều bát tự Mậu Quý chân hóa không kỵ Nhâm thủy, đợi độc giả ở trong thực tiễn đi tìm mà nhận thức.

Tân Tị - Mậu Tuất - **Quý Tị** - Nhâm Tý.

Ở trên mạng là trời cao biển rộng, đủ các loại hạng người. Một ngày có một vị tự xưng là bạn dịch đã nghiên cứu bát tự nhiều năm hỏi tôi bát tự này có Mậu Quý hợp là chân hóa hay là giả hóa. Tôi hỏi là nam hay là nữ? Hắn nói là nam. Tôi đem ngũ hành trụ giờ xem thường, năm tháng và ngày có thể quyết định cách cục tổng thể cho bát tự. Coi thường hoặc là không xem trụ giờ, tạo này rõ ràng Mậu thổ vượng thấu, hơn nữa hỏa lực sung túc, tôi khẳng định liền nói, đây là bát tự chân hóa. Anh ta lại hỏi làm sao thấy được là chân hóa chứ? Tôi nói người này tạo nghệ rất cao, chủ yếu thành tựu có liên quan cùng tượng hỏa văn minh, bất luận ở luồng khí kim nào cũng nhất định là danh nhân. Đối phương nói tôi xem không sai, là một nhà danh họa ngoại quốc, cả đời hết sức thành tựu. Anh ta tiếp tục hỏi, cuộc sống ái tình của bọn họ như thế nào? Tôi nói Mậu Quý hợp, già phối trẻ, về già ở vận hạn Nhâm Tý, có tổn hóa tượng. Hình tượng cuộc sống ái tình cao quý lúc về già đối với mệnh chủ là một phá tổn.

Quý tông Mậu hóa, đại hi Át mộc và Đinh hỏa, chỗ này ở trong hiện thực không khó gặp phải. Át sinh Bính Đinh, gió trợ thế hỏa, đối với Mậu Quý hợp hóa khí bang trợ là rất nhanh chóng. Bất luận là chân hóa hay giả hóa, Át Đinh đều có lợi cho hóa tượng.

Cuối cùng gần đây tôi có bình qua một ví dụ:

Nữ sinh ngày 19 tháng 7 năm 1982 DL, giờ Ngọ. Sinh ra ở tỉnh Tứ Xuyên huyện Doanh Sơn.

*Khôn tạo:* Nhâm Tuất - Đinh Mùi - **Quý Mão** - Mậu Ngọ (Thìn Tị không)

*Đại vận:* Bính Ngọ, Át Tị, Giáp Thìn, Quý Mão, Nhâm Dần, Tân Sửu,

Canh Tý, Kỷ Hợi.

4 tuổi khởi vận.

Nạp âm trụ năm Đại Hải thủy thấy trụ tháng là Thiên Hà thủy, là thủy thông Thiên Hà, có thể tiến vào đô thị lớn công tác.

Chỗ ở lúc sinh ra phương xa có một nhánh sông cạn, chỗ gần có miếu tự thờ Phật hoặc là chốn hương hỏa thịnh vượng.

Cấp số ngũ hành: Thổ 4+1, hỏa 4+1, mộc 2, thủy 2+2, kim 1+1.

Ất mộc trong Mùi giữ lệnh, Quý thủy vô căn, tất tòng thế. Có Mậu Quý hóa hỏa, có hỏa trước luận hóa, không có hỏa có thể tòng thế cũng có đủ quý khí.

Thiên can mệnh cục thấy Đinh Nhâm, cơ bản làm cho nguyên cục có thể hóa, (hai cái nạp âm là thủy cùng tân ở trong Tuất là bệnh), Ngọ và nạp âm Sơn Đầu Hỏa ở trụ giờ cũng khởi tác dụng dẫn hóa, mà Mùi hình Tuất, khử mất Tân. Lúc hóa đắc chân thì siêu phàm thoát tục, danh công cự khanh, là quý mệnh.

Xem theo khí thế, Quý thủy tòng nhược, nhưng nguyệt lệnh chân thần Ất mộc khiến mệnh cục mộc thổ đều vượng mà giao chiến là bệnh, cần phải dụng hỏa thông quan, chi giờ Ngọ hỏa vừa đúng cũng khởi đến một tác dụng như vậy, một chữ đáng nghìn vàng. Nhu cầu thiên can bát tự hóa khí là hỏa cùng địa chi dụng hỏa thông quan là nhất trí nhau, là chỗ quý khí khó có được, đồng thời cho thấy mệnh chủ là người cũng là trước sau như một, có thể đem cá nhân truy cầu cùng đem thời thế kết hợp nhau, tồn tại lý tưởng cao quý, khắc sâu thế giới quan, nhân sinh quan, trong lòng rộng rãi, tư tưởng siêu thoát, nhân duyên tốt, hài hòa.

Mệnh mang Hoa Cái, bản thân đối với văn hóa thần bí Dịch học có cảm giác là hứng thú.

+ Dụng thần Hóa khí: Đinh, Canh, Ất, Nhâm. Kỵ thần: Bính, Tân, Giáp, Kỷ.

+ Dụng thần Khí thế: Hỏa. Tối kỵ: Thủy, kim.

Kỵ Ân mà không thấy Ân, đi học rất thông minh, bằng cấp cao, hoặc có từ nghiên cứu sinh trở lên.

6 tuổi bắt đầu đại vận Bính Ngọ, Bính là kỵ thần hóa khí, là Giả hóa, mệnh cục nên lấy tông thế xem. Hỏa có thể thông quan, khiến cho mệnh cục tông thế thành công cùng giải trừ bệnh, lấy cát đoán. Nhưng nạp âm là Thiên Hà thủy, nói chung trong cái đẹp là chưa đủ. Bính đoạt Đinh quang, Đinh là Tài là cha, cha ở chữ Bính có 5 năm bất lợi, 5 năm chữ Ngọ cha tốt. Hơn nữa vận hành này có Quý tông Mậu hợp hóa hỏa, hành hạn chữ Tuất (9 đến 16 tuổi) trong có Tân kim, đi học hoặc có điều bất thuận. Nói chung, vận Bính Ngọ toán là tiểu cát.

Đại vận Ất Tị, hợp hóa thành công, mệnh chủ thoát thai hoán cốt. Ở nhà trường còn có thể làm cán bộ, thành tích học tập càng thêm đột tiến, nhiều Quý nhân. Nhất là địa chi Tị Ngọ Mùi tam hội hỏa cục, vận này thi đại học danh tiếng (ví dụ như bắc đại) không là vấn đề, hỏa chủ văn khoa, khả năng chuyên nghiệp là kinh doanh tiêu dùng, tài vụ, loại quản lý chuyên nghiệp, học tập nghiên cứu cũng không phải là vấn đề.

Đại vận Giáp Thìn, 5 năm Giáp mộc, Giáp là ẩn Kỵ, mệnh cục khó hóa, tông thế lại có mộc thổ giao chiến, may là ở bản thân có Ngọ hỏa thông quan. Hơi kém hơn vận trước, toán là bình thường. Giáp mộc khắc Mậu thổ Quan tinh, Mão Thìn xuyên, luyện ái có chút bất thuận, nhưng bản thân là một cô con gái rất coi trọng tình cảm, mệnh không có ly hôn.

### ***Quả Lão 12 cung***

Thái dương ở Mùi, Mệnh lập cung Thìn, Phụ mẫu cung được Thái Dương chiếu hóa, năng lực cha mẹ không tệ. Kết hợp bát tự, Tài là dụng đắc Lộc ở chi giờ, Ân là kỵ nhưng không thấy, lúc cha mẹ hiển quý.

Tài Bạch cung được Thiên Ất quý nhân lớn nhỏ, Tài vận tương đối rất tốt (kết hợp bát tự), Tướng mạo cung được Thiên Ất quý nhân lớn nhỏ, bát tự Quý có điều khắc có xiết, dáng vóc tướng mạo đều tốt, là

vị trí mệnh chủ tú khí, lại có khí chất mỹ nữ. Mệnh cung được kẹp Quý nhân, quý nhân rất nhiều, cũng là tượng trưng cho quý mệnh.

### ***Vận trình Lưu niên:***

Năm 2006 Bính Tuất, 24 tuổi vận chuyển Giáp Thìn, mộc sinh hỏa vượng, Bính hỏa trợ hóa, năm này trên công tác hoặc học nghiệp có đột phá trọng đại. Năm đó là Đại hao tinh nhập mệnh, nửa năm sau thì có hao tổn. Năm 2006 đến 2007 trên tổng thể là tài khí không tệ, chính là ở trên tình cảm hôn nhân có chút phong ba, chuyện không thành mà bỏ lại nuôi tiếc.

Năm 2007 Đinh Hợi, là có tốt có xấu, Đinh hỏa đến có trợ hóa tượng, công tác hoặc học nghiệp thượng cát; nửa năm cuối Hợi xuất hiện, Quý thủy trường căn, có tượng phá tài hoặc là bất lợi, nhưng cùng mệnh cục tam hợp mộc cục mà sinh Đinh hỏa, chuyện xấu biến thành tốt, năm này còn có khả năng thành hôn.

Năm 2008 Mậu Tý, trụ ngày thiên hợp địa hình, có đào hoa mà kết quả có điểm bất thuận. Tý thủy xung Ngọ, trên công tác cũng có bất thuận hoặc phá tài.

Năm 2009 Kỷ Sửu, Thái Âm, Câu Giao xuyên cung, Thái Âm, Câu Giao áp vận, Thái Tuế quản lưu niên, tình cảm có phong ba, khả năng có hôn sự, trên sự nghiệp cũng cần phải đề phòng tranh tụng khẩu thiệt. Tứ khố đủ, xung chi năm tháng, công tác có hướng động.

Năm 2010 Canh Dần, đại cát, Canh bổ mộc sinh hỏa, Dần Ngọ Tuất hợp hỏa cục, sự nghiệp tài vận tốt.

Năm 2011 Tân Mão, trước xấu sau tốt, Tân sinh thủy phản nghịch tòng hóa, công tác bất thuận; Mão hợp Tuất hóa hỏa, lại trợ hóa tượng, tình huống là từ xấu biến tốt.

### ***Tình cảm hôn nhân:***

Nữ mệnh có Quý thủy, thông thường rất thích bạn trai lớn tuổi hơn mình. Nữ nhân Quý thủy hôn nhân muộn, kết hôn sớm dễ dàng bị lừa. Chi của bạn tọa Mão, đại biểu phu cung của bạn. Năm 2004 khởi

liên tục bị quấy nhiễu trên vấn đề hôn nhân. Trong đó, năm 2005 có hiện tượng xung vào phu cung, đương nhiên hôn nhân sẽ có trắc trở, hơn phân nữa là có kết cục không tốt. Năm 2006 Mão Tuất hợp, hẳn là có hiện tượng yêu đương. Tình huống thông thường, năm 2006 hoặc 2007 là ứng kỳ hôn nhân, nhưng tính toán không thành. Năm 2008 Mậu Tý, là năm Đào hoa, nhưng không phải là đào hoa tốt, có thương cảm. Năm nay Kỷ Sửu mang tam hình, trên hôn nhân sẽ không quá tốt. Hoàn toàn muốn yên ổn phải tính đến năm 2011. (Mệnh chủ trả lời đoán rất chuẩn! ).

### ***Đệ lục giảng: Hoặc phúc cũng hoặc quý, Can chi Lục Quý phối***

#### ***Can chi Lục Quý.***

+ Quý Sửu: Bắc phương Hợi Tý Sửu đều là đất thủy vượng, Quý thủy quy đàn, tọa khố thông căn, người tú khí. Trụ ngày Quý Sửu, tọa dưới Sát Ấn sinh Tỉ kiên, lợi cho anh em trai. Phí sức mà không có ân huệ, lao đao bốn ba. Nạp âm là mộc, là Tang chái mộc ở bờ đê.

Quý Sửu là ngày Cây dâu che bóng mát, lâm Quan đái, chi tọa Thiên Quan, Ấn, Tỉ kiên.

#### ***Có thơ viết:***

*Sắc dâu mọc đầy nơi ao đầm,  
Tháng hai gió xuân hoa Liễu bay.  
Chớ trách núi vận đến chậm,  
Can qua ảnh lý là Bích ngọc.*

Tháng Ngọ, xung, Tài vượng, phúc. Tháng Mùi, chủ quý. Tháng Tý, hợp, công danh hiển đạt. Tháng Sửu đường quan khác thường. Tháng Dần Mão, Thương Thực vượng, cuộc đời làm kỹ nghệ. Tháng Tị Ngọ lợi đường kinh thương. Tháng thổ tứ quý, bình bình, tàn tật. Tháng Thân Dậu, khoa tràng công danh. Tháng Hợi Tý, nghìn dặm quyết chiến.

+ Quý Mão: Khí thế can chi nằm ở thủy mộc tương sinh, tọa Trường sinh, ngày Nhật quý, Thực thần thổ tú, chủ người thông minh tài trí.

Nữ mệnh Quý Mão, sinh tử đi học có thành tựu. Nạp âm là kim, hư bạc, nhưng có thể tiếp nạp kim khí.

Quý Mão là ngày Thiên tư văn tú, lâm Trường sinh, chi tọa Thực thần.

**Có thơ viết:**

*Học đường Từ quán Quý nhân mệnh,  
Thiên tư văn tú người đa tình.*

*Rất thích tam tinh cùng củng chiếu,  
Thi ca vui quan nổi tiếng thanh.*

Tháng Tý, hình, không lễ đức, đối với vợ bất lợi, nhưng từng bước đi lên. Tháng Sửu, quý hiển. Tháng Dần, cả đời gian nan. Tháng Mão, cả đời giàu có. Tháng Thìn, tài bạch phong phú, khó nương tựa cha mẹ. Tháng Tị, phú mà có tật. Tháng Ngọ, tài thịnh. Tháng Thân, dòng dõi nho gia. Tháng Dậu, đao bút thành danh, xung, yên ương ly hợp. Tháng Thổ tứ quý, chủ quý. Tháng Hợi, danh lợi song toàn.

+ Quý Tị: Khí thể can chi biến hóa rất lớn, kim vượng có thể sinh thủy, hỏa vượng có thể hóa hỏa. Trụ ngày Quý Tị, thân tọa Chính Quan, Chính Ấn, Chính Tài, Tài Quan Ấn liên tục tương sinh, tuần hoàn thanh chính, chủ cao quý, phú quý hoặc thanh quý, thân thể khỏe mạnh có tiền, cuộc sống giàu có. Nữ mệnh Quý Tị, lấy chồng quý phu. Quý Tị nạp âm là Trường Lưu thủy, có thể trợ thân đảm nhận được Tài Quan.

Quý Tị là ngày Ráng màu ngọc bội. Lâm Thai, chi tọa Chính Tài, Chính Quan, Chính Ấn, Dịch Mã, Văn tinh.

**Có thơ viết:**

*Quý nhân Ngọc Đường đến bái tướng,  
Ao đầm tuôn chảy tốt văn chương.*

*Võ sĩ nhẩy ngựa đi khắp nơi,  
Vương công Hoàng hậu tựa bình thường.*

Tháng Tị, Tài Quan song mỹ, thi thư cầm họa. Tháng Ngọ, trung niên đại phú. Tháng Thân Dậu, cả đời vất vả, thâu Quan. Tháng Sửu, tú khí. Tháng Thìn, sơn minh thủy tú, cuộc đời mỹ nữ.

+ Quý Mùi: Có khí thể táo thổ phùng thấp, tọa dưới có Thực thần sinh Tài, Tài sinh Sát, bởi vì tọa Thiên Tài, Thất Sát, cho nên mệnh nam nữ phùng Quý Mùi, đa số là trùng hôn, nhưng nam nữ đều xinh đẹp, ái tình chuyên nhất. Quý Mùi nạp âm là Dương Liễu mộc, sinh mùa xuân hạ dễ dàng phát đạt.

Quý Mùi là ngày Quý nhân ngọc bội. Lâm Mộ, chi tọa Thiên Quan, Thiên Tài, Thực thần.

**Có thơ viết:**

*Nhật lâm Quan khố mệnh làm tướng,*

*Nam tử anh dũng nữ quý vinh.*

*Tây phương nhất khứ phúc lộc địa,*

*Hoa viên thúy đình mã bất hành.*

Tháng Tý, thanh vân đắc lộ, quý. Tháng Sửu, ám quý xung thương, hôn nhân có biến. Tháng Dần, tú quý, cả đời thuận lợi. Tháng Mão, vũ chức bình thường. Tháng Thìn, phú mà còn tú quý. Tháng Tị, phú nhưng có phế tật. Tháng Mùi, nam nữ đều không có con cái, bệnh liệt dương. Tháng Thân Dậu, văn tự sinh phát. Tháng Hợi, tài phát.

+ Quý Dậu: Khí thể can chi nằm ở kim thủy tương sinh, nạp âm là Kiếm Phong kim, kim luyện thành khí, vượng khí ở kim. Quý thủy tọa Thiên Ấn, ngày Kim thần, bên ngoài nhu hòa, bên trong âm độc. Rất mưu kế, có tiền nhưng rồi cùng mất tiền.

Quý Dậu là ngày Thiên phúc, lâm Bệnh, chi tọa Thiên Ấn.

**Có thơ viết:**

*Công danh rộng mở khởi một phương,*

*Một xung một hợp khác dị thường.*

*Giang hồ hoa tửu an hưởng phúc,*

*Đi Nam núi cao thế chớ cản.*

Tháng Hợi, cuộc sống toại tâm, phong lưu. Tháng Tuất, bình thường, đa mưu túc trí. Tháng Dậu, được tổ nghiệp, phá tài. Tháng Thân, Ấn vượng, văn chương xuất sĩ. Tháng Dần, cuộc sống kỹ nghệ. Tháng Mão, xung, phá Ấn, đại phú. Tháng Tị, phú thương. Tháng Ngọ, người

làm ăn mua bán. Tháng Thân Dậu, kim thủy tương hàm, văn tú. Tháng Tý, phá Ấn, mất lộc, mệnh bình thường.

+ Quý Hợi: Khí thể can chi thành nước biển gợn sóng. Ngày Huyền Vũ, tọa Nhận, thích độc đoán chuyên hành, võ tướng không tốt, nam mệnh bất lợi cho vợ. 《 **Ngọc Tiêu bảo giám** 》 nói: Quý Hợi, đủ số thuần dương, người rất nhân từ, tư chất phóng khoáng, chí khí hiên ngang, phát công danh sự nghiệp, ngày giờ mang Sát, là loại xảo hung.

Quý Hợi là ngày Thiên Môn treo sắc, lâm Đế vượng. Chi tọa Thương quan, Kiếp tài, Dịch Mã.

### **Có thơ viết:**

*Trên Cửu Hoa sơn mở Thiên môn,  
Nhật hành đông phương hoa tựa biển.  
Nếu đi tây phương Côn Lôn địa,  
Tướng sĩ biên cương nhớ cố quốc.*

Tháng Mùi, hợp mộc, quý, chết ở bên ngoài quê hương. Tháng Tý, vợ ly dị, tài chia tay. Tháng Hợi, Kiếp tài, cả đời không có chính nghiệp, tán nghiệp. Tháng thổ tứ quý, có thành tựu, quyết chiến sa trường. Tháng Dần Mão, kinh doanh tập đoàn tài chính, hoặc nghệ danh nơi chân trời. Tháng Tị Ngọ, đại phú. Quý Hợi, mệnh bạc, đa số bản tiện.

## **Đệ thất giảng: Quý có bao nhiêu chuyết, ở hết trong hoa như**

### **Quý thủy hoa như.**

Quý thủy thuộc âm, là tinh hoa trong thủy. 《 **Cùng Thông bảo giám** 》 có viết: *Dương thủy thân nhược chủ cùng, âm thủy thân nhược chủ quý.* Dương thủy tức là Nhâm thủy, bản chất Nhâm thủy là phải lưu động, thủy quá ít chảy đi không vui sướng. Cho nên, Nhâm thủy nhiều mà vượng là tốt. Quý thủy là tinh hoa ở trong nước, ít mà tinh, tinh thì quý. Quý thủy quá nhiều quá vượng thì sẽ lưu động, loại này Quý thủy sẽ mất đi bản tính, đoán kỳ cát hung, chỉ lấy Nhâm thủy

mà luận hỉ kỵ.

Quý thủy thích Mậu Quý hợp, Mậu Quý hợp, già phối trẻ, nhân mệnh được, chuyện tình cảm cùng người bình thường là có phân biệt. Lại gặp Bính Tân, đa số là thâm tình dưới ánh trăng. Ở lúc Mậu Quý hợp, mặt tốt là đôi bên đều rất mãn nguyện, mặt không tốt là có tổn thương Quý thủy, Quý thủy bị nấu khô cạn, dẫn đến thân thể suy sụp, thường là có quan hệ trực tiếp cùng Mậu Quý hợp.

*Nhâm Quý vượng mà Bính Đinh nhược, đôi mắt mờ lung.*

VD 1, Nhâm Ngọ - Quý Mão - **Mậu Dần** - Nhâm Tuất.

Trước đây sư phụ tôi có đoán bát tự này, nói tương lai rất cần chú ý đôi mắt, nhất là ở các năm Nhâm Thân, Quý Dậu. Không ngờ năm Nhâm Thân bệnh đau mắt, năm Quý Dậu đau mắt một con. Nguyên nhân là ở trong trụ nhiều Nhâm Quý, hỏa bị khắc. Đôi mắt đau mắt một con nhất định vẫn có liên quan đến Quý thủy. Tạo này Quý thủy tọa Mão, hợp Tuất, Quý thủy dễ dàng bị nấu khô cạn.

Sau này, tôi học đoán một bát tự giống như vậy.

VD 2, Nhâm Dần - Quý Sửu - **Mậu Thìn** - Nhâm Tuất.

Quả nhiên năm Thân Dậu phạm bệnh về mắt. Trong trụ ở VD 2 không có rõ hỏa, tình huống so với VD 1 nhẹ hơn rất nhiều. Hai tạo này đều có Mậu Quý hợp, đôi mắt không tốt, Quý thủy thụ thương là một nguyên nhân ở trong đó.

VD 3, Nhâm Dần - Quý Sửu - **Quý Dậu** - Nhâm Tuất.

Tạo này không có Mậu Quý hợp, Quý thủy không tổn thương, người này đôi mắt không có việc gì.

*Quý Bính tương giao, thiếu niên khó tránh hỏa ách.*

VD 4, *Khôn tạo*: Bính Thìn - Quý Tị - **Mậu Dần** - Mậu Ngọ.

Nữ này thông minh hơn người, tiếc là lúc thiếu niên phạm tai họa thủy hỏa, khuôn mặt đầy vết sẹo.

*Thấp mộc thương Đinh, tai lớn mà phúc lớn dày.*

VD 5, *Càn tạo*: Quý Sửu - Giáp Dần - **Đinh Sửu** - Kỷ Dậu.

Năm Mậu Tý, lúc tôi công tác ở Bắc Kinh, mệnh chủ này rất thận trọng tìm tôi xem bát tự, ban đầu hẳn chẳng nói câu gì, tôi xem hẳn

là Đinh hỏa ở hàn xuân, Giáp mộc là căn nguyên Đinh hỏa, Giáp mộc không thể thiếu, nhưng Quý thủy kè gần, kết quả là thấp Giáp thương Đinh. Tôi hỏi hẳn phải chăng là có trải qua đau khổ cực độ, hơn nữa cha mẹ anh chị em đều bất thuận? Hẳn thấy tôi nói đúng hợp lý, liền kể ra không dứt về chuyện đau khổ gia đình của mình, vốn hẳn là gia đình ở trong khu vực động đất. Tôi nói cho hẳn biết, bạn nên rời xa gia đình để lập nghiệp, như vậy thì về sau này bạn sẽ có phúc rất lớn. Hẳn nói năm 1997 có đi về phương nam, mấy năm này trên kinh tế là có chuyển tốt, hiện tại muốn đi ra nước ngoài làm việc, xem ra đây là có thể được. Tôi nói phúc khí của bát tự này bao nhiêu, phải xem trước đây có tai nạn nhiều hay ít, nhất là tai nạn của gia đình. Hẳn nói cho tôi biết, nhà của hẳn toàn bộ đều gặp nạn.

*Quý Hợi trọng phùng,  
Căn thận ngã thương,  
Một Mậu hai Quý,  
Thiết kỵ nóng lòng.*

Bát tự gặp nhiều Quý Hợi tốt nhất là thành cách, tông thế Nhuận hạ đều tốt. Nếu không, thì Hợi Hợi tự hình, khiến cho Quý thủy động dăng bất an, kết quả đa số đều có thương tai, nhẹ thì có khổ ngã thương. Tuế vận cùng bát tự trùng điệp đều thuộc về nhóm này.

Mậu Quý hợp vốn là một đôi tổ hợp cực tốt, nhưng mà, nếu như lại thấy có một Quý thủy, chính là 2 Quý hợp Mậu, 2 Quý hợp Mậu là một loại phá hư đối với tổ Mậu Quý hợp. Lúc này, mệnh chủ đa số là có chuyện phiền lòng, tâm tình nhiều biến động, nếu không khống chế thì khả năng sẽ phát sinh thị phi, bất luận là nam hay nữ đều sẽ bị tâm phiền ý loạn, người trẻ tuổi sẽ còn có phát sinh chuyện ẩu đả đánh nhau, người có nhật nguyên Mậu thổ càng ứng nghiệm.

Tác giả ở lúc nghe bài ca kết thúc nội dung chủ yếu của quyển sách này, (kịch bản trên truyền hình) chủ đề bài ca « **Tam Quốc diễn nghĩa** » là chỗ tác giả rất yêu thích nghe ca khúc này. Ngày hôm nay,

càng có cảm giác rất yêu thích, khắc sâu lời ca. Dưới đây là ca từ, mọi người nhìn thử ở trong đó có bao nhiêu từ ngữ có liên quan đến Quý thủy?

*Thủy Trường giang cuộn cuộn về đông,  
Cánh hoa Đào dâng tặng anh hùng.  
Thị phi thành bại chuyển đầu không.  
Núi xanh vẫn như cũ, mây độ ánh tà dương.  
Tóc bạc ngư tiêu trên cồn cát,  
Quen nhìn trăng thu cùng gió xuân.  
Một bầu rượu đục thích gặp nhau,  
Chuyện xưa nay nhiều ít,  
Đều giao trong truyện cười.*

(**Gợi ý:** Gió xuân loại hóa là Giáp Dần)

**(Hết)**